

Agatha Christie®

ÁN MẠNG TRÊN CHUYẾN TÀU TỐC HÀNH PHƯƠNG ĐÔNG

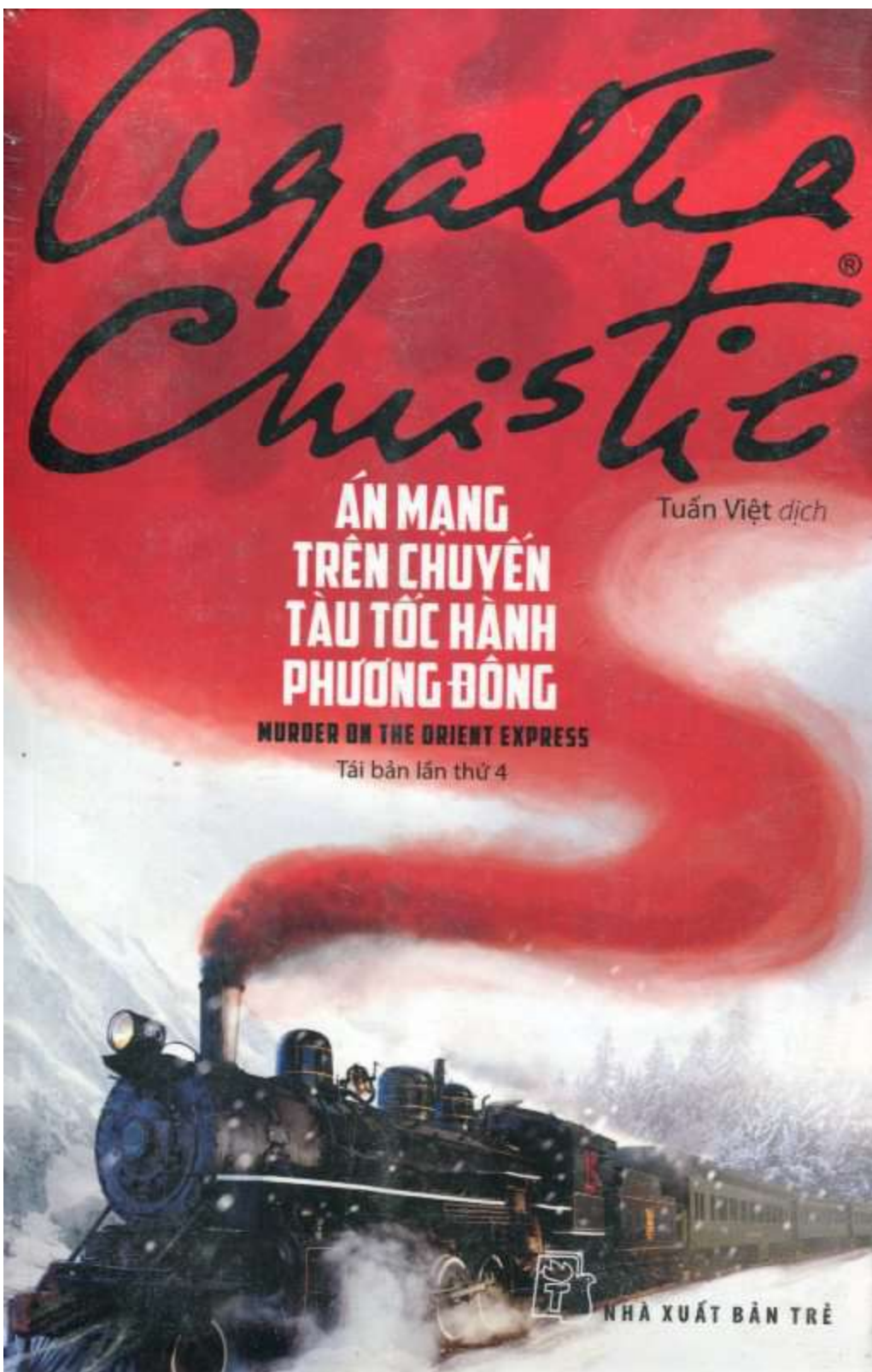
Tuấn Việt dịch

MURDER ON THE ORIENT EXPRESS

Tái bản lần thứ 4



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ





Hercule Poirot #10

ÁN MẠNG TRÊN CHUYẾN TÀU

TỐC HÀNH PHƯƠNG ĐÔNG

Murder on the Orient Express (1934)

Tuấn Việt dịch



PHẦN 1

CÁC SỰ KIỆN



CHƯƠNG 1

Hành khách quan trọng trên tàu tốc hành Taurus Lúc ấy là năm giờ, một sáng sớm mùa đông ở Syria.

Nằm dọc sân ga Aleppo là đoàn tàu được giới thiệu hoành tráng trên các tờ hướng dẫn ở nhà ga là “Tàu tốc hành Taurus”.

Tàu bao gồm nhà bếp, toa ăn uống, toa nằm và hai toa địa phương.

Bên bậc thang dẫn vào toa nằm có một viên trung úy trẻ

người Pháp trong bộ quân phục bánh bao, đang trò chuyện với một người đàn ông gầy gò, nhỏ nhắn, nón chụp sâu đến phủ cả

hai tai, vì thế mà không ai thấy được gì ngoài chóp mũi ửng hồng và hai đầu ria để vênh ngược.

Trời rét buốt nên việc đưa tiễn một quý ngài không quen biết chẳng hề là một việc thú vị, nhưng Trung úy Dubosc vẫn thực thi nhiệm vụ một cách tận tụy. Những lời lẽ nhã nhặn tuôn ra từ

đôi môi của anh bằng một thứ tiếng Pháp lịch lãm. Chẳng phải là anh ta biết tất tột mọi thứ. Có những lời đồn đại, vốn đương nhiên phải có trong những trường hợp như thế này... Tâm trạng của Tướng quân - vị tướng của anh - cứ xấu đi hàng ngày. Và rồi

cái ông khách lạ người Bỉ ấy đã đến, hình như mãi tíu từ bên Anh. Một tuần lễ trôi qua - một tuần lễ căng thẳng đến kỳ lạ. Và rồi một số việc đã diễn ra. Một sĩ quan rất đáng kính bỗng dưng tự sát, một vị khác xin từ chức. Những khuôn mặt lo lắng chột mắt đi về âu lo, một số biện pháp quân sự dự phòng được nới lỏng. Và Tướng quân - viên tướng phụ trách Trung úy Dubosc -

bỗng trẻ ra đến mười tuổi.

Dubosc nghe lỏm được một mẫu đối thoại giữa ông ấy và người khách lạ - “Mon cher, ông đã cứu chúng tôi,” Tướng quân xúc động nói, bộ ria bạc tuyệt đẹp rung lên khi những lời này thốt ra. “Ông đã cứu văn danh dự của

Quân đội Pháp - Ông đã ngăn được một cuộc đổ máu! Tôi phải làm sao đây để cảm ơn ông đã nhận lời thỉnh cầu của tôi và đến tận chốn này?”

Người khách lạ (có tên là Hercule Poirot) đã trả lời nhã nhặn, trong đó có câu: “Tôi làm sao quên được ông đã từng cứu mạng tôi?” Rồi Tướng quân đáp trả bằng một câu nhã nhặn khác, nói rằng sự giúp đỡ trong quá khứ này chẳng có gì là đáng kể. Rồi ông nhắc nhiều hơn về nước Pháp, nước Bỉ, về vinh quang, danh dự và những thứ đại loại như thế mà họ choàng lên nhau một cách nồng nhiệt, và rồi cuộc đối thoại kết thúc.

Mặc dù đã nghe tất cả những lời lẽ đó, Trung úy Dubosc vẫn cứ thấy mù mịt. Nhưng anh được giao nhiệm vụ đưa tiễn ông Poirot lên tàu tốc hành Taurus và anh đã thực hiện việc này với tất cả sự nhiệt thành, sôi nổi của một sĩ quan trẻ đầy triển vọng công danh phía trước.

“Hôm nay là Chủ nhật,” Trung úy Dubosc nói. “Tối thứ hai ngày mai ngài sẽ có mặt ở Stamboul.”

Câu này anh ta không phải nói lần đầu. Những cuộc trò chuyện trên sân ga trước lúc tàu khởi hành thường là những điệp khúc lặp lại.

“Đúng vậy,” Poirot tán thành.

“Ngài sẽ nghỉ ở đó vài ngày chứ ạ?”

“Mais oui. Stamboul là một thành phố mà tôi chưa từng đặt chân đến. Nếu đi qua comme ça thì quả là đáng tiếc.” Ông cắn ngón tay đầy diễn cảm. “Chẳng có gì gấp gáp cả. Tôi sẽ ở đó làm khách du lịch trong vài ngày.”

“La Sainte Sophie rất đẹp đấy ạ,” Trung úy Dubosc nói, dù chưa hề thấy nơi đó.

Một luồng gió lạnh thổi rít dọc sân ga. Cả hai đều rùng mình.

Trung úy Dubosc len lén liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay. Năm giờ thiếu năm phút - chỉ còn năm phút nữa thôi!

E rằng người khách kia bắt được cái nhìn lén của mình, anh lại gọi chuyện tiếp.

“Mùa này rất ít khách du lịch,” anh nói, mắt hướng lên cửa sổ toa nằm ngay phía trên đầu họ.

“Đúng vậy,” Poirot tán thành.

“Hy vọng tàu Taurus không bị kẹt do tuyết!”

“Có chuyện đó nữa sao?”

“Vâng, có đấy ạ. Nhưng năm nay thì chưa.”

“Vậy thì hy vọng là không sao,” Poirot nói. “Thời tiết châu Âu được dự báo là xấu.”

“Rất xấu ạ. Ở Balkan tuyết rơi nhiều.”

“Cả ở Đức nữa. Tôi nghe nói vậy.”

“*Eh bien!*” Trung úy Dubosc vội nói, cố lấp đi cái khoảng lặng kế tiếp đang chờ chực diễn ra. “Tối mai vào lúc bảy giờ bốn mươi ngài sẽ có mặt ở Constantinople.”

“Vâng,” Poirot trả lời, tiếp tục câu chuyện miễn cưỡng. “La Sainte Sophie nghe nói là rất đẹp.”

“Tuyệt đẹp ạ, tôi tin là vậy.”

Trên đầu họ, màn cửa của một khoang trong toa nằm được vén sang bên và một thiếu phụ lộ đầu ra.

Mary Debenham ngủ rất ít kể từ khi cô rời Baghdad hôm thứ

năm trước. Cả trên chuyến tàu đến Kirkuk lẫn trong nhà nghỉ ở

Mosul và trên tàu đêm qua, cô chỉ ngủ gà gật. Giờ đây, quá oải vì cứ phải nằm gà gật trong cái nóng ngột ngạt của khoang tàu được sưởi ấm quá mức, cô nhồm dầy nhìn ra ngoài.

Đây chắc là Aleppo. Chẳng có gì để xem, dĩ nhiên rồi. Chỉ là một sân ga tù mù, vắng vắng đây đó tiếng cãi cọ inh ỏi và hung hăng bằng tiếng A-rập. Hai người đàn ông đứng dưới cửa sổ chỗ

cô, đang nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Một người là sĩ

quan Pháp, người kia là một ông nhỏ nhắn với bộ ria ketchup. Cô thoáng cười. Chưa từng thấy có ai chụp chiếc nón sâu như thế.

Ngoài kia hẳn rất lạnh. Cho nên họ mới sưởi đoàn tàu kinh khủng như vậy. Cô ra sức kéo cửa sổ hạ xuống chút ít, nhưng nó chẳng nhúc nhích.

Phụ trách toa tiến đến hai người đàn ông. Tàu chuẩn bị xuất phát, ông ta bảo thế. Quý ông nên lên tàu. Người đàn ông nhỏ

nhắn gờ nón ra. Một cái đầu hình trứng trông rất quái. Dù đang có những lo nghĩ riêng, Mary Debenham vẫn mỉm cười. Một gã đàn ông nhỏ bé trông thật là nhộn. Loại đàn ông nhỏ bé mà người ta chẳng bao giờ để mắt tới.

Trung úy Dubosc đang nói lời từ biệt. Anh đã chuẩn bị trước những lời này và để dành nó cho phút cuối. Đó là những lời bay bổng và lịch lãm.

Không hề chịu thua kém, Poirot cũng đáp lại bằng những lời tương tự.

“*En voiture, Monsieur.*” Phụ trách toa nhắc lại lần nữa.

Với vẻ vô cùng lưu luyến, Poirot bước lên tàu. Phụ trách toa bước lên ngay sau ông. Poirot vẫy tay chào. Trung úy Dubosc chào lại theo kiểu quân đội. Sau một cú giật mạnh, đoàn tàu từ

từ tiến lên.

“*Enfin!*” *Hercule Poirot thì thầm.*

“Brrrrr,” Trung úy Dubosc bật ra một tiếng rên, thể hiện một cách hoàn hảo rằng anh đang rét đến cỡ nào...

II

“*Voilà, Monsieur!*” Bằng một động tác điệu dàng, phụ trách toa giới thiệu với Poirot một khoang nằm đẹp để cùng chiếc va-li của ông được sắp sẵn gọn gàng.

“*Va-li nhỏ của Monsieur,* tôi đặt ở đây ạ”.

Cánh tay anh ta giang ra đầy hàm ý. Hercule Poirot đặt vào đó một tờ bạc xếp nhỏ.

“*Merci, Monsieur.*” Phụ trách toa bỗng nhanh nhẹn và hoạt bát

hắn lên. “Tôi đang giữ vé của *Monsieur*. Xin vui lòng cho tôi mượn hộ chiếu. *Monsieur* sẽ dừng chân ở Stamboul, đúng không ạ?”

Poirot gật đầu xác nhận.

“Tàu hình như cũng vắng khách nhỉ?” Ông cất tiếng hỏi.

“Quả vậy, thưa *Monsieur*. Toa của tôi chỉ có hai hành khách nữa - cả hai đều là người Anh. Một ngài Đại tá từ Ấn Độ về và một cô nương người Anh khởi hành từ Baghdad. *Monsieur* có cần gì nữa không ạ?”

Monsieur yêu cầu một chai nước suối nhỏ.

Năm giờ sáng là một thời điểm đáp tàu rất bất tiện, vẫn còn hai giờ nữa mới đến bình minh. Ý thức rằng mình chưa ngủ đủ

giấc đêm, mà cũng vừa hoàn thành xuất sắc một sứ mệnh tinh tế, Poirot cuộn mình vào góc, chìm sâu vào giấc ngủ.

Khi ông thức dậy thì đã là chín giờ rưỡi, ông xông thẳng đến toa ăn uống tìm một tách cà-phê.

Lúc này trong toa chỉ có một khách duy nhất, rõ ràng đó là cô nương người Anh mà ông phụ trách toa đã nhắc tới. Cô ta cao, gầy, da ngăm ngăm - tuổi trạc hai mươi tám. Có một sự quả

quyết trong cách thức cô ta dùng bữa điểm tâm và kêu phục vụ

châm cà-phê. Nó nói lên sự am hiểu thế giới và lọc lõi trong du lịch. Cô ta mặc một bộ váy đi đường màu sẫm, làm bằng một vật liệu mỏng, thích ứng một cách tuyệt vời với không khí nóng bức ở trên tàu.

Không có việc gì làm, Hercule Poirot giải khuây bằng cách quan sát cô ta mà không để cô ta biết.

Đây là loại phụ nữ trẻ dễ dàng tự lo cho bản thân dù ở bất cứ

nơi đâu, ông phán đoán. Cô ta có cả sự chững chạc lẫn tính hiệu quả. Ông rất thích sự cân đối nghiêm ngặt trong tính cách của cô ta và cả sắc màu xanh xanh tinh tế của làn da cô. Ông thấy thích mái tóc đen bóng bẩy với những lọn ngay ngắn. Và đôi mắt xám của cô thì trầm tĩnh, xa xăm. Nhưng, Poirot nghĩ, cô ta hơi thừa

tính hiệu quả để trở thành dạng phụ nữ mà ông gọi là “*jolie femme*”.

Giờ thì có thêm một người khác bước vào toa ăn uống. Đó là một người đàn ông cao lớn, tuổi trạc bốn mươi, năm mươi, vóc dáng mảnh mai, da ngăm nâu, tóc hoa râm ở thái dương.

“Ông Đại tá từ Ấn Độ,” Poirot tự nhủ.

Người mới tới khẽ nghiêng mình chào cô gái.

“Cô Debenham, xin chào cô buổi sáng”.

“Đại tá Arbuthnot, xin chào ông buổi sáng.”

Viên đại tá đứng đó, tay đặt lên chiếc ghế đối diện với cô gái.

“Cô không phản đối chứ?” ông ta hỏi.

“Dĩ nhiên là không. Mời ông ngồi.”

“Tốt lắm, cô biết đấy, điểm tâm không phải lúc nào cũng là dịp để tán gẫu.”

“Đúng là vậy. Nhưng tôi chẳng ăn thịt ai cả.”

Viên đại tá ngồi xuống.

“Bồi đâu,” ông gọi ngay bằng một giọng hách dịch.

Ông gọi món trứng và cà-phê.

Mắt ông dừng lại ở Hercule Poirot trong giây lát, rồi thờ ơ lướt

qua. Vốn đọc tốt suy nghĩ của người Anh, Poirot thừa biết ông đại tá tự nhủ gì, “chỉ là một tên ngoại quốc chết tiệt.”

Đúng với tính cách dân tộc của mình, hai người Anh không ba hoa. Họ chỉ trao đổi với nhau vài nhận xét cụt lùn. Giờ thì cô gái đứng dậy trở về khoang của cô.

Đến giờ ăn trưa, hai người lại ngồi chung bàn với nhau và một lần nữa, họ chẳng ngó ngàng gì đến người hành khách thứ ba.

Câu chuyện của họ có vẻ sôi nổi hơn so với bữa điểm tâm. Đại tá Arbuthnot nói về Punjab, và thỉnh thoảng lại hỏi cô gái vài câu về

Baghdad. Thì ra là nơi mà cô hành nghề bảo mẫu. Trong khi trò chuyện, họ phát hiện ra một số bạn bè chung và điều này đã đem lại hiệu quả tức thời, làm cho họ thêm phần thân thiện và bớt vẻ lạnh lùng. Họ nói với nhau về già Tommy và gã Jerry nào đó. Viên đại tá thắc mắc liệu cô gái sẽ về thẳng nước Anh hay dừng lại ở Stamboul.

“Tôi về thẳng.”

“Vậy có đáng tiếc không nhỉ?”

“Tôi từng đi chuyến này cách đây hai năm và đã ở Stamboul ba ngày”.

“À ra thế. Tốt lắm, vậy thì tôi xin nói rằng tôi rất vui mừng là cô về thẳng vì cả tôi cũng vậy.”

Ông khẽ nghiêng người trong một động tác khá ngượng nghịu, khuôn mặt hơi ửng đỏ.

“Ngài đại tá của chúng ta là người dễ xúc cảm,” Hercule Poirot thích thú nghĩ. “Đi tàu cũng nguy hiểm chẳng kém gì du lịch đường biển.”

Cô Debenham cũng nói rằng như vậy thì quá tốt. Kiểu cách của cô có phần hơi khắc nghiệt.

Hercule Poirot để ý thấy Đại tá tiễn cô gái trở về khoang. Một lúc sau tàu đi ngang qua khung cảnh Taurus lộng lẫy. Khi họ

đứng cạnh nhau ở hành lang nhìn xuống cổng Cilicia, cô gái chột buông tiếng thở dài. Poirot đứng gần đó, nghe giọng cô thì thào:

“Ôi thật là đẹp quá! Giá như... Giá như tôi...”

“Sao ạ?”

“Ước gì tôi có thể thưởng thức nó!”

Arbuthnot không trả lời. Cái quai hàm vuông vức của ông có vẻ như đánh hơn, dữ tợn hơn.

“Cầu trời cho cô sớm ra khỏi chuyện này,” ông thốt lên.

“Khẽ thôi, làm ơn đi. Nói khẽ thôi.”

“Ồ, không sao đâu.” Ông ném một cái nhìn hơi bực bội lên Poirot rồi nói tiếp: “Nhưng tôi không chịu nổi cái ý nghĩ cô là một bảo mẫu lúc nào cũng phải cúc cung vâng theo những bà mẹ độc đoán và những đứa con quậy phá của họ.”

Cô gái bật cười bằng một giọng thoáng mất tự chủ.

“Ồ! ông không nên nói vậy. Chuyện các bảo mẫu bị vùi dập chỉ

là một cổ tích lỗi thời. Tôi đảm bảo với ông rằng những ông bố bà mẹ này chỉ thiếu điều sợ tôi bắt nạt mà thôi.”

Họ không nói thêm gì nữa. Có lẽ Arbuthnot hơi ngượng vì sự xốc nổi của mình.

“Mình đang chứng kiến một tấn tuồng nhỏ khá kỳ lạ,” Poirot suy tư nghĩ.

Sau này ông sẽ phải nhớ lại ý nghĩ này.

Họ đến Konya ban đêm, vào khoảng mười một giờ rưỡi. Hai hành khách người Anh ra ngoài để duỗi chân. Họ rảo qua rảo lại trên sân ga phủ tuyết.

Poirot thì quan sát những hoạt động náo nhiệt ở nhà ga qua tấm kính cửa sổ. Tuy vậy, sau khoảng mười phút, ông quyết định ra hít thở đôi chút khí trời. Ông chuẩn bị rất cẩn thận, tròng vào nhiều lớp áo, quần khăn quàng, rồi xỏ chân vào đôi giày cao su chần chu của mình. Xong xuôi, ông lừng khừng bước xuống sân ga, bắt đầu đi dạo xuôi theo nó. Ông đi vượt qua toa đầu máy.

Có những giọng nói khiến ông chú ý đến hai bóng hình mờ ảo dưới bóng râm của một chiếc xe tải. Arbuthnot đang nói.

“Mary...”

Cô gái ngắt lời ông.

“Không phải bây giờ. Không phải lúc này. Khi nào xong đã. Khi nào mọi chuyện qua đi...”

Poirot lặng lẽ quay đi. Ông lấy làm lạ.

Không còn nhận ra cái giọng lạnh lùng, quyết đoán của cô nàng Debenham này nữa...

“Lạ thật,” ông tự nhủ.

Ngày hôm sau, ông lại để ý thấy hình như hai người họ cãi cọ

gì với nhau. Họ rất ít nói chuyện. Cô gái trông có vẻ lo lắng. Mắt cô có những quầng sạm màu.

Tàu dừng lại nghỉ vào lúc 2 giờ 30 chiều. Những cái đầu ló ra ngoài cửa sổ. Một nhóm người đang túm tụm bên hông tàu, chỉ

trở vật gì đó ở dưới toa ăn uống.

Poirot nhồm dậy hỏi chuyện ông phụ trách toa lúc ông này đang vội vã đi ngang qua. Nghe trả lời xong, Poirot rút đầu, quay lại, xem nữa là cùng phải Mary Debenham, vốn đứng ngay sau ông.

“Có chuyện gì vậy?” Cô ta hỏi bằng tiếng Pháp, giọng như thiếu hơi. “Tại sao tàu lại dừng?”

“Chẳng có gì cả, thưa cô. Có vật gì đó bị cháy ở dưới toa ăn uống. Không có gì nghiêm trọng cả. Người ta đã lấy ra rồi. Giờ thì họ đang sửa chữa hỏng hóc. Không có gì đáng ngại đâu, tin tôi đi.”

Cô gái phác một động tác nhỏ đột ngột, như thể xua đi ý nghĩ

về một mối nguy mà hóa ra là hoàn toàn không đáng kể.

“Vâng, vâng, tôi hiểu mà. Nhưng thời gian!”

“Thời gian gì ạ?”

“Chuyện này sẽ làm chúng ta chậm trễ.”

“Vâng, có thể lắm,” Poirot tán thành.

“Nhưng chúng ta không thể bị trễ được! Tàu phải đến lúc 6g55

và ta còn phải tăng bo qua Bosphorus để đón chuyến Tốc hành Phương Đông Simplon ở phía bên kia vào lúc 9 giờ. Nếu tàu trễ

một, hai tiếng thì ta sẽ bị lỡ chuyến mất thôi.”

“Vâng, có thể lắm,” Poirot công nhận.

Ông tò mò nhìn cô gái. Bàn tay cô bám khá hờ hững vào

thanh cửa sổ, đôi môi cô hơi lầy bầy.

“Chuyện này quan trọng với cô lắm sao, thưa cô?” ông hỏi.

“Vâng. Rất quan trọng. Tôi... tôi phải lên được chuyến đó.”

Cô ta quay lại, xuôi theo hành lang đi về chỗ đại tá Arbuthnot.

Tuy nhiên, cô ta chỉ uống công lo lắng. Mười phút sau, tàu lại xuất phát. Nó đến Haydapassar chỉ trễ có năm phút nhờ tăng tốc bù giờ.

Bosphorus là một nơi tồi tàn và Poirot không thích thú gì cuộc tăng bo. Ông tách khỏi những người đồng hành và không gặp lại họ nữa.

Khi đến Galata Bridge, ông hướng thẳng về khách sạn Tokatlían.



CHƯƠNG 2

Khách sạn Tokatlían

Tại khách sạn Tokatlían, Hercule Poirot đặt phòng có bồn tắm.

Rồi ông tiến đến bàn tiếp tân để hỏi thăm thư từ.

Ba bức thư và một điện tín đang chờ ông. Chân mày ông hơi nhướn lên khi thấy bức điện tín. Nó nằm ngoài dự liệu.

Ông mở nó ra bằng một động tác chậm rãi, chần chừ thường lệ. Những dòng chữ in hiện lên rõ rệt.

“Điều mà ngài dự đoán ở Kassner Case đã đột ngột diễn ra.

Làm ơn trở lại ngay.”

“*Voilà ce qui est embêtant.*” Poirot lau bầu. Ông liếc nhìn đồng hồ.

“Tôi phải đi tối nay,” ông nói với nhân viên tiếp tân. “Chuyến tốc hành Simplon khởi hành lúc mấy giờ vậy nhỉ?”

“Thưa ông, lúc chín giờ.”

“Ông đặt cho tôi một giường nằm nhé!”

“Có ngay, thưa ông. Mùa này thì chuyện đó không có gì khó.

Tàu lúc nào cũng trống lốc. Hạng nhất hay hạng hai ạ?”

“Hạng nhất.”

“*Très bien, Monsieur. Ông đi đâu ạ?*”

“Đi London.”

“*Bien, Monsieur.* Tôi sẽ đặt vé cho ông đi London và đăng ký giường nằm trên toa Stamboul-Calais.”

Poirot lại nhìn đồng hồ. Tám giờ kém mười.

“Đã đến giờ ăn chiều chưa nhỉ?”

“Dĩ nhiên, thưa ông.”

Người đàn ông Bỉ nhỏ nhắn gật đầu. Ông hủy việc đặt phòng rồi băng qua đại sảnh hướng về phía nhà hàng.

Giữa lúc ông đang đặt món cho người phục vụ, một bàn tay đặt lên vai ông.

“À! mon vieux,_thật là một bất ngờ thú vị,” một giọng nói cất lên sau lưng ông.

Đó là một người đàn ông đứng tuổi, thấp bé, tóc cắt kiểu en brosse. Ông ta đang cười một cách sung sướng.

Poirot đứng bật dậy.

“Ông Bouc.”

“Ông Poirot.”

Ông Bouc là một người Bỉ, giám đốc Công ty Quốc tế Toa năm, một người quen lâu năm của cựu ngôi sao Lực lượng Cảnh sát Bỉ.

“Mon cher,_ông đi xa nhỉ,” Bouc nói.

“Tôi có một công chuyện nhỏ ở Syria.”

“À! Và bây giờ ông đang trở về? Khi nào vậy?”

“Tối nay.”

“Tuyệt quá! Tôi cũng vậy. Tôi phải đi đến tí tịn Lausanne để

giải quyết công việc, ông đi chuyển Simplon-Phương Đông, đúng không ạ?”

“Vâng. Tôi mới vừa đặt giường. Thật ra tôi định ở lại đây vài ngày, nhưng lại vừa nhận một điện tín triệu hồi về Anh có công việc quan trọng.”

“À!” Bouc gật gù. “Les Affaires - les affaires!” Nhưng bây giờ thì, *mon vieux*, ông đã ở đỉnh vinh quang rồi còn gì.”

“Chỉ là một chút thành công thôi mà.” Hercule Poirot cố tỏ ra khiêm tốn nhưng có vẻ không mấy đạt.

Bouc cười phá lên.

“Ta gặp lại nhau sau nhé,” ông nói.

Hercule Poirot lo tập trung vào việc giữ cho bộ ria của ông không bị dính vào súp.

Hoàn tất công việc khó khăn này, ông đảo mắt nhìn quanh trong lúc chờ món kế tiếp. Trong nhà hàng chỉ có khoảng chục người và trong số chục người này chỉ có hai người khiến Hercule Poirot quan tâm.

Họ ngồi ở một bàn cách đó không xa. Người trẻ hơn là một anh chàng dễ mến, tuổi trạc ba mươi, có thể thấy ngay là người Mỹ. Nhưng không phải anh chàng này mà chính là người ngồi cùng anh ta mới lôi cuốn sự chú ý nơi nhà thám tử nhỏ bé.

Đó là một người đàn ông tuổi trạc từ sáu mươi đến bảy mươi.

Thoạt trông, người này có cái vẻ ôn hòa của một người đức độ.

Cái đầu hơi hói, vầng trán tròn trịa, chiếc miệng tươi cười để lộ

bộ răng giả rất trắng, tất cả nói lên một nhân cách hiền hòa. Chỉ

riêng có đôi mắt là phủ nhận giả định này. Chúng nhỏ, sâu và quý quý. Mà không chỉ có thế. Trong lúc trao đổi với người trẻ

tuổi, người đàn ông đảo mắt nhìn quanh phòng. Trong khoảnh khắc, ánh mắt lão dừng lại ở Poirot, và chỉ trong một giây đó thôi đôi mắt ấy đã toát ra một tia hiểm ác kỳ lạ đi kèm với một sự căng thẳng bất thường.

Rồi lão đứng dậy.

“Trả tiền đi, Hector,” lão giục.

Giọng lão hơi khàn khàn. Nó mang một âm điệu khó chịu, nhỏ nhẹ nhưng âm hiểm.

Khi Poirot gặp lại người bạn của ông tại phòng chờ, hai người đàn ông kia cũng đang rời khách sạn. Hành lý của họ đã được đưa xuống. Người trẻ đang giám sát hoạt động này. Giờ thì anh ta đang mở cánh cửa kính và nói:

“Ông Ratchett, tất cả sẵn sàng rồi.”

Người già ầm ừ xác nhận rồi bước ra.

“*Eh bien? Ông nghĩ gì về hai người này?*”

“Họ là người Mỹ,” Bouc đáp.

“Hẳn là người Mỹ rồi. Ý tôi hỏi ông nghĩ họ là người như thế nào?”

“Người trẻ có vẻ khá dễ chịu.”

“Còn người kia?”

“Ông bạn ạ, nói thật với ông, tôi chẳng quan tâm đến ông ta.

Ông ta chỉ gây cho tôi một cảm giác khó chịu. Còn ông thấy sao?”

Hercule Poirot suy nghĩ một hồi.

“Khi ông ta đi ngang qua tôi trong toa ăn uống,” cuối cùng ông đáp, “tôi có một cảm giác kỳ lạ. Giống như có một con thú hoang... một con thú hoang dã và man dại, ông hiểu ý tôi chứ...”

vừa đi ngang qua.”

“Nhưng chung quy lại thì ông ta trông cũng đáng kính đấy chứ!”

“Précisément! Thân thể... cái lông... thì đúng là đáng kính, nhưng qua các chấn song, một con thú hoang vẫn đang nhìn ra ngoài.”

“*Mon vieux*, ông giàu óc tưởng tượng quá đấy,” Bouc nói.

“Có lẽ vậy. Nhưng tôi không thể rũ bỏ cái cảm giác một con quỷ vừa đi ngang qua tôi, rất gần.”

“Quý ông người Mỹ đáng kính đó ấy à?”

“Chính là quý ông người Mỹ đáng kính đó.”

“Thôi được,” Bouc vui vẻ nói. “Có thể là như thế. Thế giới này còn vô khối ác quỷ.”

Đúng lúc đó, cánh cửa bật mở, người tiếp tân tiến về phía họ.

Anh ta trông có vẻ bối rối và biết lỗi.

“Thật kỳ lạ, thưa ông,” anh ta nói với Poirot, “trên tàu không còn một giường nằm hạng nhất nào cả.”

“Comment?” Bouc bật thốt lên. “Vào mùa này ấy à? À, chắc là cánh báo chí, cánh chính trị gia có hẹn hò gì đây chẳng?”

“Tôi không biết, thưa ông,” người tiếp tân quay sang ông ta, lễ phép nói. “Nhưng sự thể là như vậy đấy ạ.”

“Thôi được,” Bouc quay sang Poirot. “Đừng lo, ông bạn. Để đó tôi thu xếp. Luôn luôn có một khoang - khoang số 16 - được dự

trữ. Ông phụ trách toa sẽ lo việc này.” Ông mỉm cười rồi liếc nhìn đồng hồ. “Nào,” ông nói, “đã đến lúc lên đường rồi đó!”

Tại nhà ga, Bouc được người phụ trách toa trong bộ đồng phục màu nâu đón tiếp một cách niềm nở và trọng vọng.

“Chào ông. Khoang của ông là khoang số 1 đấy ạ.”

Ông ta gọi khuân vác đến. Họ đẩy hành lý bằng xe lăn đi đến khoảng giữa đoàn tàu, nơi có tấm bảng thiếc ghi đích đến.

ISTANBUL TRIESTE CALAIS

“Nghe nói tối nay toa của ông đầy khách, đúng không vậy?”

“Thật không thể tin nổi, thưa ông. Cả thế giới như chọn đi du lịch vào ban đêm!”

“Dù gì thì ông cũng phải tìm ra chỗ cho quý ông đây nhé. Ông ấy là bạn của tôi đấy. Ông ta lấy khoang 16 cũng được.”

“Khoang đó cũng có người rồi ạ.”

“Sao? Cả khoang 16 ư?”

Những ánh mắt thông đồng được trao qua đổi lại, rồi ông phụ

trách toa mỉm cười. Đó là một người đàn ông trung niên cao ráo với nước da men mét.

“Dĩ nhiên rồi, thưa ông. Tôi đã nói với ông là tàu đầy mà, đầy ắp, không còn chỗ nào trống.”

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Bouc giận dữ hỏi. “Có hội nghị đâu đó chẳng? Hay có tiệc tùng gì?”

“Không, thưa ông, chỉ là tình cờ thôi ạ. Chỉ là nhiều người cùng chọn đi du lịch tối nay.”

Bouc bật ra một tiếng tắc lưỡi bực dọc.

“Đến Belgrade sẽ có một toa từ Athens thả lại,” ông cho biết.

“Ngoài ra còn có toa Bucharest-Paris, nhưng phải đến tối mai mới có tàu đi Belgrade. Vấn đề là tối nay. Có giường hạng hai nào còn trống không vậy?”

“Có một giường hạng hai đấy ạ.”

“Tốt, vậy thì...”

“Nhưng nó lại ở trong khoang dành cho nữ. Có một bà người Đức ở trong khoang này rồi, một bà người hầu.”

“Chà, chà, tệ hại thật,” Bouc thốt lên.

“Ông bạn, xin đừng bận lòng,” Poirot nói. “Tôi đi toa thường cũng được mà.”

“Không thể được. Không thể được đâu.” Ông lại quay sang phụ trách toa. “Mọi người đã đến cả chưa?”

“Quả là có một hành khách chưa tới,” phụ trách toa cho hay.

Ông ta nói chậm, vẻ ngập ngừng.

“Ông cứ nói đi!”

“Giường số 7 khoang hạng hai có một vị khách chưa tới, và bây giờ là chín giờ kém bốn phút rồi.”

“Ai vậy?”

“Một người Anh,” phụ trách toa xem danh sách. “Ông A.M. Harris.”

“Một cái tên mang lại điềm lành,” Poirot nói. “Tôi dám cá là cái ông Harris đó không tới đâu.”

“Hãy đưa hành lý của ông đây đến số 7,” Bouc nói. “Nếu ông Harris đến, ta sẽ giải thích rằng ông ta đến quá muộn, giường nằm không thể giữ chỗ quá lâu, ta sẽ dùng cách này hay cách khác để dàn xếp với ông ta. Mặc gì phải lo cho cái ông Harris đó?”

“Tùy ý ông thôi ạ,” phụ trách toa nói.

Ông ta quay sang người khuân vác của Poirot, chỉ cho anh này nơi phải đi.

Rồi ông tránh bậc thang để nhường chỗ cho Poirot bước lên

tàu. “*Tout à fait au bout, Monsieur,*” ông nói. “Khoang cuối cùng.”

Poirot đi dọc hành lang. Một hành trình có vẻ như rất dài bởi hầu hết hành khách đều đang đứng ở ngoài khoang của họ.

Những tiếng “*Pardon*” lịch sự được phát ra đều đặn như nhịp chạy của chiếc đồng hồ. Cuối cùng, ông cũng đến được khoang được chỉ dẫn. Bên trong, một người đang với tay cất chiếc va-li.

Đó là anh chàng người Mỹ ở khách sạn Tokatlian.

Anh ta cau mày nhìn Poirot bước vào.

“Xin lỗi,” anh nói. “Tôi nghĩ ông lộn chỗ rồi.” Rồi anh cố nặn ra bằng tiếng Pháp. “*Je crois que vous avez un erreur.*”

Poirot đáp lại bằng tiếng Anh.

“Ông là ông Harris?”

“Không, tên tôi là MacQueen. Tôi...”

Nhưng ngay lúc đó, giọng nói của phụ trách toa đã cất lên từ sau lưng Poirot. Một giọng nói mềm mỏng mang âm điệu biết lỗi.

“Thưa ông, không còn giường nào khác trên tàu. Quý ông đây phải ở khoang này.”

Ông kéo cửa sổ ở hành lang lên trong lúc nói, tay nhắc hành lý của Poirot vào.

Poirot thích thú nhận ra âm điệu cáo lỗi trong giọng của phụ trách toa. Chắc chắn ông này đã được hứa cho tiền boa nếu giữ được khoang cho một mình anh chàng MacQueen đó sử dụng.

Tuy nhiên, món hoa hồng béo bở nhất cũng chẳng có tác dụng gì khi mà ông giám đốc công ty đang lù lù trên tàu và phát ra những mệnh lệnh của mình.

Phụ trách toa bước ra khỏi khoang sau khi đưa các va-li lên giá.

“*Voilà Monsieur,*” ông nói. “Mọi việc đã đâu vào đó. Giường của ông phía trên, số 7. Tàu sẽ khởi hành trong vòng một phút nữa.”

Ông ta vội vã bỏ đi. Poirot trở vào khoang.

“Một hiện tượng hiếm thấy,” ông vui vẻ nói. “Phụ trách toa đích thân đưa va-li lên giá! Chuyện chưa từng nghe!”

Người bạn đường của ông mỉm cười. Có vẻ như anh ta đã qua cơn bực tức. Có lẽ anh ta hiểu ra rằng cần phải tiếp nhận sự việc một cách bình thản.

“Tàu đông ghê nhỉ,” anh nhận xét.

Một tiếng huýt vang lên, một âm thanh kéo dài, u uất phát ra từ đầu máy. Hai người đàn ông bước ra ngoài hành lang.

Bên ngoài, một giọng nói cất lên. “*En voiture!*”

“Ta xuất phát rồi,” MacQueen nói.

Nhưng họ chưa hề xuất phát. Tiếng huýt lại vang lên.

“Tôi nói thế này nhé, thưa ông,” Chàng trai đột ngột nói. “Nếu ông muốn lấy giường dưới, tiện hơn cho ông, thì với tôi không có vấn đề gì đâu.”

“Không, không,” Poirot phản đối. “Lẽ nào tôi lại lấy chỗ của ông...”

“Không sao đâu mà...”

“Ông thật dễ mến...”

Những lời phản đối lịch sự phát ra từ cả hai phía.

“Chỉ một đêm thôi mà,” Poirot giải thích. “Tới Belgrade thì...”

“Ồ, thế ra ông xuống tàu ở Belgrade...”

“Không hẳn vậy. Ông biết đấy...”

Một cú giật đột ngột. Hai người đàn ông ngã dúi về phía cánh cửa sổ lúc đó mở ra một sân ga dài sáng đèn, đang từ từ trượt qua họ.

Chuyến tàu Tốc hành Phương Đông đã khởi đầu cuộc hành trình ba ngày xuyên châu Âu.



CHƯƠNG 3

Poirot từ chối một vụ việc

Ngày hôm sau, Hercule Poirot bước vào toa ăn uống hơi trễ. Ông dậy sớm, ăn sáng hầu như một mình, và suốt buổi sáng ngồi xem các ghi chép về vụ việc khiến ông bị gọi ngược về London.

Ông chẳng thấy tăm hơi người bạn đường của mình.

Bouc đã ngồi sẵn ở đó. Ông ta vẫy tay chào, ngoắc bạn về phía chỗ ngồi trống ở ngay đối diện. Poirot ngồi xuống và nhanh chóng nhận ra mình đang ngồi ở một vị trí quanh bàn được ưu tiên, nơi khách được phục vụ trước tiên và hưởng những miếng ngon lành nhất. Thức ăn cũng ngon lạ thường.

Đến khi họ dùng món bánh kem phô-mai, Bouc mới cho phép tâm trí của ông lan ra các vấn đề khác, ngoài thức ăn. Ông đang ở một giai đoạn của bữa ăn mà người ta thường hay triết lý.

“Ôi!” ông thở dài. “Giá như tôi được một phần tài năng của Balzac thì nhất định tôi sẽ mô tả khung cảnh này.”

Ông xua tay.

“Đó cũng là một ý tưởng,” Poirot nói.

“Ồ, ông cũng đồng ý sao? Chưa từng có ai làm việc đó, đúng không nhỉ? Và, ông bạn ơi, nó cũng lãng mạn lắm đấy nhé. Khắp quanh ta là những người thuộc mọi tầng lớp, mọi quốc tịch, mọi lứa tuổi. Trong ba ngày trời, những con người chưa hề quen biết này được gắn kết lại với nhau. Họ ăn ngủ dưới cùng một ‘mái nhà’, họ không thể rời xa nhau. Rồi đến hết ba ngày, họ lại ra đi, mỗi người một hướng, có lẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa.”

“Và giả sử như có một tai nạn...” Poirot chợt trở nên trầm tư.

“À không, ông bạn...”

“Từ quan điểm của ông thì đó là điều đáng tiếc, tôi hiểu chứ.

Nhưng dù vậy ta cứ thử giả định một chút xem sao. Khi đó có lẽ

tất cả những người ở đây sẽ liên kết với nhau bởi cái chết.”

“Cho thêm rượu đi,” Bouc gọi. Ông hấp tấp rót ra ly. “*Mon cher*, ông bệnh rồi. Món này có thể giúp ông tiêu hóa đấy.”

“Đúng vậy,” Poirot tán thành, “có lẽ thức ăn của Syria không hợp với bao tử tôi.”

Ông nhấp một ngụm rượu rồi ngả người ra sau, đảo cặp mắt suy tư nhìn quanh toa ăn uống. Có mười ba người đang ngồi đó.

Như Bouc đã nói, họ thuộc mọi tầng lớp và quốc tịch. Ông bắt đầu nghiên cứu họ.

Ở chiếc bàn đối diện có ba người đàn ông. Ông đoán rằng họ là những hành khách đơn độc, được bố trí ngồi đó theo sự sắp đặt chuẩn xác của các nhân viên toa ăn uống. Một người Ý to lớn, da ngăm đen đang sảng khoái ngồi xia răng. Đối diện với anh ta là một ông người Anh gầy gò, chần chừ có khuôn mặt vô cảm, đặc trưng cho những người giúp việc được đào tạo bài bản. Ngồi

cạnh người Anh này là một người Mỹ to lớn trong bộ đồ hoa hòe hoa sói, có lẽ là một khách buôn.

“Ta phải làm một cú hoành tráng,” ông ta nói bằng một giọng mũi ồn ào.

Người Ý rút que tăm ra để dễ khoa chân múa tay hơn.

“Dĩ nhiên,” anh ta nói bằng một thứ tiếng Anh kiểu Ý. “Thì tui đã nói vậy hoài rồi mờ.”

Người Anh nhìn ra cửa sổ, húng hắng ho vài tiếng.

Ánh mắt của Poirot lướt qua họ.

Ở chiếc bàn nhỏ, ngồi ở tư thế thẳng băng là một bà già xấu xí nhất mà ông từng thấy. Đó là một vẻ xấu xí độc đáo khiến cho người ta thấy cuốn hút hơn là muốn xa lánh. Bà ta ngồi rất thẳng. Quanh cổ bà là một sợi dây chuyền xỏ những hạt ngọc rất lớn, có vẻ như khó tin nhưng chính là ngọc thật. Hai tay bà cũng đeo đầy nhẫn. Chiếc áo lông chồn được kéo ra hai bờ vai. Chiếc mũ không vành đặt tiền màu đen bé tí trông lạc điệu một cách kịch cớm so với khuôn mặt vàng vọt, giống như mặt cóc, ở bên dưới nó.

Lúc này bà ta đang nói với phụ trách toa ăn uống bằng một giọng rành rọt, lịch sự nhưng cực kỳ quyết đoán.

“Vui lòng đặt vào khoang của ta một chai nước suối và một ly nước cam lớn. Làm ơn sắp xếp để bữa chiều ta có món thịt gà không xốt, và cả món cá hấp nữa.”

Người phục vụ kính cẩn trả lời rằng những mệnh lệnh này sẽ được thực thi.

Bà ta khẽ gật đầu lịch lãm rồi đứng dậy. Ánh mắt bà đùng phải ánh mắt Poirot rồi lia qua ông với vẻ hờ hững của một bà chúa lãnh đạm.

“Công chúa Dragomiroff đó,” Bouc hạ thấp giọng. “Bà ta là người Nga. Chồng bà ấy gom được rất nhiều tiền trước Cách mạng rồi đem ra đầu tư ở nước ngoài. Bà ta giàu cực. Một nhân vật nổi tiếng thế giới.”

Poirot gật đầu. Ông có nghe nói về công chúa Dragomiroff.

“Bà ta là một nhân vật,” Bouc nói, “tuy xấu như ma nhưng vẫn làm cho người ta phải nể vì. Ông có thấy vậy không?”

Poirot đồng ý.

Ở một trong những bàn lớn khác, Mary Debenham đang ngồi với hai phụ nữ. Trong hai người này có một phụ nữ trung niên cao ráo khoác bộ áo choàng len, mặc váy bằng vải tuyết. Bà ta có mái tóc vàng phai màu búi thành bó lớn trông rất không hợp. Bà ta đeo kính, có khuôn mặt dài, hiền lành, dễ mến trông khá giống một con cừu. Bà đang lắng nghe người phụ nữ kia, một bà lớn tuổi, béo tốt, có khuôn mặt phúc hậu. Bà này đang nói bằng một giọng chậm rãi, rành rọt, nhưng đều đều, không có dấu hiệu nào là sẽ dừng lại để lấy hơi hay đi đến một hồi kết.

“... và thế là con gái tôi hỏi: ‘Tại sao?’ Nó nói: ‘Các người không thể áp dụng phương pháp Mỹ ở đất nước này. Với dân ở đây thì biếng nhác là lẽ tự nhiên rồi,’ nó nói thế. ‘Họ chẳng việc gì phải vội vã cả.’ Nhưng nói gì thì nói, các em sẽ phải ngạc nhiên nếu biết các trường học của chúng ta ở đó đang làm gì. Họ đã tạo ra một đội giáo viên giỏi. Tôi cho điều này chẳng liên quan gì đến

giáo dục. Chúng ta chỉ cần phải áp dụng các ý tưởng phương Tây của chúng ta rồi dạy lại cho phương Đông để cho họ nhận ra.

Con gái tôi nói...”

Tàu đi vào một đường hầm. Cái giọng êm ả, đều đều kia bị nhận chìm.

Ở bàn cạnh đó, một bàn nhỏ, đại tá Arbuthnot đang ngồi một mình. Ánh mắt ông như cắm vào gáy của Mary Debenham. Họ

không ngồi cùng nhau mặc dù để dàn xếp chuyện này chẳng có gì là khó. Sao thế nhỉ?

Poirot nghĩ có lẽ Mary Debenham đã ngần ngại. Nghề bảo mẫu dạy cô phải thận trọng. Biểu hiện ra ngoài là quan trọng lắm. Một cô gái còn phải lo sinh kế như cô thì phải thật kín kẽ.

Ánh mắt ông chuyển sang mép bên kia của toa xe. Ở cuối toa, đứng dựa vào tường là một phụ nữ trung niên mặc bộ váy màu đen với khuôn mặt rộng, vô cảm. Người Đức hoặc người Bắc Âu.

Có lẽ chính là bà người hầu Đức.

Sau bà này là một cặp đang cúi đầu vào nhau trò chuyện rất sôi nổi. Người nam mặc đồ bằng vải tuyết của Anh, nhưng không phải là người Anh. Poirot

chỉ thấy được gáy của anh ta, nhưng hình dáng chiếc gáy đó cùng với hai bờ vai đã tố giác anh ta -

một người đàn ông to lớn, cường tráng. Anh ta chợt quay đầu lại và Poirot đã nhìn được mặt anh ta. Một anh chàng rất điển trai, tuổi trên ba mươi với một bộ ria lớn trông rất đẹp mắt.

Người nữ đối diện với anh chỉ là một cô gái khoảng chừng đôi mươi. Chiếc áo khoác đen và chiếc váy nhỏ nhắn vừa khít, chiếc áo trắng mặc bên trong bằng vải xa-tanh, chiếc nón không vành

màu đen xinh xắn và thanh lịch đội nghiêng nghiêng một góc trông cực kỳ thời trang. Cô ta sở hữu một khuôn mặt đẹp trông như người nước ngoài, làn da trắng tươi, chân mày rậm màu nâu, mái tóc đen tuyền. Cô đang hút thuốc qua một chiếc ống dài. Các móng tay của cô sơn màu đỏ sẫm, được cắt sửa gọn gàng. Cô đeo một viên ngọc lục bảo lớn gá trên nền bạch kim. Có sự điệu dàng cả trong ánh mắt lẫn giọng nói của cô.

“*Elle est jolie et chic.*” Poirot khẽ nói. “Vợ chồng ư?”

Bouc gật đầu.

“Dân sứ quán, người Hungary, tôi đoán thế,” ông nói. “Một cặp rất đẹp đôi.”

Chỉ còn lại hai thực khách khác: người bạn đường MacQueen của Poirot và ông chủ Ratchett của anh ta. Lão ngồi đối mặt với Poirot. Và lần thứ hai Poirot lại nghiên cứu khuôn mặt thiếu thiện cảm ấy, ghi nhận vẻ nhân từ giả hiệu từ đôi mắt nâu ti hí và tàn ác.

Bouc nhận ra sự thay đổi trong biểu hiện của bạn mình.

“Lại quan sát con thú hoang của ông nữa à?” ông hỏi.

Poirot gật đầu.

Khi cà-phê của Poirot được bưng đến, Bouc đứng dậy. Khởi sự trước Poirot nên ông cũng xong trước được một lúc.

“Tôi về khoang đây,” ông nói. “Nhớ ghé qua chỗ tôi, ta tán gẫu với nhau nhé.”

“Rất hân hạnh.”

Poirot nhấm nháp cà-phê rồi gọi một ly rượu mùi. Người phục vụ đang đi lần lượt các bàn mang theo hộp đựng tiền của anh để nhận thanh toán bằng tiền mặt. Giọng của bà người Mỹ lớn tuổi chột dăng cao, đầy oán thán.

“Con gái tôi nói: ‘... lấy một tập phiếu ăn và sẽ không có rắc rối nào... không có rắc rối nào cả.’ Bây giờ thì không như thế nữa. Có vẻ như họ nhất định phải có cái khoản hoa hồng mười phần trăm, và sau đó mới có cái chai nước suối đó... cả cái thứ nước lạ

lùng ấy nữa. Họ chẳng biết đầu cua tai nheo gì cả. Điều này tôi thấy mới lạ lùng.”

“Vì họ phải... nói thế nào nhỉ... cung cấp nước của quê nhà,”

người phụ nữ có khuôn mặt cừu giải thích.

“Thế nên tôi mới thấy lạ lùng.” Bà kia có vẻ phật ý khi thấy cốc tiền xu lẻ trên bàn, trước mắt bà. “Coi cái thứ kỳ cục họ đưa cho tôi kìa. Dinar hay đồng gì đó. Trông cứ như một đồng rác. Con gái tôi nói...”

Mary Debenham đẩy ghế ra sau và bỏ đi sau khi khẽ nghiêng mình chào hai phụ nữ kia. Đại tá Arbuthnot cũng đứng lên theo chân cô. Gôm lấy đồng tiền xu đáng ghê tởm của mình, người đàn bà Mỹ cũng bước theo, nổi gót là người phụ nữ mặt cừu. Cặp Hungary đã rời đi trước đó. Toa ăn uống trở nên trống lốc, chỉ

còn có Poirot, Ratchett và MacQueen.

Ratchett nói gì đó với người đồng hành của mình, anh này đứng dậy và rời toa. Rồi bản thân lão cũng đứng dậy, nhưng thay vì đi theo MacQueen, lão bất ngờ buông mình xuống chiếc ghế

đối diện với Poirot.

“Ông cho tôi mời lửa nhờ được không?” lão đề nghị. Giọng lão

mềm mỏng, hơi mang âm mũi. “Tôi tên là Ratchett.”

Poirot khẽ nghiêng mình, ông thò tay vào túi, mò được một hộp diêm và trao nó lại cho lão già. Lão cầm lấy nhưng không đánh lửa.

“Tôi đoán mình đang được hân hạnh tiếp chuyện ông Hercule Poirot, đúng không ạ?”

Poirot lại nghiêng mình.

“Ông đã đoán rất đúng, thưa ông.”

Viên thám tử cảm thấy đôi mắt độc địa kia đang rọi thẳng vào ông. Lão già lại lên tiếng.

“Ở nước tôi,” lão nói, “chúng tôi thường hay đi thẳng vào vấn đề. Ông Poirot, tôi muốn ông làm giúp tôi một việc.”

Đôi chân mày của Hercule Poirot hơi nhướn lên.

“Thưa ông, cliente của tôi hiện nay rất hạn chế. Tôi chỉ nhận rất ít vụ việc.”

“Tại sao? Thật ra thì tôi hiểu. Nhưng, ông Poirot ạ, lần này ông sẽ có rất nhiều tiền.” Lão lặp lại lần nữa bằng một giọng mềm mỏng và khẩn khoản.
“Rất nhiều tiền.”

Hercule Poirot im lặng trong giây lát, rồi ông hỏi:

“Ông muốn tôi giúp ông việc gì, thưa ông... Ratchett?”

“Ông Poirot ạ, tôi là một người giàu có... một người rất giàu có.

Những người như thế đều có kẻ thù. Tôi cũng có kẻ thù.”

“Chỉ một kẻ thù thôi sao?”

“Ông hỏi vậy là ý gì?” Ratchett sừng sộ hỏi.

“Thưa ông, theo kinh nghiệm của tôi thì khi một người ở vào

vị thế mà như ông nói là có kẻ thù, thì thường là họ không chỉ có một kẻ thù duy nhất.”

Ratchett có vẻ dịu xuống sau câu trả lời của Poirot. Lão nói nhanh:

“Vâng, tôi cũng đồng ý quan điểm đó. Một hay nhiều kẻ thù, không quan trọng. Quan trọng là sự an toàn của tôi.”

“An toàn?”

“Mạng sống của tôi đang bị đe dọa, thưa ông Poirot. Hiện nay, tôi có khả năng phòng vệ rất tốt.” Từ túi áo, bàn tay lão để thò ra trong chốc lát một khẩu súng tự động nhỏ. Lão tiếp tục nói, giọng quả quyết: “Tôi cũng không phải loại người dễ bị hãm hại trong khi ngủ. Nhưng tôi thấy vẫn cần phải

làm sao để nhân đôi sự an tâm. Tôi cho rằng ông là người xứng đáng với những đồng tiền của tôi, thưa ông Poirot. Và nên nhớ rằng ở đây tôi đang nói đến rất nhiều tiền.”

Poirot trầm ngâm nhìn lão. Khuôn mặt ông hoàn toàn không biểu cảm. Sẽ chẳng ai tìm được ra manh mối những suy nghĩ đi qua bộ óc ông.

“Tôi rất tiếc, thưa ông,” một hồi lâu sau ông mới lên tiếng. “Tôi không giúp ông được.”

Lão già cay cú nhìn Poirot.

“Nói số tiền mà ông muốn đi,” lão gặng.

Poirot lắc đầu.

“Ông không hiểu rồi, thưa ông. Tôi rất may mắn trong nghề nghiệp của mình. Tôi kiếm ra đủ tiền để đáp ứng cả những nhu

cầu lẫn thú vui đồng danh của mình. Hiện giờ tôi chỉ nhận những vụ việc nào tôi quan tâm mà thôi.”

“Ông gan lì thật đấy,” Ratchett thốt lên. “Hai mươi ngàn đô-la thì liệu có hấp dẫn được ông không?”

“Chắc là không.”

“Nếu ông muốn nhiều hơn thế thì đừng có mơ. Tôi biết giá trị của mọi thứ chớ.”

“Tôi cũng thế, ông Ratchett ạ...”

“Đề nghị của tôi có gì là không ổn?”

Poirot đứng dậy.

“Nếu ông bỏ lỗi cho lời nói thành thật của tôi thì xin thưa với ông rằng: tôi không ưa bộ mặt của ông, thưa ông Ratchett.”

Nói đoạn, ông rời khỏi toa ăn uống.



CHƯƠNG 4

Tiếng thét trong đêm

Tàu Tốc hành Phương Đông Simplon đến Belgrade vào lúc chín giờ kém mười lăm phút tối. Nó sẽ không khởi hành lại trước 9g15, do đó Poirot đi xuống sân ga. Nhưng ông không đứng đó lâu. Trời lạnh buốt và mặc dù sân ga có mái che, bên ngoài tuyết vẫn đang rơi nặng hạt. Ông trở về khoang của mình. Phụ trách toa, lúc đó đang đứng ở sân ga giậm chân, múa tay để giữ ấm, nói với ông:

“Thưa ông, va-li của ông đã được chuyển đến khoang 1, khoang của ông Bouc đấy ạ.”

“Nhưng nếu vậy thì ông Bouc chuyển đi đâu?”

“Thưa, ông ấy đã chuyển sang toa tàu từ Athens vừa mới được thả lại.”

Poirot bèn đi tìm ông bạn. Bouc gạt ngang các phản đối của ông.

“Có gì đâu. Có gì đâu. Như vậy sẽ tiện hơn. Ông đi suốt đến Anh nên tốt hơn cả là ông nên ở toa suốt đến Calais. Phần tôi thì

ở đây là tốt lắm rồi. Yên tĩnh hơn nhé. Toa này hầu như trống lốc, chỉ có mỗi tôi và một ông bác sĩ nhỏ bé người Hy Lạp. Mà này, ông bạn, đêm nay kinh khủng thật nhỉ! Nghe nói nhiều năm nay mới có một trận tuyết lớn cỡ đó. Hy vọng ta không bị

kẹt lại. Tôi không thích vậy chút nào.”

Tàu rời ga đúng phóc vào lúc 9g15. Trước đó không lâu, Poirot đứng dậy, chúc bạn mình ngủ ngon rồi theo hành lang đi về toa của mình phía đối diện, ngay cạnh toa ăn uống.

Vào ngày thứ hai của cuộc hành trình, những rào cản đã được dỡ bỏ. Đại tá Arbuthnot đang đứng ở cửa khoang của mình chuyện trò với MacQueen.

Thấy Poirot, MacQueen bỏ dở câu chuyện đang nói. Trông anh có vẻ rất ngạc nhiên.

“Sao thế?” anh thốt lên. “Tôi tưởng ông đi rồi chớ. Ông nói là ông xuống tàu ở Belgrade mà.”

“Ông hiểu lầm tôi rồi,” Poirot mỉm cười, nói. “Tôi nhớ ra rồi, ta đang nói dở chuyện này lúc tàu xuất phát từ Stamboul.”

“Nhưng còn hành lý của ông... Nó đâu mất cả rồi?”

“Nó được chuyển sang khoang khác, chỉ thế thôi.”

“Tôi hiểu rồi.”

Anh ta nối lại câu chuyện với Arbuthnot và Poirot theo hành lang đi lên tiếp.

Cách khoảng của ông hai cánh cửa, người phụ nữ Mỹ lớn tuổi, bà Hubbard, đang đứng nói chuyện với bà mặt cừu, vốn là người Thụy Điển. Bà Hubbard đang dúi một tờ tạp chí vào tay cô kia.

“Em cứ cầm lấy đi mà,” bà nói. “Chị có hàng đồng thứ để đọc.

Chúa ơi, trời lạnh khiếp thật!” Bà gật đầu thân thiện chào Poirot.

“Chị tốt quá,” bà Thụy Điển nói.

“Tốt gì đâu. Chị mong em ngủ ngon, sáng mai sẽ đỡ đau đầu hơn.”

“Chỉ tại lạnh thôi mà. Em tự pha cho mình một tách trà đây.”

“Em uống aspirin chưa? Chị có cả đồng đây nè. Tốt, vậy thì ngủ ngon nhé cưng.”

Bà quay sang Poirot vẻ muốn bắt chuyện khi mà người phụ nữ

kia đã đi khỏi.

“Tội nghiệp quá, cô ta là người Thụy Điển. Theo như tôi hiểu thì cô ta đại khái là làm việc truyền giáo hay giáo viên gì đó. Một cô em rất tốt, nhưng không nói tiếng Anh được nhiều lắm. Cô ấy quan tâm rất nhiều đến tất cả những gì tôi kể về con gái tôi.”

Giờ thì Poirot đã biết tất tậ về cô con gái của bà Hubbard. Bất cứ ai biết tiếng Anh trên tàu cũng đều biết! Cô này và chồng của cô làm việc trong một trường đại học Mỹ ở Smyrna, đây là cuộc hành trình đầu tiên của bà

Hubbard đến phương Đông, và bà nghĩ như thế nào về người Thổ, về tính cầu thả của họ và điều kiện đường sá của họ.

Cánh cửa kế bên họ đột ngột mở ra và một nam phục vụ cao gầy bước ra ngoài. Poirot thoáng thấy Ratchett đang ngồi trên giường. Lão cũng thấy Poirot. Khuôn mặt lão sa sầm và đanh lại.

Rồi cánh cửa được khép lại.

Bà Hubbard khều Poirot ra xa xa.

“Ông biết không, tôi thấy sợ cái người đàn ông đó. Ồ, không phải là ông người hầu đâu - người kia cơ - ông chủ ấy. Chính là ông chủ, đúng vậy! Có gì đó không ổn ở người đàn ông này. Con gái tôi luôn bảo rằng tôi có linh tính. Nó nói: ‘Mẹ mà đã nghi gì thì là y chang như vậy.’ Nó nói như thế đấy. Tôi có linh tính về

cái gã đàn ông này. Hắn ở ngay sát tôi nên tôi không thích chút nào cả. Tối qua, tôi phải lèn chặt cánh cửa thông hai khoang. Tôi tin là tôi đã nghe thấy hắn thử xoay tay nắm cửa. Ông biết không, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu gã này là một tên sát nhân... loại trộm cướp trên tàu mà ta vẫn thường đọc trên báo đó. Nghe có vẻ điên rồ, nhưng tôi dám nói như vậy đó. Tôi sợ cái gã đó chết khiếp! Con gái tôi nói cuộc hành trình của tôi sẽ

thuận lợi, nhưng chẳng hiểu sao tôi lại thấy không vui. Nghe có vẻ điên rồ, nhưng tôi cảm thấy sắp có chuyện gì đó. Bất cứ

chuyện gì. Và tôi nghĩ không hiểu sao cái anh chàng trẻ tuổi tốt tính ấy lại chịu làm thư ký cho gã đó.”

Đại tá Arbuthnot và MacQueen đang theo hành lang tiến về

phía họ.

“Về khoang của tôi đi,” MacQueen đang nói. “Bây giờ cũng chưa phải trễ lắm. Về chính sách của các ông ở Ấn Độ tôi muốn góp ý như sau...”

Hai người băng qua, theo hành lang đi về khoang của MacQueen.

Bà Hubbard chúc Poirot ngon giấc.

“Chắc tôi lên giường ngay, đọc sách chút đỉnh,” bà nói. “Chúc ông ngủ ngon.”

“Chúc bà ngủ ngon, thưa bà.”

Poirot vào khoang của ông, ngay kế bên khoang lão Ratchett.

Ông thay đồ rồi leo lên giường, đọc linh tinh trong nửa giờ rồi sau đó tắt đèn.

Ông thức dậy bốn giờ sau đó, thức dậy một cách đột ngột. Ông biết điều gì đã đánh thức ông: một tiếng rên lớn, gần như một tiếng thét, từ một nơi nào đó rất gần. Cùng lúc đó, một tiếng chuông lạnh lót vang lên.

Poirot ngồi dậy, bật đèn. Ông nhận ra đoàn tàu đang dừng lại, hình như là ở một nhà ga.

Tiếng thét làm ông hơi hoảng, ông sức nhớ đến lão Ratchett ở

khoang ngay sát bên. Ông ra khỏi giường, mở hé cửa, vừa đúng lúc phụ trách toa đang hấp tấp đến gõ cửa khoang lão Ratchett.

Poirot để hé cửa theo dõi. Phụ trách toa gõ cửa lần hai. Có tiếng chuông vang lên và ánh sáng bật lên ở một cánh cửa khác ở xa hơn. Phụ trách toa quay đầu nhìn.

Cùng lúc đó, một giọng nói vọng ra từ khoang kế bên:

“Ce n’est rien. Je me suis trompé.”

“*Bien, Monsieur.*” Phụ trách toa lại hấp tấp lui ra, đến gõ cửa nơi vừa có ánh sáng đèn.

Poirot trở lại giường. Ông tắt đèn, lòng cảm thấy nhẹ nhõm.

Liếc nhìn đồng hồ trước đó, ông nhận thấy lúc này đã là một giờ

kém hai mươi ba phút.



CHƯƠNG 5

Tội ác

Poirot trần trọc không sao ngủ ngay được. Một trong những lý do là ông đã quen với sự chuyển động của con tàu. Nếu bên ngoài là nhà ga thì hẳn nó phải yên tĩnh đến kỳ lạ. Thật là tương phản hoàn toàn với tiếng ồn hơn thường lệ của con tàu. Ông nghe được cả tiếng lão Ratchett di chuyển ở khoang bên cạnh: tiếng

“tách” khi ông ta xả bồn rửa mặt, tiếng vòi nước chảy, rồi một tiếng “tách” nữa khi bồn rửa mặt được chốt lại. Có tiếng bước chân ngoài hành lang, tiếng lệt xệt của một người đi dép ngủ.

Hercule Poirot thao thức nhìn lên trần. Tại sao sân ga ngoài kia lại im ắng thế? Cổ họng ông khô ran. Ông đã quên lấy một chai nước suối. Ông lại nhìn đồng hồ. Mới chỉ quá một giờ kém mười lăm. Tại sao không gọi phụ trách toa mang nước suối đến nhỉ? Ngón tay ông với lên nút bấm chuông, nhưng ông ngừng lại vì trong sự im ắng, ông nghe có tiếng reng, ông ấy không thể

cùng lúc phục vụ cho nhiều người.

Reng... Reng... Reng...

Tiếng chuông vang lên nữa, rồi nữa. Ông ấy đâu rồi nhỉ? Có ai đó đã mất kiên nhẫn.

Reng reng...

Ai đó hần đang vịn chặt ngón tay lên nút chuông.

Đột nhiên, có tiếng chân hối hả đi về phía cánh cửa không xa khoang của Poirot.

Rồi có những giọng nói cất lên: Giọng cung kính, biết lỗi của phụ trách toa và một giọng nữ năng nặc, liến thoắng.

Bà Hubbard.

Poirot bất giác mỉm cười.

Cuộc đấu khẩu - nếu như có thể gọi là như thế - diễn ra mất một lúc. Tỷ lệ là chín mươi phần trăm lời lẽ của bà Hubbard và mười phần trăm lời lẽ của

phụ trách toa. Cuối cùng thì vấn đề có

vẻ như đã được giải quyết. Poirot nghe rõ mồn một: “Bonne nuit,

Madame,” và tiếng khép cửa.

Ông nhấn ngón tay vào nút chuông.

Phụ trách toa có mặt ngay tức thì. Ông ta có vẻ bức xúc và lo lắng.

“De l’eau mineral, s’il vous plaît.”

“Bien, Monsieur. ” Có lẽ một tia mắt nhấp nháy của Poirot đã khuyến khích ông ta xả bầu tâm sự.

“La Dame Americaine...”

“Sao ạ?”

Phụ trách toa đưa tay quệt trán.

“Ông hình dung coi tôi phải nhìn thế nào với cái bà ấy!

Bà ấy cứ nằng nặc quả quyết rằng có một người đàn ông trong

khoang của bà ấy! Thử hình dung coi, thưa ông. Trong một không gian chỉ có chừng này.” Ông dang tay ra để mô tả. “Thử

hỏi cái người đàn ông đó chui vào đâu? Tôi tranh luận với bà ấy, chứng minh điều đó là không thể được. Bà ấy vẫn một hai nói rằng khi bà ấy tỉnh dậy thì người đàn ông đang ở đó. Tôi hỏi vậy thì bằng cách nào ông ta đi khỏi mà cánh cửa vẫn chốt từ bên trong? Nhưng bà ta không nghe lý lẽ gì cả. Cứ như là không đủ

chuyện để lo lắng vậy. Trận tuyết này...”

“Tuyệt ư?”

“Tất nhiên rồi, thưa ông. Ông không nhận ra sao? Tàu đã phải dừng lại. Chúng ta đang đối mặt với một trận bão tuyết. Có trời mới biết nó còn kéo dài bao lâu. Tôi nhớ có lần nó kéo dài đến những bảy ngày.”

“Ta đang ở đâu vậy?”

“Giữa Vincovci và Brod.”

“Phiền thật,” Poirot bức bối nói.

Phụ trách toa quay đi rồi trở lại với chai nước.

“Bonsoir, Monsieur.”

Poirot uống một ly nước rồi cố ru mình vào giấc ngủ.

Ông vừa chớp mắt thì lại bị đánh thức dậy. Lần này, ông có cảm giác một vật nặng vừa va mạnh vào cửa.

Ông bật dậy, mở cửa nhìn ra ngoài. Không có gì cả. Nhưng cách một quãng dọc hành lang phía bên phải có một phụ nữ

trong bộ kimono màu đỏ tươi đang rời xa ông. Ở đầu bên kia, phụ trách toa đang ghi chú gì đó trên một tấm giấy lớn. Mọi thứ

lặng như tờ.

“Chắc là mình bị căng thẳng,” Poirot tự nhủ rồi trở lại giường.

Lần này ông đánh một giấc cho đến sáng.

Khi ông thức dậy, tàu vẫn đang dừng. Ông vén rèm, ngó ra ngoài. Những đồng tuyết lớn đang bao phủ quanh con tàu.

Ông liếc đồng hồ, thấy lúc này đã là hơn chín giờ.

Đến mười giờ kém mười lăm, chĩnh chu và bánh bao, ông bước vào toa ăn uống, nơi ông chứng kiến cả một dàn hợp xướng những lời thán oán.

Mọi hàng rào giữa hành khách giờ đây đã bị phá bỏ ráo trọi.

Vận rủi chung đã khiến tất cả mọi người đoàn kết lại với nhau.

Bà Hubbard là người ca cẩm thảm thiết nhất.

“Con gái tôi bảo rằng tuyến đường này dễ đi nhất thế giới. Chỉ

cần ngồi lên tàu là cứ thế đến Parrus. Giờ thì có khi ta bị kẹt lại đây hết ngày này sang ngày khác mất thôi,” bà ta than vãn. “Mà đến ngày mốt thì tàu của tôi đã dong buồm rồi. Làm cách nào tôi bắt kịp nó đây? Thậm chí còn không thể đánh điện để hủy chuyến nữa chứ. Nói đến chuyện này là tôi muốn phát khùng lên rồi.”

Anh chàng người Ý nói anh ta cũng có chuyện làm ăn khẩn cấp ở Milan. Ông người Mỹ to con thì nói chuyện này là: “Tệ quá, thưa bà.” rồi nhẹ nhàng bày tỏ hy vọng tàu sẽ đến kịp giờ.

“Chị tôi và mấy đứa cháu đang đợi tôi,” bà Thụy Điển sụt sùi nói. “Tôi không báo được cho họ. Họ sẽ nghĩ gì đây? Họ sẽ nghĩ

tôi gặp chuyện không hay.”

“Chúng ta sẽ kẹt ở đây bao lâu?” Mary Debenham hỏi. “Có ai biết không nhỉ?”

Giọng cô có vẻ bồn chồn, nhưng Poirot nhận thấy không hề có dấu vết của nỗi lo sốt vó mà cô ta đã thể hiện khi lên tàu tốc hành Taurus.

Bà Hubbard lại làm toáng lên.

“Trên tàu này chẳng ai biết gì cả. Chẳng ai xắn tay làm gì đó.

Một đám ngoại quốc vô dụng! Nếu là ở nhà thì chí ít sẽ có người thử làm điều gì đó.”

Arbuthnot quay sang Poirot nói bằng một thứ tiếng Pháp kiểu Anh rất trang trọng.

“Vous êtes un directeur de la ligne, je crois, Monsieur. Vous pouvez nous dire...”

Poirot mỉm cười dính chính lại.

“Không, không,” ông nói bằng tiếng Anh. “Không phải là tôi.

Ông nhầm tôi với ông bạn Bouc của tôi rồi.”

“Ồ! tôi xin lỗi.”

“Không có chi. Cũng dễ hiểu thôi mà. Hiện tôi đang ở trong khoang trước đây thuộc về ông ấy.”

Bouc không có mặt trong khoang ăn uống. Poirot để ý xem còn ai khác vắng mặt không.

Công chúa Dragomiroff không có mặt. Cặp Hungary cũng vậy.

Cả Ratchett và ông người hầu của lão nữa. Rồi cả bà người hầu Đức.

Bà Thụy Điển quệt nước mắt.

“Tôi thật là khùng điên,” bà ta nói, “cứ khóc như con nít thôi.

Dù có chuyện gì chẳng nữa thì cuối cùng cũng sẽ qua thôi mà.”

Tuy nhiên, sự lạc quan tếu này chẳng được mấy ai chia sẻ.

“Nói vậy chứ không đơn giản,” MacQueen bồn chồn nói.

“Chúng ta có thể kẹt ở đây nhiều ngày.”

“Mà ở đây là xứ nào vậy?” bà Hubbard hỏi như muốn khóc.

Khi nghe trả lời là ở Nam Tư, bà nói:

“Ồ! một xứ ở miệt Balkan ấy à? Không thể tin nổi!”

“Cô là người duy nhất bình tĩnh, thưa cô,” Poirot nói với cô Debenham.

Cô ta khẽ nhún vai.

“Làm sao khác được?”

“Cô quả là một triết gia.”

“Điều này đòi hỏi một thái độ khách quan. Tôi nghĩ thái độ

của tôi có phần vị kỷ. Tôi đã học được cách không biểu lộ cảm xúc.”

Cô ta thậm chí chẳng màng nhìn ông. Ánh mắt cô lướt qua ông, hướng ra cửa sổ về phía những lớp tuyết đóng thành ụ.

“Cô có cá tính mạnh mẽ đấy, thưa cô,” Poirot hiền hòa nói.

“Theo tôi nghĩ cô là người có cá tính mạnh nhất trong số chúng ta ở đây.”

“Ồ, không đâu. Thật mà! Tôi biết có người cá tính còn mạnh hơn tôi xa lắc.”

“Và đó là...?”

Cô gái có vẻ như sức tỉnh, nhận ra rằng cô ta đang nói chuyện

với một người xa lạ, một người nước ngoài mà cho đến tận sáng nay, cô ta cũng mới chỉ trao đổi chưa tới vài câu.

Cô bật cười, một kiểu cười lịch thiệp và giữ kẽ.

“Được thôi... Cái bà lớn tuổi ấy chẳng hạn. Chắc ông cũng có để ý đến bà ấy. Một bà lão rất xấu, nhưng khá là cuốn hút. Bà ta chỉ cần nhấc một ngón tay lên và yêu cầu điều gì đó bằng một giọng lịch sự thì cả đoàn tàu sẽ lăn bánh ngay.”

“Nó cũng sẽ lăn bánh nhờ bạn tôi, ông Bouc,” Poirot đáp lời.

“Nhưng đó là vì ông ta là giám đốc tuyến, chứ chẳng phải vì ông ta có cá tính gì ghê gớm.”

Mary Debenham mỉm cười.

Buổi sáng trôi qua. Nhiều người, gồm cả Poirot, vẫn trụ lại trong toa ăn uống. Lúc này, mọi người đã trở nên chan hòa để

thời gian trôi qua dễ chịu hơn. Poirot nghe được thêm một đồng chuyện về con gái bà Hubbard và những thói quen trong cả cuộc đời của ông Hubbard, nay đã quy tiên. Từ buổi sáng ông ta thức dậy, bắt đầu bữa điểm tâm bằng món ngũ cốc, cho đến buổi tối ông ta đi nằm, xỏ chân vào một trong những đôi vớ mà bà Hubbard vẫn thường đan cho chồng.

Vào lúc ông đang nghe câu chuyện rầm rỗi về mục tiêu truyền giáo của bà Thụy Điển thì một người phụ trách toa bước vào, đến ngay sát Poirot.

“*Pardon, Monsieur.* ”

“Vâng?”

“Ông Bouc gửi lời hỏi thăm ông. Ông ấy nói sẽ rất mừng nếu ông ghé chỗ ông ấy vài phút.”

Poirot đứng dậy, âm ừ cáo lỗi bà Thụy Điển rồi theo người phụ trách toa ra khỏi toa ăn uống.

Đây không phải là người phụ trách toa của ông mà là một người đàn ông béo tốt.

Ông theo người hướng dẫn của mình đi hết hành lang toa của ông rồi sang đến hành lang toa kế tiếp. Phụ trách toa gõ cửa rồi đứng tránh sang bên để Poirot bước vào.

Đây không phải là khoang của Bouc. Đó là một khoang hạng hai, được chọn có lẽ vì nó hơi lớn hơn thông thường một chút.

Thế mà Poirot vẫn có một cảm giác chật chội.

Bouc đang ngồi trên chiếc ghế nhỏ ở góc đối diện. Ở góc kế bên cửa sổ, đối diện với ông, là một người đàn ông nhỏ nhắn, da ngăm ngăm, đang ngó ra ngoài trời tuyết. Đứng lù lù như thể để

ngăn Poirot đến gần hơn là một người đàn ông to béo trong bộ

đồng phục xanh [của chef de train](#) và người phụ trách toa của ông Bouc.

“A, bạn tốt của tôi!” Bouc reo lên. “Vào đây! Tôi cần ông giúp việc này.”

Người đàn ông bên cửa sổ ngồi dịch ra. Poirot lách qua hai người kia rồi ngồi xuống, đối mặt với bạn ông.

Biểu hiện trên khuôn mặt Bouc khiến ông rất thắc mắc. Rõ ràng là có chuyện gì bất thường vừa xảy ra.

“Có chuyện gì vậy?” Poirot hỏi.

“Còn không nữa. Đầu tiên là trận tuyết, rồi đến vụ dừng tàu.

Và bây giờ thì...”

Ông dừng lại. Một tiếng thở dồn kìm nén phát ra từ người phụ trách toa.

“Và bây giờ thì sao ạ?”

“Bây giờ thì một hành khách đã chết trên giường ngủ của ông ấy... bị đâm chết.”

Bouc nói bằng một giọng âm thầm tuyệt vọng.

“Một hành khách? Hành khách nào vậy?”

“Một người Mỹ. Một người đàn ông tên là... tên là...” ông dò tìm trong bản ghi chép ở trước mắt, “Ratchett... đúng rồi...”

Ratchett.”

“Đúng vậy, thưa ông,” phụ trách toa nuốt nước bọt.

Poirot nhìn ông ta. Mặt ông ta trắng bệch.

“Các ông nên mời ông ấy ngồi, ông ấy sắp ngất đến nơi rồi đấy.”

Ông *chef de train* khẽ dịch sang bên. Ông phụ trách toa buông mình xuống ghế, hai tay bưng lấy mặt.

“Hừm!” Poirot thốt lên. “Chuyện nghiêm trọng đây!”

“Chắc chắn là nghiêm trọng. Bắt đầu là vụ ám sát, bản thân nó đã là một tai họa ghê gớm nhất rồi. Nhưng không chỉ có thế, tình hình chung rất bất ổn. Chúng ta đang bị kẹt cứng. Có thể ta sẽ kẹt ở đây nhiều giờ... mà có khi là nhiều ngày nữa không chừng! Còn một tình hình nữa: Khi qua hầu hết các quốc gia ta đều có cảnh sát của quốc gia đó trên tàu. Nhưng ở Nam Tư thì không. Ông hiểu chứ?”

“Một tình hình rất khó khăn,” Poirot nói.

“Còn chưa hết đâu. Bác sĩ Constantine... Tôi quên chưa giới thiệu các ông... Đây là bác sĩ Constantine, đây là ông Poirot.”

Người đàn ông nhỏ nhắn da ngăm đen nghiêng mình. Poirot cũng đáp lễ.

“Bác sĩ Constantine cho rằng cái chết diễn ra vào lúc một giờ sáng.”

“Chuyện này cũng khó nói chính xác,” ông bác sĩ nói, “nhưng tôi có thể nói chắc chắn rằng cái chết đã diễn ra trong khoảng từ nửa đêm đến hai giờ sáng.”

“Ông Ratchett xuất hiện lần cuối cùng khi còn sống là vào khi nào?”

“Hình như ông ấy còn sống lúc một giờ kém hai mươi. Đó là lúc ông ấy nói chuyện với ông phụ trách toa,” Bouc nói.

“Rất đúng,” Poirot tán thành. “Bản thân tôi cũng nghe họ nói chuyện. Đó là điều cuối cùng mọi người biết về ông ta?”

“Vâng.”

Poirot quay sang ông bác sĩ. Ông này nói tiếp:

“Cửa sổ khoang ông Ratchett mở toang. Điều này gây nghi vấn hung thủ đã đào tẩu theo đường đó. Nhưng theo ý tôi thì cánh cửa sổ mở toang đó chỉ là sự ngẫu tạo. Nếu có ai thoát ra đường đó thì chắc chắn phải để lại dấu vết trên tuyết, nhưng chẳng hề

có dấu vết nào cả.”

“Án mạng được phát hiện khi nào?” Poirot hỏi.

“Michel!”

Ông phụ trách toa ngồi thẳng dậy. Khuôn mặt ông vẫn tái nhợt do chưa hết hoảng hốt.

“Làm ơn nói với quý ông đây việc gì đã xảy ra,” Bouc ra lệnh.

Phụ trách toa nói có phần hơi giật cục.

“Người hầu của ông Ratchett đó, anh ta gõ cửa nhiều lần sáng hôm nay. Không có ai trả lời. Rồi, nửa giờ sau, phục vụ toa ăn uống đến. Anh ta muốn biết quý ông đó có dùng déjeuner không.

Lúc đó đã là mười một giờ, các ông hiểu cho.

“Tôi lấy khóa của tôi mở cửa cho anh ta. Nhưng còn vướng sợi xích móc lại từ bên trong. Không có ai trả lời, trong đó rất im ắng, và lạnh nữa... lạnh kinh khủng. Cánh cửa sổ thì mở và tuyết hắt vào trong. Tôi nghĩ chắc là quý ông đó bất tỉnh. Tôi mời

ông chef de train đến. Chúng tôi phá xích, xông vào. Ông ta... Ah!

c’était terrible!”

Ông lại lấy tay bưng mặt.

“Cửa được chốt và khóa từ bên trong,” Poirot ngẫm nghĩ nói.

“Không phải là tự sát chứ?”

Ông bác sĩ Hy Lạp phá lên cười bốn cột.

“Một người tự sát thì liệu có tự đâm được mình đến mười...

mười hai... mười lăm nhát dao được không?” Ông ta hỏi vặn lại.

Poirot trợn mắt.

“Thế thì tàn bạo quá,” ông nói.

“Đó là một phụ nữ,” ông *chef de train* lúc này mới lên tiếng lần đầu tiên.

“Theo như hiện trường thì đó là một phụ nữ. Chỉ có phụ nữ mới đâm kiểu đó.”

Bác sĩ Constantine nhăn mặt suy tư.

“Người phụ nữ này hẳn là rất khỏe,” ông ta nói. “Tôi không muốn nói về khía cạnh kỹ thuật, vì như vậy chỉ làm rối thêm thôi, nhưng tôi có thể đảm bảo rằng một hay hai nhát dao đã được đâm với lực rất mạnh, đến mức thủng cả xương và cơ.”

“Một tội ác rõ ràng là không khoa học lắm,” Poirot nói.

“Rất không khoa học,” bác sĩ Constantine tán thành. “Những nhát dao được đâm lung tung và ngẫu hứng. Một số nhát chỉ

đâm trượt qua, hầu như chẳng gây hại gì. Cứ như thể có ai đó đã đâm bừa bãi trong trạng thái điên cuồng.”

“C'est une femme,” ông *chef de train* lặp lại. “Phụ nữ là thế đấy.

Khi nổi khùng lên thì họ rất khỏe.” Ông ta gật gù một cách hiểu biết đến mức mọi người đều nghĩ bản thân ông hẳn đã từng có một kinh nghiệm cá nhân nào đó.

“Tôi cũng có vài điều khả dĩ đóng góp cho kho kiến thức của ông,” Poirot nói. “Ông Ratchett có nói chuyện với tôi hôm qua.

Theo như tôi hiểu thì ông ta nói tính mạng ông ta đang bị đe dọa.”

“Bumped off... hình như người Mỹ hay dùng thành ngữ này thì phải,” Bouc nói. “Vậy thì đó không phải là một phụ nữ. Đó là một ‘gangster’ hay một ‘gunman’”.

Ông *chef de train* có vẻ hơi phật ý vì lý thuyết của ông vừa bị gạt phăng.

“Nếu là như thế thì có vẻ như vụ này đã được họ tiến hành một cách rất nghiệp dư,” Poirot đánh giá.

Giọng điệu của ông thể hiện một sự phản bác rất chuyên nghiệp.

“Có một người Mỹ to con ở trên tàu,” Bouc nói, tiếp tục đeo đuổi giả thuyết của mình, “một người trông bình thường nhưng ăn mặc rất gớm. Hắn nhai kẹo cao su... Trong giới đàn ông không ai lại như thế. Ông biết tôi nói về ai rồi chứ?”

Ông phụ trách toa - người mà Bouc vừa hỏi - gật đầu.

“Oui, Monsieur, giường số 16. Nhưng không thể là anh ta được.

Anh ta ra vào khoang thì tôi phải thấy chứ ạ.”

“Có thể ông không thấy. Có thể ông không thấy. Nhưng ta sẽ

sớm làm rõ chuyện này. Câu hỏi bây giờ là ta phải làm gì đây?”

Ông nhìn Poirot.

Poirot nhìn lại ông.

“Nào, ông bạn,” Bouc nói. “Ông thừa biết tôi định yêu cầu ông điều gì mà. Tôi biết năng lực của ông. Hãy nhận điều tra vụ này!”

Không, không, xin ông đừng từ chối, ông thấy đấy, vụ này rất nghiêm trọng đối với chúng tôi. Tôi nói đây là nhân danh Công ty Quốc tế Toa nằm. Khi cảnh sát Nam Tư đến, sẽ đơn giản biết mấy nếu chúng ta trình cho họ lời giải đáp! Nếu không thì sẽ có trì hoãn, phiền toái, và cả tỉ thứ bất tiện khác. Ai biết được, có khi còn có cả những phiền toái trầm trọng cho những người vô tội nữa ấy chứ. Thay vào đó, ông giải quyết bí ẩn này! Chúng ta sẽ nói: ‘Một án mạng đã diễn ra, và đây là thủ phạm!’”

“Còn giả sử như tôi không tìm ra được?”

“Ah! *Mon cher!* ” Giọng Bouc trở nên cực kỳ vỗ về. “Tôi biết danh tiếng của ông mà. Tôi biết vài điều về phương pháp của ông. Đây

là một vụ lý tưởng cho ông. Tìm hiểu lai lịch của tất cả những người này và phát hiện ra [bona fides](#) của họ. Điều đó đòi hỏi thời gian và vô số phiền phức. Nhưng chẳng phải ông vẫn thường nói với tôi rằng để khám phá một vụ án, người ta chỉ cần nằm dài trên ghế và suy nghĩ đó sao? Ông hãy làm như vậy đi. Hãy thăm vấn những hành khách trên tàu... Đúng vậy, tôi tin ông! Tôi biết ông không phải là người huênh hoang. Chỉ cần nằm dài suy nghĩ. Tôi vẫn thường nghe ông nói chỉ cần sử dụng một chút chất xám là ông sẽ biết được tất!”

Ông nhào người tới, nhìn bạn của mình đầy ngưỡng mộ.

“Sự tin cậy của ông làm tôi cảm động quá, ông bạn ạ,” Poirot xúc động nói. “Như ông nói, đây không thể là một vụ khó. Bản thân tôi tối qua... mà thôi để nói chuyện này sau. Thật ra thì vụ

này cũng kích thích tôi. Mới cách đây nửa giờ tôi còn nghĩ mình phải chịu đựng nhiều tiếng đồng hồ nhàm chán, kẹt cứng ở nơi này. Và giờ thì tôi đã có một vụ sờ sờ ngay trước mắt.”

“VẬY là ông đồng ý?” Bouc thống thiết hỏi.

“C'est entendu! Ông đặt vụ này vào tay tôi rồi mà.”

“Tốt quá rồi. Chúng tôi xin hết sức phụng sự ông.”

“Để bắt đầu, tôi muốn có sơ đồ toa Istanbul-Calais với ghi chú đầy đủ ai ở khoang nào. Tôi cũng muốn được xem hộ chiếu và vé tàu của họ.”

“Michel sẽ lo vụ này.”

Người phụ trách toa lập tức rời khoang.

“Trên tàu còn có hành khách nào khác không?” Poirot hỏi.

“Trên toa này chỉ có bác sĩ Constantine và tôi. Trên toa từ

Bucharest có một ông cụ què chân. Phụ trách toa biết rất rõ ông này. Ngoài ra còn có những toa thường ở phía sau, nhưng ta khỏi phải quan tâm đến chúng vì hôm qua chúng đã được khóa lại ngay sau bữa chiều. Trước toa Istanbul-Calais chỉ có toa ăn uống mà thôi.”

“Thế thì có vẻ như ta phải tìm kiếm hung thủ ngay trên toa Istanbul-Calais rồi.” Poirot chậm rãi nói rồi quay sang ông bác sĩ.

“Đó là điều ông gợi ý, đúng không ạ?”

Ông bác sĩ Hy Lạp gật đầu.

“Lúc mười hai giờ rưỡi đêm, chúng ta bị bão tuyết. Không ai có thể rời tàu từ lúc đó.”

Bouc trầm trọng nói:

“Hung thủ đang lẫn khuất giữa chúng ta... ngay trên tàu, lúc này...”



CHƯƠNG 6

Một phụ nữ?

“Trước tiên,” Poirot nói, “tôi muốn nghe đôi lời từ anh chàng MacQueen. Có thể anh ta sẽ cung cấp cho chúng ta vài thông tin quan trọng.”

“Hẳn nhiên rồi,” Bouc tán thành.

Ông quay sang *chef de train*.

“Mời ông MacQueen đến đây.”

Ông *chef de train* liền rời toa.

Phụ trách toa trở lại với một mớ hộ chiếu và vé tàu. Bouc tiếp nhận chúng.

“Cảm ơn ông, Michel. Giờ thì tốt nhất là ông hãy trở lại làm việc như bình thường. Chúng tôi sẽ chính thức lấy lời khai của ông sau.”

“Rất tốt ạ, thưa ông.”

Đến phiên Michel rời toa.

“Sau khi gặp anh chàng MacQueen này,” Poirot nói, “có lẽ ông bác sĩ sẽ cùng tôi đến khoang của người chết.”

“Hẳn nhiên rồi.”

“Sau khi ta xong việc ở đó...”

Nhưng ngay lúc đó, *chef de train* trở lại với Hector MacQueen.

Bouc đứng dậy.

“Ở đây hơi chật,” ông hài lòng nói. “Hãy ngồi chỗ tôi, ông MacQueen. Như vậy ông Poirot sẽ ngồi đối diện ông...”

Ông quay sang *chef de train*.

“Hãy mời tất cả mọi người rời khỏi toa ăn uống,” ông nói, “để

toa trống cho ông Poirot sử dụng. *Mon cher*, ông sẽ tiến hành phỏng vấn tại đó.”

“Thế thì tiện quá,” Poirot đồng ý.

MacQueen đứng đó nhìn hết người này sang người khác, có vẻ

như không theo kịp những trao đổi qua lại rất nhanh bằng tiếng Pháp.

“*Qu'est ce qu'il y a?*” MacQueen chật vật phát âm.

“*Pourquoi...?*”

Bằng cử chỉ hoạt bát, Poirot ra hiệu mời anh ngồi vào góc. Anh ngồi xuống rồi tiếp tục nêu thắc mắc.

“*Pourquoi...?*” Anh dừng lại rồi chuyển sang ngôn ngữ của mình. “Trên tàu có chuyện gì chẳng? Chuyện gì xảy ra vậy?”

Anh hết nhìn người này sang người khác.

Poirot gật đầu.

“Chính thế. Có chuyện đã xảy ra. Ông chuẩn bị để đón nhận một cú sốc nhé. Chủ của ông, ông Ratchett, đã chết!”

MacQueen phát ra một tiếng huýt sáo. Ngoại trừ đôi mắt chột

bình sáng, anh không có biểu hiện gì là bị sốc hay đau buồn.

“Thế là cuối cùng chúng cũng tóm được lão,” anh thừa nhận.

“MacQueen, ông nói vậy là ý gì?”

MacQueen lưỡng lự.

“Cớ sao ông nghĩ ông Ratchett bị ám sát?” Poirot hỏi.

“Không phải sao?” Lần này đến phiên MacQueen tỏ ra ngạc nhiên. “À vâng, tôi chỉ đoán như thế thôi mà. Hóa ra ông ấy chết trong khi ngủ sao? Sao lại thế được nhỉ. Ông ấy khỏe như... khỏe như...”

Anh dừng lại, cố tìm một hình ảnh ví von.

“Không, không,” Poirot nói. “Ông đã đoán rất đúng, ông Ratchett bị ám sát. Bị đâm chết. Nhưng tôi rất muốn biết vì sao ông đoán chắc rằng ông ấy bị giết chết chứ không chỉ đơn giản là chết.”

MacQueen lại lưỡng lự.

“Tôi cần phải biết rõ cái đã,” anh nói. “Thật ra các ông là ai?”

Các ông từ đâu đến?”

“Tôi đại diện cho Công ty Quốc tế Toa nằm,” Poirot dừng lại rồi bổ sung.

“Tôi là thám tử. Tên tôi là Hercule Poirot.”

Nếu chờ đợi một hiệu ứng nào đó thì Poirot đã uổng công.

MacQueen chỉ đơn giản nói: “Ra thế.” rồi chờ ông nói tiếp.

“Ông biết tên tôi chứ?”

“À, nghe cũng quen quen... nhưng tôi cứ nghĩ đó là tên một người thợ may y phục nữ.”

Hercule Poirot nhìn anh, vẻ phật ý.

“Không thể tin nổi!” Ông càu nhàu.

“Cái gì không thể tin nổi ạ?”

“Bỏ đi. Ta hãy bàn vào chuyện. MacQueen, xin ông kể lại tất cả

những gì ông biết về người chết. Ông có họ hàng gì với ông ta không?”

“Không, tôi là... tôi từng là... thư ký của ông ta.”

“Ông làm việc này bao lâu rồi?”

“Chỉ hơn một năm thôi.”

“Làm ơn cho chúng tôi mọi thông tin mà ông có.”

“Được thôi, tôi gặp ông Ratchett chỉ mới hơn một năm trước, hồi tôi còn ở bên Ba Tư...”

Poirot ngắt ngang.

“Ông làm gì ở đó?”

“Tôi từ New York đến để xem xét một vụ nhượng quyền khai thác dầu. Chắc các ông không thích nghe mấy vụ này đâu. Tôi và đám bạn bị lừa một vố thê thảm trong vụ này. Ông Ratchett ở

cùng khách sạn với bọn tôi. Ông ấy vừa cự nhev với thư ký nên đề nghị tôi làm thay. Tôi chịu liền. Tôi đang rảnh rỗi nên rất mừng vì tự nhiên có được việc làm lương hậu từ trên trời rơi xuống.”

“Và kể từ đó?”

“Từ đó chúng tôi đi du lịch suốt. Ông Ratchett muốn đi khắp thế giới. Ông ta bị kẹt là không biết ngoại ngữ nào. Công việc của tôi giống như người hướng dẫn du lịch hơn là thư ký. Cuộc sống quả là rất dễ chịu.”

“Giờ hãy nói tất cả những gì ông biết về chủ của ông đi.”

Chàng trai trẻ nhún vai. Một vẻ lúng túng thoáng qua khuôn mặt anh.

“Chuyện này không dễ.”

“Tên họ đầy đủ của chủ ông là gì?”

“Samuel Edward Ratchett.”

“Ông ấy là công dân Mỹ?”

“Đúng vậy.”

“Ông ấy đến từ bang nào của Mỹ?”

“Tôi không biết.”

“Thôi được, hãy nói những gì ông biết đi.”

“Ông Poirot à, sự thật là tôi chẳng biết gì sất! Ông Ratchett chẳng bao giờ kể về mình, hoặc về cuộc sống của ông ta ở bên Mỹ.”

“Theo ông, tại sao lại như thế?”

“Tôi không biết. Tôi đoán là ông ta không tự hào lắm về thuở ban đầu của mình. Có một số người như thế.”

“Ông có phật ý vì sự kín kẽ này không?”

“Thực sự mà nói là không.”

“Ông ấy có bà con họ hàng gì không?”

“Ông ta không kể.”

Poirot cố kéo dài:

“Ông phải có suy đoán nào đó chứ, ông MacQueen.”

“Thôi được, quả là tôi có suy đoán. Lý do là tôi không tin

Ratchett là tên thật của ông ta. Tôi nghĩ ông ta rời nước Mỹ chắc chắn là để thoát khỏi ai đó hay thứ gì đó. Mới cách đây vài tuần tôi còn nghĩ ông ta đã thành công.”

“Và rồi?”

“Rồi ông ta nhận được những lá thư... những lá thư đe dọa.”

“Ông có thấy chúng không?”

“Có chứ. Công việc của tôi là nhận thư từ cho ông ta mà. Lá thư đầu tiên đến vào khoảng hai tuần trước đây.”

“Những lá thư ấy đã bị hủy?”

“Không, tôi nghĩ là tôi còn giữ vài lá trong tập hồ sơ của tôi.

Tôi biết có một lá đã làm cho Ratchett nổi cơn thịnh nộ. Tôi mang đến cho các ông xem nhé?”

“Thế thì tốt quá.”

MacQueen rời khỏi. Anh trở lại vài phút sau đó và đặt xuống trước Poirot hai tờ giấy trông khá nhàu nát.

Lá thư đầu tiên viết:

“Mày tưởng mày qua mặt bọn tao rồi trốn thoát được sao?”

Không dễ dàng như vậy đâu. Bọn tao đã lên đường SĂN mày, Ratchett, và bọn tao sẽ TÓM được mày thôi!”

Không có chữ ký bên dưới.

Nhướn cao cặp chân mày, không bình luận gì, Poirot nhặt lên lá thư thứ hai.

“Bọn tao sắp tổng tiến mày đây, Ratchett. Không bao lâu nữa đâu. Bọn tao sẽ TÓM được mày, hiểu chưa?”

Poirot đặt lá thư xuống.

“Lối viết rất đơn điệu!” Ông nhận xét. “Chữ viết thì đáng chú ý hơn.”

MacQueen nhìn ông.

“Ông chắc không nhận ra,” Poirot hài lòng nói. “Điều đó đòi hỏi con mắt của một người quen với những việc như thế. Lá thư này không phải do một người viết, ông MacQueen ạ. Có ít nhất là hai người đã viết nó, luân phiên nhau mỗi người viết một chữ. Ngoài ra thư được viết bằng chữ in, khiến cho việc nhận dạng chữ viết trở nên khó khăn hơn nhiều.”

Ông dừng lại một lúc rồi nói tiếp:

“Ông có biết ông Ratchett đã xin tôi giúp đỡ không?”

“Xin ông ấy à?”

Giọng sừng sốt của MacQueen đủ để Poirot biết chắc anh chàng này chẳng hay biết gì chuyện đó. Ông gật đầu.

“Phải. Ông ta rất hoảng hốt. Hãy cho tôi biết ông ấy đã biểu hiện thế nào khi đọc lá thư đầu?”

MacQueen lưỡng lự.

“Khó nói quá. Ông ta... ông ta... cười khinh mạn theo cái kiểu điềm tỉnh riêng của ông ta,” chàng thư ký hơi khẽ run. “Tôi cảm thấy có rất nhiều thứ tiềm ẩn phía sau sự điềm tỉnh này.”

Poirot gật đầu. Rồi ông tung ra một câu hỏi bất ngờ.

“MacQueen, xin ông thành thật cho tôi biết ông cảm nghĩ gì về chủ của ông? Ông có ưa ông ta không?”

Hector MacQueen im lặng một lúc trước khi trả lời.

“Không,” cuối cùng anh nói. “Tôi không ưa ông ta.”

“Tại sao?”

“Tôi không thể nói chính xác. Cung cách ông ta thì rất dễ

chịu.” Anh ngừng một lúc rồi nói tiếp. “Tôi sẽ nói thật với ông, ông Poirot ạ. Tôi không ưa và không tin tưởng ông ta. Tôi dám nói ông ta là một người độc ác và nguy hiểm. Tuy vậy, phải thú nhận rằng tôi không có lý do nào để biện minh cho ý kiến này.”

“Cảm ơn ông, MacQueen. Một câu hỏi nữa: ông thấy ông Ratchett lần cuối cùng khi ông ấy còn sống vào lúc nào?”

“Tối qua, vào khoảng...” anh suy nghĩ một hồi, “khoảng mười giờ, tôi nghĩ vậy. Tôi đến khoang của ông ta để lấy bản ghi nhớ.”

“Về chủ đề gì vậy?”

“Về một số đá lát và đồ gốm cổ mà ông ta mua ở Ba Tư. Hàng được giao không đúng với những thứ ông ấy mua. Về chuyện này đã có những trao đổi thư tín kéo dài và phiền toái.”

“Và đó là lần cuối cùng ông thấy ông Ratchett còn sống?”

“Vâng, tôi nghĩ vậy.”

“Ông có biết ông Ratchett nhận lá thư đe dọa cuối cùng vào lúc nào không?”

“Vào buổi sáng lúc chúng tôi rời Constantinople.”

“Có một câu nữa tôi cần phải hỏi ông, ông MacQueen: ông và chủ của ông quan hệ với nhau có tốt không?”

Đôi mắt MacQueen chợt sáng lên.

“Chuyện này nói ra tôi cũng thấy ớn xương sống. Xin mượn theo tựa cuốn sách bán chạy ‘Không có gì để nói’: Quan hệ giữa tôi và ông Ratchett rất tốt.”

“MacQueen, có lẽ ông cho tôi ghi lại tên họ đầy đủ và địa chỉ của ông tại Mỹ.”

MacQueen nói tên họ của anh - Hector Willard MacQueen - cùng với địa chỉ tại New York.

Poirot ngả người ra những chiếc gối ở sau lưng.

“Tạm thời chỉ có vậy,” ông nói, “xin ông giữ kín chuyện ông Ratchett chết trong một thời gian ngắn nữa.”

“Người hầu của ông ấy, ông Masterman, cần phải biết.”

“Có lẽ ông ta biết rồi,” Poirot lạnh lùng nói. “Nếu vậy làm ơn bảo ông ta giữ mồm giữ miệng nhé.”

“Chuyện này thì dễ thôi. Ông ta là người Anh, và luôn hành động theo cái mà ông ta gọi là ‘chuyện ai nấy biết’, ông ta luôn đánh giá thấp người Mỹ và hoàn toàn không có ý kiến gì về các dân tộc khác.”

“Cám ơn ông, MacQueen.”

Anh chàng Mỹ rời khỏi toa.

“Thế nào?” Bouc hỏi. “Ông tin những điều anh chàng đó nói không?”

“Anh ta có vẻ ngay thật và thẳng thắn. Anh ta không vờ vĩnh yêu quý ông chủ của mình, điều mà anh ta có thể làm để tránh bị liên lụy. Ratchett

không nói với anh ta về việc ông ta nhờ tôi giúp và bị từ chối, nhưng tôi không nghĩ có điều gì khả nghi ở

đây. Tôi hình dung ông Ratchett là kiểu người luôn giữ kín những ý định của mình cho đến khi nào còn có thể.”

“Cho nên ông kết luận ít nhất đã có một người vô tội trong vụ án này,” Bouc hớn hờ nói.

Poirot rọi lên bạn mình một ánh mắt trách cứ.

“Tôi ấy à, tôi nghi ngờ tất cả mọi người cho đến phút cuối cùng,” ông nói. “Mặc dù vậy, phải thừa nhận rằng tôi không thấy khả năng anh chàng MacQueen tinh táo và linh lợi này có thể

mất lý trí và đâm nạn nhân đến mười hai hay mười bốn nhát.

Điều đó không phù hợp với tâm lý của anh ta... tuyệt đối không.”

“Đúng là không,” Bouc trầm tư. “Đó là hành động của một kẻ phát rồ do cuồng hận... tôi cho rằng đó là một tính cách kiểu Ý.

Nếu không thì, như ông bạn *chef de train* của chúng ta đã gợi ý, đó hẳn là một phụ nữ.”



CHƯƠNG 7

Thi thể

Cùng bác sĩ Constantine, Poirot đi sang toa kế, đến khoang của người bị sát hại. Phụ trách toa dùng khóa riêng mở cửa cho họ vào.

Hai người bước vào trong. Poirot quay sang hỏi người đi cùng.

“Khoang này có bị xáo trộn gì không?”

“Không ai đụng chạm gì cả. Tôi đã thận trọng không làm xê dịch thi thể khi khám nghiệm.”

Poirot gật đầu. Ông đưa mắt nhìn quanh.

Điều đầu tiên tác động lên giác quan là cái lạnh ghê hồn.

Cửa sổ được kéo xuống hết cỡ và rèm cửa được vén lên.

“Lạnh quá,” Poirot nhận xét.

Ông bác sĩ cười tán thành.

“Tôi không muốn đóng cửa sổ,” ông nói.

Poirot quan sát cửa sổ một cách kỹ càng.

“Ông có lý đấy,” ông kết luận. “Không có ai rời toa theo đường này. Có thể cửa sổ mở là do cố tình gợi ý điều đó, nhưng nếu là

vậy thì tuyệt đã làm hỏng mục đích của hung thủ.”

Ông quan sát khung cửa sổ thật kỹ lưỡng. Lấy từ túi ra một chiếc hộp nhỏ, ông thổi một ít bột lên khung cửa.

“Hoàn toàn không có dấu tay,” ông nói. “Có nghĩa là nó đã được lau sạch. Tốt thôi, nếu như có dấu tay thì chúng cũng chẳng nói lên được điều gì đáng kể. Ông Ratchett, người hầu của ông ta hay ông phụ trách toa đều có thể để lại dấu tay. Ngày nay, bọn tội phạm thường không mặc những sơ suất kiểu này.”

“Và nếu vậy thì,” ông phấn khởi bổ sung, “chúng ta hoàn toàn có thể đóng cửa sổ. Trong này đúng là một cái kho ướp lạnh!”

Nói là làm ngay. Đóng xong cửa sổ, lần đầu tiên ông hướng sự

chú ý sang cơ thể bất động sống soài trên giường ngủ.

Ratchett nằm ngửa. Chiếc áo pyjama lấm đốm những vết ố

của ông ta đã được cởi hết cúc và lộn ngược ra sau.

“Ông thấy đó, tôi cần phải xem nguyên nhân các vết thương,”

ông bác sĩ giải thích.

Poirot gật đầu. Ông cúi xuống tử thi. Cuối cùng, ông đứng thẳng dậy, khuôn mặt thoáng nhăn nhó.

“Không dễ nhìn chút nào,” ông nói. “Ai đó hẳn đã đứng đây đâm ông ta liên tục. Có bao nhiêu vết thương cả thầy?”

“Tôi tìm được mười hai vết. Một, hai vết rất nhẹ, chỉ như những vết xước. Mặt khác, có ít nhất ba vết có thể gây tử vong.”

Có gì đó trong giọng nói của ông bác sĩ khiến Poirot chú ý. Ông dò xét nhìn ông này. Ông bác sĩ Hy Lạp đang tư lự đứng nhìn xuống tử thi, vẻ bối rối.

“Ông thấy có gì lạ, đúng không?” ông từ tốn hỏi. “Cứ nói ra đi, ông bạn. Có gì ở đây khiến ông lúng túng vậy?”

“Ông nói đúng đó,” ông bác sĩ thừa nhận.

“Điều gì vậy?”

“Ông xem đây, hai vết thương... ở đây và ở đây,” ông bác sĩ

dùng tay chỉ, “chúng rất sâu. Mỗi vết đều có thể làm lủng mạch máu... thế mà... miệng vết thương lại không mở. Chúng không chảy máu như vết thương bình thường.”

“Điều đó gợi ý gì?”

“Nó gợi ý rằng người đàn ông này đã chết... chết một thời gian ngắn... rồi mới bị đâm những vết này. Nhưng điều này vô lý quá.”

“Có vẻ là như vậy,” Poirot trầm tư nói. “Trừ phi hung thủ cho rằng hẳn chưa hoàn tất công việc nên trở lại làm nốt cho chắc cú; nhưng điều này hiển nhiên là vô lý! Còn gì nữa không ạ?”

“Còn một điều nữa.”

“Đó là?”

“Ông thấy vết thương ở đây chứ... dưới cánh phải ấy... gần bờ

vai bên phải. Hãy cầm cây bút này của tôi. Ông có đâm được giống như vậy không?”

Poirot nhắc tay lên.

“*Précisément*. Tôi hiểu rồi. Với *tay phải* thì cực kỳ khó khăn...

hầu như không thể. Để đâm vậy thì phải dùng tay trái. Nhưng nếu là đâm bằng *tay trái* thì...”

“Chính xác rồi đó, ông Poirot, vết đâm này hầu như chắc chắn được thực hiện bằng *tay trái*.”

“Vậy là hung thủ thuận tay trái? Không, không đơn giản như vậy, đúng không ạ?”

“Đúng như ông nói. Một số vết thương khác lại rõ ràng là được đâm bằng *tay phải*.”

“Có hai người. Chúng ta lại trở về với lý thuyết hai người,” nhà thám tử thì thầm.

Rồi ông đột ngột hỏi:

“Đèn có sáng không?”

“Điều đó rất khó nói. Ông biết đấy, mỗi sáng khoảng mười giờ

là phụ trách toa tắt hết đèn.”

“Công tắc đèn sẽ mách bảo chúng ta,” Poirot nói.

Ông quan sát công tắc của chiếc đèn trần và tay vặn của chiếc đèn đầu giường. Công tắc ở vị trí tắt. Tay vặn ở vị trí đóng.

“*Eh bien.*” Ông trầm tư nói. “Chúng ta có giả thuyết về hung thủ thứ nhất và thứ hai, như cách nói của Shakespeare vĩ đại.

Hung thủ thứ nhất đâm nạn nhân rồi rời khỏi, tắt đèn. Hung thủ thứ hai đến trong bóng tối, không thấy được việc làm của kẻ

đi trước, nên cũng đâm ít nhất là hai lần vào tử thi. *Que pensez*

vous de ça?”

“Tuyệt vời,” ông bác sĩ nhỏ nhả nhiệt thành nói.

Đôi mắt của Poirot sáng lên.

“Ông nghĩ vậy sao? Tôi rất mừng. Tôi cảm thấy giả thuyết ấy hơi vô lý.”

“Còn có giải thích nào khác vào đây nữa?”

“Đó chính là điều tôi cũng đang tự hỏi. Ở đây quả có sự trùng hợp hay không? Còn có mâu thuẫn nào khác không, tương tự

như cái mâu thuẫn đã chỉ ra hai người tham gia vào án mạng?”

“Tôi nghĩ là có đấy. Một số vết đâm, như tôi đã nói, cho thấy sự yếu ớt... chúng không đủ lực hay không đủ quyết tâm. Chúng là những vết đâm sượt yếu ớt. Nhưng vết này... và vết này nữa...”

ông chỉ tay, “những vết này đòi hỏi rất nhiều lực. Chúng cắm ngập vào cơ.”

“Theo ông thì đó là vết đâm của một người nam?”

“Chắc chắn.”

“Nữ thì không thể đâm như vậy?”

“Một phụ nữ trẻ, khỏe, lực lưỡng cũng có thể đâm như thế, đặc biệt khi cô ta ở trong trạng thái xúc động cao độ, nhưng theo thiên kiến của tôi thì điều đó rất ít khả năng.”

Poirot im lặng một lúc.

Ông bác sĩ lo lắng hỏi:

“Ông hiểu ý tôi chứ?”

“Hoàn toàn hiểu,” Poirot nói. “Vấn đề đã bắt đầu sáng tỏ một cách tuyệt vời! Tên sát nhân là một người nam rất khỏe, nhưng hẳn lại yếu ớt và đó là một người nữ. Người này thuận tay phải và đồng thời cũng thuận tay trái...”

Ah! c'est rigolo, toute ça! ”

Ông nói bằng sự giận dữ bột phát.

“Còn nạn nhân... ông ta đã làm gì trong tất cả những chuyện này? Ông ta có la lên không? Có kháng cự, có chống chọi lại không?”

Ông luồn tay dưới gối và lôi ra khẩu súng tự động mà Ratchett đã từng khoe với ông.

“Nạp đầy đạn, ông thấy đấy,” ông nói.

Họ quan sát xung quanh. Đồ mặc ban ngày của Ratchett được treo vào móc trên tường. Trên chiếc bàn nhỏ được tạo từ nắp đậy bồn rửa tay có nhiều đồ vật: hàm răng giả nằm trong chiếc ly thủy tinh; một chiếc ly rỗng khác; một chai nước suối; một chiếc vỏ lớn và một gạt tàn thuốc chứa một đốm xỉ gà;

và một vài mẫu giấy đã được thiêu thành tro; cạnh đó còn có hai que diêm đã đốt.

Ông bác sĩ nhắc chiếc ly rỗng lên người.

“Đây là lời giải thích cho việc không phản ứng của nạn nhân,”

ông nhẹ nhàng nói.

“Rượu à?”

“Vâng.”

Poirot gật đầu. Ông nhặt hai que diêm lên, chăm chú quan sát chúng.

“Ông có manh mối gì chẳng?” ông bác sĩ nhỏ nhắn háo hức hỏi.

“Hai que diêm này có hình dạng khác nhau. Có một que dẹt hơn que kia. Ông thấy không?”

“Loại này lấy trên tàu,” ông bác sĩ nói, “trong vỏ bằng giấy cứng.”

Poirot sờ sẫm các túi của Ratchett. Ông lấy ra một hộp diêm rồi chăm chú so sánh.

“Que diêm dày hơn là do Ratchett đánh,” ông nhận xét. “Để xem coi ông ta có giữ hộp diêm dẹt không.”

Nhưng việc lục soát không phát hiện thêm được một hộp diêm nào khác.

Đôi mắt của Poirot lia quanh khoang. Chúng sáng và bén như

mắt chim. Có thể nhận thấy rằng không có gì thoát khỏi sự dò xét của ông.

Với một tiếng reo nhỏ, ông cúi xuống sàn, nhặt lên vật gì đó.

Đó là một chiếc khăn tay nhỏ vuông vức, trông rất xinh xắn.

“Ông bạn *chef de train* của chúng ta có lý. Có một phụ nữ tham gia trong vụ này.”

“Và một cách sơ suất, người phụ nữ này đã để lại chiếc khăn tay!” Poirot nói. “Chính xác như những gì thường diễn ra trong sách và trong phim... và để tạo thêm thuận lợi cho chúng ta, chiếc khăn còn có dấu hiệu nhận dạng nữa chứ.”

“Ta quả là may mắn!” ông bác sĩ thốt lên.

“May hả?” Poirot hỏi ngược lại.

Có gì đó trong giọng nói của ông khiến ông bác sĩ ngạc nhiên.

Nhưng trước khi ông kịp hỏi để làm rõ, Poirot đã sụp xuống sàn lần nữa.

Lần này, ông chìa ra trong lòng bàn tay một que thông tẩu.

“Nó hẳn là thuộc sở hữu của ông Ratchett?” Ông bác sĩ gợi ý.

“Trong tất cả các túi của ông ấy không có chiếc tẩu nào, cũng không có sợi thuốc lẫn túi đựng thuốc.”

“Thế thì đó là một manh mối.”

“Ồ! Dĩ nhiên. Và một lần nữa nó được bỏ lại một cách đầy sơ

suất. Lần này là dấu vết của người nam, ông thấy đấy! Không thể

than phiền là thiếu manh mối trong vụ này. Ở đây có đầy ắp manh mối. Nhân tiện, ông đã làm gì với hung khí rồi?”

“Không thấy hung khí đâu cả. Chắc là hung thủ đã đem nó theo.”

“Tại sao nhỉ?” Poirot đăm chiêu.

“A!” Ông bác sĩ reo lên. Từ nãy, ông vẫn đang thận trọng lục soát các túi trên bộ pyjama của người chết.

“Tôi bị sót thứ này,” ông cho hay. “Tôi cởi cúc áo và lột thẳng ra sau.”

Từ túi ngực, ông lôi ra một chiếc đồng hồ vàng, vỏ đồng hồ bị

đâm méo mó, và kim đồng hồ chỉ một giờ mười lăm phút.

“Ông thấy chưa?” Constantine hứng chí reo lên. “Nó cho ta biết thời gian gây án. Hoàn toàn phù hợp với tính toán của tôi.

Tôi đã nói rồi mà: từ nửa đêm đến hai giờ sáng, nhiều khả năng là vào lúc một giờ dù khó nói chính xác được trong chuyện này.

Eh bien, đây là sự khẳng định. Một giờ mười lăm phút. Đó chính là thời gian gây án.”

“Có thể lắm. Vâng, rất có thể.”

Ông bác sĩ nhìn ông đầy khúc mắc.

“Ông Poirot, xin ông bỏ lỗi cho, nhưng tôi không hiểu ông lắm.”

“Tôi còn chưa hiểu mình nữa kìa,” Poirot đáp lời. “Tôi chẳng hiểu gì sất, và như ông đã nhận thấy, điều đó làm cho tôi lo

lắng.”

Ông thở dài rồi cúi xuống chiếc bàn nhỏ, quan sát mẫu giấy bị

đốt thành tro. Ông thì thầm nói với chính mình:

“Điều mình cần lúc này là một chiếc hộp đựng nón phụ nữ đã lỗi thời.”

Bác sĩ Constantine không sao hiểu nổi lời nhận xét này. Và một lần nữa, Poirot không cho ông thời gian để nêu thắc mắc.

Mở cánh cửa ra hành lang, ông gọi ông phụ trách toa.

Phụ trách toa vội vã tới.

“Có bao nhiêu phụ nữ trên toa này?”

Phụ trách toa đếm ngón tay.

“Một, hai, ba... sáu người, thưa ông. Bà người Mỹ, bà Thụy Điển, cô gái người Anh, Bá tước Phu nhân Andrenyi và bà Công chúa Dragomiroff cùng người hầu của bà ấy.”

Poirot ngẫm nghĩ.

“Tất cả họ đều có hộp đựng nón chứ?”

“Vâng thưa ông.”

“Vậy ông mang lại cho tôi... để xem nào... hộp đựng nón của bà Thụy Điển và bà người hầu. Hai người này là hy vọng duy nhất. Cứ nói với họ đây là thủ tục hải quan hay bất cứ lý do nào ông nghĩ ra.”

“Được thôi thưa ông. Cả hai bà đó đều không ở khoang của mình lúc này.”

“Thế thì nhanh lên.”

Phụ trách toa rời đi. Ông trở lại với chiếc hộp nón. Poirot mở

hộp của bà người hầu ra rồi để sang một bên. Rồi ông mở hộp của bà Thụy Điển, khẽ reo lên hài lòng, cẩn thận nhấc chiếc nón ra, ông để lộ một mô tròn bằng lưới sắt.

“A, cái ta cần đây rồi. Khoảng mười lăm năm trước đây, người ta làm hộp nón như thế này. Người ta xiên que kẹp qua chiếc nón đánh vào cái mô bằng lưới sắt này đây.”

Trong lúc nói, ông khéo léo gỡ ra hai trong số các que kẹp.

Xong, ông đóng hộp nón lại và dặn phụ trách toa trả cả hai hộp về chỗ cũ.

Khi cửa đã khép lại, ông quay sang ông bác sĩ.

“Ông thấy chưa, bác sĩ thân mến, tôi không phải là loại người chỉ trông cậy vào các quy trình chuyên môn. Tôi tìm những yếu tố tâm lý chứ không phải là dấu vân tay hay tàn thuốc lá. Nhưng trong trường hợp này, tôi rất hoan nghênh một sự trợ giúp khoa học nho nhỏ. Khoang này chứa đầy những manh mối, nhưng liệu tôi có thể biết chắc những manh mối ấy có là thật như về

ngoài của chúng hay không?”

“Tôi không hiểu ông lắm, ông Poirot ạ.”

“Thôi được, tôi sẽ cho ông một ví dụ: ta tìm được một chiếc khăn tay nữ. Một người nữ đã đánh rơi nó ư? Hay là một người nam, kẻ gây tội ác, đã tự nhủ ‘Ta sẽ làm cho giống như một vụ

án mạng do nữ là thủ phạm. Ta sẽ đâm kẻ thù nhiều nhát dao hơn mức cần thiết, cố tình làm cho một số nhát có vẻ yếu ớt và không hiệu quả, rồi ta sẽ bỏ lại một chiếc khăn tay mà ai cũng có thể phát hiện.’ Đó là một khả năng. Nhưng cũng có một khả

năng khác. Liệu có phải một người nữ đã giết ông ấy và cố tình

bỏ lại một que thông tẩu để vụ án mạng trông giống như một tác phẩm của nam giới? Hay liệu chúng ta nghiêm túc không khi giả

định rằng hai người ấy - một nam, một nữ - tham gia vụ này một cách riêng rẽ, và cả hai đều sơ suất đến mức bỏ lại một manh mối có thể tiết lộ họ? Sự trùng hợp này là hơi quá mức!”

“Nhưng chuyện hộp nón thì đến từ đâu?” ông bác sĩ hỏi, vẫn chưa hết bối rối.

“A! tôi cũng sắp nói đến đó. Như tôi đã nói, những manh mối này, chiếc đồng hồ bị chết vào lúc một giờ mười lăm, chiếc khăn tay, que thông tẩu, chúng có thể là thật nhưng cũng có thể là giả.

Về điều này tôi chưa thể nói được. Nhưng có một manh mối mà tôi tin là *không* ngẫu tạo, mặc dù một lần nữa nó cũng có thể là sai. Tôi muốn nói đến que diêm dẹt, ông bác sĩ ạ. *Tôi tin là que diêm này do hung thủ sử dụng chứ không phải ông Ratchett.* Nó được dùng để đốt một tờ giấy buộc tội nào đó. Có thể là một tờ

ghi chú. Nếu là vậy thì tờ ghi chú này hẳn phải chứa đựng điều gì đó, một sai lầm, một sơ suất, có thể giúp lần tới hung thủ. Tôi đang cố hết sức phục hồi lại điều được ghi trên đó.”

Ông ra khỏi khoang rồi một lát sau trở lại với một chai đèn cồn và một cặp kẹp uốn rìa.

“Tôi dùng thứ này cho râu của tôi,” ông nói về cặp kẹp.

Ông bác sĩ quan sát Poirot đầy hiếu kỳ. Nhà thám tử trải hai cây kẹp ra rồi cẩn thận lấy một cây kẹp vào tờ giấy hóa tro. Ông lấy cây kia kẹp vào một đầu tờ giấy rồi giữ cho liên lạc, đưa tất cả ra dưới ngọn lửa đèn cồn.

“Đây là một việc rất thủ công,” ông nói vọng ra sau. “Hy vọng là ta đạt được mục đích.”

Ông bác sĩ chăm chú nhìn ông làm việc. Đôi kẹp bằng kim loại bắt đầu nóng đỏ lên. Bất chợt, ông thấy những dòng chữ mờ

nhạt. Những từ ngữ hiện lên chậm chạp - những từ ngữ của lửa.

Đó là một mẫu giấy rất nhỏ. Chỉ có ba từ hoàn chỉnh và một phần của từ thứ tư.

“...nh bé *Daisy Armstrong*.”

“A!” Poirot reo lớn.

“Ông phát hiện điều gì hả?” ông bác sĩ hỏi.

Đôi mắt Poirot rực sáng. Ông cẩn thận đặt hai cây kẹp xuống.

“Phải. Ông trả lời. *“Tôi đã biết tên thật của người chết. Tôi còn biết vì sao ông ta rời nước Mỹ.”*

“Tên ông ta là gì vậy?”

“Cassetti.”

“Cassetti.” Constantine nhúu mày. “Nó nhắc tôi về điều gì đó.

Cách đây vài năm. Tôi chịu không thể nhớ nổi... Nó liên quan đến một vụ án ở Mỹ, đúng không ạ?”

“Đúng rồi,” Poirot xác nhận, “một vụ án ở Mỹ.”

Tiếp sau đó, Poirot có vẻ như không sẵn sàng để nói chuyện cởi mở. Ông nhìn quanh quất trong khi nói:

“Ta sẽ nói chuyện này sau nhé. Trước hết ta hãy rà lại xem có điều gì còn bỏ sót ở đây không đã.”

Nhanh chóng và khéo léo, ông soát lại lần nữa tất cả các túi của người chết, nhưng không có gì đáng quan tâm. Ông thử mở

cánh cửa thông sang khoang bên cạnh, nhưng nó đã khóa từ phía bên kia.

“Có một điều tôi không hiểu,” bác sĩ Constantine nói. “Nếu hung thủ không thoát ra lối cửa sổ, cánh cửa thông khoang lại khóa từ bên kia, còn cửa ra hành lang thì không những khóa từ

bên trong mà còn được móc xích thì thử hỏi làm cách nào hung thủ trốn ra khỏi khoang?”

“Đó là câu hỏi mà khán giả thường đặt ra khi diễn viên bị trói cả tay lẫn chân, nhốt trong buồng kín... và đột nhiên biến mất.”

“Ý ông là...”

“Ý tôi là,” Poirot giải thích, “nếu hung thủ muốn chúng ta tin hắn trốn theo đường cửa sổ thì dĩ nhiên hắn phải làm sao đó để

hai lối kia có vẻ như không thể được. Giống như người diễn viên biến mất trong phòng kín, đó là một thủ thuật. Việc của chúng ta là tìm ra thủ thuật đó được tiến hành như thế nào.”

Ông chốt lại cánh cửa thông khoang từ phía bên họ.

“Trong trường hợp đó,” ông nói, “bà Hubbard xuất sắc của chúng ta sẽ rất quan tâm đến việc thu thập những tình tiết nóng bỏng của vụ án để viết thư cho con gái.”

Ông nhìn quanh lần nữa.

“Chẳng còn gì để làm ở đây cả, tôi nghĩ vậy. Nào, chúng ta hãy gặp lại ông Bouc.”



CHƯƠNG 8

Vụ bắt cóc Armstrong

Họ tìm thấy ông Bouc đang kết thúc món ốp-la.

“Tôi nghĩ tốt nhất ta dùng bữa trưa ngay tại toa ăn uống,” ông nói. “Sau đó toa sẽ được dọn dẹp và ông Poirot có thể tiến hành phỏng vấn các hành khách ở đó. Trong khi chờ đợi, tôi đã lệnh cho họ mang vài món trái cây đến đây.”

“Một ý tưởng tuyệt vời,” Poirot thốt lên.

Cả ông lẫn ông bác sĩ đều không đói và họ dùng nhanh món trái cây. Chỉ đến khi họ nhâm nhi món cà-phê, ông Bouc mới gọi hỏi về chủ đề đang choán tâm trí cả ba người.

“*Eh bien?*” ông hỏi.

“*Eh bien*, tôi đã phát hiện ra danh tính của nạn nhân. Tôi biết lý do ông ta phải cấp bách rời nước Mỹ.”

“Ông ta là ai vậy?”

“Ông còn nhớ bài báo về đứa bé nhà Armstrong không? Đó là người đã giết bé Daisy Armstrong: Cassetti.”

“Tôi nhớ ra rồi. Một vụ án gây sốc, mặc dù tôi không thể nhớ chi tiết.”

“Đại tá Armstrong là một người Anh... từng nhận huân chương Victoria Cross. Ông có nửa dòng máu Mỹ vì mẹ của ông là con gái của W.K. Van der Halt, một triệu phú ở Wall Street, ông lấy con gái của Linda Arden, nghệ sĩ bi kịch nổi tiếng nhất nước Mỹ thời bấy giờ. Họ sống ở Mỹ và có với nhau một cô con gái mà họ cưng như trứng mỏng. Khi lên ba tuổi, cô bé đã bị bắt cóc. Bọn bắt cóc đòi một món tiền chuộc lớn đến mức không thể nào lo nổi. Tôi sẽ không làm một các ông bằng những tình tiết rắc rối tiếp sau đó. Tôi xin nói thẳng luôn là khi món tiền khổng lồ hai trăm ngàn đô-la đã được giao nộp rồi mà người ta vẫn tìm ra xác đứa bé chết trước đó ít nhất hai tuần. Sự phẫn nộ của công luận lên đến cực điểm. Và những chuyện tiếp sau đó thậm chí còn tệ

hại hơn. Bà Armstrong đang mang thai một đứa bé khác. Phát hiện gây sốc này đã khiến bà sinh non và cả bà lẫn đứa bé đã chết lúc lâm bồn. Người chồng tan nát cõi lòng cũng đã dùng súng tự sát.”

“[Mon Dieu](#), đúng là một thảm kịch, giờ thì tôi nhớ ra rồi,” ông Bouc nói. “Còn có thêm một người chết nữa, nếu tôi nhớ không lầm.”

“Đúng. Đó là một cô bảo mẫu xui xẻo người Pháp hay Thụy Sĩ.

Cảnh sát tin rằng cô ta biết điều gì đó về tội ác. Họ không tin vào những lời phủ nhận đầy khích động của cô. Cuối cùng, trong cơn tuyệt vọng, cô gái đáng thương đó đã nhảy cửa sổ tự sát. Sau đó người ta mới chứng minh được rằng cô ta hoàn toàn vô tội, không hề có thông đồng gì với bọn tội phạm.”

“Chuyện này thật không hay chút nào,” Bouc lẩm nhẩm.

“Khoảng sáu tháng sau, người ta tóm được cái gã Cassetti đó khi hắn đang là trùm một băng đảng chuyên bắt cóc trẻ em.

Trong quá khứ, chúng đã từng dùng phương pháp như vậy. Nếu cảm thấy cảnh sát sắp lần ra, chúng liền thủ tiêu con tin, giấu xác đi, và tiếp tục bòn rút càng nhiều tiền càng tốt cho đến khi tội ác của chúng được phát hiện.

“Bạn thân mến, bây giờ tôi xin tiết lộ với ông điều này.

Cassetti chính là lão đó! Nhưng bằng tài sản khổng lồ mà hắn đã moi móc được và bằng những chỗ dựa bí ẩn của hắn thông qua nhiều nhân vật, hắn đã được tha bổng vì lý do sơ suất kỹ thuật.

Dù vậy, hắn vẫn có thể bị hành hình bởi công chúng nếu như

hắn không đủ thông minh để chọn con đường đào thoát. Hắn bèn đổi tên và rời khỏi nước Mỹ. Từ đó, hắn trở thành một quý ông nhàn nhã, luôn đi du lịch ở nước ngoài và sống bằng những

[rentes của hắn.](#)”

“[Ah! quel animal!](#)” Giọng Bouc vang lên đầy phẫn uất và kinh tởm. “Hắn chết không có gì là đáng tiếc... không đáng tiếc chút nào!”

“Tôi cũng đồng ý.”

“Tout de même, cũng đâu nhất thiết phải giết hắn trên tàu Tốc hành Phương Đông. Có khối chỗ khác.”

Poirot thoáng mỉm cười, ông thấy Bouc có phần thiên kiến trong vấn đề này.

“Câu hỏi mà chúng ta phải đặt ra lúc này là liệu vụ ám sát đó là hành động của một băng đảng cạnh tranh mà Cassetti từng

chơi xỏ trong quá khứ, hay đó là hành động trả thù cá nhân?”

Ông nói, rồi giải thích phát hiện của ông về những từ ít ỏi trên mẫu giấy bị đốt.

“Nếu giả thiết của tôi là đúng thì lá thư này do hung thủ đốt đi. Tại sao vậy? Vì nó có nhắc tới cái tên ‘Armstrong’, vốn là manh mối để tháo gỡ bí ẩn.”

“Có thành viên nào trong gia đình Armstrong còn sống sót không nhỉ?”

“Rủi thay, tôi không biết điều đó. Tôi nhớ có đọc báo thấy còn một cô em gái của bà Armstrong thì phải.”

Poirot thuật tiếp về những kết luận chung của ông và bác sĩ

Constantine. Bouc rạng rỡ hân hoan khi nghe kể về chiếc đồng hồ

bị đâm hỏng.

“Nó giúp ta có được thời gian gây án cực kỳ chính xác.”

“Vâng,” Poirot nói. “Điều đó rất thuận lợi.”

Có điều gì đó khó lòng mô tả trong giọng nói của ông khiến hai người kia phải nhìn ông một cách tò mò.

“Ông nói chính ông đã nghe thấy Ratchett trao đổi với phụ trách toa vào lúc một giờ kém hai mươi, đúng không ạ?”

Poirot thuật lại những gì đã xảy ra khi đó.

“Tốt lắm,” Bouc thốt lên, “điều đó chứng tỏ rằng ít ra Cassetti...

hay Ratchett, tôi sẽ tiếp tục gọi hắn theo tên này... hắn chắc chắn còn sống vào lúc một giờ kém hai mươi.”

“Nói chính xác là một giờ kém hai mươi ba phút.”

“Thế thì nói cho chuẩn luôn là vào lúc mười hai giờ ba mươi bảy phút, Ratchett vẫn còn sống. Đó ít ra cũng là một sự thật.”

Poirot không trả lời. Ông ngồi đăm chiêu chú mục về phía trước.

Có tiếng gõ cửa, rồi người phụ trách toa ăn uống bước vào.

“Toa ăn uống đã sẵn sàng, thưa ông,” anh ta thông báo.

“Chúng tôi sẽ đến đó,” Bouc đứng dậy, nói.

“Tôi theo các ông được không?” Constantine hỏi.

“Dĩ nhiên, bác sĩ thân mến. Trừ phi ông Poirot phản đối.”

“Không hề. Không hề đâu,” Poirot liến thoắng.

Sau một vài câu xã giao về trình tự: “Après vous, Monsieur”,

“Mais non, après vous”, họ cùng rời khỏi khoang.



PHẦN 2

LỜI CHỨNG



CHƯƠNG 1

Lời chứng của ông phụ trách toa

Tại toa ăn uống, mọi thứ đều đã sẵn sàng.

Poirot và Bouc ngồi cùng một bên bàn. Ông bác sĩ ngồi ở mé bên có lối đi.

Trên bàn, trước mắt Poirot là bản sơ đồ toa Istanbul-Calais với tên của hành khách ghi bằng mực đỏ.

Hộ chiếu và vé tàu được đặt thành một chồng ở một bên bàn.

Giấy viết, mực, bút và bút chì đều có đầy đủ.

“Rất tuyệt,” Poirot nói. “Ta có thể mở ngay phiên phỏng vấn.

Trước hết, theo tôi, ta cần lấy lời khai của phụ trách toa. Hẳn ông cũng biết ít nhiều về ông ta. Tính cách ông ta ra sao? Ông ta có phải người mà ông tin cậy không?”

“Tôi hoàn toàn tin tưởng ông ta. Pierre Michel làm việc cho công ty đã mười lăm năm nay. Ông ấy là người Pháp... sống gần Calais. Đây là một người tuyệt đối lương thiện và đáng trân trọng, về mặt trí tuệ thì có lẽ không có gì nổi bật lắm.”

Poirot gật đầu thông hiểu.

“Tốt,” ông nói. “Ta hãy gặp ông ấy.”

Pierre Michel đã lấy lại phần nào sự bình tĩnh, nhưng vẫn còn rất hoang mang.

“Hy vọng ông không nghĩ tôi có gì đáng trách,” ông tỏ ra lo âu, đưa mắt nhìn Poirot rồi nhìn Bouc. “Chuyện xảy ra thật là kinh khủng. Hy vọng ông không nghĩ nó liên quan đến tôi cách nào đó?”

Sau khi trấn an người đàn ông, Poirot bắt đầu phỏng vấn.

Trước hết, ông lấy tên họ và địa chỉ của Michel, thời gian phục vụ của ông ta, và thời gian ông ta làm việc trên tuyến đường này.

Những điều này thì Poirot đều biết cả, nhưng những câu hỏi thông lệ sẽ có tác dụng làm cho Michel thoải mái hơn.

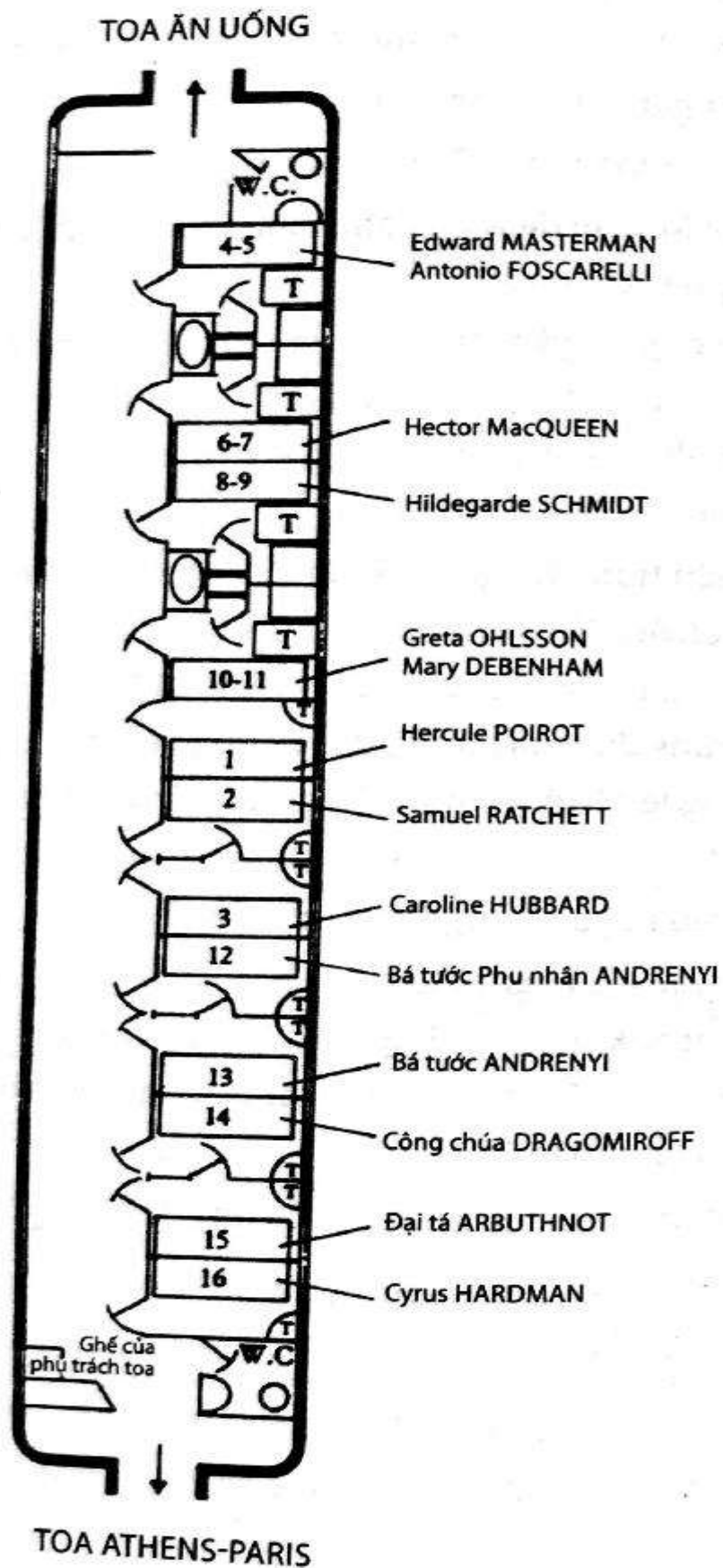
“Và bây giờ ta hãy nói về những sự kiện tối qua nhé,” Poirot vào cuộc.
“Ông Ratchett về giường nghỉ lúc nào?”

“Dạ hầu như ngay khi dùng bữa chiều xong, thưa ông. Cụ thể

là trước khi ta rời Belgrade. Tối hôm trước ông ấy cũng làm y như vậy. Ông ấy sai tôi dọn giường trong khi ông ấy ăn, và tôi đã làm theo.”

“Sau đó có ai vào khoang của ông ấy không?”

“Người hầu của ông ấy, và cái ông người Mỹ trẻ tuổi, thư ký của ông ấy.”



“Còn ai khác không?”

“Không thưa ông. Theo tôi biết thì không.”

“Tốt. Và đó là lần cuối ông nghe hoặc thấy ông ấy?”

“Không thưa ông. Ông quên rồi sao, ông ấy gọi chuông vào khoảng một giờ kém hai mươi... không bao lâu sau khi tàu dừng.”

“Chính xác là chuyện gì đã xảy ra?”

“Tôi gõ cửa, nhưng ông ấy nói vọng ra rằng ông ấy bị nhầm lẫn.”

“Nói bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp?”

“Tiếng Pháp ạ.”

“Chính xác ông ấy nói sao?”

“*Ce n'est rien. Je me suis trompé.*”

“Rất đúng,” Poirot nói. “Tôi cũng nghe thấy vậy. Rồi ông bỏ đi?”

“Vâng, thưa ông.”

“Ông về chỗ ngồi của ông?”

“Không, thưa ông, trước đó tôi đến trả lời một tiếng chuông khác cũng vừa cất lên.”

“Bây giờ, ông Michel, tôi sẽ hỏi ông một câu hỏi quan trọng.

Ông ở đâu vào lúc một giờ mười lăm?”

“Tôi ấy à, thưa ông? Tôi ngồi ở chiếc ghế nhỏ của tôi ở cuối toa.”

“Ông chắc chứ?”

“*Mais oui...* chỉ có...”

“Có sao?”

“Tôi có đi sang toa kế, toa Athens, để nói chuyện với đồng nghiệp bên đó. Chúng tôi bàn về vụ tuyết. Chuyện này diễn ra khoảng sau một giờ chút đỉnh. Tôi không thể nói chính xác.”

“Và ông trở lại lúc nào?”

“Một trong những khách của toa tôi gọi chuông, thưa ông... tôi nhớ là... tôi đã có thưa với ông. Là bà người Mỹ đấy ạ. Bà ấy gọi chuông nhiều lần.”

“Tôi nhớ ra rồi,” Poirot nói. “Rồi sau đó?”

“Sau đó ấy ạ? Tôi trả lời chuông ông gọi và đem nước sôi cho ông. Rồi khoảng nửa giờ sau tôi đến làm giường ở một trong các khoang khác... khoang của ông người Mỹ, thư ký của ông Ratchett ấy ạ.”

“Khi ông đến làm giường, ông MacQueen ở trong khoang một mình?”

“Ông ấy đang tiếp ông đại tá người Anh ở khoang 15. Hai người họ đang ngồi nói chuyện với nhau.”

“Ông đại tá làm gì sau khi chia tay ông MacQueen?”

“Ông ấy về khoang của mình.”

“Số 15... có phải đó là khoang gần chỗ ông ngồi không?”

“Dạ đúng ạ, thưa ông, đó là khoang thứ hai tính từ cuối hành lang.”

“Ông đã làm giường cho ông ấy chưa?”

“Rồi ạ, thưa ông. Tôi làm giường cho ông ấy lúc ông ấy dùng bữa chiều.”

“Những chuyện đó diễn ra vào lúc nào?”

“Tôi không thể nói chính xác được ạ, thưa ông. Chỉ chắc chắn là không thể muộn hơn hai giờ.”

“Rồi sau đó?”

“Sau đó, thưa ông, tôi về ghế của mình ngồi cho đến sáng.”

“Ông không trở lại toa Athens à?”

“Không ạ, thưa ông.”

“Ông có ngủ không?”

“Tôi không nghĩ vậy, thưa ông. Tàu dừng cho nên tôi không thể lơ mơ ngủ được như mọi khi.”

“Ông có thấy hành khách nào đi lại dọc hành lang không?”

Phụ trách toa nghĩ ngợi.

“Hình như có một người nữ đi đến khoang vệ sinh ở cuối hành lang.”

“Ai vậy?”

“Tôi không biết, thưa ông. Người đó ở tít đầu kia hành lang và quay lưng lại với tôi. Người đó mặc bộ kimono màu đỏ có hình rồng.”

Poirot gật đầu.

“Rồi sau đó?”

“Thưa ông không có gì cả... suốt cho đến sáng.”

“Ông chắc chứ?”

“À, xin lỗi, có chính ông. Ông mở cửa nhìn ra ngoài khoảng giây lát.”

“Tốt lắm, ông bạn,” Poirot nói, “tôi đang tự hỏi không biết ông có nhớ chi tiết này không. Nhân tiện, tôi bị đánh thức bởi một tiếng động nghe như có một vật nặng ngã đập vào cửa khoang của tôi. Ông nghĩ đó có thể là gì?”

Phụ trách toa nhìn ông không chớp mắt.

“Không gì cả, thưa ông. Không có gì, tôi dám nói chắc như vậy.”

“Vậy chắc là tôi gặp ác mộng rồi,” Poirot bình thản nói.

“Trừ phi là ông nghe thấy vật gì đó rơi ở khoang bên cạnh,”

Bouc nói.

Poirot phớt lờ gợi ý này. Có lẽ ông không muốn bình luận gì trước mặt phụ trách toa.

“Ta hãy chuyển sang vấn đề khác,” ông nói. “Giả sử tối qua hung thủ lên tàu. Liệu hắn có còn ở trên tàu sau khi gây án?”

Pierre Michel lắc đầu.

“Hắn trốn ở đâu được trên tàu?”

“Tàu đã được khám kỹ rồi,” Bouc nói. “Hãy bỏ ý nghĩ đó đi, ông bạn.”

“Với lại, không ai có thể vào toa của tôi mà tôi không thấy,”

Michel nói.

“Tàu dừng lần cuối là khi nào?”

“Ở Vincovci.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Lẽ ra tàu phải rời khỏi đó lúc 11g58, nhưng do thời tiết chúng ta bị trễ mất hai mươi phút.”

“Có thể nào ai đó đến từ toa thường không?”

“Không, thưa ông. Sau bữa chiều, cánh cửa giữa toa thường và toa nằm luôn được khóa lại.”

“Ông có xuống tàu ở ga Vincovci không?”

“Có ạ, thưa ông. Tôi xuống sân ga như thường lệ và đứng ngay cạnh cầu thang lên tàu. Các phụ trách toa khác cũng làm như vậy ạ.”

“Cửa phía trước thì thế nào? Cánh cửa gần toa ăn uống ấy?”

“Nó luôn được chốt từ bên trong.”

“Hiện giờ nó có chốt lại đâu?”

Phụ trách toa có vẻ ngạc nhiên, rồi khuôn mặt ông chợt sáng ra.

“Hẳn là có hành khách nào đó đã mở cửa để xem tuyết.”

“Chắc là vậy,” Poirot nói.

Ông trầm tư gõ gõ tay lên mặt bàn một, hai phút.

“Ông không chê trách gì tôi chứ?” Phụ trách toa rụt rè hỏi.

Poirot cười hiền hòa.

“Ông cũng may lắm đấy, ông bạn,” ông nói. “À! Còn một vấn đề nữa, tôi quên mất. Ông nói là có tiếng chuông reo đúng lúc ông đang gõ cửa khoang ông Ratchett. Thật ra, cả tôi cũng nghe tiếng chuông này. Đó là ai gọi vậy?”

“Bà Công chúa Dragomiroff ạ. Bà ấy sai tôi gọi bà người hầu đến.”

“Và ông đã làm theo?”

“Vâng ạ, thưa ông.”

Poirot chăm chú nghiên cứu bản sơ đồ trước mặt. Rồi ông gật đầu.

“Tạm thời thế là đủ,” ông nói.

“Cảm ơn ông.”

Phụ trách toa đứng dậy, đưa mắt nhìn ông Bouc.

“Đừng có lo,” ông này tử tế nói. “Tôi nghĩ ông chẳng có gì sơ suất cả đâu.”

Phấn chấn hẳn lên, Pierre Michel rời khỏi khoang.



CHƯƠNG 2

Lời chứng của chàng thư ký

Một vài phút sau đó, Poirot tiếp tục chìm sâu vào suy nghĩ.

“Tôi nghĩ, dựa theo những gì ta biết đến nay, người kế tiếp cần phỏng vấn phải là anh chàng MacQueen,” cuối cùng ông nói.

Anh chàng người Mỹ lập tức xuất hiện.

“Mọi việc thế nào rồi?” anh hỏi.

“Không tệ lắm. Kể từ sau cuộc trao đổi của chúng ta tôi đã biết thêm một vài điều chẳng hạn như danh tính của ông Ratchett.”

Hector MacQueen nhào người ra trước, vẻ quan tâm.

“Vâng, tôi nghe đây,” anh nói.

“Như ông đã từng nghi ngờ, Ratchett chỉ là một tên giả.

Ratchett thật ra là Cassetti, kẻ đã tiến hành nhiều vụ bắt cóc nổi tiếng, bao gồm vụ án chấn động liên quan đến bé Daisy Armstrong.”

Khuôn mặt MacQueen biểu lộ sự sửng sốt tột cùng. Sau đó thì sa sầm lại.

“Lão già đê tiện!” anh thốt lên.

“Ông không biết chuyện này sao, MacQueen?”

“Không thưa ông,” MacQueen dứt khoát nói. “Tôi mà biết thì thà là chặt cánh tay của tôi đi chứ tôi không đời nào làm thư ký cho lão!”

“Ông có vẻ xúc động về chuyện này nhỉ?”

“Tôi có lý do riêng. Cha của tôi chính là người biện lý quận đã thụ lý vụ án đó, ông Poirot ạ. Tôi đã gặp bà Armstrong vài lần. Bà ấy là một phụ nữ rất tuyệt vời, hết sức nhân từ và hiền dịu.”

Khuôn mặt anh lại sa sầm. “Nếu có kẻ nào đáng chết thì đó chính là lão Ratchett hay Cassetti đó. Tôi thấy vui vì lão chết.

Loại người như lão không đáng sống!”

“Ông có cảm thấy ông sẵn sàng đích thân làm việc đó không?”

“Có, tôi có...” Anh dừng lại, mặt anh đỏ lên như mắc lỗi. “Mặc dù nói vậy cũng giống như tôi tự buộc tội mình.”

“Tôi sẽ có khuynh hướng nghi ngờ ông, ông MacQueen ạ, nếu như ông tỏ ra đau thương một cách không bình thường khi nghe tin chủ ông từ trần.”

“Tôi không thể làm được vậy, cho dù để thoát án tử hình,”

MacQueen quả quyết nói.

Rồi anh thêm vào:

“Tôi tò mò khí không phải, nhưng bằng cách nào ông phát hiện ra điều đó vậy? Ý tôi là danh tính của Cassetti đó.”

“Nhờ một mẫu của lá thư tìm thấy ở trong khoang.”

“Dĩ nhiên... ý tôi nói... đó là một sơ suất của lão ta.”

“Còn tùy theo quan điểm,” Poirot nói.

Chàng trai trẻ cảm thấy nhận xét này có phần bài bác. Anh nhìn Poirot như thể muốn thanh minh.

“Nhiệm vụ trước mắt tôi,” Poirot nói, “là nắm được sự di chuyển của mọi người trên tàu. Không cần thiết phải lên án ai cả, ông hiểu chứ? Chỉ là công việc mà thôi.”

“Dĩ nhiên, ông cứ việc tiến hành. Tôi sẽ cố gắng sửa chữa tính khí của mình.”

“Tôi khỏi cần phải hỏi về số khoang của ông,” Poirot mỉm cười, nói, “vì tôi đã ở cùng khoang với ông một đêm. Đó là khoang hạng hai số 6 và 7, và sau khi tôi đi thì ông độc chiếm khoang này.”

“Đúng vậy.”

“Giờ thì, ông MacQueen, tôi muốn ông tường thuật mọi di chuyển của ông tối qua từ lúc ông rời toa ăn uống.”

“Chuyện nhỏ. Tôi trở về khoang, đọc chút đỉnh, ra sân ga ở

Belgrade, thấy trời lạnh quá nên trở vào. Tôi nói chuyện một lúc với cô gái người Anh ở khoang bên cạnh tôi. Rồi tôi bị cuốn vào cuộc trò chuyện với ông Đại tá người Anh Arbuthnot... Mà phải rồi, tôi nghĩ ông đã băng qua chúng tôi lúc chúng tôi đang trò chuyện. Sau đó tôi đến gặp lão Ratchett và, như đã nói với ông, tôi lấy bản ghi nhớ về nội dung các lá thư mà lão ta

định viết. Tôi chúc lão ngủ ngon rồi bước ra. Đại tá Arbuthnot vẫn còn đứng ngoài hành lang. Khoang của ông ta đã được dọn dẹp cho buổi tối, nên tôi mời ông ta đến khoang của tôi. Tôi kê hai món uống rồi chúng tôi đến thẳng đó. Chúng tôi thảo luận về chính trị thế

giới, về chính phủ Ấn Độ, về những bất trắc trong tình hình tài

chính của Anh, Mỹ, và về cuộc khủng hoảng của Wall Street. Tôi không hảo người Anh lắm, họ quá kiêu kỳ, nhưng ông này thì tôi thích.”

“Ông có nhớ ông ta chia tay ông lúc mấy giờ không?”

“Khá trễ. Tôi áng chừng cũng phải đến hai giờ.”

“Các ông nhận ra là tàu dừng chứ?”

“Ồ, chắc chắn rồi. Chúng tôi hơi thắc mắc, nhìn ra ngoài thấy tuyết rất dày, nhưng chúng tôi không nghĩ nó nghiêm trọng như

vậy.”

“Chuyện gì xảy ra khi Đại tá Arbuthnot rút cuộc nói lời chia tay ông?”

“Ông ấy về khoang của mình và tôi gọi phụ trách toa đến làm giường cho tôi.”

“Ông ở đâu trong lúc ông ấy làm giường?”

“Đứng hút thuốc ngay ngoài cửa ra hành lang.”

“Rồi sau đó?”

“Sau đó tôi lên giường ngủ một giấc tới sáng.”

“Trong buổi tối, ông có bao giờ rời khỏi tàu không?”

“Tôi và Arbuthnot định xuống tàu tại... cái nơi đó tên là gì nhỉ?... Vincovci. Để duỗi chân một chút ấy mà. Nhưng trời rét căm căm... một cơn bão tuyết. Nên chẳng mấy chốc chúng tôi lại nhảy lên tàu.”

“Hai người rời tàu bằng cửa nào?”

“Bằng cánh cửa gần khoang chúng tôi nhất.”

“Cánh cửa kế bên toa ăn uống ấy à?”

“Vâng.”

“Nếu nó bị chốt lại thì ông có nhớ không?”

MacQueen ngẫm nghĩ.

“À, vâng, tôi nhớ hình như nó được chốt. Có một thanh gì đó xuyên qua tay nắm. Ý ông nói cái đó chứ gì?”

“Đúng rồi. Khi trở lên tàu ông có gài lại cái thanh đó không?”

“À, không. Tôi nghĩ là không. Tôi vào sau cùng. Không, tôi không nhớ là tôi có cài nó lại hay không nữa.”

Anh đột ngột hỏi:

“Điều đó quan trọng lắm sao?”

“Có thể. Bây giờ liệu tôi có thể giả thiết rằng lúc ông và Đại tá Arbuthnot nói chuyện với nhau thì cánh cửa ra hành lang của khoang ông đang để mở?”

Hector MacQueen gật đầu.

“Nếu được, xin ông làm ơn cho tôi biết có những ai đi qua hành lang sau khi tàu rời Vincovci, lúc ông tiếp khách ban đêm.”

MacQueen nhúu cặp chân mày màu nâu.

“Tôi nhớ ông phụ trách toa có đi qua một lần,” anh nói, “ông ấy đến từ hướng toa ăn uống. Rồi có một người phụ nữ đi theo hướng ngược lại, về phía toa ăn uống.”

“Ai vậy?”

“Tôi không thể nói. Tôi không để ý lắm. Ông biết đấy, tôi đang tranh luận với ông Arbuthnot mà. Tôi chỉ nhớ hình như có bóng dáng ai đó mặc áo lụa đỏ đi ngang qua cửa. Tôi không nhìn theo, và dù gì đi nữa tôi cũng không thấy mặt người đó. Ông biết đấy,

khoang của tôi nằm gần sát toa ăn uống nên nếu có người phụ

nữ nào đi dọc hành lang ra hướng đó thì ắt phải quay lưng lại với tôi ngay khi đi qua.”

Poirot gật đầu.

“Người phụ nữ này chắc là đi vệ sinh?”

“Chắc là vậy.”

“Và ông thấy người đó trở ra chứ?”

“À, không, ông nhắc tôi mới nhớ, tôi không thấy người đó trở ra, nhưng tôi nghĩ người đó phải trở ra chứ.”

“Thêm một câu hỏi nữa. Ông có dùng tẩu không, ông MacQueen?”

“Không thưa ông, tôi không dùng tẩu.”

Poirot im lặng một lúc.

“Tôi nghĩ tạm thời thế là đủ. Bây giờ tôi muốn gặp người hầu của ông Ratchett. Nhân tiện, ông và anh ta có phải luôn luôn lấy khoang hạng hai khi đi du lịch?”

“Lão ta thì vậy. Nhưng tôi thì thường lấy khoang hạng nhất, nếu có thể thì lấy khoang liền kề với khoang lão Ratchett. Như

vậy, lão tổng được hầu hết hành lý của lão vào khoang của tôi, và bất cứ lúc nào lão cũng lấy được hành lý hay gọi tôi một cách dễ dàng. Nhưng lần này thì tất cả các giường hạng nhất đều được đăng ký trước trừ khoang của lão.”

“Tôi hiểu. Cảm ơn ông, ông MacQueen.”



CHƯƠNG 3

Lời chứng của ông người hầu

Anh chàng Mỹ được thế chỗ bởi một ông người Anh nhợt nhạt với khuôn mặt vô cảm mà Poirot đã để ý từ hôm trước. Ông ta đứng chờ rất lễ phép. Poirot làm dấu mời ông ngồi.

“Ông là người hầu của ông Ratchett?”

“Vâng thưa ông.”

“Tên ông là gì?”

“Edward Henry Masterman.”

“Tuổi?”

“Ba mươi chín.”

“Địa chỉ của ông?”

“Số 21 đường Friard, thị trấn Clerkenwell.”

“Ông biết chuyện chủ của ông bị ám sát rồi chứ?”

“Vâng thưa ông. Một sự kiện rất sốc ạ.”

“Bây giờ xin làm ơn cho tôi biết ông thấy ông Ratchett lần cuối vào lúc nào?”

Ông người hầu ngẫm nghĩ:

“Dạ, khoảng chừng chín giờ tối qua ạ. Giờ đó hay trễ hơn chút đỉnh.”

“Hãy nói thật chính xác chuyện gì đã xảy ra.”

“Dạ, tôi đến chỗ ông Ratchett như thường lệ để phục vụ ông ấy.”

“Chính xác thì nhiệm vụ của ông là gì?”

“Dạ, tôi xếp hay phơi quần áo của ông ấy. Đặt hàm răng giả của ông vào trong ly và hỏi xem ông ấy có cần gì vào buổi tối không.”

“Ông ấy có biểu hiện gì bất thường không?”

Ông người hầu suy nghĩ hồi lâu.

“Thôi được. Thưa ông, tôi cảm thấy rất ứ.”

“Ứ? Ứ chuyện gì?”

“Dạ, chuyện lá thư mà ông ấy vừa đọc xong. Ông ấy hỏi có phải tôi đặt lá thư đó vào khoang ông ấy không. Dĩ nhiên tôi nói là tôi không làm chuyện đó, nhưng ông ấy chửi rửa tôi và tôi làm việc gì cũng bị ông ấy mắng.”

“Điều đó có thường xảy ra không?”

“Ồ, không đâu ạ, như tôi đã nói, ông ấy rất dễ nổi cáu, nhưng còn tùy thuộc vào điều gì làm ông ấy nổi cáu nữa ạ.”

“Chủ của ông có dùng thuốc ngủ không?”

Bác sĩ Constantine hơi rướn người ra trước.

“Dạ, cứ mỗi khi đi tàu là ông ấy lại dùng ạ. Ông ấy nói nếu không dùng thì ông ấy không ngủ được.”

“Ông có biết ông ấy thường dùng loại thuốc nào không?”

“Dạ, tôi không thể nói, nhưng tôi biết chắc. Trên chai không có ghi tên thuốc. Chỉ thấy ghi ‘Thuốc ngủ dùng khi đi nằm’.”

“Tối qua ông ấy có dùng không?”

“Dạ có ạ. Tôi rót sẵn thuốc ra ly, đặt trên chiếc bàn - bồn rửa cho ông ấy.”

“Thế ông có thấy ông ấy uống thuốc không?”

“Dạ không ạ.”

“Chuyện gì xảy ra kế tiếp?”

“Tôi hỏi ông ấy có cần gì nữa không, rồi tôi hỏi ông ấy muốn tôi gọi dậy sáng mai lúc mấy giờ. Ông ấy nói không muốn ai làm phiền, nếu cần, ông ấy sẽ gọi chuông.”

“Điều đó có là bình thường không?”

“Dạ, rất bình thường, ông ấy thường bấm chuông sai phụ trách toa đi gọi tôi mỗi khi ông ấy sắp sửa dậy.”

“Ông ấy thường dậy sớm hay dậy muộn?”

“Dạ, còn tùy theo tâm trạng của ông ấy nữa ạ. Đôi khi ông ấy dậy dùng điểm tâm, đôi khi ông ấy nằm đến tận bữa trưa.”

“Cho nên ông không hề hốt hoảng khi trời đã sáng bừng mà chẳng thấy lệnh triệu tập?”

“Dạ, đúng thế ạ.”

“Ông có biết chủ ông có kẻ thù không?”

“Dạ có ạ.”

Ông ta nói bằng một giọng vô hồn.

“Làm sao ông biết?”

“Dạ, tôi có nghe ông ấy trao đổi với ông MacQueen về mấy lá thư.”

“Ông có yêu quý chủ của ông không, ông Masterman?”

Khuôn mặt của Masterman càng trở nên vô cảm hơn bao giờ

hết.

“Dạ, tôi không thích nói về chuyện này. Ông ấy là một người chủ hào phóng.”

“Nhưng ông không thích ông ấy?”

“Dạ, tôi chỉ có thể nói là tôi không đánh giá cao lắm người Mỹ thôi ạ.”

“Ông từng đến Mỹ bao giờ chưa?”

“Dạ chưa ạ.”

“Ông có nhớ bài báo về vụ án bắt cóc Armstrong không?”

Đôi má của người đàn ông hơi đỏ sẫm.

“Dạ có ạ. Vụ đó liên quan đến một bé gái phải không ạ? Một vụ án chấn động.”

“Ông có biết chủ của ông chính là chủ mưu trong vụ án đó không?”

“Không, thưa ông.” Lần đầu tiên âm điệu của ông ta ẩn chứa những xúc cảm và nhiệt huyết. “Tôi thấy chuyện này thật là khó tin, thưa ông.”

“Thế mà nó lại là sự thật đấy. Bây giờ ta chuyển sang nói về

những di chuyển của ông tối hôm qua nhé. Chỉ là thủ tục thôi, ông hiểu chứ? Ông làm gì sau khi gặp chủ ông?”

“Dạ, tôi đến nói với ông MacQueen rằng ông chủ muốn gặp

ông ấy. Rồi tôi về khoang mình đọc sách.”

“Khoang của ông là...?”

“Dạ, khoang hạng hai ở cuối toa, ngay kế toa ăn uống đấy ạ.”

Poirot nhìn vào sơ đồ.

“Tôi thấy rồi... và ông nằm giường nào?”

“Dạ, giường dưới ạ.”

“Giường số 4 hả?”

“Dạ.”

“Có ai ở cùng ông không?”

“Dạ thưa, có cái anh chàng người Ý to con ấy ạ.”

“Anh ta có nói tiếng Anh không?”

“Dạ, cũng bập bẹ đôi chút ạ.” Giọng ông người hầu mang âm điệu coi thường. “Anh ta từng ở Mỹ... tại Chicago... nếu tôi không lầm.”

“Ông và anh ta có nói chuyện nhiều không?”

“Không thưa ông, tôi thích đọc sách hơn.”

Poirot mỉm cười, ông có thể hình dung cái khung cảnh ấy: một anh chàng người Ý đồ sộ và sự lạnh nhạt không che giấu của quý ông người hầu.

“Tôi có thể biết ông đang đọc sách gì không?” ông hỏi tiếp.

“Dạ, hiện giờ tôi đang đọc cuốn *Tù nhân của tình yêu*. Tác giả

là nữ văn sĩ Arabella Richardson đấy ạ.”

“Truyện có hay không?”

“Dạ, tôi thấy nó rất thú vị.”

“Thôi được, ta tiếp tục nhé. Ông trở lại khoang của ông và đọc *Tù nhân của tình yêu* cho đến... lúc nào?”

“Dạ, đến khoảng mười giờ rưỡi ạ. Anh chàng người Ý muốn đi nằm. Vì thế phụ trách toa đến làm giường cho chúng tôi.”

“Sau đó ông lên giường ngủ?”

“Dạ, tôi lên giường nhưng không ngủ ạ.”

“Tại sao ông không ngủ?”

“Dạ, tôi bị đau răng ạ.”

“Oh, là là... Thế thì đau lắm nhỉ.”

“Dạ, đau lắm ạ.”

“Ông có làm gì cho đỡ đau không?”

“Dạ, tôi dùng một ít dầu đinh hương, có bớt đau được một chút, nhưng vẫn không thể ngủ được ạ. Tôi bật cái đèn trên đầu giường đọc sách tiếp để quên cơn đau đi.”

“Ông không chớp mắt chút nào sao?”

“Dạ, có chứ ạ. Tôi thiếp đi vào khoảng bốn giờ sáng.”

“Còn người cùng khoang với ông?”

“Cái anh chàng người Ý ấy ạ?Ồ, anh ta ngáy mới khiếp.”

“Anh ta không rời khoang suốt đêm qua?”

“Dạ, không ạ.”

“Còn ông?”

“Cũng không luôn ạ.”

“Ông có nghe thấy tiếng gì đêm qua không?”

“Dạ không ạ. Ý tôi là không có gì bất thường. Tàu dừng khiến cho mọi thứ rất yên tĩnh.”

Poirot im lặng một lúc rồi nói:

“Thôi được, tôi nghĩ chẳng còn bao nhiêu điều để hỏi nữa. Ông không thể rọi chút ánh sáng nào lên thảm họa này sao?”

“Tôi e là không ạ. Tôi xin lỗi, thưa ông.”

“Có bao giờ ông từng nghe chủ của ông và ông MacQueen cãi cọ hay nặng nề gì với nhau không?”

“Ồ, không có đâu ạ. Ông MacQueen là một người rất dễ mến.”

“Ông làm việc ở đâu trước khi làm cho ông Ratchett?”

“Dạ, tôi làm cho ông Henry Tomlinson ở Grosvenor Square ạ.”

“Tại sao ông rời bỏ ông ấy?”

“Dạ, ông ấy đi Đông Phi và không cần tôi phục vụ nữa ạ.

Nhưng tôi dám chắc ông ấy sẽ nói tốt về tôi, thưa ông. Tôi làm cho ông ấy khá nhiều năm rồi ạ.”

“Và ông làm cho ông Ratchett được bao lâu rồi?”

“Dạ, mới chỉ chín tháng thôi ạ.”

“Cảm ơn ông, Masterman. Nhân tiện xin hỏi, ông có dùng tẩu thuốc không?”

“Dạ không ạ. Tôi chỉ hút thuốc lá loại bình dân thôi ạ.”

“Cảm ơn ông. Vậy là xong rồi đó.”

Ông người hầu do dự một lúc.

“Xin ông bỏ quá cho, nhưng cái bà người Mỹ lớn tuổi ấy đang ở trong trạng thái có thể nói là rất căng thẳng đấy ạ. Bà ấy nói bà ấy biết tất cả mọi thứ về tên hung thủ. Bà ấy đang rất kích động đấy ạ.”

“Nếu vậy thì bà ta sẽ là người được phỏng vấn kế tiếp,” Poirot mỉm cười, nói.

“Có cần tôi báo lại bà ta không ạ? Từ này giờ bà ấy đang yêu cầu được gặp ai đó có thẩm quyền. Ông phụ trách toa hiện đang dở dành bà ấy.”

“Ông bạn, làm ơn mời bà ấy đến đây giùm,” Poirot nói. “Chúng tôi sẽ nghe câu chuyện của bà ấy.”



CHƯƠNG 4

Lời chứng của bà người Mỹ

Bà Hubbard đến toa ăn uống trong trạng thái kích động đến mức thở không ra hơi và thốt chẳng ra lời.

“Cho tôi biết đi. Ai là người có thẩm quyền ở đây? Tôi có những thông tin *rất* quan trọng, *rất* là quan trọng, thật đó, và tôi chỉ

muốn nói cho ai có thẩm quyền, càng sớm càng tốt. Nếu các ông...”

Ánh mắt long lanh của bà dao động giữa ba người đàn ông.

Poirot nhòai mình ra phía trước.

“Thưa bà, xin hãy nói với tôi,” ông nói. “Nhưng, trước hết, bà hãy ngồi xuống đã.”

Bà Hubbard nặng nề thả mình xuống chiếc ghế đối diện ông.

“Tôi chỉ muốn nói với ông một điều này. Có một tên sát nhân ở trên tàu tối qua, và tên sát nhân đó đã ở *ngay trong khoang của tôi!*”

Bà dừng lại, cốt để tạo ra một độ nhấn kịch tính cho những lời lẽ của mình.

“Bà có chắc điều đó không, thưa bà?”

“Dĩ nhiên là tôi chắc chứ! Còn phải hỏi! Tôi biết mình nói gì chứ! Tôi sẽ nói với các ông tất cả những gì cần nói. Tôi lên giường sắp sửa ngủ thì bất chợt tôi thức dậy... xung quanh tối thui... và tôi biết có một người đàn ông đang ở trong khoang của tôi. Tôi sợ

quá không la lên nổi, các ông biết tôi muốn nói gì rồi đó. Tôi nằm im ở đó suy nghĩ. ‘Trời ơi, tôi sắp bị giết rồi.’ Tôi không thể

mô tả cho ông cảm giác của tôi. Những con tàu bắn thủ này và tất cả những thứ xúc phạm mà tôi đã từng đọc trên sách. Rồi tôi nghĩ: ‘Thôi được, dù gì thì hãn cũng không lấy được nữ trang của mình.’ Bởi lẽ, ông biết đấy, tôi đã nhét chúng trong chiếc vớ dài giấu ở dưới gối... mặc dù như vậy nằm không được thoải mái lắm, vì nó hơi bị cộm, ông hiểu tôi nói gì rồi chứ. Nhưng nó không ở lung tung bên ngoài. Tôi kể đến đâu rồi nhỉ?”

“Thưa bà, bà nhận ra là có một người đàn ông ở trong khoang của bà.”

“Vâng, phải rồi, tôi nằm đó nhắm mắt, và tôi suy nghĩ mình phải làm sao đây, rồi tôi nghĩ: ‘Cũng may mà con gái tôi không biết tôi ở trong hoàn cảnh thế này.’ Và rồi, bằng cách nào đó, tôi trấn tĩnh lại. Tôi lấy tay dò dẫm rồi nhấn vào nút chuông gọi ông phụ trách toa tới. Tôi nhấn, rồi nhấn nữa, mà chẳng thấy gì cả.

Các ông biết không, tôi tưởng như tim tôi muốn ngừng đập. Tôi tự nhủ: ‘Trời ơi, có khi chúng đã giết tất cả mọi người trên tàu này rồi.’ Tàu đang dừng hay sao đó, và tôi cảm thấy có một sự

im ăng khó chịu trong không khí. Nhưng tôi cứ tiếp tục nhấn cái nút chuông đó, và ô! Thật là nhẹ nhõm khi nghe thấy có tiếng

chân ngoài hành lang gấp rút tới và tiếng gõ cửa. Tôi hét lên:

“Vào đi!”, cùng lúc tôi bật đèn. Và các ông có tin nổi không, chẳng có ma nào ở đó cả.”

Đối với bà Hubbard, điều này có vẻ như làm cho tình hình đi lên cực đỉnh chứ không hề thoái trào.

“Rồi sau đó thế nào, thưa bà?”

“À, tôi nói cho ông phụ trách toa chuyện gì xảy ra, nhưng ông ta có vẻ không tin tôi. Chắc là ông ta nghĩ tôi nằm mơ thấy tất cả

những chuyện đó. Tôi bảo ông ta nhìn dưới ghế, nhưng ông ta nói ở đó không có đủ chỗ để người ta chui vào. Rõ ràng là gã đàn ông đó đã trốn đi, nhưng hẳn ta đã ở đó. Tôi muốn phát điên lên vì cái cách ông phụ trách toa cố trấn an tôi! Tôi đâu phải là loại người dựng chuyện, có phải không ông... Tên ông là gì nhỉ?”

“Tôi là Poirot, thưa bà. Còn đây là ông Bouc, giám đốc công ty.

Và đây là bác sĩ Constantine.”

“Rất hân hạnh được biết các ông,” với vẻ lơ đãng, bà Hubbard làu bàu chào cả ba rồi tiếp tục dẫn sâu vào câu chuyện của bà.

“Tôi chẳng bao giờ làm ra vẻ mình tỉnh táo mặc dù tôi có là như thế đi nữa. Tôi chợt nghĩ ra đó chính là cái lão ở khoang kế

bên... cái lão đáng thương vừa mới bị giết ấy. Thế là tôi bảo ông phụ trách toa xem thử cánh cửa thông hai khoang, hóa ra là nó không được chốt lại.

Thấy vậy, tôi bảo ông ấy chốt nó lại, và khi ông ấy đi khỏi, tôi còn ngồi dậy lấy chiếc va-li chặn nó lại cho chắc ăn.”

“Chuyện đó diễn ra lúc mấy giờ vậy, bà Hubbard?”

“Chắc chắn thì tôi không thể nói được. Tôi chẳng xem giờ làm gì. Tôi bị rối quá mà.”

“Và lập luận của bà hiện giờ là gì?”

“À, tôi có thể nói rằng chuyện này rất là dễ hiểu. Gã đàn ông trong khoang của tôi chính là hung thủ. Còn ai vào đây nữa?”

“Và bà nghĩ rằng hắn đã trốn ra qua cánh cửa thông khoang?”

“Làm sao tôi biết được hắn đi đâu? Mắt tôi nhắm tịt lại rồi mà.”

“Chắc là hắn thoát qua cánh cửa ra hành lang.”

“Tôi không thể nói gì. Ông biết rồi đó, mắt tôi nhắm tịt rồi.”

Bà Hubbard thở ra một hơi rõ dài.

“Trời ơi, tôi sợ chết khiếp! Con gái tôi mà biết...”

“Thưa bà, bà có nghĩ rằng tiếng động mà bà nghe thấy là do ai đó di chuyển ở khoang kế bên, tức khoang của người bị giết?”

“Không, tôi không nghĩ vậy... sao thế được?... Ông Poirot, *gã đàn ông ấy ở ngay đó, trong cùng một khoang với tôi*. Và hơn nữa, tôi có bằng chứng về điều đó!”

Một cách đặc thẳng, bà dúi ra một chiếc túi xách tay lớn rồi bắt đầu lục lọi bên trong nó.

Bà lấy lần lượt ra hai chiếc khăn tay lớn sạch sẽ, cặp kính gọng sừng, một lọ thuốc aspirin, một bịch muối Glauber, một ống nhựa chứa những viên kẹo bạc hà màu xanh sáng, một chùm chìa khóa, một chiếc kéo, một tập chi phiếu của American Express, một tấm ảnh lấy liền chụp hình một đứa bé trông cực kỳ chất phác, vài lá thư, năm chuỗi hạt giả của phương Đông và một vật nhỏ bằng kim loại: một chiếc cúc áo.

“Các ông thấy chiếc cúc này chứ? Không có chiếc áo nào của tôi có cúc này. Không có bất cứ thứ gì của tôi có cái cúc này. Sáng nay, khi thức dậy, tôi phát hiện ra nó.”

Khi bà đặt chiếc cúc lên bàn, Bouc nhoài người tới, phát ra một tiếng reo.

“Nhưng đây là cúc áo đồng phục của phụ trách toa mà!”

“Có một cách giải thích rất tự nhiên cho chuyện này,” Poirot nói.

Ông từ tốn quay sang bà người Mỹ.

“Thưa bà, chiếc cúc này có thể rơi ra từ đồng phục của ông phụ trách toa, hoặc là trong lúc ông ấy khám xét trong khoang, hoặc là trong lúc ông ấy làm giường từ đêm trước.”

“Tôi thật không hiểu nổi tất cả các người có vấn đề gì. Hình như các người chả làm gì cả, chỉ biết phản bác mà thôi. Giờ thì hãy nghe tôi nói đây. Tối qua, trước khi ngủ, tôi đọc một tờ tạp chí. Trước khi tắt đèn, tôi đặt tờ tạp chí lên một chiếc thùng ở

trên sàn, gần cửa sổ. Các ông nghe kịp chứ?”

Họ xác nhận với bà là nghe kịp.

“Tốt lắm, vậy thì thế này. Ông phụ trách toa đứng gần cửa nhìn xuống dưới ghế, rồi ông ấy bước vào chốt cánh cửa giữa khoang tôi và khoang kế bên,

nhưng chẳng lúc nào ông ta lại gần cửa sổ. Và sáng nay thì chiếc cúc nằm ngay trên tờ tạp chí.

Tôi muốn biết các ông gọi như thế là thế nào đây?”

“Thưa bà, tôi gọi đó là một chứng cứ,” Poirot nhẹ nhàng đáp.

Câu trả lời này có vẻ làm cho bà người Mỹ dịu đi.

“Tôi cứ như bị trêu người nếu ai đó không tin tôi,” bà phân bua.

“Bà đã cung cấp cho chúng tôi một chứng cứ lý thú và giá trị

nhất,” Poirot ngọt ngào nói. “Bây giờ, tôi có thể hỏi bà vài câu được không ạ?”

“Được quá chứ.”

“Bà từng thấy khó chịu với ông Ratchett đó. Thế thì tại sao bà không chốt cánh cửa thông hai khoang lại?”

“Tôi chốt rồi đấy chứ!” Bà Hubbard phản pháo lại ngay tức thì.

“Ồ, ra bà đã chốt rồi?”

“Thôi được, thật ra là tôi có nhờ cô em Thụy Điển... cái cô thiệt là dễ thương ấy... coi giùm xem cánh cửa đã được chốt chưa. Cô ấy nói là chốt rồi.”

“Vì sao bà không tự coi được?”

“Vì tôi đang nằm trên giường và túi đựng đồ vệ sinh của tôi thì treo ngay ở tay nắm cửa.”

“Lúc bà nhờ cô ấy coi giùm là vào khoảng mấy giờ?”

“Để tôi nghĩ xem. Hình như khoảng mười giờ rưỡi hay mười một giờ kém mười lăm hay sao đó. Cô ấy đến để xin tôi aspirin.

Tôi chỉ chỗ cho cô ta tìm, và cô ta lấy nó từ túi của tôi.”

“Còn bản thân bà thì vẫn nằm trên giường?”

“Vâng.”

Bất chợt, bà bật cười.

“Tội nghiệp cô em... cô ấy thật là dễ mến. Các ông biết không, cô ấy đã mở nhầm cánh cửa khoang bên cạnh.”

“Khoang ông Ratchett ấy à?”

“Vâng. Ông cũng biết việc tìm khoang khó khăn thế nào khi phải đi dọc tàu mà tất cả các cánh cửa thì đều đã đóng. Cô ấy đã mở nhầm cửa. Cô ấy rất bối rối về chuyện này. Hình như lão ấy đã phá lên cười, và tôi nghĩ là lão đã nói điều gì đó không dễ

nghe lắm. Cô em tội nghiệp, cô ấy đỏ bừng hết cả mặt. ‘Ôi! Em bị

nhầm rồi.’ Cô ấy nói. ‘Xấu hổ quá, em bị nhầm. Cái ông đó không tốt.’ Cô ấy nói thế. ‘Ông ta nói: Em già quá rồi, em ời.’”

Bác sĩ Constantine phì cười và lập tức bà Hubbard làm cho nụ

cười ấy đóng băng lại bằng một cái lườm.

“Nói năng như thế với phụ nữ chứng tỏ lão ấy không phải là người tốt đẹp gì,” bà nói. “Có gì hay ho đâu mà cười.”

Bác sĩ Constantine vội vàng xin lỗi.

“Bà có nghe thấy tiếng động gì trong khoang của ông Ratchett sau đó không?” Poirot hỏi.

“À... cũng không hẳn.”

“Ý bà là sao, thưa bà?”

“À...” bà ngập ngừng. “Lão ấy ngáy.”

“A! ông ấy ngáy à?”

“Khủng khiếp. Đêm trước tôi không thể ngủ được vì lão.”

“Sau cái lúc bà lo lắng có người trong khoang của bà thì bà có còn nghe thấy ông ta ngáy không?”

“Ông Poirot à, tôi nghe thấy thế nào được? Lão ấy chết rồi mà.”

“À, vâng, quả là vậy,” Poirot nói. Ông có vẻ bối rối. “Bà còn nhớ

vụ án bắt cóc Armstrong chứ, bà Hubbard?” ông hỏi.

“Nhớ, tôi nhớ chứ. Thế quái nào mà gã ác ôn đó lại thoát tội được nhỉ? Gặp tôi thì tôi cho hắn biết tay.”

“Hắn ta không thoát. Hắn đã chết rồi. Hắn chết tối hôm qua.”

“Ông đừng nói là...” Bà Hubbard hơi nhồm dậm khỏi ghế do kích động.

“Nhưng chính là thế đấy. Ratchett chính là hắn.”

“Tốt! Điều đó rất tốt! Tôi phải viết thư kể lại cho con gái mới được. Đây, thì tôi đã nói với ông tối qua rằng lão ấy có khuôn mặt gian ác rồi mà. Hóa ra đúng như vậy, ông thấy chưa? Con gái tôi thường nói: ‘Mẹ mà có linh tính thì cứ việc vét đến đồng đô-la cuối cùng ra mà đánh cá, thế nào cũng thắng.’”

“Bà có quen ai trong gia đình Armstrong không, bà Hubbard?”

“Không. Họ giao du trong một giới rất cao cấp. Nhưng tôi nghe nói bà Armstrong là một phụ nữ cực kỳ dễ mến còn ông chồng thì tôn thờ bà ấy.”

“Tốt lắm, bà Hubbard, bà đã giúp chúng tôi rất nhiều... rất rất nhiều. Bà cho tôi biết tên họ đầy đủ được không ạ?”

“À, dĩ nhiên. Caroline Martha Hubbard.”

“Bà có thể viết địa chỉ của bà ra đây được không?”

Bà Hubbard làm theo, miệng vẫn không ngừng nói.

“Tôi vẫn không thể nuốt trôi chuyện này. Cassetti ở trên tàu.

Và tôi đã có linh tính về lão ấy, đúng không, ông Poirot?”

“Vâng, đúng vậy, thưa bà. Nhân tiện, bà có chiếc áo khoác ngủ

bằng lụa màu đỏ nào không ạ?”

“Trời ơi, hỏi gì lạ vậy! Không! Tôi mang theo hai chiếc áo

khoác ngủ: một chiếc bằng vải flannel màu hồng mặc rất dễ

chịu khi đi tàu biển, chiếc kia do con gái tôi tặng, một loại áo khoác địa phương bằng lụa màu tím. Nhưng thế quái nào ông lại đi hỏi về áo khoác ngủ của tôi vậy?”

“Bà hiểu cho, thưa bà, đêm qua có ai đó mặc bộ kimono màu đỏ đã vào khoang của bà hay khoang ông Ratchett. Như bà nói ban nãy, rất khó mà phân biệt các khoang khi mà tất cả các cánh cửa đều đóng.”

“Thôi được, nhưng không có ai mặc áo khoác ngủ màu đỏ vào khoang của tôi cả.”

“Thế thì người phụ nữ ấy hẳn đã vào khoang ông Ratchett.”

Bà Hubbard mím môi, quả quyết nói:

“Chuyện đó không làm tôi ngạc nhiên chút nào.”

Poirot nhòai người ra trước.

“Vậy là bà có nghe thấy một giọng nữ ở khoang bên cạnh?”

“Ông Poirot, chẳng hiểu sao ông đoán được. Tôi không thực sự nghe thấy. Nhưng... thôi... sự thực là sự thực. Tôi có nghe thấy đấy.”

“Nhưng sao mới đây khi tôi hỏi bà có nghe thấy gì ở khoang kế bên không bà lại nói chỉ nghe tiếng ông Ratchett ngáy?”

“Thì sự thật là vậy mà. Ông ấy đã ngáy trong một quãng thời gian. Còn trong quãng thời gian còn lại thì...” Bà Hubbard đỏ

bừng mặt. “Chuyện đó đâu có tiện nói ra.”

“Bà nghe thấy giọng nữ vào lúc mấy giờ?”

“Tôi không nói được. Tôi tỉnh dậy một phút và chợt nghe có

tiếng phụ nữ nói chuyện, mà người này đang ở đâu thì quá rõ rồi. Cho nên, tôi nghĩ: ‘Loại đàn ông như lão ấy thì có gì là lạ.

Mình chẳng thấy gì là bất ngờ cả.’ cho nên tôi ngủ tiếp. Chắc chắn là tôi không đời nào nói ra loại chuyện này cho ba người xa lạ các ông nếu như các ông không buộc tôi phải nói.”

“Chuyện đó diễn ra trước hay sau khi bà lo sợ có người đàn ông trong khoang bà?”

“À, thì cũng giống như ban nãy đó thôi! Ông ấy không thể tiếp người phụ nữ kia nếu ông ấy đã chết rồi, đúng không nào?”

“*Pardon*, thưa bà. Chắc bà nghĩ tôi ngốc lắm phải không ạ?”

“Tôi nghĩ ông kiểu như chỉ bị rối trí đây đó chút thôi. Bản thân tôi cũng còn chưa nuốt trôi việc lão ấy chính là con quái vật Cassetti. Như con gái tôi thì nó sẽ nói...”

Poirot khéo léo giúp bà người Mỹ tốt tính kia gom đồ đạc của bà bỏ vào túi rồi tiễn chân bà ra đến tận cửa.

Vào phút cuối, ông chợt nói:

“Bà đánh rơi khăn tay, thưa bà.”

Bà Hubbard nhìn chiếc khăn tay xinh xắn mà ông chìa cho bà.

“Không phải khăn của tôi, ông Poirot ạ. Tôi bỏ khăn tay của tôi vào túi rồi mà.”

“*Pardon*. Tôi cứ tưởng của bà vì trên đó có thêu chữ H...”

“À, cũng lạ nhỉ, nhưng chắc chắn nó không phải của tôi. Của tôi có thêu chữ C.M.H., và chúng là vật hữu ích chứ không phải cái thứ của rơm mắc tiền Paris kia. Cái thứ khăn tay đó thì dùng được cho mũi của ai hả trời?”

Có vẻ như không ai trong ba người đàn ông trả lời được câu hỏi này, và bà Hubbard đắc thắng bước ra ngoài.



CHƯƠNG 5

Lời chứng của bà Thụy Điển

Bouc vẫn đang cầm chiếc cốc mà bà Hubbard để lại.

“Chiếc cốc này... Tôi không thể hiểu nổi. Liệu nó có chỉ ra rằng Pierre Michel có dính líu vào vụ này bằng cách chi đó?” Ông không khỏi thắc mắc. Ngừng lại một lúc, ông lại tiếp tục khi thấy Poirot không trả lời. “Theo ông thì thế nào, ông bạn?”

“Chiếc cốc này... nó gợi ý một số khả năng,” Poirot trầm tư

nói. “Ta hãy phỏng vấn tiếp bà Thụy Điển đi, sau đó hãy thảo luận về các chứng cứ thu thập được.”

Ông lục tìm trong chồng hồ chiếu ở trước mặt.

“A! đây rồi. Greta Ohlsson, bốn mươi chín tuổi.”

Bouc ra lệnh cho người phụ trách toa ăn uống, và lúc này thì bà Thụy Điển với búi tóc vàng lạt màu và khuôn mặt dài, hiền hậu giống mặt cừu đang

khép nép bước vào. Bà giương mắt nhìn Poirot qua cặp mục kính nhưng vẫn rất im lặng.

Hóa ra là bà hiểu và nói được tiếng Pháp, cho nên cuộc trao đổi đã diễn ra bằng ngôn ngữ này. Thoạt tiên, Poirot đưa ra

những câu hỏi mà ông đã biết trước câu trả lời: tên, tuổi, địa chỉ.

Sau đó, ông hỏi về công việc của bà.

Bà cho biết bà là y tá trưởng trong một trường dòng gần Stamboul. Bà là một y tá lành nghề.

“Thưa bà, bà biết chuyện gì xảy ra đêm qua rồi chứ?”

“Tất nhiên. Thật là kinh khủng! Và bà người Mỹ có nói với tôi rằng hung thủ đã ở ngay trong khoang của bà ấy.”

“Thưa bà, tôi nghe nói bà là người cuối cùng trông thấy người bị giết khi ông ấy còn sống?”

“Tôi cũng không biết nữa. Có thể là vậy. Tôi mở nhầm phải cửa khoang ông ấy. Tôi rất là xấu hổ. Đó là một sơ suất khiến tôi rất ngượng.”

“Thế bà có trông thấy ông ta không?”

“Có ạ. Ông ấy đang đọc sách. Tôi vội vàng xin lỗi rồi lui ra.”

“Ông ta có nói gì với bà không?”

Một chút sắc đỏ xuất hiện trên đôi má tiết hạnh của bà Ohlsson.

“Ông ấy cười và nói vài lời. Tôi... tôi nghe không rõ lắm.”

“Và bà đã làm gì sau đó, thưa bà?” Poirot hỏi, tế nhị lướt qua tình huống này.

“Tôi đi đến khoang của bà người Mỹ, bà Hubbard đấy ạ. Tôi hỏi xin bà ấy vài viên aspirin và bà ấy đã cho tôi.”

“Bà ấy có nhờ bà xem cánh cửa thông với khoang ông Ratchett đã chốt chưa, đúng không ạ?”

“Dạ đúng.”

“Thế nó đã chốt chưa?”

“Rồi ạ.”

“Sau đó thì sao?”

“Sau đó tôi trở về khoang của tôi, uống aspirin rồi đi nằm.”

“Những chuyện này xảy ra lúc mấy giờ?”

“Lúc tôi lên giường là mười một giờ kém năm, vì tôi có nhìn đồng hồ tay trước khi lên dây cót.”

“Bà ngủ có nhanh không?”

“Không nhanh lắm ạ. Đầu tôi đỡ đau hơn, nhưng tôi vẫn thao thức một khoảng thời gian.”

“Trước khi bà ngủ, tàu đã dừng lại chưa?”

“Tôi không cho là vậy. Hình như tàu có dừng ở ga nào đó. Lúc đó tôi đã thiêu thiêu ngủ.”

“Hẳn đó là ga Vincovci. Bây giờ hãy xem khoang của bà nhé, có phải là đây không ạ?” ông trở vào sơ đồ.

“Phải ạ.”

“Bà ở giường trên hay giường dưới?”

“Giường dưới ạ, số 10.”

“Có ai ở cùng khoang với bà không?”

“Dạ có ạ, một cô gái người Anh. Cô ấy rất tốt, rất dễ thương. Cô ấy khởi hành từ Baghdad.”

“Sau khi tàu rời Vincovci, cô ấy có rời khỏi khoang không?”

“Không ạ. Tôi chắc chắn là không.”

“Làm sao bà dám chắc khi mà bà đã ngủ?”

“Tôi ngủ rất chập chờn. Tôi rất nhạy tiếng động. Nếu cô ta từ giường trên leo xuống thì chắc chắn tôi sẽ tỉnh dậy ngay.”

“Bản thân bà có rời khỏi khoang lúc nào không?”

“Không, cho đến tận sáng.”

“Bà có bộ kimono lụa màu đỏ nào không, thưa bà?”

“Không ạ. Tôi có một bộ áo khoác ngủ rất thoải mái bằng vải len Jaeger. Loại áo màu hoa cà lượt người ta thường mua ở phương Đông đấy ạ.”

Poirot gật đầu. Rồi ông nói bằng một giọng thân mật:

“Bà thực hiện cuộc hành trình này với mục đích gì? Nghi phép ư?”

“Vâng ạ, tôi nghi phép về nhà. Nhưng trước khi về tôi định ghé Lausanne ở chơi chỗ chị tôi chừng một tuần.”

“Bà vui lòng ghi lại cho tôi tên tuổi và địa chỉ của chị bà, có được không ạ?”

“Được chứ ạ.”

Bà cầm lấy tờ giấy và cây bút mà ông trao cho rồi viết ra tên và địa chỉ theo như ông yêu cầu.

“Bà đến Mỹ bao giờ chưa, thưa bà?”

“Chưa ạ. Suýt nữa là được. Tôi được giao đưa một bà bị liệt sang bên Mỹ, nhưng chuyến đi bị hủy vào phút cuối. Tôi đã rất tiếc nuối. Người Mỹ, họ rất tốt. Họ cho rất nhiều tiền để xây trường học và bệnh viện. Họ cũng rất thực tế.”

“Bà nhớ xem, có bao giờ bà nghe nói về vụ án bắt cóc Armstrong không?”

“Không, vụ đó ra sao ạ?”

Poirot giải thích.

Greta Ohlsson lộ vẻ bất nhẫn. Búi tóc vàng của bà cũng rung lên theo cảm xúc của bà.

“Trên đời này có những người tàn ác vậy sao? Đó quả là một thử thách đối với đức tin của chúng ta. Bà mẹ thật tội nghiệp. Tôi thấy thương bà ấy quá.”

Bà Thụy Điển đáng mến rời toa, khuôn mặt hiền hậu của bà đỏ bừng, đôi mắt bà ngấn lệ.

Poirot cầm cùi viết lên một tờ giấy.

“Ông viết gì đó, ông bạn?” Bouc hỏi.

“*Mon cher*, tôi có thói quen phải chi ly và ngăn nắp. Tôi đang lập một tấm bảng nhỏ về trình tự các sự kiện.”

Ông hoàn tất việc ghi chép và chuyển tờ giấy cho Bouc.

8g15: Tàu rời Belgrade.

Khoảng 9g40: Người hầu rời Ratchett, để lại ông này với ly thuốc ngủ.

Khoảng 10g00: MacQueen rời Ratchett.

Khoảng 10g40: Greta Ohlsson trông thấy Ratchett (lần cuối được thấy khi còn sống).

Lưu ý - Ông ta đang thức, đọc sách.

0g10: Tàu rời Vincovci (trễ).

0g30: Tàu bị kẹt do bão tuyết.

0g37: Ratchett gọi chuông. Phụ trách toa đến. Ratchett nói: “*Ce n’est rien. Je me suis trompé.*”

Khoảng 1g17: Bà Hubbard cho rằng có một người đàn ông trong khoang của bà. Bấm chuông gọi phụ trách toa.

Bouc gật đầu tán thành.

“Rất rõ ràng,” ông khẳng định.

“Có điều gì ông thấy lạ không?”

“Không, mọi thứ có vẻ rất rõ ràng và ăn khớp với nhau. Có vẻ

như vụ án mạng chắc chắn đã diễn ra vào lúc 1g15. Chiếc đồng hồ làm chứng đã cho ta thấy điều đó, và câu chuyện của bà Hubbard cũng khớp

nữa. Phần tôi, tôi cũng có suy đoán được hung thủ. Ông bạn ạ, tôi dám nói đó chính là gã bự con người Ý.

Hắn từ Mỹ đến... từ Chicago... và hãy nhớ rằng dao là vũ khí sở

trường của người Ý, với lại hắn đâm không phải một nhát mà là nhiều nhát.”

“Đúng vậy.”

“Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là lời giải cho bí ẩn này.

Chắc chắn hắn đã thông đồng với Ratchett trong hoạt động bắt cóc. Cassetti là một cái tên Ý. Cách nào đó, Ratchett đã có hành động mà ta thường gọi là chơi khăm đối với hắn. Gã người Ý đã truy lùng lão, gửi trước cho lão những lá thư cảnh cáo, rồi cuối cùng trả thù lão một cách hung bạo. Thật là quá đơn giản.”

Poirot lắc đầu, vẻ hoài nghi.

“Tôi e rằng không đơn giản như vậy đâu,” ông thì thầm nói.

“Còn tôi thì tôi tin chắc đó là sự thật,” Bouc nói, càng lúc càng say sưa với giả thuyết của mình.

“Còn chuyện ông người hầu bị đau răng thề rằng anh chàng Ý

đó không hề rời khỏi khoang thì sao?”

“Đó là một chỗ khó.”

Poirot nháy mắt.

“Đúng, chi tiết đó thật là phiền toái. Thật không may cho lý thuyết của ông, và cũng là cực kỳ may mắn cho anh bạn Ý của chúng ta vì ông người hầu

của Ratchett đã bị đau răng.”

“Điều đó sẽ có lời giải thích,” Bouc nói, vẻ cực kỳ tự tin.

Poirot lại lắc đầu.

“Không đâu, đâu có đơn giản như thế,” ông lầm bầm.



CHƯƠNG 6

Lời chứng của bà Công chúa Nga

“Ta hãy nghe Pierre Michel nói gì về chiếc cốc của ông ấy đã,”

Poirot nói.

Ông phụ trách toa được triệu tập lần nữa. Ông nhìn họ, vẻ
thắc mắc.

Bouc đăng hăng rồi nói:

“Michel à. Đây là chiếc cúc từ đồng phục của ông. Nó được tìm thấy trong khoang của bà người Mỹ. Ông nói gì về chiếc cúc này?”

Tay của phụ trách toa tự động sờ soạng bộ đồng phục.

“Tôi có bị mất chiếc cúc nào đâu ạ,” ông nói. “Chắc có lầm lẫn gì ở đây.”

“Chuyện này rất lạ.”

“Tôi không thể giải thích chuyện đó, thưa ông.”

Ông ta có vẻ sững sốt, nhưng không hề có biểu hiện sai lỗi hay bối rối nào.

Bouc nói đầy ẩn ý:

“Theo như tình huống mà nó được tìm ra thì rõ ràng là chiếc cúc này đã được người đã vào phòng bà Hubbard tối qua để lại, lúc bà ấy gọi chuông.”

“Nhưng thưa ông, làm gì có ai ở đó! Bà đó chắc chỉ tưởng tượng ra thôi ạ.”

“Bà ấy không tưởng tượng ra đâu, Michel. Hung thủ giết ông Ratchett đã đi theo lối đó... và để lại chiếc cúc này.”

Hiểu ra ẩn ý những lời lẽ của Bouc, Pierre Michel rơi vào một trạng thái cực kỳ bối rối.

“Không đúng, thưa ông. Điều đó không đúng!” ông ta la lên.

“Ông đang kết tội tôi. Tôi ấy à? Tôi vô tội. Tôi tuyệt đối vô tội. Có gì tôi phải giết một người mà tôi chưa bao giờ gặp trước đây?”

“Ông ở đâu khi bà Hubbard bấm chuông gọi?”

“Tôi đã nói rồi, thưa ông, tôi ở toa kế bên, đang nói chuyện với đồng nghiệp.”

“Chúng tôi sẽ hỏi ông ta.”

“Cứ hỏi đi, thưa ông, tôi van ông đấy. Cứ hỏi đi.”

Phụ trách toa kế bên được triệu tập. Ông ta lập tức xác nhận lời khai của Pierre Michel, ông nói thêm rằng người phụ trách toa Bucharest cũng có mặt ở đó. Ba người họ thảo luận về tình hình mà trận tuyết gây ra. Họ trao đổi được chừng mười phút thì Michel nói hình như ông nghe có tiếng chuông. Lúc ông mở các cánh cửa thông hai toa, họ đều nghe tiếng chuông rất rõ. Michel đã học tốc chạy về để phục vụ.

“Ông thấy chưa ạ, tôi không có tội,” Michel thốt lên đầy lo

lắng.

“Còn chiếc cúc từ đồng phục của phụ trách toa này thì ông giải thích ra sao?”

“Tôi không thể giải thích, thưa ông. Đó là bí ẩn đối với tôi. Tất cả các cúc của tôi vẫn còn nguyên đây mà.”

Cả hai người phụ trách toa kia đều tuyên bố không mất chiếc cúc nào. Hơn nữa, họ chẳng có lúc nào bước vào khoang của bà Hubbard.

“Bình tĩnh đi, Michel,” Bouc cố trấn an, “hãy cố nhớ lại xem khi ông chạy tới trả lời chuông của bà Hubbard, ông có gặp ai đó ngoài hành lang không?”

“Không, thưa ông.”

“Ông có thấy ai đang rời xa ông, đi dọc hành lang ra hướng kia không?”

“Cũng không, thưa ông.”

“Lạ nhỉ,” Bouc nói.

“Không lạ lắm đâu,” Poirot nhẹ nhàng chỉnh lại. “Chỉ là vấn đề

thời gian thôi. Bà Hubbard tỉnh dậy, phát hiện có người trong khoang bà ấy. Trong một, hai phút bà ấy nằm bất động, mắt nhắm tịt. Rồi bà ấy bắt đầu bấm chuông, nhưng ông phụ trách toa không đến ngay. Phải đến tiếng chuông thứ ba hay thứ tư

ông ấy mới nghe thấy. Tôi có thể nói khoảng thời gian đó là dư dả...”

“Dư dả để làm gì? Để làm gì vậy, *mon cher*? Hãy nhớ rằng quanh tàu là những đồng tuyết dày.”

“Có hai lối thoát mở ra cho hung thủ bí ẩn của chúng ta,”

Poirot chậm rãi nói. “Hắn có thể trốn vào nhà vệ sinh hay trốn vào một trong các khoang.”

“Nhưng tất cả các khoang đều có người ở mà!”

“Phải.”

“Ý ông là hắn trốn vào khoang của chính hắn?”

Poirot gật đầu.

“Khớp đấy, khớp đấy,” Bouc thì thầm. “Trong mười phút phụ

trách toa vắng mặt, hung thủ ra khỏi khoang của hắn, đi đến khoang của Ratchett, giết ông ta, khóa và cài xích cửa lại từ bên trong, thoát ra qua khoang của bà Hubbard rồi an toàn trở về

khoang của hắn trước khi phụ trách toa kịp đến.”

Poirot thì thầm đáp:

“Không quá đơn giản như vậy đâu, ông bạn. Ông bạn bác sĩ của chúng ta ở đây sẽ nói cho ông hay.”

Với một cái khoát tay, Bouc ra hiệu cho ba người phụ trách toa rời đi.

“Ta còn phải gặp tám hành khách nữa,” Poirot nói. “Năm hành khách hạng nhất gồm Công chúa Dragomiroff, Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi, Đại tá Arbuthnot và ông Hardman.

Ba hành khách hạng hai gồm cô Debenham, Antonio Foscarelli và bà người hầu Fräulein Schmidt.”

“Ông định gặp ai trước, gã người Ý chăng?”

“Sao ông cứ bám riết lấy cái anh chàng người Ý của ông thế!

Không, ta sẽ bắt đầu từ trên đỉnh ngọn cây. Có lẽ bà Công chúa sẽ

phải hạ cố dành chút thời gian của bà cho chúng ta thôi. Michel, ông hãy chuyển lời mời này cho bà ta.”

“*Oui, Monsieur.*” Phụ trách toa nói rồi chuẩn bị rời toa.

“Nói với bà ấy là chúng tôi có thể chờ tại khoang của bà ấy nếu bà ấy không muốn phải đến đây cho rắc rối,” Bouc nói với theo.

Nhưng bà Công chúa đã khước từ đặc quyền này. Bà xuất hiện tại toa ăn uống, khẽ gật đầu rồi ngồi xuống đối diện với Poirot.

Khuôn mặt nhỏ như mặt cóc của bà trông còn vàng vọt hơn cả

ngày hôm trước. Bà xấu khỏi phải nói, nhưng, cũng giống như

cóc, bà có đôi mắt như đá quý, đen sẫm và độc đoán, tiết lộ một năng lượng ngầm ngăm và một sức mạnh trí tuệ có thể cảm giác thấy ngay tức thì.

Giọng của bà sâu, dứt khoát, với một chút âm the thé.

Bà cắt ngang những lời xin lỗi bóng bẩy của Bouc.

“Các ông không cần phải xin lỗi. Tôi biết có án mạng diễn ra.

Dĩ nhiên, các ông phải phỏng vấn tất cả hành khách. Trong khả năng của tôi, tôi sẵn sàng làm mọi thứ để giúp các ông.”

“Bà thật dễ mến, thưa bà,” Poirot đáp lời.

“Không đâu. Đó là bổn phận mà. Các ông cần biết gì nào?”

“Dạ thưa, tên thánh đầy đủ và địa chỉ của bà. Có thể bà mong muốn được tự tay viết ra chăng?” Poirot nâng tờ giấy lên cùng với cây bút, nhưng bà Công chúa gạt chúng ra.

“Ông viết cũng được,” bà nói. “Không có gì khó đâu: Natalia Dragomiroff, số 17 đại lộ Kléber, Paris.”

“Thưa bà, bà đang từ Constantinople về nhà phải không ạ?”

“Phải, tôi ngụ ở Tòa đại sứ Áo. Người hầu của tôi đi cùng tôi.”

“Bà có thể nào nói vắn tắt cho chúng tôi mọi di chuyển của bà đêm hôm qua, kể từ sau bữa chiều?”

“Được thôi. Tôi dặn phụ trách toa làm giường cho tôi trong lúc tôi ở toa ăn uống. Tôi về giường lập tức sau khi ăn. Tôi đọc sách đến mười một giờ thì tắt đèn. Tôi không ngủ được do những cơn đau tê thấp. Đến khoảng một giờ mười lăm, tôi bấm chuông cho gọi người hầu. Cô ta xoa bóp cho tôi rồi đọc sách cho tôi nghe cho đến khi tôi ngủ. Tôi không biết cô ấy rời tôi lúc nào. Việc này có thể là trong nửa tiếng, có thể là lâu hơn.”

“Lúc đó tàu đã dừng chưa?”

“Tàu đã dừng rồi.”

“Trong thời gian đó, bà không nghe thấy điều gì bất thường chứ ạ?”

“Tôi không nghe thấy gì bất thường.”

“Tên người hầu của bà là gì?”

“Hildegarde Schmidt.”

“Bà ấy phục vụ bà lâu chưa ạ?”

“Mười lăm năm.”

“Theo bà, bà ấy có đáng tin cậy không ạ?”

“Tuyệt đối. Gia đình cô ấy làm việc trong điền trang tại Đức thuộc về người chồng quá cố của tôi.”

“Bà từng đến Mỹ rồi chứ ạ?”

“Nhiều lần.”

“Bà có quen biết một gia đình mang họ Armstrong không...

một gia đình đã gặp phải thảm họa?”

Với một thoáng xúc động trong giọng nói, bà Công chúa già trả lời:

“Ông đang nói đến những người bạn của tôi đó, thưa ông.”

“Vậy chắc bà biết rõ Đại tá Armstrong chứ ạ?”

“Tôi biết ông ta sơ sơ; nhưng vợ của ông ta, Sonia Armstrong là con gái đỡ đầu của tôi. Tôi là bạn của mẹ cô ấy, nữ diễn viên Linda Arden. Linda Arden là một tài năng lớn, một trong những diễn viên bi kịch vĩ đại nhất thế giới. Trong vai bà Macbeth, trong vai Magda, không ai có thể sánh với bà ấy. Tôi không chỉ

ngưỡng mộ tài năng nghệ thuật của bà ấy mà còn là bạn bè của bà.”

“Bà ấy đã từ trần?”

“Không, không, bà ấy còn sống, nhưng bà ấy sống hoàn toàn ẩn dật. Sức khỏe của bà ấy rất mong manh, phần lớn thời gian bà ấy phải nằm trên giường kỷ.”

“Tôi nhớ hình như bà ấy còn một cô con gái khác?”

“Phải, cô ấy ít tuổi hơn bà Armstrong rất nhiều.”

“Và cô ấy còn sống chứ ạ?”

“Dĩ nhiên.”

“Cô ấy ở đâu?”

Bà Công chúa già liếc ông bằng ánh mắt bén như dao.

“Xin ông cho biết lý do của những câu hỏi này. Nó liên quan gì đến vấn đề... tức vụ mưu sát trên con tàu này không?”

“Nó liên quan như thế này đây ạ, thưa bà: người đàn ông bị

giết chính là người chịu trách nhiệm cho việc bắt cóc và sát hại con gái của bà Armstrong.”

“A!”

Cặp chân mày thẳng bỗng cụm lại. Công chúa Dragomiroff hơi ưỡn thẳng người lên.

“Thế thì, theo quan điểm của tôi, án mạng này là một sự việc rất đáng hoan nghênh! Xin ông bỏ lỗi cho cách nhìn thiên kiến của tôi.”

“Nó cũng hợp lý thôi mà, thưa bà. Nhưng xin hãy trở lại với câu hỏi mà bà chưa trả lời. Cô con gái thứ hai của bà Linda Arden, tức em của bà Armstrong, hiện đang ở đâu?”

“Thành thật mà nói tôi không thể cho ông biết, thưa ông. Tôi đã mất liên lạc với thế hệ trẻ. Tôi tin rằng cô ấy đã lấy chồng người Anh vài năm trước đây và chuyển sang sống ở Anh, nhưng hiện thời tôi không thể nhớ ra tên ông này.”

Bà dừng lại một phút rồi nói tiếp:

“Ông còn chuyện gì hỏi tôi nữa không?”

“Chỉ một câu hỏi nữa thôi, thưa bà, một câu hỏi có phần hơi riêng tư. Đó là về màu sắc chiếc áo khoác ngủ của bà.”

Cặp chân mày của bà Công chúa hơi nhướn lên.

“Tôi nghĩ hẳn ông phải có lý do để đặt ra một câu hỏi như thế.

Áo khoác ngủ của tôi bằng vải xa-tanh màu xanh.”

“Không còn gì nữa, thưa bà. Tôi rất biết ơn bà đã trả lời thẳng thắn các câu hỏi của tôi.”

Bà Công chúa phác một động tác bằng bàn tay đeo đầy nhẫn

rồi đứng dậy. Những người còn lại cũng đứng dậy theo. Bà dợm đi nhưng chợt dừng lại.

“Tôi xin lỗi, thưa ông,” bà nói, “ông có thể cho tôi biết tên của ông được không ạ? Khuôn mặt ông tôi thấy hình như quen quen.”

“Thưa bà, tên của tôi là Hercule Poirot. Xin sẵn sàng phục vụ bà.”

Bà im lặng một lúc.

“Hercule Poirot,” bà nói. “Vâng, tôi nhớ ra rồi. Âu cũng là định mệnh.”

Bà bước ra, lưng rất thẳng, dáng đi có phần hơi cứng nhắc.

“Voilà une grande dame,” Bouc lên tiếng ngay sau đó, “ông nghĩ gì về bà ấy, ông bạn?”

Nhưng Hercule Poirot chỉ lắc đầu.

“Tôi đang tự hỏi bà ấy ngụ ý gì khi nói khi nói từ định mệnh,” ông nói.



CHƯƠNG 7

Lời chứng của Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi là những người kế tiếp được mời. Tuy nhiên, chỉ có một mình Bá tước bước vào toa ăn uống.

Nhìn gần, không ai có thể phủ nhận ông ta là một người đàn ông điển trai. Ông cao ít nhất một thước tám, vai rộng, hông thon. Ông mặc đồ bằng vải tuyết của Anh may đo rất khéo, và người ta có thể nghĩ ông là người Anh nếu như ông không có bộ

ria dài và bộ râu mai dọc theo xương gò má.

“Nào, các ông,” ông lên tiếng, “tôi có thể giúp gì các ông đây?”

“Mong ông hiểu cho,” Poirot phân trần, “với sự việc đã diễn ra tôi buộc lòng phải đặt vài câu hỏi cho tất cả mọi hành khách.”

“Hoàn hảo, hoàn hảo,” ông bá tước dễ dãi nói. “Tôi rất hiểu địa vị của ông. Nhưng tôi e là tôi và vợ tôi chẳng giúp gì nhiều cho ông. Chúng tôi ngủ suốt và chẳng nghe thấy gì cả.”

“Ông có biết gì về danh tính của người chết không ạ?”

“Tôi biết đó là ông Mỹ to lớn... cái ông có khuôn mặt hết sức

khó ưa. Vào giờ ăn ông ấy thường ngồi ở bàn kia.”

Nói đoạn ông hất đầu về phía chiếc bàn nơi Ratchett và MacQueen thường ngồi.

“Đúng, đúng rồi, thưa ông, ông tuyệt đối đúng. Nhưng ý tôi là ông có biết tên của ông ta không?”

“Không.” Ông bá tước có vẻ rất lúng túng trước câu hỏi của Poirot.

“Nếu ông muốn biết tên của ông ta, sao ông không xem hộ chiếu của ông ta đi?” ông vặc lại.

“Tên trên hộ chiếu là Ratchett,” Poirot nói. “Nhưng thưa ông, đó không phải là tên thật của ông ta. Ông ta chính là Cassetti, người chịu trách nhiệm gây ra vụ án bắt cóc nổi tiếng làm cả

nước Mỹ phẫn nộ.”

Ông chăm chú quan sát ông bá tước trong khi nói, nhưng ông này hình như chẳng suy suyển mảy may bởi cái tin đó. Ông ta chỉ hơi trợn mắt lên đôi chút.

“A!” ông bá tước thốt lên. “Điều này hẳn đã rọi ánh sáng lên vụ việc. Nước Mỹ, một đất nước thật kỳ lạ.”

“Ông đã từng đến đó rồi chứ, thưa ông Bá tước?”

“Tôi đã ở Washington một năm.”

“Có khi nào ông biết gia đình Armstrong?”

“Armstrong... Armstrong... quả là khó nhớ... tôi từng gặp gỡ quá nhiều người.”

Ông mỉm cười, nhún vai.

“Nhưng ta hãy trở lại vấn đề đi, thưa ông,” ông nói. “Tôi còn làm được gì để giúp ông?”

“Ông về nghỉ lúc nào, thưa ông bá tước?”

Poirot liếc nhìn bản sơ đồ. Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi giữ khoang số 12 và khoang 13 liền kề.

“Trong lúc ở toa ăn uống, thì một khoang đã được dọn dẹp xong cho buổi tối. Khi trở về, chúng tôi ngồi ở khoang kia một lúc...”

“Khoang đó là khoang nào ạ?”

“Số 13. Chúng tôi chơi bài picquet với nhau. Khoảng mười một giờ, vợ tôi về ngủ, và tôi cũng lên giường. Tôi ngủ ngon lành cho đến sáng.”

“Ông có nhận ra tàu bị dừng không?”

“Tôi chỉ nhận ra điều đó vào sáng nay.”

“Còn vợ ông?”

Bá tước mỉm cười.

“Vợ tôi luôn dùng thuốc ngủ khi đi tàu. Cô ấy dùng một liều trional như thường lệ.”

Ông ngáp ngừng.

“Tôi xin lỗi đã không giúp gì được cho các ông.”

Poirot trao cho ông tờ giấy và cây bút.

“Cảm ơn ông Bá tước. Đây chỉ là thủ tục thôi, nhưng ông vẫn phải cho chúng tôi biết tên và địa chỉ.”

Ông Bá tước viết chậm rãi và nắn nót.

“Tôi viết những thứ này ra cho ông cũng phải thôi,” ông ta hài lòng nói.

“Tên điền trang ở quê tôi hơi khó phát âm đối với ai

không biết ngôn ngữ của chúng tôi.”

Ông trả tờ giấy cho Poirot rồi đứng dậy.

“Vợ tôi chắc không cần phải đến đây,” ông tiếp tục. “Cô ấy cũng sẽ nói y hệt như tôi thôi.”

Một tia sáng ánh lên trong mắt của Poirot.

“Dĩ nhiên, dĩ nhiên rồi,” ông trả lời. “Nhưng dù vậy, tôi vẫn muốn có đôi lời với bà Bá tước.”

“Tôi đảm bảo với ông là không cần đâu mà.”

Giọng của ông phát ra đầy mệnh lệnh.

Poirot nháy mắt với ông, vẻ hiền hòa.

“Chỉ là một chút thủ tục thôi,” ông giữ đều giọng, “ông hiểu cho, điều đó rất cần thiết cho báo cáo của tôi.”

“Tùy ông thôi.”

Ông bá tước miễn cưỡng nhượng bộ. Ông phác một động tác chào nhanh, theo kiểu người nước ngoài rồi rời khỏi khoang ăn uống.

Poirot với tay lấy tấm hộ chiếu. Nó có ghi tên và tước hiệu của ông bá tước. Ông chuyển sang xem xét các nội dung khác... *có phu nhân tháp tùng*. Tên thánh là Elena Maria; tên thời con gái là Goldenberg; tuổi hai mươi. Một vết mờ dầy trên hộ chiếu, hẳn là do một viên chức sơ ý.

“Hộ chiếu ngoại giao,” Bouc nhận xét. “Ta phải cẩn thận đừng làm họ méch lòng, ông bạn ạ. Những người này chẳng liên quan gì đến vụ án mạng.”

“Cứ thoải mái đi, *mon vieux*, tôi sẽ hết sức tế nhị. Chỉ là thủ tục thôi mà.”

Ông hạ giọng khi bá tước phu nhân Andrenyi bước vào toa ăn uống. Trông cô rụt rè và cực kỳ diễm lệ.

“Các ông muốn gặp tôi?”

“Chỉ là thủ tục thôi, thưa bà Bá tước.” Poirot đứng dậy một cách lịch thiệp, nghiêng mình mời Bá tước Phu nhân ngồi vào chiếc ghế đối diện ông. “Chỉ là để hỏi xem đêm qua bà có thấy hay nghe điều gì có thể rọi ánh sáng vào vụ việc không.”

“Không gì cả, thưa ông. Tôi ngủ.”

“Chẳng hạn, bà có ghi nhận được sự rung chuyển ở khoang cạnh khoang bà không? Bà người Mỹ ở khoang đó đã bị một phen hoảng loạn và bấm chuông gọi ông phụ trách toa.”

“Tôi chẳng nghe thấy gì cả, thưa ông. Ông biết đấy, tôi đã uống thuốc ngủ.”

“A! tôi hiểu rồi. Tốt lắm, tôi không thể giữ bà lại lâu hơn.” Rồi, khi Bá tước Phu nhân nhanh nhẹn đứng dậy, ông nói thêm. “Chỉ

một phút tí xíu nữa thôi... những thông tin này, tên thời con gái của bà, tuổi của bà, vân vân... chúng có đúng không ạ?”

“Rất đúng, thưa ông.”

“Vậy xin bà làm ơn ký vào bản cung này để xác nhận những điều đó.”

Bá tước Phu nhân ký nhanh, nét chữ nghiêng và đẹp.

Elena Andrenyi.

“Bà có từng theo ông nhà đi Mỹ chưa, thưa bà?”

“Chưa ạ.” Bá tước Phu nhân mỉm cười, khuôn mặt hơi ửng lên. “Lúc đó chúng tôi chưa lấy nhau; chúng tôi chỉ mới lấy nhau được một năm.”

“À vâng, xin cảm ơn bà. Nhân tiện xin hỏi, ông nhà có hút thuốc không ạ?”

Bá tước Phu nhân nhìn ông khi cô dợm đứng dậy để đi.

“Có.”

“Dùng tẩu?”

“Không. Thuốc lá và xì-gà.”

“À! Cảm ơn bà.”

Bá tước Phu nhân nheo mắt nhìn ông vẻ hiếu kỳ. Đó là một đôi mắt rất đẹp, đen tuyền, thanh tú với hàng mi đen cong vút rất hợp với làn da trắng cực đẹp của đôi má.

“Tại sao ông lại hỏi thế?”

“Thưa bà,” Poirot hờ hững khoát tay, “thám tử chúng tôi thường hỏi han đủ thứ ấy mà. Ví dụ, bà có thể cho biết áo khoác ngủ của bà màu gì không?”

Bá tước Phu nhân nhìn ông. Rồi bà phá lên cười.

“Chiếc áo đó bằng tơ, màu ngô đồng. Chi tiết đó quan trọng lắm sao?”

“Rất quan trọng, thưa bà.”

Bá tước phu nhân tò mò hỏi:

“Ông có thật là thám tử không?”

“Vâng, thưa bà.”

“Tôi cứ tưởng không có thám tử trên tàu khi tàu qua Nam Tư... mãi tận lúc đến Ý.”

“Tôi không phải là thám tử Nam Tư, thưa bà. Tôi là thám tử quốc tế.”

“Ông làm việc cho Hội quốc liên à?”

“Tôi là người của toàn thế giới, thưa bà,” Poirot trịnh trọng

nói. Rồi ông tiếp tục. “Tôi làm việc chủ yếu ở London. *You speak*

English?” Ông hỏi bằng tiếng Anh.

“*I speak a leetle, yes.*”

Phát âm của Bá tước Phu nhân thật duyên dáng.

Poirot nghiêng mình chào lần nữa.

“Chúng tôi sẽ không giữ chân bà lâu hơn nữa, thưa bà. Bà thấy đó, có gì ghê gớm lắm đâu.”

Cô gái mỉm cười, gật đầu rồi đi khỏi.

“*Elle est jolie femme.*” Bouc thốt lên đầy ngưỡng mộ.

Ông thở dài.

“Nhưng điều đó chẳng giúp ta tiến thêm được bao nhiêu.”

“Chính thế,” Poirot nói. “Hai người không thấy gì và không nghe gì.”

“Ta gặp gã người Ý được chưa?”

Poirot không trả lời. Ông đang quan sát vết mờ trên tấm hộ chiếu Hungary.



CHƯƠNG 8

Lời chứng của Đại tá Arbuthnot

Poirot nhồm dậy cùng một cái nảy nhẹ. Đôi mắt ông hơi ánh lên khi chúng chạm phải ánh mắt háo hức của Bouc.

“A! ông bạn cũ thân mến của tôi,” ông nói. “Ông thấy đấy, tôi đã trở thành một kẻ bợ đỡ! Tôi cảm thấy cần phải quan tâm trước hết đến hạng nhất, rồi sau đó mới đến hạng hai. Tôi nghĩ

người kế tiếp mà ta sẽ phỏng vấn là ông Đại tá Arbuthnot dễ nhìn.”

Nhận ra rằng tiếng Pháp của ông Đại tá chỉ ở mức rất hạn chế, Poirot tiến hành cuộc phỏng vấn bằng tiếng Anh.

Tên, tuổi, địa chỉ và cấp bậc chính xác trong quân đội của Arbuthnot đều được kiểm tra. Poirot dẫn tới:

“Có phải ông từ Ấn Độ về theo chế độ gọi là nghỉ phép... chúng tôi gọi là [en permission?](#)”

Đại tá Arbuthnot có vẻ chẳng quan tâm đến việc đám người nước ngoài gọi mọi thứ là gì. Ông trả lời bằng kiểu nhát gừng đích thực của dân Anh:

“Vâng.”

“Ông không về bằng tàu thủy của hãng P&O?”

“Không.”

“Tại sao không?”

“Tôi chọn đi đường bộ vì những lý do riêng.”

Cung cách của ông ta như muốn nói: “Và một trong những lý do đó là để tránh bị quấy nhiễu bởi những kẻ càn rỡ như ông.”

“Ông đi thẳng từ Ấn Độ?”

Ông Đại tá lạnh nhạt trả lời:

“Tôi có dừng lại một đêm để tham quan vùng Ur, thuộc xứ

Chaldees, rồi dừng ở Baghdad ba ngày để thăm một người bạn cũ của tôi.”

“Ông dừng chân ba ngày ở Baghdad. Theo tôi biết thì cô nương người Anh, cô Debenham, cũng đi từ Baghdad. Có thể ông đã gặp cô ấy ở đó?”

“Không. Tôi gặp cô ấy lần đầu tiên khi chúng tôi cùng đi trong đoàn tàu có hộ tống từ Kirkuk đến Nissibin.”

Poirot nghiêng người tới trước, ông trở nên xun xoe và lạ lẫm một cách dị thường.

“Thưa ông, tôi có lời cầu khẩn ông. Ông và cô Debenham là những người Anh duy nhất trên tàu. Tôi nhất thiết phải hỏi ý kiến đánh giá của hai người về nhau.”

“Điều đó là vô nguyên tắc,” Đại tá Arbuthnot lạnh lùng nói.

“Không phải đâu. Ông thấy đấy, vụ án mạng này nhiều khả

năng là do một phụ nữ thực hiện. Nạn nhân bị đâm ít nhất

mười hai nhát dao. Ngay cả ông *chef de train* cũng nói: ‘Đó là một phụ nữ.’ Thế thì nhiệm vụ đầu tiên của tôi là gì? Tôi phải dành cho tất cả những phụ nữ đi trên toa Stamboul-Calais, cái

mà người Mỹ thường gọi là “once over”. Nhưng đánh giá một phụ

nữ Anh là việc rất khó. Người Anh họ rất kín kẽ. Cho nên, thưa ông, tôi cầu khẩn ông hãy vì lợi ích của công lý. Cô Debenham là người như thế nào vậy? Ông biết gì về cô ta?”

“Cô Debenham là một quý cô,” ông Đại tá trả lời với đôi chút nhiệt huyết.

“A!” Poirot thốt lên với vẻ hài lòng. “Cho nên ông nghĩ cô ấy khó có khả năng dính líu đến vụ án mạng?”

“Ý tưởng đó quá vô lý,” Arbuthnot trả lời. “Người đàn ông kia là một người hoàn toàn xa lạ... cô ta chưa từng gặp ông ấy trước đây.”

“Cô ấy nói với ông vậy sao?”

“Phải. Cô ấy có lần bình luận về cái vẻ khó ưa của ông ta. Nếu vụ này có dính líu đến phụ nữ như ông nghĩ (còn theo tôi thì điều đó chẳng có gì làm bằng chứng mà chỉ là giả định) thì tôi có thể đảm bảo với ông rằng cô Debenham không thể nào liên quan.”

“Ông nhiệt tình về chuyện này nhỉ,” Poirot mỉm cười, nói.

Đại tá Arbuthnot ném lên ông một cái nhìn lạnh lùng.

“Tôi không biết ông ngụ ý gì,” ông nói.

Ánh mắt ông Đại tá có vẻ làm Poirot lúng túng. Ông cup mắt xuống, nghịch nghịch những tờ giấy ở trước mặt.

“Tôi chỉ lỡ miệng thôi,” ông nói. “Chúng ta hãy thiết thực hơn và đi vào sự kiện. Chúng tôi có lý do để tin rằng vụ án mạng diễn ra vào lúc một giờ mười lăm đêm qua. Một phần thủ tục cần thiết là hỏi mọi người trên tàu xem họ làm gì vào giờ đó.”

“Đúng thế. Vào lúc một giờ mười lăm, theo như tôi nhớ, tôi đang nói chuyện với anh chàng người Mỹ, thư ký của người đàn ông bị giết.”

“À! Ông đến khoang anh ta hay anh ta đến khoang ông?”

“Tôi đến khoang anh ta.”

“Có phải là anh chàng trẻ tuổi tên là MacQueen?”

“Phải.”

“Anh ấy là bạn hay người quen của ông?”

“Không, tôi chưa từng gặp anh ta trước khi lên cuộc hành trình này. Chúng tôi nói chuyện vãn vơ rồi cả hai chợt thấy quan tâm. Theo quy luật thì tôi không thích người Mỹ... không ưa họ

lắm.”

Poirot mỉm cười, nhớ lại những bình phẩm của MacQueen về người Anh.

“... Nhưng tôi thấy mến chàng trai này. Anh ta không có những ý tưởng ngây ngô ngốc nghếch về tình hình Ấn Độ; đó là điều tệ hại nhất ở người Mỹ... họ quá sức ủy mị và lý tưởng. Anh ta quan tâm đến những gì tôi nói. Tôi đã có gần ba mươi năm kinh nghiệm về đất nước đó. Và tôi cũng quan tâm đến những gì anh ta nói về tình hình tài chính của nước Mỹ. Rồi chúng tôi nói sang vấn đề chính trị thế giới nói chung. Tôi rất ngạc nhiên khi

nhìn đồng hồ thấy đã là hai giờ mười lăm rồi.”

“Đó là thời gian ông dừng cuộc trò chuyện?”

“Vâng.”

“Ông làm gì sau đó?”

“Đi về khoang của tôi và tắt đèn.”

“Giường ông đã được làm sẵn?”

“Vâng.”

“Đó là khoang... xem nào... khoang số 15... chỉ cách một khoang nữa là đến cuối toa, tính từ toa ăn uống?”

“Phải.”

“Khi ông về khoang thì phụ trách toa đang ở đâu?”

“Ngồi ở chiếc bàn nhỏ cuối toa. Thật ra MacQueen đã gọi ông ta ngay lúc tôi trở về khoang của tôi.”

“Anh ta gọi ông ấy làm gì?”

“Để làm giường cho anh ấy, tôi chắc thế. Khoang anh ta chưa được dọn cho buổi tối.”

“Đại tá Arbuthnot, bây giờ tôi muốn ông suy nghĩ thật kỹ.

Trong lúc ông nói chuyện với MacQueen, có ai ngoài hành lang đi ngang qua cửa không?”

“Nhiều người lắm, tôi nghĩ vậy. Tôi không để ý.”

“À! nhưng tôi đang nói về thời gian cuối, từ khoảng giữa cuộc trò chuyện của ông. Ông và anh ta có xuống ga Vincovci, đúng không ạ?”

“Phải, nhưng chỉ chừng một phút. Lúc đó đang có bão tuyết.

Trời lạnh ghê hồn. Nó làm cho người ta thấy rất dễ chịu khi trở

vào chỗ ấm, mặc dù theo quy luật thì cái cách mà con tàu này được sưởi quá mức, là rất đáng phàn nàn.”

Bouc thở dài.

“Khó mà chiều lòng tất cả mọi người,” ông phân trần. “Người Anh thì thứ gì họ cũng đòi mở, người nước khác thì thứ gì họ

cũng đòi đóng. Thật là khó.”

Cả Poirot lẫn Đại tá Arbuthnot đều không để ý đến ông.

“Bây giờ, thưa ông, xin ông cố nhớ lại,” Poirot nói, giọng động viên. “Bên ngoài trời lạnh, ông và anh ta trở vào tàu. Hai người ngồi lại chỗ cũ, ông hút thuốc... có thể là thuốc lá, có thể là dùng tẩu...”

Ông dừng lại trong khoảnh khắc.

“Tôi dùng tẩu. MacQueen hút thuốc lá.”

“Tàu lại xuất phát, ông hút thuốc bằng chiếc tẩu của ông. Ông và MacQueen bàn luận về tình hình châu Âu, tình hình thế giới.

Lúc đó đã trễ rồi. Hầu hết mọi người đã về khoang đi nằm. Có ai đi ngang qua cửa không, ông nghĩ xem?”

Arbuthnot cau mày trong nỗ lực nhớ lại.

“Khó nói quá,” ông nói. “Ông biết đấy, tôi không để ý.”

“Nhưng ông có cái khả năng quan sát chi tiết của người lính cơ mà. Ông vẫn để ý trong khi không để ý, có thể nói như vậy.”

Ông Đại tá lại ngẫm nghĩ, nhưng rồi ông lắc đầu.

“Tôi không thể nói được. Tôi không nhớ có ai đi qua ngoại trừ

ông phụ trách toa. Chờ chút... hình như có một phụ nữ nữa.”

“Ông có thấy người này không? Người ấy già hay trẻ?”

“Tôi không thấy người ấy. Cũng không hẳn là tôi thấy gì. Chỉ có tiếng sột soạt và một dạng hương của dầu thơm.”

“Dầu thơm ư? Mùi có dễ chịu không?”

“Giống mùi trái cây, ông hiểu ý tôi chứ. Tôi muốn nói là người ta có thể ngửi thấy từ cách xa hàng trăm mét,” ông Đại tá vội vàng nói. “Nhưng xin ông nhớ kỹ, chuyện đó có thể diễn ra sớm hơn trong tối qua. Ông biết đấy, như ông vừa nói lúc nãy, đó chỉ

là một trong những điều mà người ta để ý tuy không để ý. Tối hôm đó, có lúc tôi tự nhủ: ‘Phụ nữ... mùi hương... khá là đậm.’

Nhưng lúc nào thì tôi không dám chắc, trừ phi... à, đúng rồi, chuyện đó là sau Vincovci.”

“Tại sao?”

“Vì tôi nhớ ra... tôi đã ngửi thấy, ông biết đấy... ngay lúc tôi đang nói về những kế hoạch năm năm cực kỳ nhảm nhí của Stalin. Tôi biết mùi hương phụ nữ này đã khiến tôi liên tưởng đến địa vị của phụ nữ Nga. Và tôi biết chúng tôi chỉ nói về nước Nga vào gần cuối cuộc trò chuyện mà thôi.”

“Ông có thể xác định chính xác hơn nữa không?”

“Kh... không. Chuyện đó đại thể là diễn ra trong khoảng nửa tiếng cuối cùng.”

“Nó diễn ra sau khi tàu dừng?”

Ông Đại tá gật đầu.

“Vâng, tôi hầu như chắc chắn.”

“Tốt lắm, ta lướt qua chuyện này. Ông từng đến Mỹ bao giờ chưa, Đại tá Arbuthnot?”

“Chưa bao giờ. Tôi không muốn đến đó.”

“Ông có biết Đại tá Armstrong không?”

“Armstrong... Armstrong... Tôi biết hai hay ba người mang họ

Armstrong. Có ông Tommy Armstrong trong thập niên 60... ông không ám chỉ ông ấy chứ? Và có Salby Armstrong... ông này bị giết ở Somme.”

“Tôi muốn nói đến Đại tá Armstrong, người đã lấy vợ Mỹ và đưa con duy nhất của họ đã bị bắt cóc và sát hại.”

“À, vâng, tôi nhớ có đọc báo về vụ án... gây sốc này. Tôi không nghĩ tôi đã gặp người đồng nghiệp này ở đâu đó mặc dù dĩ nhiên là tôi có biết tiếng ông ta. Toby Armstrong. Một quân nhân rất tốt. Mọi người đều mến ông ta. Ông ta có một sự nghiệp rất lẫy lừng. Từng nhận huân chương Victoria Cross.”

“Người đàn ông bị giết đêm qua chính là người chịu trách nhiệm về cái chết của con gái Đại tá Armstrong.”

Khuôn mặt Đại tá Arbuthnot chợt trở nên dữ tợn.

“Thế thì, theo thiện ý của tôi, tên man rợ đó xứng đáng nhận cái chết. Tuy vậy, tôi vẫn thích hắn bị treo cổ một cách hợp thức hơn, hoặc, nếu là ở bên đó thì hình như là đưa lên ghế điện.”

“Nói chung là ông thích luật pháp và trật tự hơn là trả thù cá nhân, phải không Đại tá Arbuthnot?”

“Đúng vậy, đâu thể nào đòi nợ máu và đâm nhau như dân Corse hay bọn Mafia được,” ông Đại tá nói. “Nói gì thì nói, đưa ra tòa xét xử vẫn là một hệ thống đúng đắn.”

Poirot suy tư nhìn ông một hồi lâu.

“Vâng,” ông nói. “Tôi hiểu quan điểm của ông. Thôi được, Đại tá Arbuthnot, có lẽ tôi không còn gì để hỏi ông thêm, ông còn nhớ bất cứ điều gì khả nghi tối hôm qua không... hay ta cứ tạm nói là bất cứ điều gì mà bây giờ nhìn lại ông thấy khả nghi?”

Arbuthnot ngẫm nghĩ một lúc.

“Không,” ông nói. “Không gì cả. Ngoại trừ...” ông lưỡng lự.

“Đúng rồi, ông nói tiếp đi, tôi xin ông đấy.”

“Thôi được, thật ra thì cũng chẳng có gì,” ông Đại tá chậm rãi nói. “Nhưng ông bảo tôi là *bất cứ điều gì*.”

“Đúng rồi, đúng rồi. Ông nói đi!”

“Ồ, không có gì. Chỉ là một chi tiết. Nhưng khi trở về khoang của tôi, tôi có để ý thấy cánh cửa của khoang sau khoang tôi...

tức khoang cuối cùng, ông biết đấy...”

“Vâng, số 16.”

“Cánh cửa khoang đó không hoàn toàn đóng lại. Và người bên trong ngó ra ngoài có vẻ lén lút thế nào ấy. Rồi người đó khép cửa lại rất nhanh. Dĩ nhiên, tôi hiểu chuyện đó cũng không có gì... nhưng tôi cảm thấy hơi lạ một chút. Ý tôi là nếu muốn nhìn gì đó thì cứ mở cửa thò đầu ra mà nhìn, chuyện đó là bình thường. Đằng này lại là cái kiểu lén lén lút lút nên tôi mới để ý.”

“V... Vâng,” Poirot hoài nghi nói.

“Tôi đã bảo ông là không có gì rồi mà,” Arbuthnot nói, vẻ như

cáo lỗi. “Nhưng ông cũng biết mà... vào giữa đêm khuya... mọi thứ đều yên ắng... người ta dễ có cái nhìn ảm đạm... như trong truyện trinh thám vậy. Tất cả thật ra chỉ là vớ vẩn.”

Ông đứng dậy.

“Thôi được, nếu ông không cần gì thêm ở tôi nữa...”

“Cảm ơn ông, Đại tá Arbuthnot, không còn gì khác nữa.”

Người quân nhân lưỡng lự một lúc. Sự khó chịu tự nhiên lúc ban đầu do bị “bọn ngoại quốc” phỏng vấn giờ đây đã bay biến.

“Về phần cô Debenham,” ông ngượng nghịu nói, “ông có thể tin lời tôi rằng cô ấy ổn. Cô ấy là một *pukka sahib* đấy!”

Hơi đỏ mặt, ông bước ra khỏi toa.

“*Pukka sahib* có nghĩa là gì?” bác sĩ Constantine hỏi, vẻ quan tâm.

“Nó có nghĩa là cha và các anh của cô Debenham học cùng một loại trường với Đại tá Arbuthnot,” Poirot đáp.

“Ồ!” bác sĩ Constantine thốt lên, vẻ thất vọng. “Vậy thì chẳng liên quan gì đến vụ án này rồi.”

“Chính xác,” Poirot nói.

Ông rơi vào một cơn mơ màng, ngón tay ông khe khẽ nhịp trên bàn. Rồi ông ngược nhìn lên.

“Đại tá Arbuthnot hút bằng tẩu,” ông nói. “Trong khoang của Ratchett, tôi tìm thấy một que thông tẩu. Ratchett chỉ hút xì-gà.”

“Ông nghĩ rằng...?”

“Đến nay ông ta là người duy nhất thừa nhận mình hút thuốc bằng tẩu. Và ông ta có biết đến Đại tá Armstrong... có thể họ

quen nhau, nhưng ông ta không chịu nhận.”

“Cho nên ông nghĩ có thể là...”

Poirot lắc đầu nguầy nguậy.

“Chỉ là như vậy thôi... Điều đó là vô lý... rất vô lý... không thể

nào một người Anh đáng kính, chính trực nhưng hơi ngốc lại có thể dùng dao đâm kẻ thù đến mười hai nhát! Các ông không cảm thấy điều đó là vô lý sao?”

“Đó là vấn đề tâm lý,” Bouc đáp.

“Và ta cần phải tôn trọng vấn đề tâm lý. Vụ án mạng này có một đáp án, và đáp án đó chắc chắn không phải là Đại tá Arbuthnot. Nhưng ta hãy phỏng vấn tiếp tục đi.”

Lần này Bouc không nhắc đến anh chàng người Ý nữa. Nhưng ông đã nghĩ đến anh ta.



CHƯƠNG 9

Lời chứng của ông Hardman

Hành khách khoang hạng nhất cuối cùng được phỏng vấn - ông Hardman - là một người Mỹ to lớn, màu mè, người ngồi cùng bàn với anh chàng người Ý và ông người hầu.

Ông ta mặc một bộ com-lê kẻ ô lòe loẹt, bên trong mặc chiếc sơ-mi màu hồng, cà-vạt đính kim kẹp choáng lộn. Lưỡi ông vẫn đang lùa vòng vòng thứ gì đó khi ông bước vào toa ăn uống. Đó là một người đàn ông to béo có khuôn mặt thô và những biểu hiện của một người vui tính.

“Chào ông,” ông ta cất tiếng. “Tôi giúp được gì cho ông?”

“Ông nghe nói về vụ án mạng rồi chứ, ô... ông Hardman?”

“Nghe rồi.”

Ông lùa miếng kẹo cao su một cách khéo léo.

“Chúng tôi phải phỏng vấn tất cả các hành khách trên tàu.”

“Với tôi không có vấn đề. Cách đó đâu thể khác được.”

Poirot tham khảo tấm hộ chiếu trước mắt ông.

“Ông là Cyrus Bethman Hardman, công dân Hoa Kỳ, bốn mươi một tuổi, nhân viên bán hàng cho công ty sản xuất ruy-băng máy đánh chữ?”

“O.K., đó là tôi.”

“Ông đi từ Stamboul đến Paris?”

“Đúng thế.”

“Lý do?”

“Kinh doanh.”

“Ông thường du lịch bằng vé hạng nhất?”

“Chính thế. Công ty chi trả mọi chi phí du lịch của tôi.”

Ông nháy mắt.

“Ông Hardman, bây giờ ta sẽ nói về những sự kiện đêm qua.”

Ông người Mỹ gật đầu.

“Ông có thể nói gì với chúng tôi về vụ này?”

“Chẳng có gì để nói cả.”

“Tiếc nhĩ. Ông Hardman, xin vui lòng kể lại chính xác ông đã làm gì đêm qua từ bữa chiều trở đi?”

Lần đầu tiên, ông người Mỹ có vẻ chưa sẵn sàng để trả lời ngay. Cuối cùng ông nói:

“Xin lỗi nhe, nhưng các ông là ai mới được? Nói tôi biết đi.”

“Đây là ông Bouc, giám đốc Công ty Tàu năm. Và đây là ông bác sĩ đã khám nghiệm tử thi người chết.”

“Còn ông?”

“Tôi là Hercule Poirot. Tôi được công ty ông Bouc nhờ điều tra vụ án này.”

“Tôi có nghe danh ông,” Hardman nói. Ông suy nghĩ một lúc rồi nói tiếp: “Chắc là tôi phải thành khẩn khai báo rồi.”

“Dĩ nhiên là ông nên nói cho chúng tôi tất cả những gì mà ông biết,” Poirot lạnh lùng nói.

“Tôi mà biết chuyện gì thì đã tía lia cái mồm rồi. Nhưng tôi không biết, tôi chẳng biết gì sất... tôi đã nói rồi mà. Nhưng mà lẽ

ra tôi *phải* biết gì đó. Thế mới bực. Tôi *phải* biết.”

“Làm ơn giải thích cho, ông Hardman.”

Hardman thở dài, lấy miếng kẹo cao su ra khỏi miệng, rồi thọc sâu tay vào túi. Cùng lúc, toàn bộ tính cách của ông có vẻ

như đang trải qua một sự chuyển đổi. Ông trở nên ít lập dị hơn và gần với con người thật hơn. Cả cái giọng mũi oang oang của ông cũng thay đổi.

“Tấm hộ chiếu đó là hơi xạo sự đó,” ông nói. “Đây mới thực sự là tôi.”

Poirot nhìn chăm chú tấm danh thiếp được chìa ra cho ông.

Bouc sẫm soi nhìn từ sau lưng bạn mình.

CYRUS B. HARDMAN

Văn phòng thám tử McNeil

NEW YORK

Poirot biết cái tên này. Đó là một trong những văn phòng thám tử tư nhân tiếng tăm và có uy tín nhất ở New York.

“Giờ thì, ông Hardman,” ông nói, “xin ông hãy cho biết chuyện này là thế nào.”

“Dĩ nhiên. Chuyện là thế này. Tôi sang châu Âu, theo dấu vết

của vài tên lừa đảo... chúng chẳng liên quan gì đến vụ này. Cuộc săn đuổi kết thúc ở Stamboul. Tôi đánh điện cho sếp và nhận lệnh ông ta phải quay về. Lẽ ra khi nhận lệnh, tôi phải lên đường về cái thành phố New York già nua bé bỏng.” Ông ta đẩy qua bàn một lá thư.

Tiêu đề trên đầu thư là Khách sạn Tokatlían.

Thưa ông, tôi được mách rằng ông là mật vụ của Văn phòng thám tử McNeil. Xin ông vui lòng trình diện ở phòng của tôi vào lúc bốn giờ chiều nay.

Lá thư ký tên “S.E. Ratchett”.

“*Eh bien?*”

“Tôi trình diện vào giờ ghi trong đó và ông Ratchett báo tôi nghe về tình hình của ông ấy. Ông ấy cho tôi coi vài lá thư mà ông ấy đã nhận.”

“Ông ấy có hoảng hốt không?”

“Làm ra vẻ thì không, nhưng ông ấy đã bị lung lạc rồi đó. Ông ấy đề nghị tôi một chuyện. Tôi phải đi cùng chuyến tàu với ông ấy đến Parrus và đảm bảo không ai hại ông ấy. Thế đấy, thưa các ông, tôi đã đi cùng chuyến tàu với ông ấy và, dù có tôi, ai đó vẫn cứ hại được ông ấy. Dĩ nhiên là tôi cảm thấy bứt rứt về chuyện này. Nó trông chẳng hay ho chút nào cho tôi.”

“Ông ấy có dặn dò ông phải làm gì không?”

“Dĩ nhiên, ông ấy đã dự trù tất cả. Theo ý tưởng của ông ấy, tôi sẽ lấy khoang ngay sát khoang ông ấy... nhưng ý tưởng này đã bị

phá sản ngay tức thì. Chỗ duy nhất mà tôi có thể lấy là giường số

16, và tôi đã phải xoay xở một chút mới có được nó. Tôi nghĩ phụ

trách toa muốn giữ lại giường này để kiểm soát. Nhưng điều đó không quan trọng. Khi tôi xem xét lại tình hình thì hóa ra số 16

tọa lạc ở một vị trí chiến lược rất tốt. Chỉ có toa ăn uống ở trước toa nằm Stamboul, cửa ra sân ga ở đầu toa được chốt lại vào ban đêm. Con đường duy nhất mà tên sát nhân có thể đột nhập là từ

sân ga qua cửa phía sau hay từ cửa thông toa, dọc theo tàu.

Trong cả hai trường hợp thì hẳn đều phải đi ngang qua khoang của tôi.”

“Có lẽ ông không biết danh tính của hung thủ đâu nhỉ?”

“Nhưng tôi biết hẳn trông như thế nào. Ông Ratchett đã mô tả

hắn cho tôi.”

“Sao?”

Cả ba người đàn ông đều háo hức nhòai người tới.

Hardman tiếp tục:

“Một người đàn ông nhỏ người, da sậm, có giọng nói mai mái... ông già nói vậy. Ông còn nói là đêm đầu tiên chắc không sao. Nhiều khả năng là đêm thứ hai hay thứ ba.”

“Ông ta biết điều gì đó,” Bouc nói.

“Chắc chắn là ông ấy biết nhiều điều hơn là những gì ông ấy đã nói với thư ký,” Poirot ngẫm nghĩ, nói. “Ông ấy có nói gì với ông về kẻ thù của ông ấy không? Ví dụ, tại sao mạng sống của ông ấy lại bị đe dọa?”

“Không, ông ấy có vẻ kín kẽ trong chuyện này. Chỉ nói là gã đó muốn lấy mạng ông ấy và quyết tâm làm điều đó.”

“Một người đàn ông nhỏ người... da sậm... nói giọng mai mái,” Poirot trầm tư lặp lại.

Rồi, ném một ánh mắt bén nhem lên Hardman, ông nói:

“Dĩ nhiên ông biết ông ta là ai rồi, đúng không?”

“Là ai vậy, thưa ông?”

“Ratchett chính là Cassetti, hung thủ trong vụ án Armstrong.”

Hardman phát ra một tiếng huýt dài.

“Ngạc nhiên chưa!” ông thốt lên. “Không, thưa ông, tôi không nhận ra ông ta. Tôi ở cách xa trời Tây khi vụ đó diễn ra. Chắc là tôi có thấy ảnh của hắn trên báo, nhưng với một tác phẩm của phóng viên ảnh thì có khi ngay cả mẹ tôi chưa chắc tôi đã nhận ra. Mà thiệt, dứt khoát là phải có vài người muốn cho lão Cassetti đó đi tong.”

“Ông có biết ai liên quan đến vụ Armstrong có hình dạng giống như ông ta mô tả không, tức nhỏ người, da sậm, giọng mai mái?”

Hardman suy nghĩ hồi lâu.

“Cũng khó nói. Hầu như ai dính đến vụ này cũng đều chết hết cả.”

“Có một cô gái nhảy cửa sổ tự tử, ông nhớ lại đi.”

“Nhớ chứ. Ý hay đấy. Hình như cô ta là người nước ngoài. Có thể cô ta có gốc gác ở Nam Âu. Nhưng ông nên nhớ là còn những vụ khác nữa chứ không phải chỉ có vụ Armstrong. Cassetti chơi trò bắt cóc này không chỉ một lần. Ông đâu thể nào chỉ tập trung vào mỗi vụ này.”

“À, nhưng chúng tôi có lý do để tin rằng án mạng này có liên quan đến vụ Armstrong.”

Hardman ngược nhìn dò hỏi. Nhưng Poirot không trả lời.

Người đàn ông Mỹ lắc đầu.

“Tôi chẳng nhớ ra người nào có hình dạng như thế trong vụ

Armstrong,” ông chậm chậm nói. “Nhưng dĩ nhiên, tôi không điều tra vụ này nên chẳng biết gì nhiều.”

“Tốt thôi, xin ông hãy tiếp tục câu chuyện của ông, ông Hardman.”

“Chẳng có mấy chuyện để nói. Tôi ngủ ban ngày để thức canh ban đêm. Đêm đầu tiên chẳng có gì khả nghi. Với tôi thì đêm qua cũng vậy. Tôi để cửa khép hờ để tiện quan sát. Không có ai đi qua cả.”

“Ông chắc chứ, ông Hardman?”

“Chắc như bắp rang. Không có ai từ ngoài lên tàu và cũng không có ai đến từ các toa phía sau. Tôi thề là như thế!”

“Từ vị trí của ông, ông có thấy ông phụ trách toa không?”

“Dĩ nhiên. Ông ta ngồi ở chiếc ghế nhỏ gần ngang với cửa khoang tôi.”

“Ông ta có rời chỗ ngồi sau khi tàu dừng ở Vincovci không?”

“Đó là ga cuối cùng đúng không? Có đấy, có vài tiếng chuông gọi ông ấy... chuyện này xảy ra ngay sau khi tàu dừng luôn. Rồi sau đó ông ta đi ngang qua tôi ra toa kế... ở đó chừng mười lăm phút. Có tiếng chuông reng như mắc cuồng và ông phụ trách toa chạy ngược vô. Tôi bước ra hành lang để xem có chuyện gì xảy

ra... cảm thấy hơi lo lắng, ông hiểu rồi đấy... nhưng hóa ra chỉ là bà người Mỹ. Bà ta đang nổi cơn lôi đình về chuyện gì đó. Tôi thấy buồn cười quá. Rồi ông phụ trách toa đến một khoang khác và trở lại đó với một chai nước suối hay gì đó. Sau đó ông ta ra ghế ngồi cho đến lúc phải đi ra cuối tàu để làm giường cho ai đó.

Sau đó nữa thì tôi nghĩ ông ta chẳng cựa quậy gì cho đến khoảng năm giờ sáng.”

“Ông ấy ngủ có say không?”

“Cái đó thì tôi không biết. Cũng dám lắm.”

Poirot gật gù. Một cách tự động, ông vuốt phẳng những giấy tờ trên bàn. Ông lại nhặt lên tấm danh thiếp chính thức.

“Xin ông vui lòng ký vào đây,” ông đề nghị.

Hardman làm theo.

“Ông Hardman, có ai xác nhận được câu chuyện của ông hay danh tính của ông không?”

“Trên tàu này ầy à? Cũng khó đấy. Trừ phi là anh chàng trẻ

tuổi MacQueen. Tôi biết anh ta khá rõ... từng thấy anh ta ở văn phòng của cha anh ta tại New York. Nhưng điều đó không có nghĩa là anh ta nhận ra tôi giữa cả đám mật vụ khác. Không đâu, ông Poirot, ông phải đợi đến khi nào ngớt tuyết để đánh điện cho New York thôi. Tôi không xạo sự đâu. Thôi, tạm biệt các ông nhé. Rất hân hạnh được gặp ông, thưa ông Poirot.”

Poirot chìa bao thuốc của ông ra.

“Hay ông thích dùng tẩu?”

“Không đâu.”

Ông ta lấy một điếu rồi nhanh nhẹn bước ra.

Ba người đàn ông nhìn nhau.

“Theo ông, ông ta thành thật không?” bác sĩ Constantine hỏi.

“Thành thật chứ. Tôi biết loại người này mà. Với lại, câu chuyện của ông ta rất dễ kiểm chứng.”

“Ông ấy cho chúng ta một lời chứng rất thú vị,” Bouc nói.

“Vâng, quả vậy.”

“Một người đàn ông nhỏ người, da sạm, nói giọng mai mái,”

Bouc suy tư.

“Một mô tả không trùng hợp với bất cứ ai trên con tàu này,”

Poirot nói.



CHƯƠNG 10

Lời chứng của anh chàng người Ý

“Và bây giờ,” Poirot nói với một cái nháy mắt, “chúng ta sẽ làm mát lòng ông Bouc bằng việc phỏng vấn anh chàng người Ý.”

Antonio Foscarelli bước vào toa ăn uống bằng những xoải chân lạnh lện, nhẹ nhàng như bước chân của loài mèo. Khuôn mặt anh rạng rỡ. Một khuôn mặt Ý điển hình, hoan hỉ và nhiệt thành.

Anh ta nói tiếng Pháp trôi chảy, chỉ hơi chút lơ lớ.

“Tên của ông là Antonio Foscarelli?”

“Vâng.”

“Ông là... tôi hiểu rồi... công dân Mỹ nhập tịch?”

Anh chàng công dân Mỹ toe toét cười.

“Vâng thưa ông. Như vậy tiện hơn cho công việc làm ăn của tôi.”

“Ông là đại lý của hãng xe hơi Ford?”

“Vâng, ông biết đấy...”

Một bài diễn văn liền thoả được tung ra ngay sau đó. Đến

khúc cuối thì ba người đàn ông đã biết tuyệt tuột về phương pháp kinh doanh của Foscarelli, những chuyến đi của anh, thu nhập của anh, ý kiến của anh về Hoa Kỳ mà so với nó thì phần lớn các quốc gia châu Âu đều là không đáng kể. Anh ta không phải là loại người phải moi móc thông tin. Thông tin tự nó tuôn ra ngoài.

Khuôn mặt tốt bụng, trẻ thơ cứ như hơn hớn vì hài lòng, và như một cử chỉ cuối cùng để kết thúc bài hùng biện, anh lấy khăn tay ra lau trán.

“Cho nên các ông cũng thấy đó,” anh hồ hởi, “tôi làm ăn lớn, tôi rất hiện đại, tôi am hiểu nghệ thuật bán hàng.”

“Vậy ra ông đã ở nước Mỹ, đi đi về về, trong suốt mười năm qua?”

“Vâng thưa ông. À! tôi còn nhớ cái ngày đầu tiên tôi lên tàu đi Mỹ, cũng xa xưa lắm rồi. Mẹ tôi và em gái tôi...”

Poirot cắt gọn dòng lũ hồi tưởng này.

“Trong thời gian ở Mỹ có bao giờ ông gặp người vừa từ trần không?”

“Chưa từng. Nhưng tôi biết loại người như ông ta. Vâng, tôi biết chứ!” Anh ta cắn ngón tay đầy biểu cảm. “Bề ngoài rất đáng kính, ăn mặc tươm tất, nhưng tâm địa thì hồng bét. Theo kinh nghiệm của tôi thì ông ta hẳn phải là một tay đại bịp. Dù sao đó cũng là ý kiến của tôi.”

“Ý kiến của ông rất chuẩn xác,” Poirot lạnh lùng nói. “Ratchett chính là tên bắt cóc Cassetti.”

“Tôi đã nói rồi mà! Tôi đã học được sự nhạy bén trong việc đọc khuôn mặt. Đó là một điều cần thiết. Chỉ ở Mỹ người ta mới dạy cách bán hàng đúng đắn thôi.”

“Ông nhớ vụ án Armstrong chứ?”

“Không nhớ lắm. Nó liên quan đến một bé gái, hình như là một em bé, đúng không nhỉ?”

“Đúng, đó là một thảm kịch.”

Chàng trai Ý hóa ra là người đầu tiên không tán thành quan điểm này.

“Ờ, thì vậy. Nhưng những chuyện như thế vẫn xảy ra trong một xã hội văn minh lớn như xã hội Mỹ...” anh bình thản nói.

Poirot ngắt lời.

“Ông đã từng gặp thành viên nào trong gia đình Armstrong chưa?”

“Chưa, tôi chưa gặp. Cũng khó nói. Tôi nói để ông dễ hình dung nhé. Riêng trong năm ngoái, tôi đã bán được...”

“Ông Foscarelli, xin làm ơn tập trung vào vấn đề.”

Anh chàng người Ý huơ tay làm một động tác xin lỗi.

“Vạn lần xin lỗi các ông.”

“Xin làm ơn cho tôi biết những di chuyển chính xác của ông trong đêm qua, kể từ sau bữa chiều.”

“Rất hân hạnh. Tôi có thể ở đây bao lâu cũng được, ở đây vui hơn. Tôi nói chuyện với ông người Mỹ ở bàn ăn. Ông ta bán ruy-băng máy đánh chữ. Rồi tôi trở về khoang. Trong đó trống trơn.

Cái ông John Bull tội nghiệp ở cùng khoang với tôi lúc đó đang

bận phục vụ chủ. Cuối cùng ông ấy cũng trở về... mặt dài thườn thượt như mọi lần. Ông ta chẳng bao giờ hé răng, dù là để nói có hay không. Một dân tộc đáng thương, người Anh quả là khó ưa.

Ông ta ngồi đọc sách trong xó, lưng rất thẳng. Rồi ông phụ trách toa đến làm giường cho chúng tôi.”

“Số 4 và 5,” Poirot thì thầm.

“Chính xác... đó là khoang cuối. Giường tôi ở bên trên. Tôi leo lên đó ngồi đọc sách, hút thuốc. Hình như cái ông người Anh thấp bé kia bị đau răng. Ông ta lấy ra một chiếc lọ nhỏ có chứa thứ gì đó rất hôi. Ông ta nằm xuống giường, rên rỉ. Một chốc sau tôi ngủ. Cứ mỗi khi tỉnh dậy là tôi lại nghe ông ta rên.”

“Ông ta có lúc nào rời khoang đêm qua không?”

“Tôi nghĩ là không. Nếu có thì tôi đã nghe thấy rồi. Ánh sáng từ ngoài hành lang sẽ làm người ta tự động nghĩ rằng đang có cuộc khám xét hải quan nào đó ở biên giới.”

“Ông ta có nói gì về chủ của mình không? Hoặc giả có bày tỏ

sự oán hận nào đó đối với ông ta không?”

“Tôi đã nói là ông ta không nói chuyện mà. Ông ta rất khó ưa.

Một gã câm như hến.”

“Ông có nói là ông hút thuốc... thuốc lá, tẩu hay xì-gà?”

“Tôi chỉ hút thuốc lá.”

Poirot chìa bao thuốc lá cho anh ta và anh ta nhận một điếu.

“Ông đã bao giờ đến Chicago chưa nhỉ?” Bouc lên tiếng hỏi.

“Ồ, rồi chứ... một thành phố đẹp... nhưng tôi biết rõ hơn về

New York, Washington, Detroit. Ông đến Mỹ bao giờ chưa? Chưa

à? Ông phải đi mới được, nước Mỹ...”

Poirot đẩy một tấm giấy về phía anh ta.

“Xin ông ký vào tờ giấy này và ghi địa chỉ thường trú của ông.”

Anh chàng Ý ký bằng nét chữ bay bướm. Rồi anh đứng dậy, nụ

cười dễ mến hơn bao giờ hết.

“Chỉ vậy thôi sao? Các ông không cần tôi nữa à? Chúc các ông một ngày tốt lành. Tôi mong ta sẽ sớm thoát khỏi trận tuyết này.

Tôi có một cuộc hẹn ở Milan...” Anh ta rầu rĩ lắc đầu. “Tôi hỏng vụ làm ăn này mất thôi.”

Rồi anh ta đi khỏi.

Poirot nhìn ông bạn của mình.

“Anh ta sống một thời gian dài ở Mỹ,” Bouc nói, “và anh ta là người Ý, mà dân Ý thì ưa dùng dao! Và họ là những kẻ nói dối cự

phách! Tôi không ưa dân Ý.”

“[Ça se voit,](#)” Poirot mỉm cười, nói. “Thôi được, có thể là ông đúng, nhưng, ông bạn ạ, tôi xin nhắc ông rằng tuyệt đối không có một chứng cứ nào chống lại anh chàng này.”

“Còn vấn đề tâm lý thì sao? Chẳng phải đó là kiểu tâm của người Ý sao?”

“Hẳn rồi,” Poirot đáp. “Nhất là giữa cao điểm của một cuộc cãi vã. Nhưng ở đây... ở đây lại là một kiểu án mạng khác. Ông bạn ạ, tôi có một chút ý cho rằng đây là một vụ án mạng được lên kế

hoạch và dàn cảnh rất công phu. Một vụ án mạng có tầm nhìn xa trông rộng. Đây không phải là... nói thế nào nhỉ?... một vụ án mạng kiểu Ý. Đây là một vụ án mạng mang dấu vết của sự lạnh

lùng, tính toán... tôi nghĩ là bởi một bộ não rất Anh đấy.”

Ông cầm lên hai tập hồ chiếu cuối cùng.

“Nào, ta hãy gặp cô Mary Debenham.”



CHƯƠNG 11

Lời chứng của cô Debenham

Mới bước vào toa ăn uống, Mary Debenham đã xác nhận những đánh giá về cô trước đây của Poirot.

Ăn mặc rất chần chu với bộ áo khoác ngoài và váy màu đen, cùng chiếc áo sơ-mi xám kiểu Pháp, những gợn sóng mượt mà của mái tóc đen trông thật gọn ghẽ và tinh tươm, điệu bộ của cô cũng tĩnh tại và gọn gàng như chính mái tóc.

Cô ngồi xuống đối diện Poirot và Bouc, nhìn họ đầy dò hỏi.

“Tên cô là Mary Hermione Debenham, và cô năm nay hai mươi sáu tuổi?” Poirot mở đầu.

“Vâng.”

“Người Anh?”

“Vâng.”

“Xin cô vui lòng viết ra mảnh giấy này địa chỉ thường trú của cô.”

Cô gái làm theo. Chữ viết của cô rõ ràng và dễ đọc.

“Bây giờ, thưa cô, cô có thể nói gì với chúng tôi về vụ việc tối qua?”

“Tôi e rằng tôi chẳng có gì để nói với các ông cả. Tôi lên giường ngủ sớm.”

“Thưa cô, việc trên tàu này xảy ra án mạng có khiến cô lo lắng lắm không?”

Câu hỏi rõ ràng là bất ngờ. Cặp mắt đen của cô gái hơi trở lên.

“Tôi không hiểu ý ông lắm.”

“Tôi chỉ hỏi cô một câu đơn giản thôi mà, thưa cô. Tôi sẽ lặp lại nó. Việc trên tàu xảy ra án mạng có làm cô lo lắng lắm không?”

“Tôi quả tình chưa từng nhìn vụ việc từ góc độ đó. Không, tôi không có gì phải lo lắng cả.”

“Án mạng... chẳng lẽ lại là chuyện thường ngày đối với cô sao?”

“Đó dĩ nhiên là một chuyện không hay trong cuộc sống,” Mary Debenham bình tĩnh đáp lời.

“Cô rất Ăng-lê, thưa cô. *Vous n'éprouvez pas d'emotion.*”

Mary Debenham hơi mỉm cười.

“Tôi e rằng tôi không thể tỏ ra kích động để chứng tỏ cảm xúc của mình. Dù sao thì cái chết vẫn đang diễn ra hàng ngày.”

“Vâng, người ta vẫn chết hàng ngày. Nhưng án mạng vẫn là chuyện hơi hiếm.”

“Ồ, dĩ nhiên.”

“Cô có quen biết với người chết không?”

“Tôi gặp ông ta lần đầu tiên khi dùng bữa trưa ở đây ngày hôm qua.”

“Và ông ta tạo ấn tượng gì với cô?”

“Tôi chẳng để ý mấy đến ông ta.”

“Ông ta không làm cô nghĩ đến một kẻ xấu xa sao?”

Cô gái khẽ nhún vai.

“Quả tình, tôi chẳng biết mình có nghĩ vậy không.”

Poirot nhìn cô gái bằng ánh mắt bén lẹm.

“Tôi nghĩ cô hơi coi thường cách thức tôi tiến hành thẩm vấn,”

ông nói với một cái nháy mắt. “Cô nghĩ một điều tra viên người Anh thì sẽ không lấy cung kiểu đó. Khi đó mọi thứ sẽ thật lạnh lùng, ngăn gọn. Tất cả đều bám vào sự kiện. Một công việc rất quy củ. Nhưng thưa cô, tôi có cái độc đáo riêng của tôi. Tôi xem các lời chứng trước. Tôi đúc kết các tính cách của người này người nọ, rồi tôi chọn các câu hỏi phù hợp. Mới cách đây vài phút, tôi vừa phỏng vấn một người thanh niên. Anh này muốn thổ lộ với tôi tất cả mọi ý tưởng và nói về mọi chủ đề. Nhưng với anh ta thì tôi bám chặt vào sự vụ. Tôi muốn anh ta trả lời có hay không, thế này hay thế khác. Và rồi đến phiên cô. Tôi thấy ngay cô là người trật tự, ngăn nắp. Cô sẽ chỉ khép mình vào vấn đề

đang bàn luận mà thôi. Các câu trả lời của cô sẽ cụt lủn và vào thẳng vấn đề. Nhưng, thưa cô, vì bản chất con người vốn rất phức tạp, nên tôi đã đặt ra cho cô những câu hỏi khác. Tôi hỏi cô *cảm thấy* và *suy nghĩ* như thế nào. Phương pháp này không làm cô hài lòng sao?”

“Xin ông bỏ lỗi cho, điều đó có vẻ như một sự lãng phí thời gian. Việc tôi có ưa khuôn mặt của ông Ratchett hay không có lẽ

chẳng giúp ích được là bao trong việc tìm ra hung thủ đã sát hại ông ta.”

“Cô đã biết Ratchett thực ra là ai chưa, thưa cô?”

Cô gái gật đầu.

“Bà Hubbard đã nói với tất cả mọi người rồi.”

“Và cô nghĩ sao về vụ án Armstrong?”

“Nó thật là ghê tởm,” cô gái trả lời ngay không cần suy nghĩ.

Poirot đắm chiêu nhìn cô.

“Cô đi từ Baghdad đúng không, cô Debenham?”

“Vâng.”

“Đến London?”

“Vâng.”

“Cô làm gì ở Baghdad vậy?”

“Tôi là bảo mẫu nuôi dạy hai đứa trẻ.”

“Cô có trở lại chỗ làm cũ sau chuyến đi nghỉ?”

“Tôi không chắc.”

“Tại sao vậy?”

“Baghdad là nơi hơi thiếu thốn. Tôi nghĩ nếu tìm được một việc phù hợp ở London thì sẽ tốt hơn nhiều.”

“Tôi hiểu. Tôi đoán có thể cô sắp lập gia đình.”

Cô Debenham không trả lời. Cô nhướn mắt lên, nhìn thẳng vào khuôn mặt của Poirot. Ánh mắt của cô nói lên rất rõ: “Ông là đồ lão xược.”

“Cô có cảm nghĩ gì về người ở cùng khoang với cô - bà

Ohlsson?”

“Bà ấy có vẻ là một người dễ mến, giản dị.”

“Áo khoác ngủ của bà ta màu gì vậy?”

Mary Debenham nhìn chòng chọc.

“Nó bằng len tự nhiên, màu nâu non.”

“À! Hy vọng cô không cho tôi là thiếu tế nhị, nhưng tôi có lưu ý đến màu chiếc áo khoác ngủ của cô trên đoạn đường từ Aleppo đến Stamboul. Nó màu hoa cà nhạt, đúng không ạ?”

“Ông nói đúng đấy.”

“Cô có áo khoác ngủ nào khác không, thưa cô? Một chiếc màu đỏ tươi chẳng hạn?”

“Không, đó không phải là của tôi.”

Poirot nhào người tới trước, tựa như một con mèo vồ chuột.

“Vậy thì nó của ai?”

Cô gái giật mình, hơi lùi ra sau.

“Tôi không biết. Ý ông là sao?”

“Cô không nói: ‘Không, tôi không có chiếc áo đó.’ Cô trả lời: ‘Đó không phải là của tôi.’ Điều đó có nghĩa chiếc áo ấy phải thuộc về ai đó.”

Cô gái gật đầu.

“Ai đó trên con tàu này?”

“Vâng.”

“Ai vậy?”

“Tôi đã nói với ông rồi. Tôi không biết. Tôi tỉnh dậy vào khoảng

năm giờ sáng với cảm giác tàu đang dừng một thời gian dài. Tôi bèn mở cửa nhìn ra hành lang, nghĩ rằng tàu đã đến ga. Tôi thấy có ai đó mặc một bộ kimono màu đỏ tươi đang đi dọc hành lang.”

“Và cô không biết đó là ai? Người đó tóc vàng, tóc đen hay tóc hoa râm?”

“Tôi không biết. Người phụ nữ đó có đội một chiếc nón chụp và tôi chỉ thấy sau gáy của người đó thôi.”

“Còn thân hình thì sao?”

“Cao, gầy, tôi nghĩ vậy, nhưng cũng khó nói. Chiếc kimono có thêu hình rồng.”

“Phải, đúng rồi đấy, hình rồng.”

Ông im lặng một lúc rồi thì thầm với chính mình:

“Không thể hiểu nổi. Không thể hiểu nổi. Tất cả những điều này chẳng có ý nghĩa gì.”

Rồi ông ngược nhìn lên:

“Tôi không cần phải giữ cô thêm nữa, thưa cô.”

“Ồ!” cô gái có vẻ khá sững sốt, nhưng cô đứng dậy ngay. Tuy nhiên, ra đến cửa, cô lưỡng lự một lúc rồi quay lại.

“Bà Thụy Điển... Bà Ohlsson đúng không ạ?... Bà ấy tỏ ra rất lo lắng. Bà ấy nói ông bảo bà ấy là người cuối cùng thấy ông kia còn sống. Tôi tin rằng

bà ấy nghĩ ông nghi ngờ bà ấy. Liệu tôi có thể

nói với bà ấy rằng bà ấy đã lầm? Thực sự, ông biết đấy, bà ấy là loại người đến con ruồi cũng không thể làm hại.”

Cô hơi mỉm cười khi nói.

“Bà ấy đi xin bà Hubbard thuốc aspirin vào lúc mấy giờ?”

“Ngay sau mười giờ rưỡi.”

“Bà ấy đi mất bao lâu?”

“Chừng năm phút.”

“Bà ấy có rời khoang lần nào nữa trong đêm qua không?”

“Không.”

Poirot quay sang ông bác sĩ.

“Có thể nào ông Ratchett bị giết sớm hơn thời gian đó?”

Ông bác sĩ lắc đầu.

“Vậy thì tôi nghĩ cô có thể trấn an bạn của cô được rồi đó, thưa cô.”

“Cảm ơn ông.” Cô bất chợt nở nụ cười với ông, một nụ cười thiện cảm. “Bà ấy giống như một con cừu vậy, ông biết đấy. Bà ấy lo lắng và cứ kêu be be.”

Cô quay lại và bước đi.



CHƯƠNG 12

Lời chứng của bà người hầu Đức

Bouc nhìn bạn mình, vẻ dò xét.

“Tôi không hiểu ông lắm, *mon vieux*, ông định làm gì vậy?”

“Tôi đang tìm một vết nứt, ông bạn ạ.”

“Một vết nứt?”

“Đúng! Một vết nứt trên bộ giáp diêm tĩnh của cô gái trẻ. Tôi muốn làm rung chuyển cái *sang-froid* của cô ấy. Tôi có thành công không? Tôi cũng không biết. Nhưng tôi biết điều này: cô ta đã bất ngờ khi tôi tiếp cận vấn đề như cách tôi đã làm.”

“Ông nghi ngờ cô ta,” Bouc chậm chạp nói. “Nhưng tại sao? Cô ta là một cô gái trẻ duyên dáng... không cách chi có thể dính líu đến một vụ án mạng như thế này.”

“Tôi đồng ý,” bác sĩ Constantine tán thành. “Cô ta lạnh lùng, cô ta không bày tỏ cảm xúc. Cô ta không thể đâm một người đàn ông vì cô ta thà kiện người đó ra tòa.”

Poirot thở dài: “Cả hai ông phải bỏ đi cái nỗi ám ảnh rằng đây là một án mạng không mưu tính trước, một án mạng đột ngột.

Còn vì sao tôi nghi ngờ cô Debenham thì có hai lý do. Lý do thứ

nhất liên quan đến câu chuyện tôi nghe lỏm được mà đến nay các ông vẫn chưa biết.”

Ông thuật lại cho họ những trao đổi kỳ lạ mà ông đã nghe lỏm được trong cuộc hành trình từ Aleppo.

“Quả là kỳ lạ,” Bouc nói khi ông kể xong. “Chuyện này cần có lời giải thích. Nếu đúng như ông nghi ngờ thì có nghĩa là cả hai người họ cùng tham gia vụ này, cả cô ta lẫn ông người Anh cứng cỏi kia.”

Poirot gật đầu.

“Và đó chỉ là thứ không được xác nhận bởi sự kiện,” ông nói.

“Các ông thấy đấy, nếu cả hai cùng tham gia vụ này thì chúng ta chờ đợi điều gì? Ta chờ đợi họ sẽ cung cấp bằng chứng ngoại phạm cho nhau, đúng không nào? Nhưng không, điều đó không xảy ra. Bằng chứng ngoại phạm của cô Debenham là do bà Thụy Điển cung cấp, một người mà cô ta chưa từng gặp trước đây.

Bằng chứng ngoại phạm của Đại tá Arbuthnot thì lại được đảm bảo bởi MacQueen, thư ký của người chết. Không, lời giải cho trò chơi ghép hình này không dễ như vậy.”

“Ông nói còn một lý do nữa khiến ông nghi ngờ cô ấy,” Bouc nhắc nhở.

Poirot mỉm cười.

“À! nhưng đó chỉ là tâm lý thôi. Tôi tự hỏi có thể nào cô Debenham lập kế hoạch cho vụ ám sát? Tôi tin rằng đằng sau vụ

này là một bộ óc lạnh lùng, thông minh và tháo vát. Cô Debenham đáp ứng tất cả các mô tả này.”

Bouc lắc đầu.

“Tôi nghĩ là ông sai rồi, ông bạn ạ. Tôi không tin cô gái trẻ

người Anh đó là thủ phạm.”

“Thôi được,” Poirot nói, nhặt lên tấm hộ chiếu cuối cùng. “Cái tên cuối cùng trong danh sách của chúng ta là Hildegarde Schmidt, người hầu.”

Được nhân viên phục vụ mời đến, Hildegarde Schmidt bước vào toa, đứng chờ một cách lễ phép.

Poirot ra hiệu mời bà ngồi.

Bà ngồi xuống, chắp hai tay bình thản chờ cho đến khi được hỏi. Tất cả mọi thứ nơi bà toát ra sự tĩnh tại, vẻ cực kỳ đứng đắn, nhưng có lẽ không phải là sự nhanh trí.

Phương pháp mà Poirot áp dụng với Hildegarde Schmidt hoàn toàn tương phản với cách ông sử dụng với Mary Debenham.

Ông đang tỏ ra hết sức tử tế, hiền hậu cốt làm cho bà được thoải mái. Sau khi yêu cầu bà viết tên và địa chỉ, ông từ tốn chuyển sang các câu hỏi.

Cuộc phỏng vấn diễn ra bằng tiếng Đức.

“Chúng tôi muốn biết càng nhiều càng tốt về những gì diễn ra đêm qua,” ông nói. “Chúng tôi biết bà không thể cung cấp nhiều thông tin về vụ án mạng, nhưng có thể bà đã nghe hay thấy điều gì đó mặc dù chẳng là gì cả đối với bà, nhưng lại có giá trị với chúng tôi. Bà hiểu chứ?”

Bà ta không có vẻ là hiểu. Khuôn mặt rộng, nhân từ vẫn giữ

nguyên cái vẻ bình thản ngô nghê khi bà lên tiếng trả lời:

“Tôi không biết gì cả, thưa ông.”

“Thôi được, ví dụ, chủ của bà có cho người gọi bà đêm qua chứ?”

“Điều đó thì có ạ.”

“Bà có nhớ lúc đó là mấy giờ không?”

“Dạ tôi không biết. Ông biết đấy, khi người nhân viên phục vụ đến gọi thì tôi đang ngủ.”

“Phải rồi, phải rồi. Bà có thường bị gọi như vậy không?”

“Dạ, cũng thường ạ. Lệnh bà thường yêu cầu chăm sóc vào ban đêm. Bà ấy bị khó ngủ.”

“*Eh bien*, bà nhận lệnh triệu tập và trở dậy. Thế bà có mặc áo khoác ngủ vào không?”

“Dạ không. Tôi mặc thêm đồ vào. Tôi không thể trình diện trước Lệnh bà trong bộ áo khoác ngủ.”

“Mặc dù bà có một chiếc áo khoác ngủ màu đỏ tươi?”

Bà người hầu nhìn ông.

“Đó là chiếc áo bằng vải flannel màu xanh đậm, thưa ông.”

“Bà cứ nói tiếp đi. Tôi chỉ đùa chút thôi. Thế là bà đến chỗ bà Công chúa. Và bà đã làm gì khi đến đó?”

“Dạ, tôi xoa bóp cho bà ấy. Sau đó tôi đọc sách cho bà ấy nghe.

Tôi đọc không hay nhưng Lệnh bà nói thà đọc vậy còn hơn không. Nó giúp Lệnh bà dễ ngủ hơn. Khi bắt đầu buồn ngủ, bà bảo tôi đi về. Tôi bèn gấp sách lại, trở về khoang của mình.”

“Bà có biết khi đó là mấy giờ không?”

“Dạ không.”

“Thôi được, vậy bà ở chỗ bà Công chúa khoảng bao lâu?”

“Dạ khoảng nửa tiếng ạ.”

“Tốt, bà nói tiếp đi.”

“Đầu tiên, tôi đưa đến cho Lệnh bà một tấm chăn phụ lấy từ

khoang của tôi. Mặc dù tàu được sưởi nhưng vẫn rất lạnh ạ. Tôi trùm chăn cho Lệnh bà. Bà chúc tôi ngủ ngon. Tôi rót sẵn cho Lệnh bà ít nước suối. Rồi tôi tắt đèn đi về.”

“Rồi sau đó?”

“Dạ chẳng còn gì nữa ạ. Tôi về khoang của mình và ngủ.”

“Bà có gặp ai ngoài hành lang không?”

“Dạ không.”

“Ví dụ bà có thấy một người phụ nữ mặc áo kimono màu đỏ có thêu hình rồng?”

Đôi mắt hiền từ của bà mở lớn, nhìn ông.

“Dạ, thật tình là không ạ. Không có ai cả trừ phụ trách toa. Ai cũng đi ngủ cả rồi ạ.”

“Nhưng bà có thấy phụ trách toa?”

“Dạ vâng.”

“Lúc ấy ông ta đang làm gì?”

“Dạ ông ta đang bước ra từ một khoang.”

“Sao?” Bouc nhòai người tới. “Từ khoang nào?”

Hildegarde Schmidt có vẻ hoảng hốt. Poirot ném sang bạn mình một cái nhìn trách cứ.

“Dĩ nhiên là ông phụ trách toa thường xuyên phải trả lời các

tiếng chuông vào ban đêm rồi. Bà có nhớ ông ta từ khoang nào đi ra không?”

“Dạ, nó nằm ở khoảng giữa toa. Cách khoang của Lệnh bà chừng hai hay ba cánh cửa.”

“A! xin bà vui lòng cho chúng tôi biết chính xác đó là đâu và chuyện gì đã xảy ra.”

“Dạ, ông ấy xem nữa va vào tôi. Đó là lúc tôi đem chặn từ

khoang của tôi đến chỗ Lệnh bà.”

“Và ông ấy từ một khoang bước ra, suýt nữa đụng phải bà?

Ông ta đi về hướng nào vậy?”

“Dạ, về phía tôi. Ông ấy xin lỗi rồi đi tiếp về phía toa ăn uống.

Có tiếng chuông reng, nhưng tôi không nghĩ là ông ấy trả lời nó.”

Bà ta dừng một lúc rồi nói tiếp:

“Tôi không hiểu. Điều này...?”

Poirot trấn an bà.

“Đó chỉ là vấn đề thời gian thôi,” ông nói. “Chuyện thường ngày ấy mà. Ông phụ trách toa tội nghiệp đó hẳn là đã có một đêm bận rộn. Thoạt tiên, ông ấy đánh thức bà, sau đó phải trả lời nhiều tiếng chuông.”

“Dạ đó không phải là ông phụ trách toa đã đánh thức tôi. Đó là một người khác.”

“Một người khác! Bà đã từng thấy ông này trước đây không?”

“Dạ không.”

“Nếu gặp lại, bà có nhận ra được ông ta không?”

“Dạ, tôi nghĩ là được.”

Poirot thầm thì gì đó vào tai Bouc. Bouc bèn đứng dậy, ra cửa để phát lệnh.

Poirot tiếp tục hỏi một cách dễ dãi và thân thiện.

“Bà đã từng đến Mỹ bao giờ chưa, bà Fraulein Schmidt?”

“Dạ chưa ạ. Nước đó chắc là đẹp lắm.”

“Chắc bà đã nghe nói người đàn ông bị giết thật ra là ai, và hẳn chịu trách nhiệm ra sao về cái chết của một đứa bé.”

“Vâng, tôi có nghe. Thật là xấu xa, ghê tởm. Chúa lòng lành hẳn không tha thứ cho những tội ác như thế. Ở bên Đức chúng tôi, người ta không ác như thế.”

Đôi mắt bà ngấn lệ. Bản năng người mẹ trong bà bị đánh thức.

“Một tội ác ghê tởm,” Poirot nghiêm trọng nói.

Ông rút từ trong túi ra một mảnh vải nhỏ, chìa cho bà.

“Có phải đây là khăn tay của bà, bà Fraulein Schmidt?”

Một khoảnh khắc im lặng khi người phụ nữ quan sát chiếc khăn tay. Sau một lúc, bà ngước lên. Khuôn mặt bà hơi biến sắc.

“À, không, quả thực là không. Dạ, nó không phải là của tôi.”

“Nó có thêu chữ H, bà thấy đấy. Cho nên tôi mới nghĩ là của bà.”

“Thưa ông, khăn tay đó là của quý bà, quý cô. Nó rất mắc tiền... được thêu bằng tay. Tôi đoán nó được mua ở Paris.”

“Nó không phải của bà, nhưng bà có biết nó thuộc về ai không?”

“Tôi ấy à? Dạ không, thưa ông.”

Phải hết sức tinh tế Poirot mới nhận ra vẻ ngập ngừng trong giọng nói của người phụ nữ.

Bouc thì thầm vào tai ông. Poirot gật đầu rồi nói với bà ta:

“Ba người phụ trách toa nằm sắp đến. Xin bà vui lòng cho tôi biết ai là người bà đã gặp đêm qua, lúc bà đem chăn đến cho bà Công chúa.”

Ba người đàn ông bước vào. Pierre Michel, người phụ trách toa Athens-Paris tóc vàng, cao lớn, và người phụ trách toa Bucharest to béo, vạm vỡ.

Hildegarde Schmidt nhìn họ và lập tức lắc đầu.

“Không, thưa ông,” bà nói. “Cả ba ông này đều không phải là người tôi thấy đêm qua.”

“Nhưng họ là những người phụ trách toa duy nhất trên tàu.

Chắc là bà nhầm lẫn chăng?”

“Tôi rất chắc, thưa ông. Những ông này đều cao, to, còn người mà tôi gặp thì nhỏ người, da sạm. Ông ta có một bộ ria nhỏ.

Giọng ông ta khi nói ‘*Pardon*’ nghe hơi giống giọng nữ. Thực sự

là tôi nhớ ông ta rất rõ, thưa ông.”



CHƯƠNG 13

Tổng kết lời chứng của các hành khách

“Một người đàn ông nhỏ người, da sạm, giọng mai má,” Bouc lặp lại.

Ba người phụ trách toa và Hildegarde Schmidt đã đi khỏi.

“Nhưng tôi chẳng hiểu gì cả... Chẳng hiểu chút xíu gì! Kẻ thù mà Ratchett nói tới, rốt cuộc thì hắn vẫn ở trên tàu. Nhưng hắn trốn ở đâu? Hắn bốc hơi vào không khí hay sao vậy? Đầu tôi rồi hết cả lên. Nói gì đi, ông bạn, tôi van ông đấy. Hãy cho tôi thấy rằng điều không thể là có thể!”

“Một câu nói rất hay,” Poirot nhận xét. “Điều không thể thì không thể xảy ra, cho nên nếu muốn nó xảy ra thì điều không thể phải là điều có thể, bất chấp bề ngoài của nó.”

“Vậy hãy giải thích cho tôi, nhanh đi, điều gì đã thực sự diễn ra trên con tàu này đêm qua?”

Tôi không phải là nhà ảo thuật, *mon cher*. Cũng như ông, tôi đang rất bối rối. Vụ án này đang tiến triển một cách rất kỳ lạ.”

“Nó chẳng tiến triển chút nào cả. Nó đang giậm chân tại chỗ.”

Poirot lắc đầu.

“Không, nói vậy không đúng. Chúng ta đã tiến triển nhiều.

Chúng ta biết một số thứ. Chúng ta đã nghe xong lời chứng của các hành khách.”

“Và họ đã nói gì với chúng ta? Chẳng gì cả.”

“Tôi không nghĩ vậy đâu, ông bạn.”

“Có thể tôi nói quá. Quả thật, ông người Mỹ, Hardman và bà người hầu Đức đã bổ sung điều gì đó vào sự hiểu biết của chúng ta. Nhưng có thể nói họ làm cho toàn bộ vụ việc này càng thêm khó hiểu.”

“Không, không, không đâu,” Poirot ôn tồn nói.

“Vậy, hãy nói đi, hãy cho chúng tôi thấy sự khôn ngoan của Hercule Poirot.”

“Tôi chẳng đã nói với ông rằng tôi cũng bối rối như ông hay sao? Nhưng ít ra là chúng ta có thể đối diện với vấn đề. Chúng ta có thể sắp xếp các sự kiện một cách có trật tự và có phương pháp.”

“Xin ông hãy nói tiếp,” bác sĩ Constantine nói.

Poirot đăng hăng rồi trải ra một tấm giấy thấm.

“Ta hãy tổng kết lại vụ án cho đến thời điểm hiện nay. Trước hết, có một số sự kiện là không thể tranh cãi. Ông Ratchett, hay Cassetti, bị đâm mười hai nhát dao và chết vào đêm qua. Đó là một sự kiện.”

“Tôi thừa nhận điều đó... *mon vieux*. Tôi thừa nhận,” Bouc phác một cử chỉ châm biếm.

Hercule Poirot chẳng hề lúng túng. Ông điềm tĩnh nói tiếp:

“Tôi xin tạm thời lướt qua một số những chi tiết kỳ lạ mà bác sĩ Constantine và tôi đã cùng bàn bạc. Tôi sẽ trở lại chúng ngay sau đây. Sự kiện quan trọng kế tiếp, theo tôi, là *thời gian* gây án.”

“Đó cũng là một trong những thứ ít ỏi mà chúng ta biết,” Bouc nói. “Án mạng diễn ra vào lúc một giờ mười lăm phút sáng nay.

Mọi thứ đều chỉ ra là như vậy.”

“Không phải *mọi thứ* đâu. Ông nói quá rồi. Dĩ nhiên có một lượng đáng kể các bằng chứng hậu thuẫn cho giả thiết này.”

“Tôi mừng là ít ra ông cũng thừa nhận điều đó.”

Poirot từ tốn tiếp tục, không hề tỏ ra bức bối vì bị cắt ngang.

“Trước mắt chúng ta có ba khả năng:

“Thứ nhất: như ông nói, vụ án mạng diễn ra vào lúc một giờ

mười lăm. Điều này được hậu thuẫn bởi lời chứng của bà người Đức Hildegard Schmidt. Nó trùng hợp với nhận định của bác sĩ

Constantine.

“Khả năng thứ hai là án mạng đã diễn ra sau đó và vật chứng

- chiếc đồng hồ đã được cố tình ngụy tạo.

“Khả năng thứ ba là án mạng đã diễn ra sớm hơn và vật chứng đã được ngụy tạo vì cùng lý do như trên.

“Bây giờ, nếu chúng ta chấp nhận rằng khả năng một là hiện thực nhất, có nhiều chứng cứ hậu thuẫn nhất, thế thì ta phải chấp nhận luôn một số sự kiện nảy sinh ra từ đó. Trước hết, nếu án mạng diễn ra vào lúc một giờ mười lăm thì hung thủ không thể rời tàu và câu hỏi nảy sinh là: Hắn trốn ở đâu? *Hắn là ai?*

“Để bắt đầu, ta hãy nghiên cứu kỹ các lời chứng. Ta nghe ông Hardman nói về sự tồn tại của một người đàn ông, cái gã nhỏ

thó, da sạm, giọng mai mái đó. Ông ta nói Ratchett tả cho ông về

gã này và thuê ông canh chừng gã. Không có bằng chứng nào hậu thuẫn cho những lời này. Chúng ta chỉ có lời khai của Hardman mà thôi. Chúng ta hãy xem xét câu hỏi kế tiếp: Có đúng Hardman là người như ông ta tự giới thiệu, tức một thám tử của Văn phòng thám tử New York?

“Với tôi, vụ này có cái thú vị là ta không có bất cứ phương tiện nào của cảnh sát. Ta không thể điều tra tính chân thật trong lời khai của bất cứ ai. Ta chỉ có thể dựa vào suy diễn. Với tôi, điều này làm cho mọi thứ trở nên lý thú hơn rất nhiều. Không phải là một công việc thường ngày nhằm chán nữa, mà là một công việc trí tuệ. Tôi tự hỏi: ‘Liệu có thể chấp nhận lời kể của Hardman về

chính bản thân?’ Tôi ra quyết định và tự trả lời là: ‘Có thể.’ Tôi nghiêng về ý kiến cho rằng có thể chấp nhận lời kể của Hardman về bản thân.”

“Ông dựa vào trực giác, hay cái mà người Mỹ vẫn gọi là

‘hunch’?” bác sĩ Constantine hỏi.

“Không hề. Tôi dựa vào những khả năng. Hardman đang du lịch với một hộ chiếu giả. Điều này sẽ lập tức biến ông ta thành đối tượng nghi vấn. Việc đầu tiên mà cảnh sát sẽ làm khi họ đến hiện trường là bắt giữ Hardman và đánh điện hỏi xem những lời khai về lai lịch của ông ta là thật hay giả. Với nhiều hành khách, việc kiểm tra tính chân thật là không dễ, nhất là khi không có gì gắn họ với điều khả nghi. Nhưng trường hợp Hardman thì lại

quá đơn giản. Hoặc giả ông ta đúng là người mà ông ta tự giới thiệu, hoặc giả là không. Cho nên tôi mới nói là tất cả những điều này chỉ ra rằng ông ta nói thật.”

“Ông loại ông ta khỏi đối tượng tình nghi?”

“Không hề. Ông hiểu lầm tôi rồi. Theo chỗ tôi biết, dù là thám tử Mỹ thì cũng đâu có nghĩa là không có những lý do riêng tư để

muốn giết Ratchett. Không, tôi chỉ nói rằng tôi nghĩ có thể chấp nhận lời khai của Hardman về lai lịch của ông ta. Do đó, câu chuyện ông ta kể về việc Ratchett tìm đến và tuyển mộ ông ta là rất có khả năng, mặc dù dĩ nhiên nó không nhất thiết phải là sự

thật. Nếu ta chấp nhận nó là thật thì ta phải xem có điều gì xác nhận hay không. Ta đã tìm thấy điều đó ở một nơi bất ngờ: trong lời chứng của Hildegard Schmidt. Mô tả của bà này về người đàn ông mà bà gặp trong bộ đồng phục của phụ trách toa là tuyệt đối khớp. Còn có điều gì khác xác nhận hai câu chuyện này không? Có đấy! Đó là chiếc cúc áo tìm thấy trong khoang của bà Hubbard. Ngoài ra, còn có cả những lời chứng khác mà có lẽ các ông không để ý.”

“Lời chứng nào vậy?”

“Cả Đại tá Arbuthnot lẫn Hector MacQueen đều nhắc tới một người phụ trách toa đi ngang qua khoang họ đang ngồi. Họ

không nhấn mạnh tình tiết này, nhưng thưa các ông, *Pierre Michel* đã khai rằng ông ta không hề rời chỗ ngồi của mình, ngoại trừ những dịp rất cụ thể và không có dịp nào đưa ông ta ra đến tận cuối toa, nơi Arbuthnot và MacQueen đang ngồi.

“Cho nên câu chuyện này, câu chuyện về người đàn ông nhỏ

thó, da sạm, giọng mai má, mặc đồng phục của phụ trách toa là có sự chứng thực - trực tiếp hay gián tiếp - của bốn nhân chứng.”

“Một chi tiết nhỏ,” bác sĩ Constantine góp lời. “Nếu câu chuyện của bà Hildegard Schmidt là thật thì tại sao ông phụ trách toa thật lại không nhắc đến việc đã gặp bà ta khi ông ấy chạy đến để

trả lời chuông của bà Hubbard?”

“Tôi nghĩ điều đó có thể giải thích. Khi ông ấy đến trả lời bà Hubbard, bà người hầu đang ở trong khoang của chủ mình. Khi bà người hầu trở về khoang của bà thì ông phụ trách toa lại đang ở trong khoang của bà Hubbard.”

Bouc đang nóng lòng chờ đợi họ đi đến hồi kết.

“Đúng, rất đúng, ông bạn,” ông ta sốt ruột nói. “Nhưng mặc dù rất ngưỡng mộ sự chi li của ông, phương pháp từng bước đi lên của ông, tôi xin thưa rằng ông vẫn chưa đụng đến cốt lõi của vấn đề. Tất cả chúng ta đều đồng ý rằng cái gã đó có tồn tại. Cốt lõi vấn đề là: *hắn trốn đi đâu?* ”

Poirot lắc đầu trách cứ.

“Ông lầm rồi. Ông có xu hướng để cái cày đi trước con trâu đấy. Trước khi tôi tự hỏi: ‘ *Gã đó bay biến đi đâu?* ’ thì tôi phải tự

hỏi: ‘ *Gã đó có thực sự tồn tại không?* ’ đã chứ. Vì, ông biết đấy, nếu gã đó là một nhân vật tưởng tượng hay được chế tạo ra thì còn gì dễ dàng hơn là làm cho hắn biến mất! Cho nên trước hết, tôi phải xác định cái gã đó có tồn tại bằng xương bằng thịt hay không cái đã.”

“Và ông đang đi đến kết luận là gã đó có tồn tại, *eh bien...* hắn đang ở đâu?”

“*Mon cher*, chỉ có hai câu trả lời. Hoặc giả hắn vẫn đang trốn trên tàu ở một chỗ cực kỳ tài tình khiến chúng ta không tài nào đoán nổi. Hoặc giả, có thể nói, hắn là hai người. Một người là chính hắn, tức người mà Ratchett lo ngại, người kia là một hành khách trên tàu cải trang khéo đến mức cả Ratchett cũng không thể nhận ra.”

“Một ý tưởng hay,” Bouc thốt lên, khuôn mặt ông bừng sáng.

Nhưng rồi nó lại sa sầm xuống. “Nhưng có một điều không ổn...”

Poirot cướp lời ông.

“Đó là chiều cao của gã đàn ông. Ông định nói vậy, đúng không? Ngoại trừ ông người hầu của Ratchett thì tất cả các hành khách đều to lớn: anh chàng người Ý, Đại tá Arbuthnot, Hector MacQueen, Bá tước Andrenyi. Vậy, ta chỉ còn lại ông người hầu...”

có vẻ như không thuyết phục lắm. Nhưng hãy còn một khả năng khác. Hãy nghĩ về ‘cái giọng mai mái’. Nó cho ta một phương án thay thế khác. Gã đó có thể cải trang thành phụ nữ, hoặc ngược lại, hẳn có thể là một phụ nữ. Một phụ nữ cao lớn mặc trang phục nam giới sẽ trông như một người nam nhỏ thó.”

“Nhưng chắc chắn Ratchett phải biết chứ...”

“Có lẽ ông ta *biết*. Có lẽ người phụ nữ đó đã toan lấy mạng ông ta trong bộ đồ nam giới để dễ thực hiện mục tiêu của mình.

Ratchett có thể đã đoán rằng người phụ nữ đó sẽ dùng chiêu cũ, nên ông ta dặn Hardman trông chừng một người đàn ông, nhưng lại cài vào người này một giọng nữ.”

“Cũng có khả năng,” Bouc nói. “Nhưng...”

“Nghe tôi đây, ông bạn, tôi nghĩ đã đến lúc kể cho ông nghe

một số điều mâu thuẫn mà bác sĩ Constantine đã phát hiện.”

Ông thuật lại những kết luận về các vết thương của người chết mà ông và ông bác sĩ đã cùng tìm hiểu. Một lần nữa, Bouc rên rỉ

ôm đầu.

“Tôi biết. Tôi hiểu rõ ông cảm thấy thế nào. Đầu ông quay mòng mòng, đúng thế không?” Poirot nói, đầy cảm thông.

“Tất cả những chuyện này thật là vô lý đến kỳ quái,” Bouc thốt lên.

“Chính xác. Nó vô lý... khó tin... không thể là sự thật. Tôi đã tự

nhủ như vậy. Tuy nhiên, ông bạn của tôi ơi, vẫn vậy thôi! Nó không trốn tránh được các sự kiện đâu.”

“Nó thật là điên rồ!”

“Sao không nhỉ? Ông bạn ạ, nó điên rồ đến mức đôi khi tôi bị

ám ảnh bởi cảm giác rằng thật ra nó cực kỳ đơn giản... Nhưng đó chỉ là một trong những ‘ý tưởng nho nhỏ’ của tôi thôi...”

“Hai kẻ sát nhân trên tàu Tốc hành Phương Đông,” Bouc rên rỉ.

Ý nghĩ đó làm cho ông muốn khóc.

“Và bây giờ chúng ta hãy làm trí tưởng tượng thăng hoa nhé,”

Poirot vui vẻ nói. “Đêm qua trên tàu có hai kẻ bí ẩn: Một người phụ trách toa nằm đúng như mô tả của ông Hardman và được bà Hildegard Schmidt, Đại tá Arbuthnot và anh chàng MacQueen trông thấy. Ngoài ra còn có một phụ nữ mặc kimono đỏ - một phụ nữ cao, gầy - mà Pierre Michel, cô Debenham, anh chàng MacQueen và bản thân tôi đã trông thấy, đồng thời có thể

nói là Đại tá Arbuthnot cũng nhìn thấy. Người phụ nữ này là ai?

Không ai trên tàu thừa nhận mình có chiếc kimono màu đỏ. Cả

người phụ nữ này cũng bay biến mất. Có phải người này và cái ông phụ trách toa giả mạo kia chỉ là một người? Hay hai người này là hoàn toàn khác nhau? Cả hai người họ ở đâu? Và nhân tiện, bộ đồng phục phụ trách toa và bộ kimono đang ở đâu?”

“A! đó là chuyện có thể xác định được.” Bouc háo hức bật dậy.

“Ta phải khám hành lý của tất cả các hành khách. Phải rồi, điều này sẽ có ích.”

Poirot cũng đứng dậy.

“Tôi sẽ đưa ra một lời tiên tri,” ông nói.

“Ông biết chúng ở đâu ư?”

“Tôi có một ý tưởng nhỏ.”

“Chúng ở đâu vậy?”

“Ông sẽ tìm thấy chiếc kimono đỏ trong hành lý của một trong những hành khách nam và bộ đồng phục phụ trách toa trong hành lý của bà Hildegard Schmidt.”

“Hildegard Schmidt? Ông nghĩ...”

“Không giống như ông nghĩ đâu. Tôi nói thế này nhé. Nếu bà Hildegard Schmidt là thủ phạm thì bộ đồng phục *có thể* ở trong hành lý của bà ấy. Nhưng nếu bà ấy vô tội thì nó *chắc chắn* là ở đó.”

“Nhưng bằng cách nào...” Bouc chột khựng lại. “Tiếng ồn gì thế này?” ông la lên. “Nghe cứ như tiếng đầu máy xe lửa đang chạy vậy.”

Tiếng ồn đến gần hơn. Nó bao gồm những tiếng la buốt óc và những lời phản đối qua giọng của một người phụ nữ. Cánh cửa ở cuối toa ăn uống bật mở, bà Hubbard xông vào.

“Khủng khiếp quá,” bà hét lên. “Quá sức khủng khiếp. Trong túi đựng đồ vệ sinh của tôi. Túi của tôi. Có một con dao lớn...

dính đầy máu.”

Rồi, bất chợt, bà đổ về phía trước, ngã dúi lên vai của Bouc, bất tỉnh.



CHƯƠNG 14

Hung khí

Với nhiều sức lực hơn là sự lịch thiệp, Bouc đặt người phụ nữ bất tỉnh nằm lên bàn. Bác sĩ Constantine quát một trong những nhân viên phục vụ toa ăn uống vừa chạy tới:

“Giữ đầu bà ấy ở tư thế này,” ông bác sĩ chỉ dẫn. “Nếu bà ấy hồi tỉnh thì cho bà ấy uống một ít cognac. Anh hiểu chưa?”

Rồi ông chạy vội theo hai người kia. Mọi quan tâm của ông dành trọn cho vụ án mạng, còn cái bà trung niên bị bất tỉnh thì chẳng làm ông bận tâm mấy.

Có thể là những phương pháp này đã giúp bà Hubbard hồi tỉnh nhanh hơn là tự bà tỉnh dậy. Vài phút sau, bà đã ngồi dậy nhấm nháp cognac trong chiếc ly mà phục vụ toa ăn uống chìa cho bà. Và bà tiếp tục huyền thuyên.

“Không thể tả được nó khủng khiếp như thế nào. Trên tàu này chắc không ai hiểu nổi cảm xúc của tôi đâu. Tôi là người *rất, rất* nhạy cảm ngay từ khi còn bé xiu. Chỉ nhìn thấy chút máu là...

ợe... ngay lúc này tôi cũng còn thấy khó ở khi nghĩ đến nó.”

Người phục vụ lại chìa chiếc ly ra.

“*Encore un peu, Madame.*”

“Anh nghĩ tôi sẽ đỡ hơn ư? Cả đời tôi bài bác rượu chè. Tôi chưa bao giờ động đến món rượu hay thức uống có cồn nào. Cả

gia đình tôi ai cũng kiêng rượu. Trừ phi dùng nó làm thuốc thì không sao...”

Bà nhấp thêm một ngụm nữa.

Trong khi đó, Poirot, Bouc, cùng bác sĩ Constantine bám sát phía sau, đang hối hả rời toa ăn uống đi dọc theo hành lang của toa Stamboul đến thẳng khoang của bà Hubbard.

Hành khách trên tàu như đều tụ tập trước cửa khoang. Phụ

trách toa, khuôn mặt nhớn nhác, đang cản họ lại.

“*Mais il n'y a rien à voir,*” ông nói rồi lặp lại câu này bằng nhiều thứ tiếng khác.

“Làm ơn cho tôi qua,” Bouc đề nghị.

Lách thân mình béo tròn qua những hành khách choán đường, ông bước vào khoang, Poirot bám sát phía sau.

“Tôi rất mừng là ông đã tới,” phụ trách toa nói, vẻ nhẹ nhõm.

“Ai cũng muốn xông vào đây cả. Cái bà người Mỹ bà ấy cứ hét toáng lên. Ma foi! Tôi cứ tưởng là bà ấy cũng bị giết! Tôi chạy vội tới thì thấy bà ấy đang hét lên như một bà điên. Bà ấy gào lên rằng bà ấy phải lôi các ông tới. Rồi bà ấy vừa đi và la thất thanh, lu loa với tất cả mọi người ở các khoang bà đi qua về chuyện vừa xảy ra.”

Ông bổ sung cùng với một động tác phác tay:

“Ở đây, thưa ông. Tôi chưa động vào nó.”

Treo ở tay nắm cửa thông với khoang kế bên là một chiếc túi lớn bằng cao su kê ô đựng đồ vệ sinh. Trên sàn, ngay dưới chiếc túi, là một con dao găm đã rơi ra từ tay bà Hubbard. Đó là một con dao găm rẻ tiền, nhại kiểu phương Đông, với cán chạm nổi và lưỡi dao thuôn dài. Con dao nhuộm những vết trông như rỉ

sét.

Poirot rón rén nhặt nó lên.

“Vâng,” ông lẩm bẩm. “Không lầm vào đâu được. Đây chính là hung khí thất lạc của chúng ta. Phải không, ông bác sĩ?”

Ông bác sĩ quan sát nó.

“Ông không cần phải quá cẩn thận đâu,” Poirot nói. “Sẽ không có dấu tay nào trên đó đâu, trừ dấu tay bà Hubbard.”

Constantine không quan sát lâu.

“Đúng là hung khí,” ông xác nhận. “Nó khớp với mọi vết thương.”

“Tôi xin ông đấy, ông bạn, ông đừng nói như thế.”

Ông bác sĩ có vẻ sửng sốt.

“Chúng ta đã ngập chìm trong những chi tiết trùng hợp rồi.

Hai người đã quyết đâm ông Ratchett đêm qua. Sẽ là quá trùng hợp nếu mỗi người họ lựa chọn cùng một loại hung khí.”

“Về điều này thì có lẽ sự trùng hợp không lớn như ông tưởng đâu,” ông bác sĩ nói. “Có đến hàng vạn con dao găm nhai kiểu phương Đông như thế này được vận chuyển đến các chợ ở

Constantinople.”

“Ông làm tôi an tâm đôi chút, nhưng chỉ chút xíu thôi,” Poirot nói. Ông trầm tư nhìn cánh cửa trước mặt. Rồi ông nhắc chiếc túi ra, thử vịn tay nắm. Cánh cửa không suy suyễn. Trên tay nắm khoảng ba tấc là chiếc chốt cửa. Poirot kéo nó tụt ra rồi thử

mở lần nữa, nhưng cánh cửa vẫn đóng chặt.

“Chúng ta đã chốt nó từ phía bên kia, ông còn nhớ chứ,” ông bác sĩ nói.

“Đúng vậy,” Poirot tỏ ra lơ đãng. Có vẻ như ông đang suy nghĩ

chuyện gì khác. Chân mày ông nhíu lại như gặp chuyện nan giải.

“Cũng khớp, đúng không?” Bouc nói. “Hung thủ đã đi qua khoang này. Khi hãm đóng cánh cửa thông khoang thì hãm sờ

thấy chiếc túi. Hãm chột nảy ra một ý, nhanh chóng nhét con dao đâm máu vào đó. Sau đó, không hề biết mình đã đánh thức bà Hubbard, hãm chuồn ra

ngoài hành lang qua cánh cửa kia.”

“Đúng như ông nói,” Poirot thì thầm. “Đó là cách mà sự việc phải diễn ra.”

Nhưng về bối rối vẫn không rời khuôn mặt ông.

“Sao ông cứ như thế nhỉ?” Bouc thắc mắc. “Lúc nào cũng phải có điều gì đó, cứ như nếu không có thì ông không hài lòng vậy.”

Poirot liếc nhanh ông bạn mình.

“Ông không thấy lạ sao? Rõ là không rồi. Thôi được, đó là chuyện nhỏ.”

Phụ trách toa nhìn vào khoang.

“Bà người Mỹ đang trở về.”

Bác sĩ Constantine có vẻ áy náy. Ông cảm thấy đã đối xử với bà Hubbard không được đẹp cho lắm. Nhưng bà chẳng trách móc gì ông. Tâm trí của bà đang dồn vào vấn đề khác.

“Tôi xin nói ngay như thế này,” bà hỗn hển nói khi vừa đặt chân đến ngưỡng cửa. “Tôi sẽ không ở trong khoang này nữa!

Thế đấy! Các ông có trả tôi một triệu đô-la tôi cũng không ngủ

trong khoang này tối nay.”

“Nhưng, thưa bà...”

“Tôi biết ông định nói gì rồi, và tôi xin nói luôn với ông rằng tôi sẽ không ở trong đó. Thế đấy! Tôi thà ngồi suốt đêm ở ngoài hành lang.”

Bà bật khóc.

“Ôi! nếu như con gái tôi mà biết... nếu như nó thấy tôi lúc này...”

Poirot ngắt lời bà một cách cứng rắn.

“Bà hiểu nhầm rồi, thưa bà. Yêu cầu của bà là hoàn toàn hợp lý. Hành lý của bà sẽ được chuyển ngay lập tức đến một khoang khác.”

Bà Hubbard hạ chiếc khăn tay xuống.

“Phải không đó? Ôi, tôi cảm thấy nhẹ nhõm cả người. Nhưng các khoang đầy hết cả rồi, trừ phi có ông nào...”

Bouc lên tiếng:

“Thưa bà, hành lý của bà sẽ được chuyển ra khỏi toa này. Bà sẽ có một khoang riêng ở kế bên toa này, toa đã được gắn thêm ở

Belgrade.”

“Ồ, tuyệt vời. Tôi không phải là loại phụ nữ yếu thần kinh, nhưng nếu phải ngủ ở một khoang ngay sát với người chết thì...”

Bà rùng mình. “Chắc tôi sẽ phát điên lên mất.”

“Michel,” Bouc cất tiếng gọi. “Đưa giùm những hành lý này vào một khoang trống trên toa Athens-Paris.”

“Vâng, thưa ông. Cùng số với khoang này, khoang số 3 có được không ạ?”

“Không,” Poirot trả lời trước cả khi bạn mình kịp lên tiếng.

“Tôi nghĩ sẽ tốt hơn cho bà đây nếu như có khoang nào số khác.

Khoang số 12 chẳng hạn.”

“*Bien, Monsieur.*”

Phụ trách toa nhắc hành lý lên. Bà Hubbard quay sang Poirot, vẻ biết ơn.

“Ông *rất* tốt và cũng tinh ý nữa. Tôi cảm ơn ông nhiều lắm.”

“Nhắc chuyện đó làm gì, thưa bà. Chúng tôi sẽ đi cùng bà để xem bà có được thoải mái hay không.”

Bà Hubbard được ba người đàn ông hộ tống đến chỗ ở mới. Bà sung sướng nhìn quanh.

“Khoang này tốt đấy.”

“Bà ưng nó chứ ạ? Bà thấy đấy, nó cũng y hệt như khoang của bà trước đây thôi.”

“Đúng vậy... chỉ có điều là nó quay sang chiều khác. Nhưng không sao, vì mấy chiếc tàu này thoát tiên đi một chiều rồi sau đó lại đi chiều khác. Tôi đã nói với con gái tôi: ‘Mẹ muốn ở toa nào nhìn ra đầu máy.’ và nó nói: ‘Sao vậy mẹ, như vậy không tốt

đâu. Vì nếu mẹ đi ngủ nằm chiều này thì khi thức dậy mẹ sẽ

thấy tàu đi theo chiều khác.’ Và nó nói rất đúng đấy. Tối qua ta chẳng đến Belgrade theo một chiều rồi ra khỏi đó theo chiều khác đó sao.”

“Thưa bà, dù thế nào thì bây giờ bà đã thấy vui vẻ, hài lòng chưa ạ?”

“Không, vui vẻ thế nào được. Chúng ta đang kẹt cứng ở đây do lở tuyết và chẳng ai làm gì để thoát ra cả. Mà chuyến tàu biển của tôi thì ngày mốt đã khởi hành rồi.”

“Thưa bà,” Bouc ôn tồn, “chúng ta đều trong cùng một hoàn cảnh... tất cả chúng ta.”

“Ờ thì đúng vậy,” bà Hubbard thừa nhận. “Nhưng đâu có ai bị

một tên sát nhân chui qua khoang cửa mình giữa đêm hôm.”

“Tôi vẫn còn hoang mang về chuyện này đấy, thưa bà,” Poirot nói. “Làm sao gã đó lại chui được vào khoang của bà nếu như

cánh cửa thông khoang đã bị chốt lại như bà nói. Bà có chắc là nó đã chốt lại không?”

“Sao lại hỏi thế, cô em người Thụy Điển đã chốt nó lại ngay trước mắt tôi kia mà.”

“Ta thử dựng lại màn kịch nhỏ này xem sao nhé. Bà đang nằm trên giường... và bà nói là tự bà không thể thấy được, đúng không nhỉ?”

“Đúng, vì cái túi đựng đồ vệ sinh nó che mất rồi. Chao ôi, tôi phải kiểm một cái túi mới thôi. Tôi nhìn cái túi này là thấy rợn hết cả người rồi.”

Poirot cầm lên chiếc túi đựng đồ vệ sinh, treo nó lên tay nắm cánh cửa thông ra khoang bên cạnh.

“*Précisément*. Tôi hiểu rồi,” ông nói. “Chiếc chốt nằm ngay dưới tay nắm... Chiếc túi che mất nó rồi. Từ nơi bà nằm quả là không thể thấy chiếc chốt đã cài lại hay chưa.”

“Thì đó, tôi đã nói với ông rồi!”

“Và bà người Thụy Điển, bà Ohlsson ấy, đã đứng như thế này, giữa bà và cánh cửa. Bà ấy thử mở nó và nói với bà là nó đã được cài chốt.”

“Đúng vậy.”

“Thưa bà, thế thì bà ấy có thể đã bị lừa. Bà hiểu ý tôi chứ.”

Poirot có vẻ nóng lòng muốn giải thích. “Chiếc chốt chỉ là thanh kim loại nhô ra... cho nên kéo sang phải thì cài cửa, kéo sang trái thì mở. Có thể bà

ấy chỉ thử mở cửa, nhưng nó đã bị chốt từ

bên kia mất rồi, cho nên bà ấy tưởng là nó đã chốt từ bên này.”

“Thế thì tôi nghĩ cô ấy khá là ngốc đấy.”

“Thưa bà, người tử tế, dễ mến nhất chưa chắc đã là người thông minh nhất đâu ạ.”

“Đúng vậy, dĩ nhiên rồi.”

“Nhân tiện, thưa bà, có phải bà khởi hành từ Smyrna không ạ?”

“Không. Tôi đi bằng tàu biển đến thẳng Stamboul, và một người bạn của con gái tôi - ông Johnson (một người cực kỳ dễ

mến, giá mà tôi giới thiệu được ông với ông ta) - ra đón tôi rồi đưa tôi đi tham quan vòng vòng ở Stamboul. Tôi thấy thành phố

này chán phèo, mọi thứ đều lụp xụp. Còn về mấy cái đèn và việc mang mấy thứ to thùng lệt xệt đó ra ngoài giày... tôi kể đến đâu rồi nhỉ?”

“Bà đang kể đến chỗ ông Johnson ra đón bà.”

“Đúng rồi, rồi ông ấy tiễn tôi lên một chiếc tàu vận tải của Pháp đi Smyrna, tại đó con rể tôi đã đợi sẵn ở trên bến. Nó mà nghe tất cả những chuyện này thì không biết nó nói cái gì đây.

Con gái tôi bảo đây là chuyến dễ đi nhất, an toàn nhất trần đời.

Nó nói: ‘Mẹ chỉ việc lên toa là đi một lèo đến Parrus, ở đó tàu American Express sẽ đón mẹ.’ Và, ối trời ơi, tôi mà lỡ chuyến tàu hơi nước này thì biết làm sao đây? Lẽ ra tôi phải báo cho bọn nó.

Mà bây giờ thì tôi không thể làm chuyện đó. Thật là kinh khủng quá đi...”

Một lần nữa bà Hubbard lại rơm rớm nước mắt.

Poirot, vốn đã hơi sốt ruột, bèn chớp ngay lấy cơ hội.

“Bà vừa bị một cú sốc, thưa bà. Phụ trách toa ăn uống hẳn đã được lệnh mang đến cho bà ít trà và bánh quy.”

“Tôi không biết mình có muốn uống trà không nữa,” bà Hubbard nói trong nước mắt. “Đó là một thói quen của người Anh.”

“Cà-phê vậy nhé, thưa bà. Bà cần chút gì kích thích”.

“Món cognac đó làm cho đầu của tôi khá chuẩn choáng. Tôi nghĩ mình nên dùng cà-phê.”

“Tuyệt. Bà cần hồi phục lại sức lực.”

“Chao ôi! Ông nói thiệt là hay.”

“Nhưng trước hết, thưa bà, chỉ là chút thủ tục thôi. Bà cho phép tôi xem xét hành lý của bà có được không ạ?”

“Để làm gì vậy?”

“Chúng tôi đang bắt đầu xem xét hành lý của tất cả mọi hành khách. Tôi không muốn nhắc bà về chuyện không hay vừa rồi, nhưng bà nhớ lại đi, chiếc túi đồ vệ sinh của bà...”

“Trời ơi! Có lẽ ông đúng đấy! Tôi không thể chịu nổi nếu có thêm bất ngờ nào như thế nữa.”

Cuộc khám xét kết thúc nhanh chóng. Bà Hubbard đi du lịch với hành lý tối thiểu: một hộp đựng nón, một va-li loại rẻ tiền và một túi du lịch tọng đầy đồ. Cả ba thứ này đều chứa những vật dụng đơn giản và thực tế. Việc khám

xét nó lẽ ra chỉ mất vài phút nếu như bà Hubbard không trì hoãn nó lại bằng cách buộc mọi người phải quan tâm đến những tấm ảnh của “Con gái tôi”

và hai đứa bé không lấy gì làm xinh xắn lắm: “Cháu ngoại tôi đấy,” bà nói. “Trông chúng có đáng yêu không cơ chứ?”



CHƯƠNG 15

Cuộc khám xét

Sau khi tung ra hàng lô lốc những lời lẽ lịch sự sáo rỗng và nhắc nhở bà Hubbard rằng cà-phê sẽ được bưng tới cho bà, Poirot cùng hai người bạn của ông rút cuộc cũng rời được bà người Mỹ.

“Thế đấy, chúng ta đã khởi đầu và kết quả là vẫn trắng tay,”

Bouc nhận xét. “Chúng ta khám xét ai kế tiếp đây?”

“Tôi nghĩ đơn giản nhất là ta cứ lần lượt khám xét dọc theo toa, hết khoang này đến khoang khác. Có nghĩa là ta sẽ bắt đầu với khoang số 16: khoang của ông Hardman dễ mẫn.”

Ông Hardman, lúc đó đang hút dở xì-gà, đón họ một cách nồng nhiệt.

“Vào đây, các ông. Miễn là các ông chui vào được, ở đây mà mở tiệc thì hơi chật chội đấy.”

Bouc giải thích mục tiêu chuyến viếng thăm. Nhà thám tử to lớn gật đầu, vẻ am hiểu.

“O.K thôi. Nói thật là tôi đã thắc mắc tại sao các ông không xuống đây sớm hơn. Đây là các chìa khóa của tôi, và nếu như các

ông muốn khám cả túi quần, túi áo của tôi nữa thì xin cứ tự

nhiên. Có cần tôi lấy mấy cái túi du lịch xuống cho các ông không?”

“Để phụ trách toa làm cho. Michel!”

Đồ đạc trong hai chiếc “túi” của Hardman nhanh chóng được khám xét và thông qua. Chúng chứa một lượng khá lớn các chai rượu. Hardman nháy mắt.

“Chẳng mấy khi người ta khám túi ở biên giới, nhất là khi ta đã dàn xếp với phụ trách toa. Chỉ cần xỉa cho phụ trách toa một tệp giấy bạc Thổ Nhĩ Kỳ là chẳng còn rắc rối nào nữa.”

“Còn ở Paris thì sao?”

Hardman lại nháy mắt.

“Đợi đến khi tới Paris thì những gì còn sót lại trong lô chai lọ

này đã được trút ráo troi vào một cái chai dán nhãn là dầu gội đầu.”

“Ông không ủng hộ luật cấm rượu lắm nhỉ,” Bouc mỉm cười.

“Thật ra, luật cấm rượu chẳng gây phiền hà gì cho tôi,”

Hardman nói.

“A! ‘speakesy’ hả?” Bouc phát âm từ này một cách trau chuốt, với vẻ như đang thưởng thức nó.

“Tiếng Mỹ của ông nghe có duyên và diễn cảm lắm đó,”

Hardman nói.

“Tôi rất mong có dịp nào đi Mỹ,” Poirot nói.

“Bên đó các ông sẽ học được một số phương pháp tiên tiến đấy,” Hardman nói. “Châu Âu muốn thức dậy, nhưng nó vẫn đang mơ màng ngủ.”

“Quả thật nước Mỹ là một đất nước tiến bộ,” Poirot tán thành.

“Có nhiều điều ở người Mỹ khiến tôi ngưỡng mộ. Chỉ có điều là...

có thể tôi hơi cổ lỗ một chút... nhưng tôi thì tôi thấy phụ nữ Mỹ

không duyên dáng bằng phụ nữ quê hương tôi. Con gái Pháp hay Bỉ trông rất điệu dàng, duyên dáng... tôi nghĩ chẳng nơi đâu sánh bằng.”

Hardman quay lưng nhìn ra tuyết hồi lâu.

“Có lẽ ông đúng, ông Poirot ạ,” ông nói. “Nhưng tôi nghĩ người nước nào cũng đều thích con gái nước họ nhất.”

Ông chớp mắt như thể bị tuyết rơi vào mắt.

“Hơi chói quá, đúng không ạ?” ông nhận xét. “Này các ông, tình hình này bắt đầu làm tôi bức rứt rồi đấy. Hết giết người đến bão tuyết rồi đủ thứ chuyện khác, và chẳng có gì làm nữa chứ. Chỉ

mỗi việc đi qua đi lại giết thời gian. Giá có gì làm thì hay biết mấy.”

“Tinh thần lao động Mỹ chính hiệu hả?” Poirot mỉm cười.

Phụ trách toa đặt các túi về chỗ cũ rồi họ đi sang khoang kế

tiếp. Đại tá Arbuthnot đang ngồi trong góc hút tẩu, đọc tạp chí.

Poirot giải thích cuộc viếng thăm, ông Đại tá không phản đối gì. Ông ta có hai chiếc va-li da nặng trĩu.

“Đồ đạc còn lại tôi gửi bằng đường biển,” ông giải thích.

Như mọi quân nhân, Đại tá là người sắp đồ đạc gọn gàng. Việc khám xét hành lý của ông chỉ diễn ra trong vài phút. Poirot lưu ý đến một bịch đựng que thông tẩu.

“Ông luôn dùng cùng một loại que này chứ?” ông hỏi.

“Thường là thế. Nếu như tôi mua được.”

“À!” Poirot gật gù.

Những que thông tẩu này thuộc cùng một loại với que mà ông tìm thấy trên sàn ở khoang của người chết.

Bác sĩ Constantine nhận xét như thế khi họ trở ra hành lang.

“Tout de même,” Poirot thì thào. “Tôi thấy khó mà tin được. Nó không phải dans son caractère. Nói như thế là nói lên tất cả rồi.”

Cửa khoang kế tiếp đóng kín. Khoang này thuộc về Công chúa Dragomiroff. Họ gõ cửa và có tiếng của bà Công chúa vọng ra

bằng một giọng khản đặc: “Entrez.”

Bouc trở thành người phát ngôn, ông tỏ ra cực kỳ cung kính và lễ độ khi giải thích lý do quấy rối của họ.

Công chúa im lặng lắng nghe, khuôn mặt nhỏ giống mặt cóc của bà vô cùng bình thản. Đợi cho ông trình bày xong, bà ôn tồn nói:

“Thưa các ông, nếu đó là cần thiết thì xin cứ tùy nghi. Người hầu của tôi giữ các chìa khóa. Cô ấy sẽ phụ giúp các ông.”

“Thưa bà, có phải người hầu của bà luôn giữ các chìa khóa?”

Poirot hỏi.

“Dĩ nhiên, thưa ông.”

“Còn nếu như giữa đêm tại biên giới nào đó, nhân viên hải quan đòi bà mở hành lý thì sao ạ?”

Bà Công chúa già nhún vai.

“Chuyện đó khó xảy ra. Nhưng nếu nó xảy ra thì phụ trách toa

sẽ triệu tập cô ấy tới.”

“Vậy bà tin tưởng bà ấy tuyệt đối?”

“Tôi đã nói với ông rồi,” bà Công chúa ôn tồn nói. “Tôi không muốn người nào mà tôi không tin.”

“Vâng,” Poirot trầm ngâm nói. “Ngày nay kiếm được người tin cậy thật là khó. Thà kiếm một phụ nữ chất phác nhưng đáng tin còn hơn là một người hầu loại chic... chẳng hạn như một cô gái thông minh nào đó người Paris.”

Ông thấy đôi mắt đen thông minh từ từ dịch chuyển rồi tập trung vào khuôn mặt của ông.

“Ông ngụ ý gì vậy, ông Poirot?”

“Chẳng gì cả, thưa bà. Tôi ấy à? Tôi ngụ ý gì đâu!”

“Có đấy. Có phải ông nghĩ rằng tôi cần có một phụ nữ Pháp thông minh để chăm sóc cho tôi?”

“Biết đâu như vậy chẳng tiện lợi hơn, thưa bà?”

Bà Công chúa lắc đầu.

“Schmidt tận tụy với tôi lắm.” Bà kéo rê từng từ. “Sự tận tụy là

[impayable](#).”

Người phụ nữ Đức đã đến với những chiếc chìa khóa. Công chúa nói với bà bằng tiếng Đức, dặn bà mở các va-li và giúp ‘các quý ông đây’ xem xét. Bản thân bà thì ra ngoài hành lang xem tuyết rơi. Poirot ở lại với bà, để cho Bouc làm nhiệm vụ khám xét hành lý.

Bà nhìn ông, nở một nụ cười độc địa.

“Ừa, ông không muốn xem trong hành lý tôi có gì à?”

Ông lắc đầu.

“Thưa bà, những việc đó chỉ là hình thức thôi mà.”

“Ông chắc chứ?”

“Trường hợp của bà thì chắc.”

“Nhưng tôi quen thân và yêu mến Sonia Armstrong đấy. Ông nghĩ sao? Ông nghĩ tôi không muốn làm bẩn tay mình khi giết

[chết cái tên canaille Cassetti đó sao? Tốt lắm, có thể là ông đúng.](#)”

Bà im lặng hồi lâu rồi nói tiếp:

“Với một kẻ như hăn, ông có biết tôi muốn làm gì không? Tôi muốn ra lệnh cho các tội tớ của tôi: ‘Đánh chết cái tên đó đi, rồi vứt xác hăn ra bãi rác cho ta.’ Ông ạ, đó là cách hành xử phổ biến khi tôi còn trẻ.”

Poirot vẫn không nói gì, chỉ chăm chú lắng nghe.

Bà nhìn ông, chợt trở nên gay gắt.

“Ông không nói gì cả, ông Poirot. Tôi đang tự hỏi ông nghĩ gì đây?”

Ông nhìn thẳng vào bà.

“Thưa bà, tôi nghĩ rằng sức mạnh của bà nằm ở ý chí chứ

không nằm trong hai tay của bà.”

Bà nhìn xuống đôi tay gầy khảnh khiu, kết thúc bởi bàn tay có móng vàng như vuốt, với các ngón đeo đầy nhẫn.

“Đúng vậy,” bà nói. “Tôi không còn sức lực ở đây... không còn nữa. Tôi không biết mình nên tiếc hay nên mừng.”

Rồi bà đột ngột bước trở vào trong khoang, nơi bà người hầu đang bận rộn sắp sửa lại va-li.

Bà Công chúa cắt ngang những lời cáo lỗi của Bouc.

“Ông không cần phải cáo lỗi, thưa ông,” bà nói. “Một án mạng đã diễn ra. Tất nhiên cần phải có những hành động cần thiết.

Cũng bình thường thôi mà.”

“*Vous êtes bien amiable, Madame.*”

Bà khẽ gật đầu khi họ rời đi.

Hai khoang kế tiếp đều đóng cửa. Bouc dừng lại, gãi đầu.

“*Diab!e!*” ông thốt lên. “Gay rồi đây. Những vị này có hộ chiếu ngoại giao. Hành lý của họ được miễn trừ khám xét.”

“Khám xét hải quan thì đúng là được miễn. Nhưng án mạng thì khác đấy.”

“Tôi biết chứ. Nhưng cũng vậy thôi... chúng tôi không muốn có rắc rối...”

“Đừng lo, ông bạn. Bá tước và phu nhân sẽ biết điều thôi mà.

Thì ông xem Công chúa Dragomiroff đã tốt bụng như thế nào.”

“Bà ấy quả là một *grande dame*. Hai vị này cũng thân thế

chẳng kém, nhưng ông Bá tước cho tôi ấn tượng ông ấy là một người có tính khí hung hăng. Ông ấy đã không hài lòng khi ông cố nài phỏng vấn vợ ông ấy. Và việc này sẽ càng làm phiền ông ấy hơn nữa. Hay là... hừm... ta cho họ qua đi. Dù sao thì họ cũng đâu dính dấp gì đến vụ án này. Cớ sao tôi phải tự rước lấy rắc rối không cần thiết cho mình.”

“Tôi không đồng ý với ông,” Poirot phản bác lại. “Tôi cảm thấy chắc chắn rằng Bá tước Andrenyi sẽ tỏ ra biết điều. Dù thế nào đi nữa, ta cũng phải thử một phen.”

Và, trước khi Bouc kịp trả lời, ông gõ mạnh vào cánh cửa số 13.

Một giọng nói vọng ra: “*Entrez.*”

Bá tước đang ngồi đọc báo ở góc gần cửa. Bá tước Phu nhân thì ngồi cuộn mình ở góc đối diện, gần cửa sổ. Đầu cô tựa vào một chiếc gối, có vẻ như cô đang ngủ.

“Xin Bá tước thứ lỗi,” Poirot mở lời. “Xin ông bỏ quá cho sự

quấy quả này. Số là chúng tôi đang kiểm tra tất cả các hành lý trên tàu. Đa số trường hợp chỉ là kiểm tra cho có hình thức, nhưng chúng tôi vẫn phải làm. Ông Bouc nói rằng ông có hộ

chiếu ngoại giao nên việc miễn trừ đối với ông cũng là hợp lý...”

Ông Bá tước dẫn đo hồi lâu.

“Cảm ơn ông,” ông nói. “Nhưng tôi thấy cũng chẳng cần thiết phải miễn trừ cho tôi. Tốt hơn là cứ khám hành lý chúng tôi như

với các hành khách khác.”

Ông quay sang người vợ.

“Hy vọng em không phản đối chứ, Elena?”

“Không hề,” Bá tước Phu nhân trả lời không do dự.

Một cuộc khám xét nhanh gọn và có phần chiếu lệ diễn ra sau đó. Poirot có vẻ như cố che đậy sự lúng túng của mình bằng cách tung ra những nhận xét vu vơ, chẳng hạn như:

“Có một chiếc nhẫn còn ướm trên va-li của bà đây, thưa Bá tước Phu nhân,” vừa nói ông vừa khiêng xuống chiếc va-li da dê màu xanh trên đó có ghi tên và có một tấm phù điêu.

Bá tước Phu nhân không trả lời nhận xét này. Có vẻ khá ngán ngẫm với toàn bộ quy trình kiểm tra đó, cô tiếp tục ngồi cuộn

mình trong góc, mơ màng nhìn ra ngoài cửa sổ trong lúc những người đàn ông đang rà soát hành lý của cô ở khoang bên cạnh.

Poirot hoàn tất việc khám xét bằng việc mở chiếc tủ nhỏ phía trên bồn rửa tay, ngó lướt qua xem nó chứa những gì: một tấm bột biển, kem thoa mặt, bột phấn và một chai nhỏ dán nhãn

“trional”.

Rồi, sau những lời lẽ lịch sự qua lại giữa đôi bên, đoàn kiểm tra rút lui.

Tiếp đến là khoang của bà Hubbard, khoang của người chết, và khoang của chính Poirot.

Từ đây là những khoang hạng hai. Khoang đầu tiên, số 10 và 11

là của cô Mary Debenham, lúc đó đang đọc sách, và bà Greta Ohlsson, lúc đó đang ngủ nhưng giật mình thức dậy khi họ vừa bước vào.

Poirot lặp lại những câu nói công thức của ông. Bà Thụy Điển có vẻ bồn chồn. Mary Debenham thì im ắng, thản nhiên.

Poirot quay sang bà Thụy Điển.

“Thưa bà, nếu bà cho phép, chúng tôi xin kiểm tra hành lý của bà trước, sau đó có lẽ chúng tôi phải nhờ bà đi xem tình hình bà người Mỹ như thế nào. Chúng tôi đã chuyển bà ấy vào một khoang ở toa kế bên, nhưng bà ấy vẫn còn rất hoảng loạn với phát hiện vừa rồi của bà ấy. Tôi đã gọi cà-phê cho bà ấy, nhưng tôi nghĩ điều mà bà ấy cần trước hết là có ai đó để trò chuyện.”

Người phụ nữ hiền hậu lập tức tỏ ra thông cảm. Bà muốn đi ngay. Hẳn là bà người Mỹ đã hứng chịu một cú sốc khủng khiếp.

Cái bà tội nghiệp đó vốn đã bức bối với cuộc hành trình cộng

thêm với nỗi buồn chia tay cô con gái. Dĩ nhiên bà có thể đi ngay

- va-li của bà đầu có khóa - và phải nhớ là mang theo một ít muối amoniac nữa.

Bà giục giã. Tài sản của bà nhanh chóng được kiểm tra xong.

Nó sơ sài đến cùng cực. Rõ ràng là bà không nhận ra chiếc hộp đựng nón bị thiếu mất sợi dây bằng.

Cô Debenham lúc này đã đặt sách xuống. Cô đang quan sát Poirot. Đợi khi ông hỏi, cô chìa ra các chìa khóa của mình. Trong khi Poirot đang khiêng chiếc va-li và mở nó ra, cô nói:

“Tại sao ông lại đẩy bà ấy đi, ông Poirot?”

“Tôi ấy à? Vâng, thì là để chăm sóc bà người Mỹ đó thôi.”

“Một cái cố hoàn hảo, nhưng vẫn là một cái cố.”

“Tôi không hiểu cô đấy, thưa cô.”

“Tôi nghĩ ông hiểu tôi rất rõ.”

Cô mỉm cười.

“Ông muốn chỉ còn một mình tôi ở đây, đúng không?”

“Cô đang nhét lời của cô vào miệng tôi đấy.”

“Và nhét suy nghĩ của tôi vào đầu ông nữa chứ gì? Không đâu, tôi không nghĩ vậy đâu. Những ý nghĩ đó đã sẵn có trong đầu ông rồi, đúng không nào?”

“Thưa cô, chúng tôi có một câu cách ngôn...”

“*Qui s'excuse s'accuse.* Ông định nói câu đó chứ gì? Lẽ ra ông phải khen ngợi tôi về khả năng quan sát và sự nhạy bén. Nhưng vì lý do nào đó ông

cứ nằng nặc nghĩ rằng tôi có biết điều gì đó trong vụ việc nhor nhóp này, liên quan đến cái chết của một

người mà tôi chưa từng gặp trước đây.”

“Cô đang vẽ chuyện ra đây, thưa cô.”

“Không, tôi chẳng vẽ chuyện gì ra cả. Nhưng tôi cảm thấy quá nhiều thời gian đã bị mất do cứ nói quanh co thay vì đi thẳng vào vấn đề.”

“Và cô không muốn mất thời gian. Đúng rồi, cô muốn đi thẳng vào vấn đề. Cô thích phương pháp trực tiếp. Eh bien, tôi sẽ cho cô cái phương pháp trực tiếp đó. Tôi sẽ hỏi cô ý nghĩa một số từ mà tôi đã nghe lỏm được trong chuyến đi từ Syria. Tôi đã xuống tàu ở ga Konya để làm cái việc mà người gọi là “stretch the legs”.

Trong đêm vắng, giọng của cô và Đại tá Arbuthnot đã vọng đến tai tôi: ‘*Không phải bây giờ. Không phải lúc này. Khi nào xong đã.*

Khi nào mọi chuyện qua đi...’ Cô nói những lời này là ý gì, thưa cô?”

Cô gái bình tĩnh đáp:

“Ông nghĩ tôi ám chỉ việc... giết người sao?”

“Tôi mới là người đang hỏi cô, thưa cô.”

Cô gái thở dài, suy nghĩ hồi lâu. Rồi, như thể vừa tỉnh dậy, cô nói:

“Những lời này có ý của chúng, thưa ông, nhưng ý này tôi không nói được với ông. Tôi chỉ có thể lấy danh dự đảm bảo với ông rằng trong đời tôi, tôi chưa từng nhìn thấy ông Ratchett đó cho đến khi tôi gặp ông ta ở trên tàu.”

“Và... cô từ chối giải thích những lời đó?”

“Vâng... ông muốn nói vậy cũng được... tôi từ chối. Chúng liên quan đến... đến một nhiệm vụ mà tôi được giao.”

“Một nhiệm vụ mà nay đã hoàn thành?”

“Ý ông là sao?”

“Nó đã hoàn thành hay chưa hoàn thành?”

“Sao ông lại nghĩ thế được?”

“Xin cô nghe đây, tôi sẽ nhắc cô một tình tiết khác. Tàu đã bị

chạm vào ngày chúng ta đi đến Stamboul. Cô đã rất bức xúc, thưa cô. Một người bình tĩnh và tự chủ như cô, cô đã mất sự

bình tĩnh đó.”

“Tôi không muốn lỡ chuyến kế tiếp.”

“Đúng như cô nói. Nhưng, thưa cô, tàu Tốc hành Phương Đông ngày nào cũng rời Stamboul trong suốt cả tuần. Cho dù cô có bị

lỡ chuyến thì cô cũng chỉ bị trễ hai mươi bốn tiếng đồng hồ thôi mà.”

Lần đầu tiên cô Debenham tỏ ra mất bình tĩnh.

“Có vẻ như ông không hiểu người ta có người chờ đón ở

London, và một ngày bị trễ có thể làm hỏng các kế hoạch và gây ra vô số phiền toái.”

“A, vậy sao? Ra là có bạn bè đang chờ đón cô? Cô không muốn gây phiền hà cho họ?”

“Dĩ nhiên.”

“Nhưng... vậy thì lạ quá...”

“Cái gì lạ...”

“Tàu một lần nữa bị trễ. Lần này là nghiêm trọng hơn nhiều, vì cô không thể nào đánh điện cho bạn bè hay gọi họ theo

đường... theo đường...”

“Gọi điện thoại đường dài, ý ông là vậy đúng không?”

“À, bên Anh người ta gọi là *portmanteau call* thì phải.

Mary Debenham khẽ mỉm cười dù cô chẳng muốn.

“*Trunk call* chứ,” cô sửa lại. “Vâng, như ông nói, thật là cực kỳ

phiền toái khi không thông báo được lời nào dù là bằng điện tín hay điện thoại.”

“Thế mà, thưa cô, lần này thái độ của cô lại hoàn toàn khác.

Cô không tỏ ra sốt ruột nữa. Cô rất thản nhiên, bình tĩnh.”

Mary Debenham đỏ mặt, môi bặm lại. Cô không còn cảm thấy muốn cười nữa.

“Cô vẫn chưa trả lời.”

“Tôi rất tiếc. Tôi không biết phải trả lời chuyện gì.”

“Chuyện thay đổi thái độ của cô, thưa cô.”

“Ông không thấy ông đang làm nặng xị lên một chuyện không đáng gì hay sao, ông Poirot?”

Poirot vung hai tay trong một cử chỉ xin lỗi.

“Có lẽ đó là một khuyết điểm của đám thám tử chúng tôi.

Chúng tôi muốn thấy hành vi phải luôn khớp với nhau. Chúng tôi không thể bỏ qua sự thay đổi thái độ.”

Mary Debenham vẫn không trả lời.

“Cô biết rõ Đại tá Arbuthnot chứ, thưa cô?”

Ông cảm thấy cô đang nhẹ nhõm hẳn khi chủ đề được thay đổi.

“Tôi gặp ông ấy lần đầu tiên trong cuộc hành trình này.”

“Liệu cô có lý do nào để nghi ngờ ông ấy có quen biết ông Ratchett?”

Cô lắc đầu quả quyết.

“Tôi biết chắc chắn là ông ấy không quen.”

“Tại sao cô dám nói chắc?”

“Theo cách ông ấy nói.”

“Thế mà, thưa cô, chúng tôi đã tìm thấy một que thông tẩu trên sàn tàu, trong khoang của người chết. Và Đại tá Arbuthnot chẳng phải là người duy nhất dùng tẩu trên con tàu đó sao?”

Poirot dán mắt vào cô gái, nhưng cô không tỏ ra ngạc nhiên hay xúc động, chỉ đơn giản đáp:

“Nhảm nhí. Vô lý quá. Đại tá Arbuthnot mà gây tội ác thì đó là điều khó tin nhất trần đời, đặc biệt là một tội ác hung bạo như

vậy.”

Bản thân Poirot cũng cảm thấy muốn đồng ý với cô. Nhưng thay vào đó, ông nói:

“Tôi phải nhắc cô rằng cô không biết rõ ông ấy lắm, thưa cô.”

Cô nhún vai.

“Tôi biết khá rõ kiểu người như ông ta.”

Ông nói rất ôn tồn.

“Cô vẫn chưa trả lời tôi về ý nghĩa những lời này: ‘Khi nào mọi chuyện qua đi.’”

Cô gái lạnh lùng nói:

“Tôi không có gì để nói thêm.”

“Không sao,” Hercule Poirot nói. “Tôi sẽ tự tìm ra.”

Ông cúi chào và rời khỏi khoang, khép cửa lại phía sau.

“Vậy có khôn ngoan lắm không, ông bạn?” Bouc hỏi. “Ông đã đánh động cô ta. Và, qua cô ta, ông cũng đánh động cả ông Đại tá.”

“[Mon ami](#), nếu ông muốn bắt thỏ thì ông phải bỏ một con chồn sừng vào trong hang, và nếu con thỏ ở trong đó thì nó sẽ

chạy ra. Đó chính là điều tôi đang làm.”

Họ bước vào khoang của bà Hildegarde Schmidt.

Người phụ nữ này đã đứng đó sẵn sàng, khuôn mặt bà lẽ độ
nhưng vô cảm.

Poirot nhìn lướt qua những món đồ trong chiếc va-li nhỏ đặt trên ghế. Rồi ông ra hiệu cho phục vụ lấy chiếc va-li lớn từ trên giá hành lý.

“Chìa khóa, thưa bà?” ông hỏi.

“Dạ nó không khóa.”

Poirot kéo chốt cài rồi nhấc nắp lên.

“À há!” ông thốt lên rồi quay sang ông Bouc. “Ông còn nhớ tôi đã nói gì không? Nhìn vào đây chút xem!”

Nằm ngay trên, bên trong chiếc va-li, là bộ đồng phục của phụ
trách toa màu nâu được xếp lại một cách vội vàng.

Vẻ thản nhiên của người phụ nữ Đức trải qua một sự thay đổi đột ngột.

“Á á!” bà hét lên. “Thứ đó không phải của tôi. Tôi không bỏ nó vào đó. Tôi không hề nhìn vào chiếc va-li này kể từ khi rời Stamboul. Thật đấy, tôi nói thật đấy. Đó là sự thật mà.”

Bà hết nhìn người này đến người khác, vẻ cầu khẩn.

Poirot nhẹ nhàng cầm tay bà, trấn an.

“Không, không có gì đâu. Chúng tôi tin bà mà. Đừng xúc động như thế. Tôi biết chắc bà không phải là người giấu bộ đồng phục trong đó, cũng như tôi biết chắc bà là một đầu bếp giỏi. Coi nào.

Bà có đúng là đầu bếp giỏi không vậy?”

Vẻ ngơ ngác, bà người hầu bất giác mỉm cười.

“Vâng, đúng vậy, tất cả các bà chủ của tôi đều nói thế. Tôi...”

Bà khựng lại, miệng há hốc, một lần nữa tỏ ra hoảng hốt.

“Không, không,” Poirot nói. “Tôi đảm bảo là không sao đâu mà. Coi nào, để tôi nói cho biết chuyện gì xảy ra nhé. Cái gã đó, người mà bà thấy trong bộ đồng phục trưởng toa ấy mà, hắn ta bước ra từ khoang của người chết. Hắn đụng phải bà. Vậy là hắn xui rồi. Vì hắn đã hy vọng không ai trông thấy hắn. Phải làm gì kế tiếp đây? Hắn phải tống khứ bộ đồng phục. Bây giờ nó không tạo an toàn cho hắn nữa mà là một mối nguy.”

Mắt ông liếc qua Bouc và Constantine. Họ đang nghe ông chăm chú.

“Trời lúc đó đang tuyết, bà biết đấy. Trận tuyết này làm rối beng các kế hoạch của hắn. Phải giấu bộ đồ đó ở đâu đây? Tất cả

các khoang đều có người. Không, hắn đi qua một khoang ngõ cửa và thấy không có ai bên trong. Khoang này hắn phải thuộc về

người phụ nữ mà hắn vừa đụng phải. Hắn lách vào, trút bỏ bộ

đồng phục, xếp vội nó lại rồi nhét vào chiếc va-li trên giá đỡ

hành lý. Phải mất thêm nhiều thời gian người ta mới phát hiện ra nó.”

“Rồi sau đó?” Bouc hỏi.

“Sau đó chúng ta phải thảo luận,” Poirot nói với ánh mắt rắn đẽ.

Ông banh chiếc áo đồng phục ra. Chiếc cúc thứ ba từ trên xuống bị mất. Poirot thò tay vào túi lôi ra chiếc chìa khóa vạn năng của phụ trách toa. Nó có thể mở được tất cả các cánh cửa.

“Đó là lời giải thích vì sao gã này có thể đi qua các cánh cửa đã khóa,” Bouc nói. “Những câu hỏi ông đặt ra cho bà Hubbard đều vô ích cả. Dù khóa hay không khóa, gã đó vẫn dễ dàng đi qua cánh cửa thông khoang. Suy cho cùng, nếu đã lấy được đồng phục của phụ trách toa thì hà cớ gì không lấy được khóa của phụ

trách toa?”

“Đúng đấy, sao lại không,” Poirot tán thành.

“Lẽ ra ta đã phải biết trước điều này, thật đấy. Ông nhớ lại đi, Michel nói cánh cửa khoang bà Hubbard thông ra hành lang đã bị khóa khi ông ấy đến trả lời tiếng chuông của bà ấy.”

“Đúng vậy đấy, thưa ông,” ông phụ trách toa nói. “Đó là lý do vì sao tôi nghĩ bà ấy nằm mơ.”

“Nhưng giờ thì dễ rồi,” Bouc tiếp tục. “Không nghi ngờ gì nữa, hẳn cũng muốn khóa lại cả cánh cửa thông khoang nữa, nhưng có lẽ hẳn nghe tiếng giường cựa cựa chi đó và bị giật mình.”

“Bây giờ chúng ta chỉ còn phải tìm ra bộ kimono đỏ nữa mà thôi.”

“Đúng vậy. Nhưng hai khoang cuối cùng đều là của hành khách nam.”

“Dù vậy, ta vẫn phải khám chúng thôi.”

“Ồ! tất nhiên. Tôi nhớ những gì ông nói mà.”

Hết sức nhanh nhẩu, Hector MacQueen bằng lòng cho khám xét.

“Sớm muộn gì các ông cũng phải khám mà,” anh nói với nụ

cười thảm nảo. “Tôi cảm thấy chắc chắn mình là đối tượng tình nghi nhất trên tàu. Các ông chỉ cần tìm ra tờ di chúc ghi là lão ta để lại hết tiền bạc

cho tôi là coi như xong.”

Bouc ném một cái nhìn ngờ vực lên anh ta.

“Tôi nói đùa thôi mà,” MacQueen vội vã nói. “Lão sẽ chẳng để

cho tôi xu nào, thật đấy. Tôi chỉ là một kẻ có ích cho lão mà thôi

- biết nói nhiều thứ tiếng và vân vân. Các ông biết đấy, nếu không biết nói tiếng gì ngoài việc nói tốt tiếng Mỹ thì buộc lòng phải thuê người thôi. Ngoại ngữ của tôi thì cũng chả ghê gớm gì, nhưng tôi biết chút đỉnh tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Ý đủ để, như cách tôi thường nói, đốp chát nơi mua sắm và khách sạn.”

Giọng của anh hơi lớn hơn thường lệ. Có vẻ như anh ta hơi khó chịu về vụ khám xét mặc dù vẫn sẵn lòng.

Poirot lên tiếng.

“Không có gì cả,” ông nói. “Thậm chí một bức chúc thư gây tổn hại cũng không.”

Mac Queen thở dài.

“Tốt, tôi thấy nhẹ nhõm cả người,” anh hài hước nói.

Họ đi sang khoang cuối cùng. Việc khám xét hành lý của anh chàng người Ý đô con và ông người hầu không mang lại kết quả

gì.

Ba người đàn ông đứng ở cuối toa nhìn nhau.

“Làm gì kế tiếp đây?” Bouc hỏi.

“Trở lại toa ăn uống thôi,” Poirot nói. “Ta đã biết tất cả những gì cần biết rồi. Ta có lời chứng của các hành khách, kết quả

khám xét hành lý của họ, tất cả những gì chúng ta tận mắt thấy.

Không kỳ vọng được gì hơn nữa đâu. Bây giờ là đến phần chúng ta vận dụng chất xám.”

Ông sờ soạng túi áo tìm hộp thuốc lá. Nó trống lốc.

“Tôi sẽ gặp các ông sau nhé,” ông nói. “Tôi sẽ phải cần đến thuốc lá. Đây là một vụ rất khó, rất kỳ lạ. Ai đã khoác chiếc kimono đó? Hiện giờ nó ở đâu? Giả như tôi biết. Trong vụ này có điều gì đó tôi vẫn chưa nắm được. Nó khó vì có người cố làm cho khó. Nhưng ta sẽ thảo luận chuyện này sau. Xin chờ tôi một chút nhé.”

Nói đoạn ông hấp tấp theo hành lang trở về khoang của mình.

Ông biết mình có vài hộp thuốc dự trữ trong va-li.

Ông lấy chiếc va-li xuống và mở khóa.

... Rồi ông sụp xuống, ngồi xồm, trơ mắt nhìn.

Xếp ngay ngắn ở trên cùng bên trong chiếc va-li là một chiếc kimono bằng lụa mỏng màu đỏ tươi có thêu hình những con rồng.

“Thế đấy,” ông thì thầm. “Ra là vậy. Một thách thức. Tốt lắm.

Ta nhận lời thách thức này.”



PHẦN 3

HERCULE POIROT NGỒI LẠI SUY

NGHĨ



CHƯƠNG 1

Ai trong số họ?

Bouc và Constantine đang nói chuyện với nhau trong toa ăn uống thì Poirot bước vào. Bouc trông có vẻ ngao ngán.

“*Le voilà*,” ông thốt lên khi vừa trông thấy Poirot.

Ông nói tiếp khi người bạn của ông ngồi xuống:

“*Mon cher*, ông mà phá được vụ này thì tôi sẽ tin là trên đời có phép lạ!”

“Vụ này làm ông lo lắng lắm sao?”

“Dĩ nhiên là tôi lo. Tôi không hiểu đầu cua tai nheo như thế nào nữa.”

“Tôi đồng ý,” ông bác sĩ nói.

Ông nhìn Poirot, vẻ tò mò.

“Thành thật mà nói, tôi không biết ông định sẽ làm gì kế tiếp đây.”

“Ông không biết à?” Poirot trầm tư nói.

Ông lấy ra hộp thuốc, châm lửa đốt điếu thuốc nhỏ. Đôi mắt ông mơ màng.

“Với tôi, đó là chỗ lý thú của vụ án,” ông cho biết. “Chúng ta bị

tách khỏi những lối đi thông thường. Những người mà chúng ta lấy lời khai đã nói thật hay nói dối? Chúng ta không có phương tiện nào để kiểm chứng, ngoại trừ những phương tiện mà chúng ta tự tạo ra. Đó là một bài tập trí não.”

“Nghe hay lắm,” Bouc nói. “Nhưng ông đã có được gì nào?”

“Tôi vừa nói rồi mà. Ta có lời khai của các hành khách và những điều mắt thấy.”

“Lời chứng của hành khách hay gồm nhì! Chúng chẳng nói lên bất cứ điều gì cả.”

Poirot lắc đầu.

“Tôi không đồng ý, ông bạn ạ. Lời chứng của hành khách cho ta rất nhiều điều thú vị.”

“Thật sao?” Bouc tỏ ra nghi hoặc. “Sao tôi chẳng thấy gì nhỉ?”

“Đó là vì ông đã không lắng nghe.”

“Tốt, vậy ông bảo xem tôi đã bỏ lỡ điều gì?”

“Tôi chỉ nêu một ví dụ thôi nhé. Trong lời chứng đầu tiên... lời của anh chàng MacQueen... tôi nhớ anh ta có thốt ra một câu rất ý nghĩa.”

“Về mấy lá thư ấy à?”

“Không, không phải về mấy lá thư. Theo trí nhớ của tôi thì anh ta nói như sau: ‘ *Từ đó chúng tôi đi du lịch suốt, ông Ratchett muốn đi khắp thế giới, ông ta bị kẹt là không biết ngoại ngữ nào.*

Công việc của tôi giống như người hướng dẫn du lịch hơn là thư

ký. ’”

Ông nhìn khuôn mặt ông bác sĩ rồi nhìn sang mặt Bouc.

“Sao? Các ông vẫn không thấy gì à? Thật không thể bào chữa được. Để các ông có thêm cơ hội thứ hai, tôi xin dẫn một lời khác của anh ta nhé, ‘ *Nếu*

không biết nói tiếng gì ngoài việc nói tốt tiếng Mỹ thì buộc lòng phải thuê người thôi. ’’

“Ý ông là...?” Bouc trông vẫn ngơ ngác.

“À, ra ông muốn tôi nói toạc móng heo chứ gì. Thì đây: *Ratchett không nói tiếng Pháp*. Thế mà, khi phụ trách toa đến trả

lời chuông của ông ta đêm qua, đã có một giọng nói vọng ra *bằng tiếng Pháp*, bảo phục vụ rằng đã có sự lầm lẫn và ông ta không cần gì. Hơn thế nữa, đó lại là một câu thành ngữ hoàn hảo, một kẻ chỉ bập bẹ vài chữ tiếng Pháp không thể nào nói được ‘ *Ce n’est rien. Je me suis trompé.* ’”

“Quá đúng,” Constantine thốt lên đầy hưng phấn. “Lẽ ra chúng tôi phải nhận ra chi tiết đó chứ! Ông đã nhấn mạnh từng lời khi nhắc cho chúng tôi rồi mà. Giờ thì tôi đã hiểu vì sao ông lừng khừng không chấp nhận bằng chứng chiếc đồng hồ bị đâm móp.

Vào lúc một giờ kém hai mươi ba phút, Ratchett đã chết...”

“Và giọng nói kia là của hung thủ đã giết ông ấy!” Bouc kết luận một cách long trọng.

Poirot đưa tay lên phản đối.

“Xin đừng đi nhanh như thế. Và xin đừng mặc định nhiều hơn là những gì chúng ta đã biết. Tôi nghĩ ta chỉ nên nói chắc rằng vào giờ đó, tức một giờ kém hai mươi ba phút, có ai đó đã ở

trong khoang của Ratchett và người này phải là *người Pháp* hoặc nói tiếng Pháp thông thạo.”

“*Mon vieux*, ông thật quá đổi thận trọng.”

“Ta nên tiến lên từng bước một mà thôi. Ta không có *bằng cứ*

nào là Ratchett đã chết vào giờ đó.”

“Có tiếng thét đã đánh thức ông dậy đó thôi.”

“Phải, điều này thì đúng.”

“Tuy nhiên phát hiện này không ảnh hưởng đến sự việc nhiều lắm,” Bouc suy tư nói. “Ông nghe thấy ai đó di chuyển ở khoang bên cạnh. Ai đó này không phải là Ratchett mà là một người khác. Chắc là hắn đang rửa vết máu trên tay, dọn dẹp dấu vết sau khi gây án, đốt lá thư buộc tội. Rồi hắn chờ cho đến khi mọi thứ đều yên tĩnh, đến khi hắn tin đã an toàn, không có gì nguy hiểm, hắn mới khóa cửa khoang của Ratchett, cài dây xích từ

bên trong, rồi mở khóa cánh cửa thông sang khoang bà Hubbard và chui vào đó. Thật ra, sự việc cũng y chang như chúng ta nghĩ, *chỉ có sự khác biệt là Ratchett bị giết sớm hơn chừng nửa tiếng đồng hồ*, và chiếc đồng hồ được cài ở một giờ mười lăm là nhằm tạo ra bằng chứng ngoại phạm.”

“Một bằng chứng ngoại phạm không phải là quá xuất sắc đâu!” Poirot nói. “Kim đồng hồ chỉ 1g15, thời gian chính xác mà kẻ đột nhập rời hiện trường gây án.”

“Đúng,” Bouc nói, có phần hơi lúng túng. “Vậy chiếc đồng hồ

nói với ông điều gì?”

“Nếu như các kim đồng hồ bị cài đặt lại... tôi nói là nếu thôi đấy nhé... thì thời gian mà nó dừng lại hẳn phải có một ý nghĩa.

Phản ứng tự nhiên của chúng ta là phải nghi ngờ bất cứ ai có bằng chứng ngoại phạm đáng tin cậy vào giờ đã được chỉ ra...

trong trường hợp này là 1g15.”

“Đúng, đúng rồi!” ông bác sĩ thốt lên. “Lập luận này rất tốt!”

“Ta cũng nên chú ý một chút đến thời gian mà kẻ đột nhập *lọt vào* trong khoang. Hẳn có cơ hội làm chuyện đó vào lúc nào? Trừ

phi ta cho rằng ông phụ trách toa thật có đồng mưu, khoảng thời gian duy nhất mà hẳn có thể làm chuyện đó là... trong lúc tàu dừng ở Vincovci. Sau khi tàu rời Vincovci thì phụ trách toa ngồi quay mặt ra hành lang. Tuy hành khách chẳng ai để ý đến một ông phụ trách toa, nhưng ông phụ trách toa thật thì sẽ nhận ra ngay kẻ giả mạo. Còn khi tàu dừng ở Vincovci thì ông này đã xuống sân ga mất rồi, không còn mối hiểm nguy nào nữa.”

“Và theo những lập luận cũ của chúng ta thì gã đó *phải* nằm trong số các hành khách,” Bouc nói. “Ta lại trở về điểm xuất phát mất rồi. Ai trong số họ đây?”

Poirot mỉm cười.

“Tôi có một danh sách,” ông nói. “Nếu các ông muốn xem thì có lẽ nó sẽ giúp các ông nhớ lại nhiều thứ đấy.”

Bouc và ông bác sĩ cùng chụm đầu vào bản danh sách. Nó được viết ra một cách nắn nót, có phương pháp và theo trình tự

phỏng vấn các hành khách.

Hector MacQueen - công dân Mỹ. Giường số 6. Hạng hai.

Động cơ có thể là do quan hệ công việc với người chết.

Bằng chứng ngoại phạm: Từ nửa đêm đến 2g sáng. (Nửa đêm đến 1g30

chứng thực bởi Đại tá Arbuthnot và 1g15 đến 2g chứng thực bởi phụ trách toa.) Bằng chứng chống lại anh ta: Không

Yếu tố khả nghi: Không

Phụ trách toa - Pierre Michel - công dân Pháp.

Động cơ: Không

Bằng chứng ngoại phạm: Từ nửa đêm đến 2g sáng. (Được H.P. thấy ngoài hành lang cùng lúc với giọng nói phát ra từ khoang của Ratchett vào lúc 12g37.

Từ 1g sáng đến 1g16 chứng thực bởi hai phụ trách toa khác.) Bằng chứng chống lại ông ta: Không.

Yếu tố khả nghi: Bộ đồng phục được tìm thấy là có lợi cho ông ta vì có vẻ như ai đó muốn đổ mối nghi ngờ lên ông.

Edward Masterman - công dân Anh. Giường số 4. Hạng hai.

Động cơ: Có thể do quan hệ với người chết. (Ông ta là người hầu của người chết.)

Bằng chứng ngoại phạm: Từ nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi Antonio Foscarelli.)

Bằng chứng chống lại ông ta và yếu tố khả nghi: Không, ngoại trừ việc ông là người đàn ông duy nhất có chiều cao và kích cỡ vừa vặn với bộ đồng phục phụ trách toa. Tuy nhiên, tiếng Pháp của ông không phải là tốt.

Bà Hubbard - công dân Mỹ. Giường số 3.

Động cơ: Không.

Bằng chứng ngoại phạm: Từ nửa đêm đến 2g sáng - Không.

Bằng chứng chống lại bà và yếu tố khả nghi: Câu chuyện về người đàn ông trong khoang của bà, được xác nhận qua lời chứng của ông Hardman và bà

Schmidt.

Greta Ohlsson - công dân Thụy Điển. Giường số 10. Hạng hai.

Động cơ: Không

Bằng chứng ngoại phạm: Từ nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi Mary Debenham.) Lưu ý: là người cuối cùng thấy Ratchett còn sống.

Công chúa Dragomiroff - công dân Pháp nhập cư. Giường số 14. Hạng nhất.

Động cơ: Rất thân với gia đình Armstrong và là mẹ đỡ đầu của Sonia Armstrong.

Bằng chứng ngoại phạm: Từ nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi phụ trách toa và người hầu.)

Bằng chứng chống lại bà và yếu tố khả nghi: Không.

Bá tước Andrenyi - công dân Hungary. Hộ chiếu ngoại giao.

Giường số 13. Hạng nhất.

Động cơ: Không.

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi phụ trách toa - không bao gồm khoảng thời gian từ 1g đến 1g15.) Bá tước Phu nhân Andrenyi - Như trên. Giường số 12.

Động cơ: Không

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng, uống thuốc ngủ trional và ngủ. (Chứng thực bởi chồng. Lọ trional trong tủ của cô ta.) Đại tá Arbuthnot - công dân Anh. Giường số 15. Hạng nhất.

Động cơ: Không.

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng. Nói chuyện với MacQueen cho đến 1g30. Trờ về khoang của mình và không đi đâu nữa. (Chứng thực bởi MacQueen và phụ trách toa.)

Bằng chứng chống lại ông ta và yếu tố khả nghi: Que thông tẩu.

Cyrus Hardman - công dân Mỹ. Giường số 16. Hạng hai.

Động cơ: Không có.

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng. Không rời khoang. (Chứng thực bởi MacQueen và phụ trách toa.)

Bằng chứng chống lại ông ta và yếu tố khả nghi: Không.

Antonio Foscarelli - công dân Mỹ (sinh ở Ý). Giường số 5. Hạng hai.

Động cơ: Không có.

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi Edward Masterman.)

Bằng chứng chống lại anh ta và yếu tố khả nghi: Không, ngoại trừ việc hung khí phù hợp với khí chất của anh ta (theo ý ông Bouc.) Mary Debenham - công dân Anh. Giường số 11. Hạng hai.

Động cơ: Không.

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi Greta Ohlsson.)

Bằng chứng chống lại cô ta và yếu tố khả nghi: từ chối giải thích.

Hildegarde Schmidt - công dân Đức. Giường số 8. Hạng hai.

Động cơ: Không.

Bằng chứng ngoại phạm: Nửa đêm đến 2g sáng. (Chứng thực bởi phụ trách toa và chủ của bà.) Lên giường ngủ. Bị phụ trách toa dựng dậy lúc 12g38 và đi đến chỗ chủ.

Ghi chú: Lời chứng của các hành khách được hậu thuẫn bởi lời khai của phụ trách toa rằng không ai ra vào khoang của ông Ratchett từ nửa đêm đến 1

giờ (khi ông đi sang toa kế) và từ 1g15 đến 2 giờ.

“Các ông cũng hiểu rồi đấy, tài liệu này chỉ là một bản tóm tắt các lời chứng mà chúng ta đã nghe. Chúng được trình bày như

vậy cho thuận tiện,” Poirot nói.

Bouc trao nó lại cùng một cái nhìn mặt.

“Nó chẳng làm sáng tỏ gì cả,” ông thú nhận.

“Có lẽ ông sẽ thấy cái này hợp với khẩu vị của ông hơn chẳng,”

Poirot hơi mỉm cười khi chìa ra cho Bouc một tờ giấy thứ hai.



CHƯƠNG 2

Mười câu hỏi

Trên tờ giấy có ghi như sau:

Những điều cần giải thích.

1. Chiếc khăn tay có thêu vằn H là của ai?
2. Que thông tàu. Do Đại tá Arbuthnot đánh rơi hay ai khác?
3. Ai mặc chiếc kimono đỏ?
4. Ai là người đàn ông, hay phụ nữ đã cải trang trong bộ đồng phục phụ trách toa?
5. Tại sao kim đồng hồ lại chỉ 1g15?
6. Án mạng có diễn ra vào thời điểm đó?

7. Hay sớm hơn?

8. Hay muộn hơn?

9. Có chắc là Ratchett bị đâm bởi nhiều hơn một người?

10. Có lời giải thích nào khác cho các vết thương không?

“Tốt lắm, để xem ta có thể làm gì,” Bouc nói, tươi tỉnh ra đôi chút trước bản thách đố trí tuệ này. “Dĩ nhiên ta phải theo trình tự và có phương pháp. Nào, hãy bắt đầu bằng chiếc khăn tay.”

“Được thôi,” Poirot gật đầu, vẽ hài lòng.

Bouc tiếp tục nói, có phần hơi kẻ cả.

“Chữ H. gắn với tên của ba người: bà Hubbard, cô Debenham, vốn có tên lót là Hermione, và bà người hầu Hildegarde Schmidt.”

“À! Nhưng là ai trong ba người đó?”

“Điều này rất khó nói. Nhưng tôi thì tôi sẽ chọn cô Debenham.

Như chúng ta đều biết, cô ấy có thể được gọi theo tên lót chứ

không theo tên riêng. Và quanh cô ta cũng có một số nghi vấn.

Mon cher, câu chuyện mà ông nghe lỏm được chắc chắn là hơi kỳ lạ, và cả việc từ chối giải thích của cô ta cũng vậy.”

“Phần tôi thì tôi bỏ phiếu cho bà người Mỹ,” bác sĩ Constantine cho biết. “Đó là một chiếc khăn tay rất đắt tiền, và cả thế giới đều biết chỉ có dân Mỹ mới tiêu tiền bạt mạng.”

“Vậy là cả hai ông đều loại trừ bà người hầu?” Poirot hỏi.

“Vâng. Thì chính bà ấy cũng nói rằng đây là khăn tay của người thuộc tầng lớp thượng lưu mà.”

“Sang câu hỏi thứ hai... chiếc que thông tẩu. Có phải Đại tá Arbuthnot đánh rơi nó hay ai khác?”

“Câu này khó hơn đấy. Người Anh thì họ không chơi kiểu dâm.

Chuyện này thì ông có lý. Tôi nghiêng về quan điểm là có ai đó bỏ lại chiếc que thông tẩu để đổ vấy tội cho cái ông người Anh chân dài đó.”

“Ông Poirot, như ông đã nói,” ông bác sĩ lên tiếng, “hai manh mối là quá sức cầu thả. Tôi đồng ý với ông Bouc. Chiếc khăn tay là một sự sơ suất thực sự, nên không ai thừa nhận đó là của

mình. Còn chiếc que thông tẩu thì lại là manh mối giả. Để hậu thuẫn cho lập luận này, ông cũng đã thấy rằng Đại tá Arbuthnot không hề tỏ ra bối rối. Ông ấy công khai thừa nhận mình hút thuốc bằng tẩu và sử dụng cùng loại que thông tẩu đó.”

“Ông lập luận tốt đấy,” Poirot xác nhận.

“Câu hỏi thứ ba: ai mặc chiếc kimono đỏ?” Bouc tiếp tục. “Về

chuyện này thú thực tôi không có chút ý tưởng nào. Ông có ý gì không, bác sĩ Constantine?”

“Cũng không.”

“Vậy câu này chúng tôi xin chịu là đầu hàng. Câu hỏi kế tiếp dù sao cũng còn khả dĩ. Ai là người đàn ông, hay phụ nữ đã cải trang trong bộ đồng phục phụ trách toa? Tốt thôi, có thể khẳng định một số người sau là không phải: Hardman, Đại tá Arbuthnot, Foscarelli, Bá tước Andrenyi và Hector MacQueen.

Những người này đều quá cao. Bà Hubbard, bà Hildegarde Schmidt và bà Greta Ohlsson thì quá đầy đà. Chỉ còn lại ông người hầu, cô Debenham, công chúa Dragomiroff và Bá tước Andrenyi. Nhưng có vẻ như đó khó là một trong số những người này. Cả Greta Ohlsson lẫn Antonio Foscarelli đều thề rằng cô Debenham và ông người hầu không rời khỏi khoang của họ, Hildegarde Schmidt thì thề rằng bà Công chúa ở khoang của bà ấy, còn Bá tước Andrenyi thì bảo rằng vợ ông ta uống thuốc ngủ.

Cho nên người này không thể là ai cả, một điều thật phi lý!”

“Người bạn già Euclid của chúng ta đã từng nói như thế,”

Poirot thì thầm.

“Phải là một trong bốn người đó,” bác sĩ Constantine nói. “Trừ

phi là ai đó từ bên ngoài chui vào và đã tìm được chỗ trốn. Mà điều này thì chúng ta đã đồng ý với nhau là không thể được.”

Bouc chuyển sang câu hỏi thứ năm trong danh sách.

“Số 5 - Tại sao kim đồng hồ lại chỉ 1g15? Theo tôi có hai cách giải thích cho chuyện này. Hoặc giả là nó được hung thủ cài đặt để thiết lập một bằng chứng ngoại phạm nhưng lúc định trốn ra ngoài thì hắn lại bị kẹt trong khoang do nghe thấy có tiếng người đi bên ngoài hay sao đó... chờ đã... tôi mới nảy ra một ý này...”

Hai người kia lịch sự chờ đợi trong khi Bouc vật lộn một cách khổ sở với những nỗ lực trí tuệ.

“Tôi nghĩ ra rồi,” cuối cùng ông nói. “Không phải hung thủ

mặc đồ phụ trách toa là người phá đồng hồ! Người này chính là kẻ mà ta gọi là Hung thủ thứ hai, một kẻ thuận tay trái. Nói cách khác, đó là người

phụ nữ mặc kimono đỏ. Người này đến muộn hơn và sửa lại các kim đồng hồ để tạo ra bằng chứng ngoại phạm cho chính mình.”

“Hoan hô,” bác sĩ Constantine thốt lên. “Ông hình dung ra giỏi thật đấy.”

“Thật ra,” Poirot nói, “người phụ nữ này đã đâm Ratchett trong bóng tối, không hề biết rằng ông ta đã chết, nhưng cách nào đó lại biết được rằng trong túi pyjama của ông ta có chiếc đồng hồ.

Người này bèn lấy nó ra, sờ soạng chỉnh lại kim rồi đâm móp chiếc đồng hồ.”

Bouc nhìn ông lạnh lùng.

“Ông còn gợi ý gì hay hơn không?” ông hỏi.

“Hiện thời thì không,” Poirot thú nhận.

“Dù sao, tôi nghĩ rằng cả hai ông đều chưa nắm được điểm trọng yếu về chiếc đồng hồ này,” Bouc tiếp tục.

“Câu hỏi thứ sáu sẽ giúp giải quyết nó chẳng?” ông bác sĩ hỏi.

“Để trả lời câu ‘Án mạng có diễn ra vào thời điểm đó?’ - tức 1g15 - tôi nói là ‘*Không*’.”

“Tôi đồng ý,” Bouc tán thành. “‘Sớm hơn chẳng?’ là câu hỏi kế tiếp. Tôi nói là đúng. Cả ông cũng vậy chứ, bác sĩ?”

Ông bác sĩ gật đầu.

“Đúng, nhưng câu hỏi: ‘Muộn hơn chẳng?’ cũng có thể trả lời theo hướng đúng. Tôi đồng ý với lập luận của ông, ông Bouc ạ, và tôi nghĩ cả ông

Poirot cũng thế mặc dù ông ta không muốn đưa ra ý kiến của mình. Hung thủ thứ nhất đến trước 1g15, hung thủ

thứ hai đến sau 1g15. Còn về câu hỏi về việc thuận tay trái thì tại sao ta không tiến hành những bước đi để tìm hiểu xem hành khách nào thuận tay trái?”

“Tôi cũng không hoàn toàn bỏ qua chi tiết này,” Poirot nói.

“Chắc các ông cũng để ý là tôi buộc mỗi hành khách ký tên hay viết ra địa chỉ. Cũng không thể khẳng định chắc chắn được vì một số người làm việc này bằng tay phải, làm việc kia bằng tay trái. Có người viết bằng tay phải nhưng chơi golf bằng tay trái.

Tuy vậy nó vẫn có ý nghĩa nhất định. Tất cả mọi hành khách, khi được yêu cầu, đã cầm bút lên bằng tay phải, ngoại trừ Công chúa Dragomiroff vì bà này đã từ chối viết ra.”

“Công chúa Dragomiroff ư? Không thể được,” Bouc thốt lên.

“Tôi không tin bà ta có đủ sức lực để đâm nhát dao bằng tay

trái đó,” bác sĩ Constantine nghi hoặc nói. “Nhát dao này đã được đâm với một lực rất mạnh.”

“Mạnh hơn so với sức vóc của phụ nữ?”

“Không. Tôi không thể nói vậy. Nhưng tôi nghĩ là mạnh hơn so với khả năng một cụ già có thể làm. Và thể chất của bà Công chúa lại khá là yếu ớt.”

“Có thể đây là vấn đề ảnh hưởng của tinh thần lên thể xác,”

Poirot nói. “Công chúa Dragomiroff có cá tính mạnh và nghị lực phi thường. Nhưng ta hãy tạm lướt qua vấn đề này.”

“Đối với các câu hỏi số 9 và 10: ‘Có chắc là Ratchett bị đâm bởi nhiều hơn một người?’ và ‘Có lời giải thích nào khác cho các vết thương không?’ - theo ý kiến của tôi, về mặt y học mà nói thì *không* có cách giải thích nào khác về các vết thương. Thật là nhảm nhí nếu ai đó cho rằng có người nào đã đâm hời hợt rồi chọt đâm rất mạnh, thoát tiên đâm bằng tay phải rồi đâm tiếp bằng tay trái, và sau một khoảng nghỉ chừng nửa giờ lại đâm những vết thương mới nguyên trên cơ thể một người đã chết.”

“Đúng,” Poirot nói. “Điều đó là nhảm nhí. Và ông nghĩ nếu là hai người thì sẽ không còn là nhảm nhí nữa chứ?”

“Như chính ông vừa nói, còn cách giải thích nào khác vào đây nữa?”

Poirot nhìn thẳng phía trước.

“Đó là điều tôi đang tự hỏi,” ông nói. “Đó là điều tôi không ngừng tự hỏi mình.”

Ông ngả lưng ra ghế.

“Kể từ nay, tất cả là ở đây,” ông gõ gõ lên trán. “Ta đã mổ xẻ

hết rồi. Tất cả các sự kiện đều ở trước mắt chúng ta, sắp xếp một cách chỉnh chu, trật tự và có phương pháp. Từng người một, các hành khách đều đã ngồi ở đây, đưa ra lời chứng của mình. Ta đã biết tất cả những gì có thể biết... từ *bên ngoài*...”

Ông nhìn Bouc, nở một nụ cười trêu mếu.

“Chúng ta đã từng nói đùa một chút với nhau về chuyện ngồi lại và *nghĩ* ra sự thật, đúng không nhỉ? Thế thì tôi đang sắp ứng dụng lý thuyết của mình ở ngay đây, trước mắt các ông. Hai ông cũng phải làm như vậy. Nào, chúng ta hãy nhắm mắt lại và suy nghĩ...”

“Một hay nhiều hơn một hành khách đã giết Ratchett? Đó là ai?”



CHƯƠNG 3

Vài tình tiết khả nghi

Không ai mở miệng nói ra lời nào trong hơn mười lăm phút.

Bouc và Constantine bắt đầu bằng việc cố gắng tuân theo những hướng dẫn của Poirot. Chúng gợi ý rằng phải nhìn qua màn sương các tình tiết mâu thuẫn nhau để đi đến một lời giải rõ ràng và xuất sắc.

Những ý nghĩ của Bouc diễn ra đại để như sau:

“Dĩ nhiên là mình phải vắt óc suy nghĩ. Nhưng mình đã suy nghĩ hết cả rồi mà... Rõ ràng là Poirot nghi cô gái người Anh có dính líu đến vụ này. Mình thì thấy điều đó khó có khả năng nhất... Người Anh, họ cực kỳ lạnh lùng. Có lẽ đó là vì họ không có cá tính... Nhưng mình bị lạc đề rồi. Có vẻ như gã người Ý không thể làm chuyện đó, thật là uổng quá. Theo mình thì ông người hầu Anh không nói dối khi ông ta bảo gã này không hề rời khoang. Cớ sao ông ta lại nói dối nhỉ? Chẳng dễ gì mua chuộc người Anh đâu, họ

rất khó tiếp cận. Toàn bộ chuyện này thật là xúi quẩy quá đi. Chẳng biết đến bao giờ mới thoát ra được đây.

Chắc là hoạt động cứu viện đang được xúc tiến. Ở mấy nước này

sao người ta chậm thế... phải mất hàng giờ mới có ai đó chịu nhúc nhích tay chân. Cảnh sát ở các nước này thì thế nào họ

cũng sẽ làm nhặng xị cả lên - ra vẻ là quan trọng, nhạy cảm, nghiêm trọng. Họ sẽ biến những chuyện này thành một vụ

hoành tráng. Một cơ hội như vậy đâu dễ mà có được. Chuyện này rồi sẽ tràn lan trên tất cả các tờ báo...”

Kể từ đó, những suy nghĩ của Bouc nhập vào một quỹ đạo quen thuộc mà chúng đã đi qua có đến hàng trăm lần.

Các suy nghĩ của bác sĩ Constantine thì diễn ra như sau:

“Cái ông nhỏ thó này thật là kỳ quái. Một thiên tài chẳng? Hay một gã lập dị? Liệu ông ta có giải được bí ẩn này? Không thể nào.

Mình chẳng thấy có lối thoát nào cả. Nó quá sức rối rắm. Hình như mọi người đều nói dối... Nhưng dù biết vậy cũng chẳng giúp được gì. Nếu tất cả đều nói dối hay nếu tất cả đều nói thật thì sự

thế cũng rối rắm chẳng khác gì nhau. Những vết thương đó đúng là kỳ lạ. Mình không thể hiểu nổi... Sẽ dễ hiểu hơn nhiều nếu như ông ta bị bắn chết... Dù sao thì thuật ngữ ‘gunman’ cũng mang nghĩa là bắn bằng súng. Mỹ là một đất nước kỳ lạ. Mình có dịp đến đó thì hay quá. Một nước rất tiến bộ. Khi nào về mình phải liên lạc với Demetrius Zagone mới được, ông ấy đã từng ở

Mỹ và có nhiều ý tưởng tân tiến... Không biết Zia đang làm gì lúc này. Nếu bà xã mình phát hiện ra...”

Những suy nghĩ của ông hoàn toàn chìm đắm trong các vấn đề cá nhân.

Hercule Poirot ngồi rất im ắng.

Rất dễ lầm tưởng là ông đang ngủ.

Và rồi, rất đột ngột sau mười lăm phút hoàn toàn bất động, chân mày ông nhích lên từ từ trên vầng trán. Một tiếng thở dài khe khẽ thoát ra. Ông thì thầm qua hơi thở:

“Nhưng, tại sao không? Và nếu như thế thì... Đúng rồi, nếu như thế thì mọi việc đều có thể giải thích.”

Ông mở mắt ra. Chàng xanh như mắt mèo. Ông nhẹ nhàng nói:

“Eh bien, tôi đã nghĩ xong. Còn các ông?”

Lạc lối trong các suy nghĩ của mình, cả hai người đàn ông đều giật bắn mình.

“Tôi cũng nghĩ xong,” Bouc nói với chút vẻ ngượng ngịu.

“Nhưng tôi không đi được đến kết luận nào. Làm sáng tỏ các vụ

án là métier của ông chứ không phải của tôi, ông bạn ạ.”

“Tôi cũng đã suy nghĩ rất lung,” ông bác sĩ nói mà không hề

lấy làm ngượng ngịu, giữa lúc ông đang hồi tưởng lại một số

tình tiết dâm dục trong suy nghĩ của mình. “Tôi đã suy nghĩ về

nhiều lập luận, nhưng không có lập luận nào thực sự làm tôi hài lòng.”

Poirot hiền hòa gật đầu. Cái gật đầu của ông như muốn nói:

“Rất đúng. Nói như vậy là phải. Các ông đã nhắc nhở tôi những điều mà tôi chờ đợi.”

Ông ngồi rất thẳng, ngực ưỡn ra trước, tay xoa xoa bộ ria theo đúng cung cách của một diễn giả đang chuẩn bị phát biểu trước công chúng.

“Các bạn thân mến, tôi đã rà soát lại các sự kiện trong đầu và nhớ lại lời chứng của từng hành khách để đi đến kết quả này.

Tôi thấy rằng, mặc dù hiện nay vẫn mù, nhưng có một cách giải thích phù hợp với các sự kiện mà chúng ta biết. Đó là một giải thích rất kỳ lạ, và tôi cũng không dám chắc nó là sự thật. Để

đi đến kết luận dứt khoát, tôi phải tiến hành một số thử nghiệm.

“Trước hết, tôi xin được nhắc đến một số tình tiết mà theo tôi là có tính gợi ý. Hãy bắt đầu bằng nhận xét mà ông Bouc từng nói với tôi ngay tại đây vào dịp tôi và ông ấy cùng nhau dùng bữa trưa đầu tiên trên tàu. Ông ấy đã bình luận về việc chúng ta bị

bao quanh bởi những người thuộc đủ mọi tầng lớp, lứa tuổi, quốc tịch. Đó là một sự kiện khá hiếm vào mùa này trong năm. Lấy ví dụ, toa Athens-Paris và toa Bucharest-Paris đang hầu như trống trơn. Hãy nhớ lại xem, có một hành khách bị lỡ chuyến. Tôi nghĩ, việc này có ý nghĩa hằn hoi. Rồi đến một số tình tiết nhỏ

khác mà tôi cho là tình tiết khả nghi. Ví dụ như vị trí túi đồ vệ

sinh của bà Hubbard. Tên của mẹ bà Armstrong, các phương pháp thám thính của ông Hardman, gợi ý của MacQueen về việc chính Ratchett là

người thủ tiêu tờ giấy bị đốt mà chúng ta phát hiện, tên thánh của Công chúa Dragomiroff, và vết mờ trên tập hộ chiếu Hungary.”

Hai người đàn ông nhìn Poirot.

“Những chi tiết này có gợi ý điều gì cho các ông không?” Poirot hỏi.

“Không gì cả,” Bouc thẳng thừng nói.

“Còn ông bác sĩ?”

“Tôi chẳng hiểu tí nào những gì ông nói.”

Trong khi đó, Bouc tính sổ ngay món vật sờ mó được mà bạn ông vừa nhắc tới: ông đang lục tìm trong xấp hộ chiếu. Ông lăm bằm gì đó khi nhặt ra tập hộ chiếu của Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi, đoạn mở nó ra.

“Ông nói cái này chứ gì? Vết bẩn này ă?”

“Phải. Đó là một vết mờ khá là mới. Ông có để ý nó nằm ở đâu không?”

“Ở ngay đầu, phần nói về vợ ông Bá tước - chính xác là chỗ tên Thánh của bà ta. Nhưng tôi xin thú nhận là tôi vẫn chưa nắm được vấn đề.”

“Tôi đang sắp tiếp cận nó từ một góc độ khác. Ta hãy trở lại với chiếc khăn tay tìm thấy ở hiện trường gây án. Như chúng ta đã bàn luận mới đây, ba người có thể gắn với vằn H.: bà Hubbard, cô Debenham và bà người hầu Hildegard Schmidt. Bây giờ ta hãy xem xét chiếc khăn tay này từ một góc độ khác. Thưa các bạn, đây là một chiếc khăn tay cực kỳ đắt tiền, một *objet de luxe*,

khâu bằng tay và thêu tại Paris. Ai trong số các hành khách, bao gồm ba người nói trên, có khả năng sở hữu chiếc khăn tay này?

Không thể là bà Hubbard, một phụ nữ đáng kính không có sự

thích thú đối với những chỉ tiêu bữa bãi và quá mức cho trang phục. Không phải là cô Debenham. Tầng lớp của cô ở Anh có thể

cho phép cô sở hữu một chiếc khăn tay duyên dáng bằng vải lanh, nhưng không phải là chiếc khăn tay bằng thứ lanh mịn đắt tiền có thể trị giá đến hai trăm franc như thế này. Và chắc chắn không phải là của bà người hầu. Nhưng trên tàu có hai người phụ nữ có khả năng sở hữu chiếc khăn tay này. Ta hãy

xem xét thử liệu có cách nào gắn họ với vằn H, hay không. Hai phụ nữ mà tôi đề cập đến là Công chúa Dragomiroff...”

“Vốn có tên thánh là Natalia,” Bouc mĩa mai nói.

“Chính xác. Và tên thánh của bà, như tôi vừa nói ban nãy, chắc chắn là một tình tiết khả nghi. Người phụ nữ thứ hai là Bá tước Phu nhân Andrenyi. Và lập tức có một chi tiết thu hút sự

chú ý của chúng ta.”

“Của ông chứ!”

“Vâng, của tôi. Tên thánh của cô ta trên hộ chiếu bị thiên lệch bởi dấu mờ. Ai cũng nghĩ đó là sự tình cờ. Nhưng hãy suy nghĩ

về cái tên thánh này. Elena. Giả dụ, thay vì Elena nó là *Helena* thì sao? Chữ H viết hoa có thể chuyển thành chữ E viết hoa rồi xóa đi chữ e nhỏ khá dễ dàng, sau đó cho thêm vào một vết mờ để

khóa lấp việc chỉnh sửa.”

“Helena,” Bouc reo lên. “Quả là một ý hay!”

“Chắc chắn đó là một ý hay! Tôi bèn tìm kiếm một sự xác nhận, cho dù rất nhỏ, cho ý tưởng của mình, và tôi đã tìm ra.

Một trong những chiếc nhãn ghi tên trên hành lý của Bá tước Phu nhân hơi bị ầm. Đó là loại nhãn mà người ta thường ghi vằn đầu của tên và dán lên nóc va-li. Nó đã bị bóc ra và dán lại ở chỗ

khác.”

“Ông bắt đầu thuyết phục tôi rồi đó,” Bouc nói. “Nhưng Bá tước Phu nhân Andrenyi... chắc chắn là...”

“*Mon vieux*, giờ đây ông phải quay lưng lại và tiếp cận vụ này theo một góc độ hoàn toàn khác. Hung thủ muốn mọi người nhìn nhận án mạng này như thế nào? Đừng quên rằng trậ

tuyệt đã làm hỏng toàn bộ kế hoạch ban đầu của hung thủ. Hãy dành chút thời gian để hình dung nếu như không có tuyết, nếu như tàu vẫn chạy bình thường. Khi đó điều gì sẽ diễn ra?

“Hẳn là án mạng vẫn được phát hiện ra sáng nay, nhiều khả

năng là tại biên giới nước Ý. Hầu hết những lời chứng tương tự

sẽ được cung cấp cho cảnh sát Ý. Những lá thư đe dọa sẽ được MacQueen trình ra, ông Hardman sẽ nói ra toàn bộ câu chuyện của ông ta, bà Hubbard sẽ vẫn bức xúc kể về người đàn ông đã chui qua khoang của bà, chiếc cúc áo sẽ vẫn được tìm ra. Tôi hình dung chỉ có hai thứ phải thay đổi. Gã đàn ông phải đi qua khoang của bà Hubbard ngay trước một giờ sáng và bộ đồng phục của phụ trách toa phải được tìm thấy vứt lại ở một trong các khoang vệ sinh.”

“Ý ông là?”

“Là hung thủ đã lập kế hoạch để án mạng này trông giống như một *hành động từ bên ngoài*. Người ta ắt sẽ nghĩ rằng tên sát nhân đã rời tàu ở Brod, nơi mà tàu dự tính sẽ đến vào lúc 0g58. Kẻ nào đó ắt đã cải trang thành phụ

trách toa ở ngoài hành lang. Bộ đồng phục cần phải được bỏ lại ở một nơi dễ thấy để chỉ

ra rõ ràng vụ án đã được thực hiện như thế nào. Không có khả

ngghi nào đối với các hành khách. Thừa các bạn, đó chính là cách mà vụ án này được tính toán để thể hiện ra với thế giới bên ngoài.

“Nhưng việc tàu gặp nạn đã làm thay đổi mọi thứ. Chắc chắn đó là lý do khiến hung thủ ở lại trong khoang với nạn nhân lâu như vậy. Hẳn chờ cho tàu chạy lại. Nhưng cuối cùng hẳn nhận

ra rằng *tàu sẽ còn dừng lâu*. Thế là những kế hoạch khác được dựng lên. Giờ đây ta biết hung thủ vẫn đang ở trên tàu.”

“Phải, phải rồi,” Bouc nôn nóng nói. “Tôi hiểu tất cả những chuyện đó. Nhưng còn chiếc khăn tay, nó ở đâu ra?”

“Tôi sẽ trở lại chuyện chiếc khăn bằng một con đường khá vòng vèo. Để bắt đầu, các ông phải nhận ra rằng những lá thư đe dọa thực chất là một bức màn che. Nó có thể được lấy ra trọn vẹn từ một cuốn tiểu thuyết trinh thám lãng nhăng của Mỹ.

Chúng không *thật*. Thật ra, chúng đơn giản là được dành cho cảnh sát. Điều mà chúng ta phải tự hỏi là: ‘Chúng có đánh lừa được Ratchett hay không?’ Theo bề ngoài thì câu trả lời có vẻ là

‘Không’. Những chỉ dẫn của ông ta cho Hardman hình như chỉ ra một kẻ thù riêng cụ thể mà ông ta biết đích danh. Đó là nếu chúng ta chấp nhận câu chuyện của Hardman là thật. Nhưng Ratchett chắc chắn là đã nhận một lá thư với tính chất rất khác -

một lá thư chứa lời nhắc nhở về đứa bé nhà Armstrong mà một mẫu của nó đã được chúng ta tìm ra. Trong trường hợp Ratchett không nhận ra điều đó

sớm hơn, lá thư này là nhằm để cho ông ta biết lý do các mối đe dọa đối với sinh mệnh của ông ta. Lá thư

đó, như tôi nói từ nãy, không được tính toán để bị phát hiện.

Quan tâm đầu tiên của hung thủ là thủ tiêu nó. Lá thư này do đó trở thành bất trắc thứ hai cho các kế hoạch của hắn. Bất trắc đầu tiên là trận tuyết, bất trắc thứ hai chính là việc chúng ta khôi phục được mẫu giấy.

“Tờ giấy bị hủy một cách đầy thận trọng đó chỉ có thể nói lên một điều. *Trên tàu này hắn phải có ai đó có quan hệ rất mật thiết*

với gia đình Armstrong, đến mức nếu lá thư bị tìm ra thì mỗi nghi ngờ sẽ được hướng trực tiếp vào người đó.

“Bây giờ chúng ta hãy đi đến hai manh mối mà chúng ta đã tìm ra. Tôi xin lướt qua chiếc que thông tàu. Chúng ta đã nói khá nhiều về nó. Ta hãy nói về chiếc khăn tay. Nhìn đơn giản thì manh mối này sẽ buộc tội trực tiếp người nào mà danh tính bắt đầu từ vần H, và nó bị người đó vô tình đánh rơi.”

“Chính xác,” bác sĩ Constantine đồng tình. “Cô ấy đã phát hiện ra mình đánh rơi chiếc khăn tay và lập tức tiến hành các biện pháp để sửa đổi tên thánh của mình.”

“Ông đi nhanh quá đấy. Ông đi đến kết luận còn nhanh hơn cả tôi tự cho phép mình.”

“Còn có phương án khác nữa sao?”

“Hắn nhiên là có. Ví dụ, giả sử ông gây một tội ác và muốn đổ

vấy nghi ngờ lên người khác. Trên tàu có một người nào đó có quan hệ mật thiết với gia đình Armstrong, một phụ nữ. Giả sử

ông bỏ lại hiện trường chiếc khăn tay thuộc về người phụ nữ đó.

Người này sẽ bị chất vấn, mối quan hệ với gia đình Armstrong bị

[phanh phui, et voilà. Động cơ và vật chứng đều đầy đủ.](#)

“Nhưng trong trường hợp đó,” ông bác sĩ phản đối, “người được cho là vô tội đâu có tiến hành những bước đi để sửa đổi danh tính của mình?”

“Á. Thật sao? Ông nghĩ vậy à? Đó đích thực là ý kiến của tòa vi cảnh. Nhưng tôi hiểu bản chất con người, ông bạn ạ, và tôi dám nói với ông như thế này, nếu bất ngờ phải đối mặt với khả năng bị xử tội giết người, một kẻ vô tội nhất cũng sẽ mất tinh táo và

làm những chuyện phi lý nhất. Không, không, vết mờ và chiếc nhẫn được thay thế không phải là bằng chứng có tội. Nó chỉ

chứng tỏ rằng, vì một lý do nào đó, Bá tước Phu nhân Andrenyi đã lo âu về danh tính của mình.”

“Ông nghĩ cô ấy có thể quan hệ như thế nào với gia đình Armstrong? Cô ấy nói chưa từng bao giờ sang Mỹ.”

“Chính xác, và cô ấy nói tiếng Anh không chuẩn. Cô ấy có vẻ

ngoài rất ngoại quốc và cô ấy cố phóng đại điều đó. Nhưng không có gì khó khăn để đoán ra cô ấy là ai. Vừa nãy tôi có nhắc đến tên của mẹ bà Armstrong. Bà này tên là Linda Armstrong, một diễn viên rất nổi tiếng. Bà đã từng diễn nhiều vở kịch lớn trong đó có kịch của Shakespeare. Hãy nghĩ đến vở *As You Like It*, nghĩ

về ngôi rừng của Arden và Rosalind. Chính từ vở kịch này bà đã lấy cảm hứng để chọn tên nghệ sĩ của mình. Linda Arden trở

thành cái tên mà qua đó tên tuổi bà được biết đến trên toàn thế

giới, nhưng đó không phải là tên thật của bà. Nó có thể là Goldenberg - bà ấy nhiều khả năng mang dòng máu Trung Âu trong huyết quản - một nhánh tộc của người Do Thái, có lẽ.

Những người thuộc nhiều quốc gia đã chuyển sang sinh sống ở

Mỹ. Thưa các ông, tôi xin được gợi ý rằng cô em gái của bà Armstrong - lúc xảy ra thảm họa kia chỉ nhỉnh hơn một bé gái đôi chút - tên là Helena Goldenberg. Cô ta là con gái thứ hai của Linda Arden. Cô ta đã lấy Bá tước Andrenyi khi ông còn là tùy viên ở Washington.”

“Nhưng Công chúa Dragomiroff nói cô ta lấy một người Anh kia mà.”

“Và tên của người Anh đó thì bà ấy không biết! Tôi xin hỏi các ông, điều đó có giống sự thật không? Công chúa Dragomiroff yêu mến bà Linda Arden như mọi mệnh phụ yêu mến những nghệ sĩ

lớn. Bà ấy còn là mẹ đỡ đầu của một trong hai con gái bà Linda.

Lẽ nào bà lại mau chóng quên đi họ chồng của cô con gái còn lại?

Khó tin lắm. Không, tôi nghĩ ta có thể nói chắc rằng Công chúa Dragomiroff đã nói dối. Bà ấy biết Helena đang ở trên tàu, hai người đã gặp nhau. Khi biết Ratchett thực sự là ai, bà ấy đã lập tức nhận ra rằng Helena sẽ bị nghi ngờ. Cho nên khi chúng ta hỏi bà ấy về người em thì bà ấy lập tức nói dối, nói mơ hồ, viện lý do không nhớ: ‘Tôi nghĩ cô ấy đã lấy chồng người Anh’ là một câu nói cách rất xa sự thật.”

Một trong những phục vụ toa ăn uống tiến đến từ cánh cửa đầu toa. Anh ta hướng về Bouc.

“Thưa ông, tôi dọn bữa chiều lên được chưa? Nó đã xong được một lúc rồi ạ.”

Bouc nhìn sang Poirot. Poirot gật đầu.

“Bất cứ giá nào cũng phải dùng bữa chiều.”

Người phục vụ biến mất qua cánh cửa đầu bên kia toa. Nhưng mọi người vẫn nghe tiếng chuông và giọng anh lạnh lạnh:

“*Premier Service. Le diner est servi. Premier diner.*”



CHƯƠNG 4

Vết mờ trên tấm hộ chiếu Hungary

Poirot ngồi chung bàn với Bouc và ông bác sĩ.

Ê-kíp phục vụ ở toa ăn uống là một ê-kíp rất chuyên nghiệp.

Họ nói rất ít. Ngay cả bà Hubbard lẩm mồm cũng im ắng một cách không tự nhiên. Bà thì thào nói:

“Tôi chẳng có tâm trạng đâu mà ăn uống,” nhưng rồi bà lại gọn sạch mọi thứ được bưng lên thuận theo sự khuyến khích cô em Thụy Điển, người có

vẻ như đang xem bà là một đối tượng chăm sóc đặc biệt.

Trước khi bữa ăn được phục vụ, Poirot túm lấy tay áo của người trưởng phục vụ và thì thầm gì đó vào tai ông này.

Constantine đoán ra ông dặn gì khi nhận xét thấy Bá tước và Bá tước Phu nhân luôn được phục vụ sau cùng và vào cuối bữa ăn đã có sự trể nải trong việc tính tiền cho họ. Kết quả là Bá tước và phu nhân của ông là những người cuối cùng rời toa ăn uống.

Khi họ rốt cuộc đứng lên được để đi ra cửa thì Poirot cũng bật dậy bước theo.

“Xin lỗi phu nhân, bà đánh rơi khăn tay.”

Ông chìa ra tấm vải vuông vức có thêu chữ.

Bá tước phu nhân cầm lấy chiếc khăn, nhìn một lúc rồi trả lại cho ông.

“Ông lầm rồi, thưa ông, đây không phải là khăn của tôi.”

“Không phải khăn của bà ư? Bà có chắc không?”

“Chắc chắn, thưa ông.”

“Nhưng nó có thêu tên bà đấy... vằn H.”

Bá tước có một động tác đột ngột, nhưng Poirot phớt lờ. Đôi mắt ông rọi thẳng vào khuôn mặt Bá tước Phu nhân.

Điềm tĩnh nhìn lại ông, cô ta nói:

“Tôi không hiểu, thưa ông. Các vằn tên của tôi là E.A.”

“Tôi không nghĩ vậy đâu. Tên bà là Helena chứ không phải Elena. Helena Goldenberg, con gái út của bà Linda Arden, em gái bà Armstrong.”

Trong khoảnh khắc, sự im lặng chết chóc đột ngột bao trùm lấy bầu không khí xung quanh. Bá tước và phu nhân đều tái mặt.

Poirot hiền hòa nói:

“Chối quanh chẳng ích gì đâu. Đó là sự thật, đúng không nào?”

Bá tước phẫn nộ quát:

“Này ông, ông có quyền gì...”

Phu nhân ngắt lời ông bằng bàn tay nhỏ che ngang miệng chồng.

“Dừng, Rudolph. Để em nói. Chối cãi điều ông ta nói cũng chẳng ích gì đâu. Tốt hơn cả là chúng ta hãy ngồi xuống và nói rõ

mọi sự.”

Giọng cô đã thay đổi. Nó vẫn giàu âm điệu phương nam, nhưng đột nhiên đã trở nên rõ ràng và lưu loát hơn. Lần đầu tiên nó trở thành một giọng Mỹ chính cống.

Bá tước lặng thinh. Ông tuân theo động tác bàn tay của người vợ và cả hai cùng ngồi xuống đối diện Poirot.

“Thưa ông, lời của ông là hoàn toàn đúng,” Bá tước Phu nhân nói. “Tôi là Helena Goldenberg, em gái của bà Armstrong.”

“Bà đã không nói với tôi điều này sáng nay, thưa *Madame la*

Comtesse.”

“Đúng vậy.”

“Trên thực tế, tất cả những gì bà và chồng bà nói với tôi là một chuỗi những lời dối trá.”

“Ông kia!” Bá tước giận dữ quát lên.

“Đừng nóng, anh Rudolph, ông Poirot chỉ nói ra sự thật một cách quá thẳng thừng thôi mà, nhưng những gì ông ta nói là không thể chối cãi.”

“Tôi mừng là bà đã thừa nhận sự thật một cách thẳng thắn, thưa bà. Giờ xin bà vui lòng cho tôi biết vì sao bà phải làm vậy và tại sao bà lại sửa tên thánh của mình trên hộ chiếu.”

“Đó hoàn toàn là do tôi làm,” Bá tước nói xen vào.

Helena nhẹ nhàng nói:

“Ông Poirot, dĩ nhiên là ông biết lý do của tôi... của chúng tôi.

Lão già bị giết chính là kẻ đã giết cháu gái bé bỏng của tôi, giết chị tôi, làm tan nát trái tim anh rể tôi. Đó là những người tôi yêu

thương nhất, những người cấu thành gia đình của tôi... thế giới của tôi!”

Giọng cô tràn đầy xúc cảm. Cô đúng là con của Linda Arden, người đã làm đổ lệ hàng bao khán giả bằng chất giọng truyền cảm của mình.

Cô tiếp tục nói, chất giọng thậm chí còn êm dịu hơn.

“Trong số những người trên tàu, chỉ mình tôi là có động cơ lớn nhất để giết lão ấy.”

“Và bà có giết ông ta không, thưa bà?”

“Ông Bouc, tôi xin thề với ông. Chồng tôi cũng biết và cũng sẽ

thề với ông rằng dù tôi rất muốn làm điều đó, tôi vẫn chưa bao giờ động tay tới lão già ấy.”

“Cả tôi cũng vậy,” Bá tước tiếp lời. “Tôi xin lấy danh dự thề với ông rằng đêm qua Helena không hề rời khỏi khoang. Cô ấy uống thuốc ngủ đúng y như tôi đã trình bày. Cô ấy tuyệt đối và hoàn toàn vô tội.”

Poirot nhìn hết chồng rồi vợ.

“Tôi thề danh dự đấy,” Bá tước lặp lại.

Poirot khẽ lắc đầu.

“Dù vậy ông vẫn sửa lại tên trên hộ chiếu?”

“Ông Poirot,” Bá tước thống thiết nói. “Hãy nghĩ cho hoàn cảnh của chúng tôi. Tôi làm sao chịu nổi nếu vợ tôi bị dấy vào một vụ

án hình sự ghê rợn như vậy. Cô ấy vô tội, tôi biết điều đó. Và cô ấy đã không nói dối. Do quan hệ của cô ấy với gia đình Armstrong, cô ấy sẽ lập tức bị nghi ngờ. Cô ấy sẽ bị chất vấn, có

lẽ sẽ bị bắt giữ nữa. Sự trớ trêu đã đưa chúng tôi lên cùng chuyến tàu với lão Ratchett đó cho nên tôi cảm thấy chắc chắn sẽ là như

vậy, nhưng có điều là... Thưa ông, tôi thừa nhận là đã nói dối ông... vâng, nói dối tất cả mọi chuyện, nhưng chỉ trừ chuyện này ra: vợ tôi không hề rời khỏi khoang đêm qua.”

Sự thống thiết của ông khiến người ta khó mà bài bác.

“Tôi đâu nói là không tin ông, thưa Bá tước,” Poirot từ tốn nói.

“Tôi biết dòng họ ông là một dòng họ kiêu hãnh và lâu đời. Thật nghiệt ngã cho ông nếu như phu nhân bị dấy đưa vào một vụ án hình sự chẳng lấy gì làm hay ho. Nhưng nếu vậy thì ông giải thích như thế nào đây về chiếc khăn tay của phu nhân trong khoang của Ratchett?”

“Chiếc khăn tay đó không phải là của tôi, thưa ông,” Bá tước Phu nhân trả lời.

“Mặc dù nó có thêu vần H?”

“Mặc dù là vậy. Khăn tay của tôi cũng tương tự như thế, nhưng mẫu thêu không giống lắm. Dĩ nhiên, tôi không mong là ông sẽ tin tôi, nhưng tôi cam đoan với ông đó là sự thật. Khăn tay đó không phải là của tôi.”

“Phải chăng ai đó đã bỏ nó vào đây để chuốc họa cho bà?”

Bá tước Phu nhân hơi mỉm cười.

“Ông đang cảm dỗ tôi xác nhận điều đó. Nhưng nói gì thì nói, ông Poirot ạ, nó thực sự không phải là của tôi.”

Cô nói bằng tất cả nỗi bức xúc.

“Vậy nếu nó không phải là của bà thì cứ sao bà phải sửa lại tên trong hộ chiếu?”

Bá tước là người trả lời câu hỏi này.

“Vì chúng tôi nghe nói có một chiếc khăn tay được tìm ra, trên đó có thêu vần H. Chúng tôi bàn chuyện này với nhau trước khi bước vào cuộc phỏng vấn. Tôi thuyết phục Helena rằng nếu người ta biết tên thánh của cô ấy bắt đầu bằng vần H thì lập tức cô ấy sẽ bị chất vấn ngặt nghèo hơn nhiều. Và lại việc sửa từ

Helena thành Elena không có gì là khó.”

“Thưa Bá tước, ông có phẩm chất của một tội phạm thiện nghệ,” Poirot lạnh lùng nhận xét. “Một sự khéo léo bẩm sinh và một quyết tâm không chút áy náy trong việc dối lừa công lý.”

“Ồ, không, không,” cô gái nhào người tới trước. “Ông Poirot, anh ấy chỉ giải thích sự việc cho ông thôi mà.” Cô chuyển từ

tiếng Pháp sang tiếng Anh. “Tôi đã rất sợ... sợ kinh khủng, ông cũng hiểu mà. Lần này thật là khủng khiếp, cùng với đó là những ký ức cũ bị đào xới trở lại. Và khả năng bị tình nghi, có thể bị bỏ tù nữa. Tôi sợ cứng cả người, ông Poirot ạ. Ông có hiểu tôi không?”

Giọng của cô thật dễ thương, sâu lắng, giàu âm điệu, khẩn khoản, giọng nói của con gái nữ diễn viên Linda Arden.

Poirot trang trọng nhìn cô.

“Thưa bà, tôi đang tin bà và tôi cũng chưa hề nói là sẽ không tin... Nhưng nếu vậy thì liệu bà có giúp tôi không?”

“Giúp ông?”

“Phải. Lý do của án mạng nằm ở quá khứ, ở tấn thảm kịch đã

khiến gia đình bà tan nát và cuộc đời bà sầu muộn. Hãy đưa tôi trở về quá khứ để tôi tìm ở đó những mối liên hệ có thể giải thích toàn bộ sự việc.”

“Tôi có thể nói gì với ông đây? Họ đã chết cả rồi.” Bá tước phu nhân đau đớn lặp lại. “Chết cả... chết cả rồi... Robert, Sonia... chị

thân yêu... Daisy bé cưng. Nó xinh xắn biết bao, hạnh phúc biết bao... nó có mái tóc xoăn thật đáng yêu. Cả nhà ai cũng si mê nó.”

“Còn một nạn nhân khác nữa, thưa bà. Có thể nói đó là một nạn nhân gián tiếp.”

“Chị Susanne tội nghiệp ư? Vâng, tôi quên mất chị ấy. Cảnh sát đã chất vấn chị ấy. Họ tin rằng chị ấy có dính líu đến vụ này.

Có thể đúng là vậy, nhưng dù thế đi nữa thì chị ấy vẫn vô tội. Tôi tin rằng chị ấy đã trò chuyện vu vơ với ai đó, để lộ thông tin về

thời gian bé Daisy đi ra ngoài. Susanne đáng thương đã bị cắn rứt khủng khiếp. Chị ấy nghĩ mình có trách nhiệm trong chuyện này.” Cô nhún vai. “Chị ấy đã nhảy cửa sổ tự vẫn. Ôi, thật là khủng khiếp.”

Cô lấy tay bưng mặt.

“Cô ấy mang quốc tịch gì, thưa bà?”

“Chị ấy là người Pháp.”

“Họ của cô ấy là gì?”

“Thật là phi lý, nhưng tôi không nhớ. Cả nhà đều gọi chị ấy là Susanne. Một cô gái xinh đẹp luôn tươi cười. Chị ấy hết lòng yêu mến bé Daisy.”

“Cô ấy là vú em, đúng không ạ?”

“Vâng.”

“Thế ai là y tá?”

“Chị này tên là Stengelberg. Chị ấy là y tá chuyên nghiệp. Cả chị ấy cũng hết lòng với Daisy và chị tôi.”

“Bây giờ, thưa bà, tôi muốn bà suy nghĩ thật kỹ trước khi trả

lời câu hỏi này. Từ khi lên tàu này, bà có nhận ra ai mà bà quen không?”

Bá tước Phu nhân nhìn ông.

“Tôi ấy à? Không, không ai cả.”

“Thế Công chúa Dragomiroff thì sao?”

“Ồ, bà ấy à? Tôi có biết bà ấy, dĩ nhiên rồi. Tôi cứ tưởng ông nói ai... ai đó kể từ lúc ấy.”

“Tôi cũng hỏi như vậy mà, thưa bà. Bây giờ xin hãy suy nghĩ

kỹ. Đã mấy năm trôi qua, hãy nhớ lại, người đó có thể đã thay hình đổi dạng.”

Helena cân nhắc hồi lâu. Rồi cô nói:

“Không. Tôi chắc chắn là không ai cả.”

“Bản thân cô hồi đó cũng còn bé. Có ai giám sát việc học hành của cô hay chăm sóc cho cô không?”

“Ồ, có chứ, tôi có một người trông nom - vừa là gia sư cho tôi vừa là thư ký cho mẹ Sonia. Cô ấy là người Anh hay có thể là người Scotland. Cô ấy cao lớn, tóc đỏ.”

“Tên cô ấy là gì?”

“Cô Freebody.”

“Trẻ hay già?”

“Với tôi thì cô ấy có vẻ già kinh khủng. Tôi nghĩ cô ấy không quá bốn mươi. Dĩ nhiên, Susanne lo chuyện ăn mặc của tôi và cũng là người hầu của tôi.”

“Ngoài gia đình ra, trong nhà bà còn có ai khác nữa không?”

“Chỉ có các gia nhân.”

“Và bà khẳng định chắc chắn, rất chắc chắn, rằng bà không nhận ra ai trên tàu này?”

Bá tước Phu nhân nghiêm nghị trả lời:

“Không ai cả, thưa ông. Không ai cả.”



CHƯƠNG 5

Tên thánh của Công chúa Dragomiroff

Khi Bá tước và Phu nhân của ông đi khỏi. Poirot nhìn sang hai người kia.

“Các ông thấy đấy,” ông nói, “chúng ta đã có tiến triển.”

“Tuyệt hảo,” Bouc thân mật nói. “Tôi thì tôi trong mơ cũng chẳng dám nghi ngờ Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi. Thú thật, tôi cứ tưởng họ là [hors de combat](#). Tôi nghĩ cô ấy chắc chắn đã gây tội ác. Thật là đáng buồn. Tuy vậy cô ấy sẽ không bị xử tử

đâu. Có những tình huống giảm nhẹ. Vài năm tù tội, chỉ thế là cùng.”

“Ông thực sự tin chắc là cô ấy phạm tội?”

“Bạn thân mến, chuyện đó còn chạy đi đâu được nữa? Tôi nghĩ cái cách ông trấn an chẳng qua chỉ để làm dịu tình hình cho đến khi chúng ta thoát ra khỏi đồng tuyết và cảnh sát đến tiếp quản.”

“Ông không tin vào lời cam đoan của Bá tước, vào lời thề danh dự của ông ta, rằng vợ ông ta vô tội?”

“*Mon cher*, dĩ nhiên rồi. Ông ta còn nói được gì khác hơn? Ông ta thương vợ và muốn cứu cô ấy! Ông ta nói dối rất tài tình, với cung cách của một bậc vương giả, nhưng ông ấy biết làm gì khác hơn là nói dối?”

“Thôi được, ông biết đấy, tôi có một ý tưởng ngược đời rằng ông ta có thể đã nói thật.”

“Không, không. Chiếc khăn tay, ông nhớ ra chưa? Chiếc khăn tay là đầu mối của tất cả.”

“Ồ, tôi cũng không chắc lắm về chiếc khăn tay. Chắc ông còn nhớ tôi luôn nói với ông rằng có hai người có khả năng sở hữu nó.”

“Nhưng...”

Bouc khựng lại. Cánh cửa cuối toa đột ngột mở, Công chúa Dragomiroff bước vào toa ăn uống. Bà tiến thẳng về phía họ. Cả

ba người đàn ông đều đứng cả dậy.

Bà nói với Poirot, phớt lờ hai người kia.

“Thưa ông, tôi tin rằng ông đang giữ chiếc khăn tay của tôi,”

bà nói.

Poirot ném một cái nhìn đặc thẳng về phía hai người bạn.

“Có phải nó đây không, thưa bà?”

Ông chìa ra tấm vải nhỏ vuông vắn.

“Đúng là nó. Nó có thêu vằn đầu tên của tôi ở góc.”

“Nhưng, thưa Công chúa, đó là chữ H cơ mà,” Bouc thắc mắc.

“Tôi xin lỗi, tên thánh của bà chẳng phải là Natalia sao?”

Công chúa lạnh lùng nhìn ông.

“Đúng vậy, thưa ông. Khăn tay của tôi luôn được đánh dấu bằng ký tự Nga. Chữ N trong tiếng Nga được ghi là H.”

Bouc có phần hơi sững sờ. Có gì đó ở bà già cứng cỏi này luôn khiến ông lúng túng, không thoải mái.

“Bà không nói cho chúng tôi biết chiếc khăn này là của bà trong cuộc phỏng vấn sáng nay.”

“Các ông đâu có hỏi tôi,” bà Công chúa lạnh nhạt đáp lại.

“Xin mời bà ngồi, thưa bà,” Poirot nói.

Bà thở dài. “Có lẽ cũng nên thế.”

Bà ngồi xuống.

“Các ông không cần phải dài dòng. Câu hỏi kế tiếp của các ông sẽ là: bằng cách nào chiếc khăn tay của tôi lại nằm bên xác của người chết? Câu trả lời của tôi là tôi không biết gì cả.”

“Bà không biết gì cả.”

“Không biết bất cứ điều gì.”

“Xin bà thứ lỗi cho, nhưng liệu chúng tôi có thể tin được lời của bà không?”

Poirot nói những lời này rất nhẹ nhàng. Công chúa Dragomiroff khinh khỉnh trả lời.

“Chắc ông ngụ ý việc tôi không cho ông biết Helena Andrenyi chính là em gái bà Armstrong?”

“Sự thực là bà đã cố tình nói dối chúng tôi về vấn đề này.”

“Dĩ nhiên. Có hỏi lại thì tôi cũng sẽ nói thế. Mẹ cô ấy là bạn tôi. Thừa các ông, tôi tin vào sự trung tín với bạn bè, với gia đình và giai cấp của mình.”

“Bà không tin vào việc dốc sức cho những mục tiêu của công lý?”

“Trong trường hợp này tôi cho rằng công lý - công lý tuyệt đối

- đã được thực thi.”

Poirot nhào người tới.

“Bà biết những khó khăn của tôi, thưa bà. Ngay cả trong chuyện khăn tay này, liệu tôi có tin bà được không? Hay là bà đang bao che cho con gái của bạn bà?”

“Ồ! Tôi hiểu ý ông mà.” Từ khuôn mặt nhăn nhúm của bà toát ra một nụ cười độc địa. “Thôi được, thưa các ông, tuyên bố của tôi có thể dễ dàng chứng minh. Tôi sẽ cung cấp cho các ông địa chỉ tại Paris, nơi người ta may khăn tay cho tôi. Các ông chỉ việc cho họ xem chiếc khăn này và họ sẽ cho các ông biết nó đã được may theo sự đặt hàng của tôi cách đây hơn một năm. Chiếc khăn đó là của tôi, thưa các ông.”

Bà đứng dậy.

“Các ông còn gì muốn hỏi tôi nữa không?”

“Người hầu của bà, thưa bà, liệu bà ta có nhận ra chiếc khăn tay này khi xem nó sáng nay?”

“Cô ấy chắc phải biết. Cô ấy thấy nhưng không nói gì ư? A, thế thì tốt, điều đó cho thấy cô ấy cũng rất trung thành.”

Khẽ gật đầu chào, bà bước ra khỏi toa ăn uống.

“Ra là thế,” Poirot thì thầm. “Tôi đã nhận ra thoáng lường lự

khi tôi hỏi bà người hầu về chủ nhân của chiếc khăn tay. Bà ấy đã phân vân có nên khai ra đó là khăn của chủ mình hay không.

Nhưng làm sao để việc này khớp với ý tưởng trọng tâm của tôi đây? Phải rồi, có thể lắm chứ.”

“A!” Bouc thốt lên cùng một động tác quen thuộc. “Quả là một bà mệnh phụ già ghê gớm!”

“Liệu bà ta có thể giết Ratchett?” Poirot hỏi ông bác sĩ.

Ông này lắc đầu.

“Những nhát dao đó... ý tôi nói những nhát cực mạnh, đến mức lủng cả cơ... tuyệt đối không thể nào được đâm bởi một người có thể lực lẻo phèo như bà ấy.”

“Còn những nhát đâm sượt?”

“Đâm sượt thì được.”

“Tôi đang nghĩ đến một chi tiết sáng nay, khi tôi nói với bà ấy rằng sức mạnh của bà ấy nằm ở ý chí chứ không phải đôi tay,”

Poirot tiết lộ. “Thực chất lời nhận xét đó là một cái bẫy. Tôi muốn coi xem bà ấy sẽ nhìn xuống cánh tay phải hay tay trái. Cả hai đều không phải. Bà ấy nhìn xuống cả hai tay. Nhưng bà ấy đã có một câu trả lời rất lạ. Bà ấy nói. ‘Tôi không còn sức lực ở đây. Tôi không biết mình nên tiếc hay nên mừng.’ Quả là một nhận xét kỳ lạ. Nó xác nhận những gì tôi tin trong vụ án này.”

“Nó không giải quyết được chi tiết về kẻ thuận tay trái.”

“Đúng vậy. Nhân tiện, các ông có nhận ra rằng Bá tước Andrenyi giữ khăn tay trong túi áo ngực bên phải?”

Bouc lắc đầu. Đầu óc ông vẫn đang quanh quẩn với những tiết lộ chấn động trong nửa giờ qua. Ông thì thầm nói:

“Dối trá - lại dối trá. Tôi thấy ngạc nhiên về số lời nói dối mà chúng ta đã nghe được sáng nay.”

“Vẫn còn những lời nói dối khác để khám phá đấy,” Poirot vui vẻ nói.

“Ông nghĩ vậy sao?”

“Tôi sẽ rất thất vọng nếu không phải vậy.”

“Trò hai mặt này thật là kinh khủng,” Bouc nói. “Nhưng hình như nó làm cho ông thích thú thì phải,” ông nói thêm, giọng đầy trách móc.

“Nó có chỗ thuận lợi,” Poirot nói. “Nếu ta lật tẩy ai đó nói không đúng sự thật thì họ thường phải thú nhận và tạo ra những bất ngờ lớn. Ta chỉ cần đoán *đúng* là có được hiệu quả

này.

“Đó là cách duy nhất để điều tra vụ này. Tôi lần lượt chọn ra từng hành khách và tự nhủ: ‘Nếu điều này điều nọ là gian dối thì cụ thể là nó dối chỗ nào và vì lý do gì người ta lại nói dối?’ Rồi tôi tự trả lời rằng nếu như họ nói dối, các ông nhớ cho là nếu thôi nhé, thì chỉ có thể vì lý do này hay ở điểm kia. Ta đã từng làm điều đó rất thành công với Bá tước Phu nhân Andrenyi. Giờ đây ta phải thử nghiệm phương pháp này lên nhiều hành khách khác nữa.”

“Ông bạn ạ, còn nếu như phán đoán của ông là sai thì sao?”

“Thế thì có một người nào đó sẽ được loại khỏi vòng nghi vấn, trong bất cứ trường hợp nào.”

“À! Phương pháp loại trừ hả?”

“Chính xác.”

“Và chúng ta sẽ xem xét ai kế tiếp đây?”

“Chúng ta sẽ xem xét ông *pukka sahib* Đại tá Arbuthnot.”



CHƯƠNG 6

Cuộc phỏng vấn lần thứ hai với Đại tá Arbuthnot Đại tá Arbuthnot bức bối thấy rõ khi bị triệu tập đến toa ăn uống cho cuộc phỏng vấn lần thứ hai. Mặt ông hầm hầm khi ông ngồi xuống. Ông cất tiếng:

“Gì nữa đây?”

“Tôi hết sức xin lỗi đã làm phiền ông lần nữa,” Poirot ôn tồn.

“Nhưng vẫn còn một số thông tin mà tôi nghĩ ông có thể cung cấp cho chúng tôi.”

“Thật sao? Tôi thấy khó tin quá.”

“Để bắt đầu, ông có thấy que thông tẩu này chứ?”

“Có.”

“Của ông phải không?”

“Không biết, tôi không đóng dấu riêng lên chúng, ông cũng thấy mà.”

“Đại tá Arbuthnot, ông có biết ông là hành khách duy nhất dùng bữa trên tuyến Stamboul-Calais?”

“Thế thì có thể nó là của tôi.”

“Ông có biết nó được tìm thấy ở đâu không?”

“Làm sao mà tôi biết được.”

“Nó được tìm thấy cạnh thi thể của người bị giết.”

Đại tá Arbuthnot nhướn mày.

“Đại tá Arbuthnot, xin ông làm ơn cho chúng tôi biết bằng cách nào nó có thể ở đó?”

“Nếu ông muốn hỏi tôi có đánh rơi nó ở đó không thì câu trả lời là không, tôi không đánh rơi.”

“Có lúc nào ông vào khoang của ông Ratchett không?”

“Thậm chí nói chuyện với ông ta tôi cũng chưa từng.”

“Ông chưa từng nói chuyện với ông ta và không giết ông ta?”

Chân mày ông Đại tá lại nhướn lên, đầy nhạo báng.

“Nếu là tôi giết thì dễ gì tôi nói lộ cho các ông biết. Nhưng sự thật là tôi không giết lão đó.”

“A, tốt lắm,” Poirot lẩm bẩm. “Không thành vấn đề.”

“Xin lỗi ông nói gì?”

“Tôi nói là không thành vấn đề.”

“Ồ!” Arbuthnot có vẻ sửng sốt. Ông lúng túng nhìn Poirot.

“Vì ông thấy đấy,” người đàn ông nhỏ bé nói tiếp, “que thông tàu không có gì là quan trọng. Tôi có thể nghĩ ra hàng chục cách giải thích tuyệt vời cho sự hiện diện của nó.”

Arbuthnot nhìn ông.

“Tôi muốn gặp ông vì một chuyện hoàn toàn khác,” Poirot tiếp tục. “Chắc cô Debenham đã kể ông nghe về chuyện tôi có nghe

lỏm được vài câu cô ấy nói với ông ở trạm Konya?”

Arbuthnot không trả lời.

“Cô ấy nói: ‘ *Không phải lúc này. Khi nào xong đã. Khi nào mọi chuyện qua đi.* ’ Ông có biết những lời này là ý gì không?”

“Tôi rất tiếc, ông Poirot, nhưng tôi xin từ chối trả lời câu hỏi này?”

“*Pourquoi?* ”

Ông Đại tá cứng rắn nói:

“Tôi gợi ý ông nên hỏi cô Debenham về ý nghĩa của những lời này.”

“Tôi đã hỏi cô ấy.”

“Cô ấy từ chối trả lời chứ gì?”

“Phải.”

“Thế thì quá rõ rồi, chắc ông cũng thấy thế, đừng hòng cậy miệng tôi.”

“Ông không muốn tiết lộ bí mật của một cô gái?”

“Nói như thế cũng được, tùy ông.”

“Cô Debenham nói rằng những lời này liên quan đến một vụ việc riêng tư.”

“Vậy hà cớ gì ông không tin cô ấy?”

“Vì, thưa Đại tá Arbuthnot, cô Debenham là người có thể gọi là nhân vật rất khả nghi.”

“Vớ vẩn,” ông Đại tá bức xúc nói.

“Không vớ vẩn đâu.”

“Ông chẳng có bằng cớ gì chống lại cô ấy cả.”

“Còn việc cô Debenham chính là người đồng bảo mẫu trong gia đình Armstrong vào thời điểm diễn ra vụ bắt cóc bé Daisy Armstrong thì sao?”

Một phút câm lặng diễn ra.

Poirot hiền hòa gật đầu.

“Ông thấy đấy,” ông nói, “chúng tôi biết nhiều hơn ông tưởng.

Nếu cô Debenham vô tội, cớ sao cô ấy giấu giếm điều đó? Cớ sao cô ấy bảo với tôi là cô ấy chưa từng ở Mỹ?”

Ông Đại tá đăng hăng.

“Lỡ ông lầm thì sao?”

“Tôi không lầm. Tại sao cô Debenham nói dối tôi?”

Đại tá Arbuthnot nhún vai.

“Ông hỏi cô ấy đi. Tôi vẫn cho là ông lầm.”

Poirot cất giọng gọi. Một trong những nhân viên phục vụ xuất hiện từ cánh cửa phía xa của toa ăn uống.

“Tìm giùm tôi cô người Anh ở khoang số 11, bảo cô ấy vui lòng đến đây.”

“*Bien, Monsieur.*”

Người nhân viên đi khỏi. Bốn người ngồi lặng thinh. Khuôn mặt của Đại tá Arbuthnot trông như khắc từ gỗ, nó đanh lại và đứng đưng.

Người nhân viên trở về.

“Cảm ơn anh.”

Vài phút sau, Mary Debenham bước vào toa ăn uống.



CHƯƠNG 7

Danh tính thực của Mary Debenham

Cô không đội nón. Đầu cô hất ra sau như thách thức. Cô lấy tay gạt mái tóc ra sau. Đường cong trên cánh mũi cô gợi nhớ đến hình chạm trên mũi của con tàu đang quả cảm lao nhanh ra biển dữ. Vào thời khắc đó, trông cô thật là đẹp.

Mắt cô dừng lại ở Arbuthnot trong giây lát, chỉ trong giây lát.

Cô nói với Poirot:

“Ông muốn gặp tôi?”

“Thưa cô, tôi muốn hỏi cô tại sao cô nói dối chúng tôi sáng nay?”

“Nói dối các ông? Tôi không hiểu ý ông.”

“Cô giấu chuyện cô sống với gia đình Armstrong vào thời điểm diễn ra tấn thảm kịch. Cô nói cô chưa từng ở Mỹ.”

Ông thấy cô nao núng trong khoảnh khắc, nhưng định thần rất nhanh.

“Vâng,” cô nói. “Đúng vậy.”

“Không, thưa cô, điều đó là sai.”

“Ông hiểu lầm ý tôi rồi. Tôi muốn nói quả thật là tôi đã nói dối.”

“À, ra cô đã thừa nhận?”

Môi cô cong lại thành nụ cười.

“Dĩ nhiên. Vì ông đã phát giác ra tôi.”

“Ít ra cô cũng là người thẳng thắn.”

“Với tôi thì điều đó không thể nào khác hơn được.”

“Được lắm, dĩ nhiên, quả là như vậy. Và bây giờ, tôi có thể hỏi lý do sự lảng tránh đó được chưa?”

“Tôi tưởng lý do đã quá hiển hiện rồi chứ, ông Poirot?”

“Không hiển hiện với tôi đâu, thưa cô.”

Cô nói bằng một giọng điềm tĩnh, đều đặn, pha lẫn với đôi chút khó nhọc:

“Tôi phải lo cho sinh kế của mình.”

“Ý cô là...?”

Cô nhấc mắt lên, nhìn thẳng vào mặt ông.

“Ông Poirot, ông hiểu đến chừng nào việc người ta phải đấu tranh để giành giật và giữ lấy một công việc đang hoàng? Ông có hiểu cho rằng một cô gái bị bắt giữ vì dính líu đến một vụ án mạng, tên tuổi và thậm chí đến cả ảnh cũng bị bêu riếu trên báo chí nước Anh... Ông nghĩ xem liệu có người phụ nữ Anh tốt bụng nào thuộc tầng lớp trung lưu lại dám thuê cô gái ấy làm gia sư

cho các con gái của mình?”

“Tại sao không, nếu như cô không bị buộc tội gì.”

“Ồ, buộc tội ư? Vấn đề không phải là buộc tội mà là thanh

danh! Ông Poirot ạ, đến nay tôi vẫn thành công trong cuộc sống.

Tôi được trả lương hậu, có việc làm dễ chịu. Tôi sẽ không rước lấy rủi ro mất việc làm mà tôi đã có được khi để xảy ra một kết cục không hay.”

“Thưa cô, tôi xin mạo muội nhắc cô rằng tôi mới là người phán xét điều đó tốt nhất chứ không phải cô.”

Cô nhún vai.

“Ví dụ như cô có thể giúp tôi về vấn đề lai lịch.”

“Ý ông là sao?”

“Thưa cô, có thể nào cô không nhận ra Bá tước Phu nhân Andrenyi chính là người mà cô đã từng dạy dỗ ở New York và là em gái của bà Armstrong?”

“Bá tước Phu nhân Andrenyi? Không.” Cô lắc đầu. “Với ông có thể là bất thường, nhưng tôi quả không nhận ra cô ấy. Ông biết đấy, lúc tôi biết cô ấy thì cô ấy còn bé. Đã hơn ba năm rồi. Quả

thật bà Bá tước Phu nhân trông có vẻ quen quen, khiến tôi hơi lúng túng. Nhưng cô ấy trông hết như người nước ngoài nên tôi chẳng hề liên tưởng đến cô bé học sinh người Mỹ. Thực tình tôi chỉ lơ đãng ngó qua cô ấy lúc ở toa ăn uống. Tôi chú ý đến trang phục cô ấy nhiều hơn là khuôn mặt...” cô khẽ cười, “phụ nữ là vậy đó! Và rồi... tôi lo việc của mình.”

“Cô sẽ không tiết lộ bí mật của cô cho tôi chứ, thưa cô?”

Giọng Poirot rất hiền hòa và thuyết phục.

Cô gái hạ giọng nói:

“Tôi không thể... Tôi không thể nào...”

Bất chợt, không một dấu hiệu báo trước, cô bật khóc. Che khuôn mặt bằng đôi tay duỗi thẳng, cô khóc như thể trái tim cô sắp vỡ.

Đại tá bật dậy, lóng ngóng đứng bên cô.

“Tôi... coi kìa...”

Ông khựng lại, quay ngoắt sang Poirot, sừng sộ nói:

“Tôi sẽ đập nát từng khúc xương trong cái thân thể chết tiệt của ông, đồ trăng tráo bẩn thỉu,” ông thốt lên.

“Này, ông,” Bouc phản đối.

Arbuthnot quay sang cô gái. “Mary... Vì Chúa...”

Cô bật dậy.

“Không có gì đâu. Em ổn mà. Ông cần gì ở tôi nữa không, ông Poirot? Nếu có, ông phải tự đến tìm tôi thôi. Ôi, tôi đã biến mình thành một con ngốc... đúng là một con ngốc.”

Cô lao vọt ra khỏi toa. Trước khi lao theo cô, Arbuthnot lại quay sang Poirot.

“Cô Debenham không dính dáng gì đến chuyện này... không dính dáng tí gì cả, ông nghe chưa? Ông mà còn quấy rầy làm cô ấy lo lắng thì biết tay tôi đây.”

Ông sai chân bước ra.

“Tôi thích thấy một người Anh giận dữ,” Poirot nói. “Họ trông rất buồn cười. Càng xúc động bao nhiêu thì họ càng kém tự chủ

về ngôn ngữ bấy nhiêu.”

Nhưng Bouc chẳng hề quan tâm đến phản ứng xúc cảm của người Anh. Ông ta đang bị choáng ngợp bởi sự ngưỡng mộ đối

với bạn mình.

“*Mon cher, vous êtes épatant,*” ông reo lên. “Thêm một phỏng đoán thần diệu nữa. *C’est formidable.*”

“Thật không thể tin nổi ông lại nghĩ ra được những chuyện như vậy,” bác sĩ Constantine khâm phục nói.

“Ồ, tôi có gì đáng khen đâu. Đó không phải là phỏng đoán.

Thật ra là Bá tước Phu nhân đã nói với tôi.”

“*Comment?* Không phải vậy chứ?”

“Các ông còn nhớ tôi hỏi cô ấy về người gia sư hay người trông nom cô ấy? Trong đầu tôi lúc đó đã nghĩ rằng *nếu* Mary Debenham có dính líu đến vụ này thì cô ta hẳn phải có mặt trong gia đình đó ở vai trò na ná như thế.”

“Phải, nhưng Bá tước Phu nhân Andrenyi đã mô tả người này hoàn toàn khác.”

“Chính xác. Một phụ nữ cao lớn, trung niên, tóc đỏ. Thật ra, đó là sự đối nghịch hoàn toàn với mọi dáng vẻ bên ngoài của cô Debenham, nó trái ngược đến mức trở nên đáng chú ý. Nhưng sau đó cô ta phải chế ra một cái tên thật nhanh, và ở đây sự

chấp nối các ý tưởng một cách vô thức đã phản lại cô ta. Cô ta nói đó là cô Freebody, các ông còn nhớ chứ?”

“Vâng, rồi sao?”

“*Eh bien*, có thể các ông không biết nhưng ở London có một cửa hàng gần đây vẫn mang tên là Debenham & Freebody. Với cái tên Debenham ở trong đầu, Bá tước Phu nhân phải nghĩ

nhanh ra một cái tên khác, và cái tên đầu tiên đến với cô ấy là

Freebody. Dĩ nhiên, tôi hiểu ngay lập tức.”

“Rằng đó là một lời nói dối nữa. Tại sao cô ấy lại làm vậy?”

“Có thể lại là do sự trung tín. Nó làm cho mọi thứ khó khăn hơn đôi chút.”

“*Ma foi,*” Bouc giận dữ nói. “Chẳng lẽ tất cả mọi người trên tàu này đều nói dối?”

“Đó là điều chúng ta sẽ còn phải phát hiện,” Poirot nói.



CHƯƠNG 8

Những phát hiện bất ngờ kế tiếp

“Không còn gì làm tôi ngạc nhiên nữa,” Bouc nói. “Không còn gì!

Thậm chí nếu tất cả mọi người trên tàu đều từ gia đình Armstrong chui ra, tôi cũng không bất ngờ.”

“Đó là một nhận định rất sâu sắc,” Poirot nói. “Ông có muốn xem đối tượng tình nghi ưa chuộng của ông, cái anh chàng người Ý đó, nói gì

không?”

“Ông định tung ra tiếp một trong những dự đoán bất hủ của ông nữa sao?”

“Chính xác.”

“Đây quả là một vụ án kỳ lạ nhất,” Constantine lắc đầu.

“Không đâu, nó bình thường nhất thì có.”

Bouc vung tay lên, vẻ tuyệt vọng rất kịch.

“Vụ này mà ông còn gọi là bình thường thì, *mon ami*...”

Ông không còn biết nói gì ra lời.

Trong khi đó, Poirot yêu cầu nhân viên toa ăn uống triệu tập Antonio Foscarelli.

Anh chàng người Ý đô con có ánh mắt lo âu khi bước vào. Anh lo lắng nhìn quanh quất hết như một con thú mắc bẫy.

“Ông muốn gì?” anh lên tiếng. “Tôi chẳng có gì để nói với ông cả... chẳng có gì, ông nghe chứ! *Per Dio*...” Anh đập tay lên bàn.

“Còn đây, ông còn một thứ phải nói với chúng tôi,” Poirot đánh thép nói. “Sự thật!”

“Sự thật ư?” Anh ném một cái nhìn bối rối lên Poirot. Tất cả sự quả quyết và thân mật đều bay biến.

“*Mais oui*. Có thể là tôi biết sự thật rồi. Nhưng sẽ là có lợi cho ông nếu như sự thật đó do tự ông nói ra.”

“Ông nói cứ y như cảnh sát Mỹ vậy. ‘Thật tình khai báo đi.’ họ

nói thế đấy... ‘hãy thật tình khai báo.’”

“A! hóa ra ông cũng có kinh nghiệm với cảnh sát New York nhỉ?”

“Không, không, chưa hề. Họ chẳng chứng minh được điều gì sai trái ở tôi cả mặc dù có cố cách mấy.”

Poirot ôn tồn nói:

“Đó là về vụ Armstrong, đúng không? Ông là người lái xe hả?”

Đôi mắt ông gặp đôi mắt anh chàng Ý. Một cơn giận phát ra từ anh chàng to lớn. Anh ta giống y như một trái bóng bị kim châm.

“Ông biết rồi thì hỏi tôi làm gì?”

“Tại sao sáng nay ông nói dối?”

“Vì lý do kinh doanh. Hơn nữa, tôi không tin cảnh sát Nam Tư.

Họ ghét người Ý. Họ sẽ không công bằng với tôi.”

“Biết đâu cách mà họ cư xử với ông là công bằng!”

“Không, không, tôi chẳng dính dấp gì đến vụ đêm qua cả. Tôi không hề rời khoang. Cái lão người Anh mặt dài đó có thể làm chứng. Tôi không giết cái con heo... cái ông Ratchett đó. Ông không thể chứng minh điều gì sai trái ở tôi cả.”

Poirot đang viết gì đó lên tờ giấy. Ông ngược lên, nhỏ nhẹ nói:

“Tốt lắm. Ông có thể đi được rồi.”

Foscarelli vẫn nấn ná, vẻ lúng túng.

“Ông biết đó không phải là tôi, tôi chẳng dính dấp gì đến vụ này, đúng không?”

“Tôi đã nói là ông có thể đi mà.”

“Đó là âm mưu mà. Ông định gài tôi sao? Tất cả vì cái con heo lẽ ra phải lên ghế điện đó sao? Thật là nhục nhã khi lão không bị

gì cả. Nếu là tôi thì... nếu tôi mà bị bắt...”

“Nhưng không phải là ông. Ông chẳng dính dấp gì đến vụ bắt cóc đứa bé.”

“Ông đang nói gì vậy? Sao lại thế, đứa bé ấy... nó là niềm vui của cả nhà. Tonio, nó gọi tôi như thế. Nó thích ngồi trên xe, giả

bộ như đang cầm lái. Cả gia đình đều tôn sùng nó! Ngay cả cảnh sát cũng hiểu điều đó. Ôi, bé Daisy xinh xắn.”

Giọng anh dịu lại. Mắt anh ngấn lệ. Rồi anh đột ngột xoay người, ù té lao ra ngoài.

“Pietro,” Poirot cất tiếng gọi.

Người phục vụ toa ăn uống chạy tới.

“Khoang số 10. Bà Thụy Điển.”

“*Bien, Monsieur.*”

“Nữa à?” Bouc thốt lên. “Ôi, không. Không thể như thế được.

Tôi nói là không thể mà.”

“*Mon cher*, chúng ta cần phải biết. Cho dù cuối cùng tất cả mọi người trên tàu đều có động cơ để giết Ratchett thì chúng ta cũng cần phải biết. Một khi

đã biết, chúng ta có thể giải quyết dứt điểm tội ác nằm ở đâu.”

“Đầu tôi quay cuồng hết cả lên rồi này,” Bouc rên rỉ.

Greta Ohlsson được người phục vụ ân cần dẫn vào trong. Bà đang khóc nức nở.

Bà đổ mình xuống chiếc ghế đối diện với Poirot, liên tục chậm nước mắt bằng chiếc khăn tay lớn.

“Xin bà đừng quá xúc động.” Poirot vỗ vỗ lên vai bà. “Chỉ vài lời sự thật thôi mà. Bà là y tá chăm lo cho bé Daisy Armstrong đúng không?”

“Đúng... đúng vậy,” người phụ nữ đau khổ thổn thức nói. “Ôi, nó là một thiên thần... Một thiên thần bé bỏng, thơ ngây... Nó chẳng biết gì ngoài sự hiền dịu và yêu thương... Thế rồi nó bị bắt đi bởi cái gã ác quỷ đó... Bị đối xử độc ác... Và người mẹ tội nghiệp của nó... Cả đứa bé chưa kịp ra đời kia nữa chứ... Ông không hiểu đâu... Ông không hiểu... Giá như ông ở đó như tôi...”

Giá như ông chứng kiến toàn bộ tấn thảm kịch đó... Lẽ ra tôi phải nói với ông toàn bộ sự thật sáng nay... Nhưng tôi lo... Tôi lo... Tôi vui mừng xiết bao khi cái gã ác ôn đó bị chết... khi gã không còn khả năng tra tấn và giết chết những đứa bé nữa... Ôi!

Tôi không nói được nữa... Tôi chẳng còn lời nào...”

Bà khóc còn thê thảm hơn nữa.

Poirot tiếp tục khe khẽ vỗ vai bà.

“Coi nào... Coi nào... Tôi hiểu mà... Tôi hiểu mọi thứ... Mọi thứ. Tôi nói bà thế này nhé. Tôi sẽ không hỏi bà thêm câu nào.

Bà thừa nhận điều tôi biết là sự thật là đủ rồi. Tôi cam đoan với bà là tôi hiểu mà.”

Với những tiếng không thành lời do nước nở, Greta Ohlsson đứng dậy, dò dẫm đi ra cửa. Ở đó, bà đụng phải một người đàn ông đang bước vào.

Đó là Masterman, ông người hầu.

Ông tiến thẳng về phía Poirot, nói bằng giọng nhỏ nhẹ và vô cảm thường lệ của mình.

“Hy vọng tôi đột nhập vào đây không làm phiền gì ông, thưa ông. Tôi nghĩ tốt hơn cả là nên tự đến và nói cho ông biết sự thật.

Tôi là người phục dịch cho Đại tá Armstrong trong chiến tranh, thưa ông, và sau đó tôi là người hầu của ông ấy tại New York. Tôi e rằng tôi đã giấu giếm chuyện này sáng nay. Tôi rất biết lỗi, thưa ông, và tôi nghĩ tôi nên đến và thú nhận chuyện đó. Nhưng, thưa ông, tôi hy vọng ông không nghi ngờ gì Tonio. Thưa ông, Tonio không hại đến một con ruồi. Tôi thề rằng anh ta không hề

rời khỏi khoang đêm qua. Cho nên, ông hiểu cho là anh ta không thể làm việc đó. Tonio có thể là người nước ngoài, thưa ông, nhưng anh ấy là một người rất hiền lành... chẳng giống như

những tên sát nhân xấu xa người Ý mà ta vẫn đọc trong sách.”

Ông dừng lại.

Poirot nhìn xoáy vào ông.

“Đó là tất cả những gì ông muốn nói?”

“Vâng, tất cả, thưa ông.”

Ông im lặng. Và vì Poirot không nói gì, ông khẽ nghiêng mình như xin lỗi và sau một thoáng ngập ngừng, ông rời toa ăn uống với cùng một cung cách âm thầm, khiêm tốn như khi ông bước vào.

“Chuyện này còn phi thực tế hơn hẳn mọi [roman policier](#) mà tôi từng đọc,” bác sĩ Constantine nhận xét.

“Tôi đồng ý,” Bouc nói. “Trong số mười hai hành khách trên toa đã có chín người được chứng minh liên đới đến vụ án Armstrong. Tôi hỏi ông, ta làm gì kế tiếp đây? Hay tôi phải hỏi là ai kế tiếp?”

“Tôi chưa thể trả lời các câu hỏi của ông được,” Poirot nói.

“Ông thám tử Mỹ Hardman của chúng ta đã đến kia rồi.”

“Cả ông ấy cũng đến để thú nhận ư?”

Trước khi Poirot kịp trả lời, ông người Mỹ đã đến bàn của họ.

Ông ta liếc nhìn họ cảnh giác rồi ngồi xuống, lè nhè nói:

“Chính xác chuyện gì đã xảy ra trên tàu vậy? Tôi thấy như rối loạn tâm thần hết cả lên.”

Poirot nháy mắt với ông ta.

“Ông Hardman, ông có chắc bản thân ông không phải là người làm vườn cho gia đình Armstrong chứ?”

“Làm gì có vườn nào,” Hardman trả lời.

“Hay người hầu?”

“Tôi chưa từng hình dung ra cái nơi đó. Không, tôi chả có liên

hệ gì với nhà Armstrong. Nhưng tôi bắt đầu tin rằng tôi là người duy nhất trên con tàu này không liên quan gia đình đó! Ông tin nổi không? Tin điều tôi nói ấy. Tin nổi không?”

“Chắc chắn đó là một bất ngờ nho nhỏ,” Poirot điềm điềm nói.

“*C'est rigolo.*” Bouc thốt lên.

“Ông có ý tưởng nào về án mạng này không, ông Hardman?”

“Không, thưa ông. Tôi bí lù. Tôi không biết cách chi giải mã nó. Họ không thể nào cùng dính vào. Nhưng ai là thủ phạm thì tôi chịu. Ông làm cách nào mà mò ra tất cả những tình tiết đó vậy, đó là điều tôi muốn biết.”

“Tôi chỉ phỏng đoán thôi.”

“Thế thì, tin tôi đi, ông là một tay đoán mò cừ khôi. Phải rồi, tôi sẽ nói với cả thế giới ông là tay đoán mò cừ khôi.”

Hardman ngả người ra sau, nhìn Poirot một cách khâm phục.

“Bỏ lỗi cho tôi nhé,” ông nói. “Nhưng nhìn ông thì chẳng ai biết điều đó. Tôi ngả nón bái phục ông đó. Tôi nể ông thật đấy.”

“Ông tử tế quá, ông Hardman.”

“Không có đâu. Tử tế là ông đó.”

“Dù sao bài toán vẫn chưa giải quyết xong,” Poirot nói. “Chúng ta đã nói được với nhà chức trách rằng ta biết ai giết ông Ratchett chưa?”

“Đừng có tính tôi vô,” Hardman nói. “Tôi sẽ chẳng nói năng gì cả. Tôi chỉ tràn ngập sự thán phục tự nhiên mà thôi. Còn hai người mà ông chưa kịp phỏng đoán thì sao? Bà già người Mỹ và cái bà người hầu ấy? Tôi nghĩ ta nên xem họ là những người duy

nhất vô tội trên tàu này.”

“Trừ phi ta ghép được họ vào bộ sưu tập nhỏ của mình,” Poirot mỉm cười, nói. “Chẳng hạn như quản gia hay đầu bếp nhà Armstrong chi đó.”

“Thôi được, giờ thì trên đời này chẳng còn gì làm tôi ngạc nhiên nữa,” Hardman nhún nhún nói. “Điên rồ - vụ này là thế

đấy - điên rồ!”

“A, *mon cher*, sự trùng hợp cũng không đến nỗi đi quá xa nhỉ,”

Bouc nói. “Không thể nào tất cả bọn họ đều bị dính.”

Poirot nhìn ông.

“Ông không hiểu,” ông nói. “Ông không hiểu gì cả. Nói tôi nghe xem, ông có biết ai giết Ratchett không?”

“Thế ông có biết không?” Bouc chống chế.

Poirot gật đầu.

“Ồ, có chứ,” ông trả lời. “Tôi biết đã được một lúc rồi. Nó rõ ràng đến mức tôi tự hỏi không biết cả ông cũng nhận ra nó không.” Ông quay sang Hardman, hỏi. “Còn ông thì sao?”

Viên thám tử lắc đầu. Ông nhìn Poirot, vẻ tò mò.

“Tôi không biết,” ông nói. “Tôi chả biết gì cả. Là ai trong số họ vậy?”

Poirot im lặng hồi lâu. Rồi ông nói:

“Ông Hardman, xin làm phiền ông triệu tập tất cả mọi người lại đây. Có hai lời giải đáp cho vụ án này. Tôi muốn phơi bày cả

hai ra trước tất cả mọi người.”



CHƯƠNG 9

Poirot đưa ra hai giải đáp

Các hành khách kéo đến chật kín toa ăn uống, ai nấy đều loay hoay tìm chỗ ngồi xung quanh những chiếc bàn. Tất cả đều ít nhiều mang bộ dạng giống nhau, một sự ngóng chờ xen lẫn với lo lắng. Bà Thụy Điển vẫn thút thít khóc và bà Hubbard đang dỗ

dành bà này.

“Em bình tĩnh lại đi, cô em thân mến. Mọi thứ sẽ ổn cả thôi mà. Em phải bình tĩnh lại mới được. Nếu một trong chúng ta là tên hung thủ xấu xa thì ai cũng biết đó không phải là em. Ai điên khùng mới nghĩ ra chuyện đó. Em cứ ngồi đây, chị ngồi ngay cạnh em, em không việc gì phải lo cả.”

Giọng bà vụt tắt khi Poirot đứng dậy.

Ông phụ trách toa lượn lơ ở thêm cửa.

“Ông có cho phép tôi đứng đây không ạ?”

“Dĩ nhiên rồi, Michel.”

Poirot lấy giọng.

“Thưa các ông, các bà, tôi xin nói bằng tiếng Anh vì tôi nghĩ

mọi người ở đây đều biết chút ít ngôn ngữ này. Chúng tôi ở đây để điều tra về cái chết của Samuel Edward Ratchett, bí danh là Cassetti. Có hai lời giải khả tín cho vụ án này. Tôi xin trình bày chúng ra trước tất cả quý vị, và tôi sẽ nhờ ông Bouc và bác sĩ

Constantine ở đây phán xét giùm xem lời giải nào là đúng.

“Giờ thì tất cả quý vị đều đã biết các sự kiện của vụ án. Sáng nay, ông Ratchett được phát hiện bị đâm chết. Ông được cho là còn sống ít nhất là đến 12g37 tối qua, khi ông nói chuyện với phụ

trách toa qua cửa khoang của ông. Một chiếc đồng hồ trong túi áo pyjama của ông đã được tìm thấy trong tình trạng móp méo và đứng ở 1g15. Bác sĩ Constantine, người đã khám nghiệm tử thi, cho rằng thời gian ông Ratchett chết là từ nửa đêm cho đến hai giờ sáng. Nửa tiếng sau lúc nửa đêm, như quý vị đều biết, tàu đã bị kẹt lại do bão tuyết. Sau thời gian này, *không ai có thể ra khỏi tàu.*

“Lời chứng của ông Hardman, vốn là thành viên của một văn phòng thám tử New York (nhiều cái đầu quay sang nhìn Hardman), cho thấy rằng không ai có thể đi qua khoang của ông (khoang số 16 ở sát cuối toa) mà ông ta

không trông thấy. Do đó chúng ta buộc phải kết luận rằng hung thủ là một trong những người đang ở trên toa này, tức toa Stamboul-Calais.

“Tôi xin nói rõ, đó đã *từng* là lập luận của chúng tôi.”

“*Comment?*” Bouc sừng sốt kêu lên.

“Nhưng tôi sẽ đặt ra trước quý vị một lập luận khác. Nó rất đơn giản. Ông Ratchett có một kẻ thù nào đó mà ông ta lo sợ.

Ông ta mô tả kẻ thù này cho ông Hardman và bảo ông này rằng

vụ tấn công nếu nó xảy ra thì nhiều khả năng sẽ vào đêm thứ

hai sau khi rời Stamboul.

“Bây giờ tôi xin thưa với quý vị rằng ông Ratchett biết nhiều điều hơn là ông ta nói ra. Kẻ thù mà ông Ratchett chờ đợi đã lên tàu *tại Belgrade, hay có thể tại Vincovci*, qua cánh cửa mà Đại tá Arbuthnot và ông MacQueen để ngỏ khi hai vị này xuống sân ga chốc lát. Hắn đã tìm được một bộ đồng phục của phụ trách toa mà hắn mặc ra ngoài bộ đồ thường. Hắn cũng lấy được chiếc chìa khóa vạn năng, giúp hắn vào được khoang của ông Ratchett cho dù cửa có bị khóa chặt nữa. Ông Ratchett lúc đó đã bị ngấm thuốc ngủ. Gã kia đã đâm ông ta một cách hung bạo và rời khỏi khoang qua cánh cửa thông sang khoang của bà Hubbard...”

“Đúng vậy,” bà Hubbard gật gù.

“Trong khi chui qua, hắn nhét con dao găm đã sử dụng vào chiếc túi đựng đồ vệ sinh của bà Hubbard nhưng hắn đã vô tình để rơi mất một chiếc cúc trên bộ đồng phục. Rồi hắn thoát khỏi khoang, ra ngoài hành lang. Hắn vội vàng nhét bộ đồng phục vào chiếc va-li bên trong một khoang không có người. Vài phút sau, trong bộ đồ bình thường, hắn rời tàu trước khi tàu xuất phát.

Một lần nữa, hắn sử dụng cùng lối đi, tức qua cánh cửa gần toa ăn uống.”

Mọi người đều há hốc miệng.

“Còn chiếc đồng hồ thì sao?” Hardman thắc mắc.

“Ở đây quý vị sẽ có lời giải thích cho toàn bộ sự việc. Ông Ratchett đã quên không quay lui đồng hồ lại một tiếng, điều mà ông lẽ ra đã phải làm ở Tzaribrod. Đồng hồ của ông ta vẫn giữ giờ

Trung Âu. Ông ta bị đâm vào lúc mười hai giờ mười lăm chứ

không phải một giờ mười lăm.”

“Nhưng cách giải thích này là phi lý,” Bouc thốt lên. “Giọng nói từ trong khoang vào lúc một giờ kém hai mươi ba phút thì giải thích sao đây? Phải là giọng của ông Ratchett... nếu không thì là giọng của kẻ đã giết ông ta.”

“Không nhất thiết. Đó cũng có thể là... xem nào... một nhân vật thứ ba. Người này vào khoang để nói chuyện với Ratchett và phát hiện ông ta chết. Hắn bèn bấm chuông gọi phụ trách toa đến, nhưng rồi, như ta vẫn nói, hắn ta chợt có linh cảm. Hắn sợ

bị cáo buộc giết người nên giả là ông Ratchett nói vọng ra.”

“C'est possible,” Bouc miễn cưỡng thừa nhận.

Poirot nhìn bà Hubbard.

“Vâng thưa bà, bà muốn nói gì?”

“À, tôi cũng không rõ lắm tôi định nói gì. Ông có nghĩ cả tôi cũng quên quay lui lại đồng hồ không?”

“Không, thưa bà. Tôi nghĩ bà đã nghe gã kia chui qua... nhưng nghe một cách vô thức. Lát sau bà mơ thấy ác mộng, trong đó bà thấy có một người đàn ông trong khoang bà. Bà giật mình tỉnh dậy và bấm chuông gọi phụ trách toa.”

“Ừ nhỉ, tôi nghĩ cũng có thể lắm,” bà Hubbard thừa nhận.

Công chúa Dragomiroff đang nhìn Poirot chăm chú.

“Ông giải thích sao về lời chứng của người hầu tôi, thưa ông?”

“Rất đơn giản, thưa bà. Người hầu của bà nhận ra chiếc khăn tay tôi đưa bà ấy xem là của bà, bà ấy bèn tìm cách che chắn cho

bà một cách vụng về. Bà ấy quả có va phải gã kia, nhưng sớm hơn, vào lúc tàu ở ga Vincovci. Bà ấy bịa ra rằng đã thấy hân muộn hơn với ý quẩn là tạo cho bà một bằng chứng ngoại phạm vững chắc.”

Bà Công chúa cúi đầu.

“Ông đã nghĩ ra được mọi thứ, thưa ông. Tôi... tôi rất phục ông.”

Một khoảng im lặng.

Rồi tất cả giật bắn người khi bác sĩ Constantine bất chợt giộng lên bàn.

“Không,” ông hét lên. “Không, không, nghìn lần không! Giải thích đó không vững chút nào. Nó sơ suất ở hàng chục tình tiết nhỏ. Án mạng không diễn ra như thế. Ông Poirot hẳn phải biết rõ điều đó.”

Poirot nhìn ông bác sĩ bằng ánh mắt kỳ lạ.

“Tôi sẽ còn phải trình bày lời giải thứ hai của mình,” ông nói.

“Nhưng xin đừng từ bỏ lời giải này quá đột ngột như thế. Ông có thể sẽ phải đồng ý với nó sau này.”

Ông quay sang những người còn lại.

“Còn một lời giải thích thứ hai cho án mạng này. Sau đây là cách mà tôi đi đến nó.

“Khi tôi nghe xong các lời chứng, tôi ngả người ra, nhắm mắt lại và bắt đầu *suy nghĩ*. Tôi thấy có một số tình tiết đáng chú ý.

Tôi liệt kê chúng ra cho hai đồng sự của tôi. Một số tình tiết tôi đã sáng tỏ, chẳng hạn như vết mờ trên tập hộ chiếu v.v... Tôi sẽ

chỉ bàn về những tình tiết còn lại. Điều đầu tiên và quan trọng nhất là lời nhận xét mà ông Bouc đã nói với tôi vào bữa trưa tại toa ăn uống trong ngày đầu tiên tàu rời Stamboul. Ông ấy nói về

một sự tập hợp thú vị trên tàu do tính đa dạng của nó, với sự đại diện của tất cả mọi tầng lớp và quốc tịch.

“Tôi đồng ý với ông ấy, nhưng khi tình tiết này đi qua đầu tôi, tôi đã cố hình dung xem liệu sự tập hợp này có thể nào được chọn lọc theo những hoàn cảnh khác. Và câu trả lời của tôi là: chỉ có thể ở Mỹ. Chỉ ở Mỹ mới có một mái nhà nào đó cấu thành từ những người thuộc đa dạng các quốc tịch: một người lái xe Ý, một bảo mẫu Anh, một y tá Thụy Điển, một vú em Pháp, vân vân. Điều đó dẫn tôi đến một kế hoạch ‘suy đoán’. Đó là đưa mỗi người vào một vai nào đó trong tấn thảm kịch Armstrong giống như người đạo diễn dựng lên vở kịch. Quả thực, điều đó đã cho tôi một kết quả cực kỳ thú vị và đáng hài lòng.

“Trong đầu, tôi còn xem xét lời chứng riêng rẽ của từng người và đi đến một số kết quả kỳ lạ. Trước hết, xin lấy lời chứng của ông MacQueen. Cuộc phỏng vấn ông ta lần đầu tiên cũng bình thường. Nhưng trong lần

phòng vấn thứ hai, ông ta đã đưa ra một nhận xét khá kỳ lạ. Tôi kể lại cho ông ta về mẫu giấy có đề

cập đến vụ án Armstrong. Ông ta nói: ‘Dĩ nhiên...’, và dừng lại một lúc rồi nói tiếp ‘ý tôi nói... đó là một sơ suất của lão ta.’

“Tôi lập tức cảm thấy đó không phải là điều mà ông ta định nói tiếp. *Giả sử điều mà ông ta định nói tiếp là: ‘Nhưng chắc chắn nó đã bị đốt rồi mà!’* Trong trường hợp đó, ông MacQueen phải *biết về tờ giấy đó và biết về việc thiêu hủy nó*. Nói cách khác, ông

ta phải là hung thủ hay người đồng lõa với hung thủ. Rất tốt.

“Rồi đến ông người hầu. Ông ta nói chủ của ông có thói quen dùng thuốc ngủ khi đi xe lửa. Điều đó có thể đúng, nhưng *liệu Ratchett có dùng nó đêm qua không?* Khẩu súng tự động dưới gối của ông ta cho thấy đây là một lời nói dối. Ratchett đã có ý đề

phòng vào đêm qua. Nếu ông ta có dùng loại thuốc ngủ nào thì đó hẳn phải là ngoài ý định. Ai đã chuốc thuốc ngủ? Rõ ràng chỉ

có thể là ông MacQueen hay ông người hầu.

“Bây giờ ta hãy chuyển sang lời chứng của ông Hardman. Tôi tin tất cả những gì ông ta nói về nhân thân của ông ta, nhưng khi nói đến những phương pháp mà ông ta sử dụng để canh chừng cho ông Ratchett thì câu chuyện trở thành một sự phi lý không hơn không kém. Cách hiệu quả duy nhất để bảo vệ ông Ratchett là qua đêm ngay trong khoang của ông ta, hay ở một vị

trí nào đó có thể quan sát được cửa khoang ông ta. Điều duy nhất mà lời chứng của ông Hardman cho thấy rõ là *không một ai từ*

các toa khác trên tàu có khả năng giết ông Ratchett. Tôi khoanh một vòng tròn quanh toa Stamboul-Calais. Đó là một điều mà tôi cảm thấy khá kỳ lạ, không thể nào giải thích được. Tôi để nó sang một bên để nghĩ chuyện khác.

“Có lẽ giờ đây tất cả quý vị đều đã nghe kể về vài lời trao đổi giữa cô Debenham và Đại tá Arbuthnot mà tôi nghe lỏm được.

Trong suy nghĩ của tôi, điều thú vị là ở chỗ Đại tá Arbuthnot gọi cô ấy là *Mary* và rõ ràng đang trong giai đoạn rất thân mật với cô ấy. Nhưng ông Đại tá làm như chỉ mới gặp cô ấy vài ngày trước. Tôi biết những người Anh kiểu như ông Đại tá. Cho dù ông

ta có bị tiếng sét ái tình với cô gái ngay từ cái nhìn đầu tiên chẳng nữa, ông ta cũng sẽ tiến tới từ từ, chừng mực chứ không ào ạt như thế. Cho nên tôi kết luận rằng Đại tá Arbuthnot và cô Debenham thật ra đã quen thân với nhau từ lâu, và vì một lý do nào đó phải giả tảng như những người xa lạ. Một chi tiết nhỏ

nữa là cô Debenham tỏ ra dễ dàng quen thuộc với thuật ngữ

‘đường dài’ khi nói về các cú điện thoại. Thế mà cô ấy lại nói với tôi rằng cô ấy chưa bao giờ ở Mỹ.

“Tôi xin chuyển sang một nhân chứng khác. Bà Hubbard nói với chúng tôi rằng do nằm trên giường nên bà ta không thể thấy cánh cửa thông khoang đã chốt hay chưa cho nên phải nhờ bà Ohlsson xem giúp. Lời khai này của bà có thể là tuyệt đối đúng nếu như bà ngụ ở các khoang số 2, 4, 12 hay bất kỳ khoang số

chẵn nào, nơi mà thanh chốt nằm ngay dưới tay nắm. Ở các khoang số *lẻ* như khoang số 3, thanh chốt nằm ở *trên* tay nắm khá xa, do đó không thể bị che khuất bởi chiếc túi được. Tôi buộc phải kết luận rằng bà Hubbard đã bịa ra một sự việc không hề

diễn ra.

“Và bây giờ tôi xin có đôi lời về *thời gian*. Trong đầu tôi, điều thực sự lý thú về chiếc đồng hồ móp méo là nơi mà nó được tìm ra, tức trong túi áo pyjama của ông Ratchett. Đó là một nơi giữ

đồng hồ rất bất tiện và khó tin, đặc biệt là khi ngay trên đầu giường đã có sẵn một chiếc móc để treo đồng hồ. Do đó, tôi cảm thấy chắc chắn rằng chiếc đồng hồ đã được cố tình bỏ vào túi và chỉnh giờ lại. Như vậy, án mạng đã không diễn ra vào lúc một giờ mười lăm.

“Thế thì nó diễn ra sớm hơn ư? Nói chính xác hơn là vào lúc một giờ kém hai mươi ba phút? Ông bạn Bouc của tôi đã đưa ra một lập luận ủng hộ giả thiết này, đó là tiếng thét đã đánh thức tôi dậy. Nhưng ông Ratchett đã ngấm thuốc rất sâu, *ông ấy không thể hét được*. Nếu như ông ấy mà hét được thì hẳn ông ấy cũng đã chống chọi cách chi đó để tự bảo vệ mình, thế nhưng không hề có dấu hiệu kháng cự nào như thế cả.

“Tôi nhớ lại ông MacQueen đã cố lôi kéo sự chú ý, không chỉ

một lần mà những hai lần (và lần thứ hai rất trắng trợn), đến việc ông Ratchett không nói được tiếng Pháp. Tôi đi đến kết luận rằng toàn bộ vụ việc lúc một giờ kém hai mươi ba phút là một vở

kịch để đánh lừa tôi! Bất cứ ai cũng dễ dàng đoán ra việc chỉnh đồng hồ, đó là một mẹo khá phổ biến trong những tiểu thuyết trinh thám. Họ nghĩ rằng tôi *có thể* nhìn ra điều đó và, tự ru ngủ

bởi sự khôn ngoan của mình, tôi sẽ nghĩ rằng do ông Ratchett không nói được tiếng Pháp, giọng nói mà tôi nghe thấy lúc một giờ kém hai mươi ba phút không phải là giọng của ông ta, và lúc đó ông ta đã chết rồi. Nhưng tôi thì tôi tin rằng, vào lúc một giờ

kém hai mươi ba phút, ông Ratchett vẫn còn sống và đang chìm sâu trong giấc ngủ của mình.

“Nhưng mẹo này đã thành công! Tôi đã mở cửa nhìn ra ngoài.

Tôi quả thực đã nghe thấy câu tiếng Pháp. Nếu tôi dần dần một cách khó tin đến mức không hiểu ra ý nghĩa của câu này, thì sẽ

có người hướng sự chú ý của tôi vào đó. Nếu cần thiết, ông MacQueen có thể công khai đến thẳng chỗ tôi. Ông ấy sẽ nói: ‘Xin lỗi ông Poirot, *đó không thể là do ông Ratchett nói*. Ông ấy không

nói được tiếng Pháp.’

“Thế thì án mạng đã thực sự diễn ra vào lúc nào? Và ai là người giết ông ta?

“Theo ý kiến của tôi, và đó chỉ là ý kiến thôi đấy, Ratchett bị

giết vào một thời điểm nào đó rất gần lúc hai giờ, trễ tối đa trong mức dự đoán của ông bác sĩ.

“Còn về việc ai giết ông ta...”

Ông dừng lại, nhìn quanh các cử tọa. Không thể than phiền là thiếu vắng sự chú ý. Mọi con mắt đều dán chặt vào ông. Trong sự im ắng, người ta nghe thấy cả những tiếng động nhỏ nhất.

Ông chậm rãi nói tiếp:

“Tôi đặc biệt chú ý đến sự khó khăn cùng cực trong việc tìm ra bằng chứng chống lại một người nào đó trên tàu này. Tôi cũng rất chú ý đến sự trùng hợp khá kỳ lạ, khi mà, trong mỗi trường hợp, bằng chứng vắng mặt lại được cung cấp bởi một nhân vật mà tôi xin tạm gọi là ‘khó ngờ nhất’.

MacQueen và Đại tá Arbuthnot cung cấp bằng chứng vắng mặt cho nhau. Giữa hai người này khó ai tin được rằng họ đã từng có mối quen biết từ

trước. Điều tương tự cũng xảy ra giữa ông người hầu Anh và ông người Ý, giữa bà người Thụy Điển và cô gái người Anh. Tôi tự

nhủ: ‘Thật là kỳ lạ, lẽ nào *tất cả* mọi người đều tham gia vào đây!’

“Và rồi, thưa quý vị, tôi đã thấy ánh sáng. *Tất cả* đều tham gia.

Do có quá nhiều người liên quan trong vụ Armstrong đi trên cùng một chuyến tàu lửa, sự trùng hợp không chỉ là ít khả năng, mà đơn giản là *không thể* có được. Tôi nhớ lại nhận xét của Đại

tá Arbuthnot về phán xét của bồi thẩm đoàn. Bồi thẩm đoàn bao gồm mười hai người, thì ta có mười hai hành khách và Ratchett bị đâm mười hai nhát. Và điều mà tôi băn khoăn suốt - việc chuyển Stamboul-Calais chột đông khách một cách bất thường vào mùa ế ẩm này - bỗng nhiên được giải thích.

“Ratchett đã thoát khỏi công lý ở Mỹ. Tội ác của ông ta là không phải bàn cãi. Tôi mừng tượng một bồi thẩm đoàn tự chỉ

định gồm mười hai người để kết án tử cho ông ta, và, do thực tế

của vụ án này, đã buộc phải trở thành chính những người hành quyết. Và lập tức, với giả định trên, toàn bộ vụ việc đi vào một trật tự đẹp đẽ và sáng sủa.

“Tôi thấy nó giống như một tấm khảm hoàn hảo, mỗi người sắm vai mà họ được phân công. Mọi thứ ngăn nắp đến mức nếu nghi vấn được chĩa vào ai đó thì lời chứng của một hay nhiều người khác sẽ minh giám cho người bị buộc tội và làm rối tung vấn đề. Lời chứng của ông Hardman là cần thiết trong trường hợp có người ngoài bị tình nghi gây án và không thể cung cấp bằng chứng vắng mặt. Hành khách trên toa Stamboul thì không gặp nguy

cơ nào. Từng chi tiết nhỏ của các lời chứng đều được tính toán từ trước. Toàn bộ vụ việc là một trò chơi ghép hình được lên kế hoạch một cách rất thông minh và ngăn nắp, đến mức bất kỳ mẫu kiến thức mới mẻ nào được tìm ra cũng chỉ làm cho lời giải tổng thể càng thêm khó khăn.

“Như ông bạn Bouc của tôi đã nhận xét, vụ này có vẻ vô lý đến mức kỳ quái! Đó chính xác là ấn tượng mà người ta muốn đem lại.

“Lời giải này có giải thích được tất cả không? Có, nó giải thích được. Trạng thái của các vết thương ư? Mỗi vết thương được đâm bởi một người. Những lá thư đe dọa giả mạo ư? Chúng giả mạo vì chúng không phải là thật, được viết ra chỉ để tạo ra một bằng chứng. (Chắc chắn là cũng có những lá thư thật, cảnh cáo Ratchett về số phận của ông ta. MacQueen đã hủy những lá thư

này và thay chúng bằng những lá thư khác). Câu chuyện của ông Hardman về việc được Ratchett thuê mướn ư? Dĩ nhiên từ đầu đến cuối, nó là lời nói dối. Mô tả về người đàn ông bí ẩn ‘nhỏ thó, da sậm, giọng mai mái’ là một mô tả thuận tiện, bởi lẽ nó không buộc tội bất cứ ai trong số các phụ trách toa và nó áp dụng được cho cả cho nam lẫn nữ.

“Ý tưởng đâm bằng dao thoát nghĩ thì thấy rất kỳ lạ, nhưng nếu suy nghĩ kỹ thì sẽ thấy không có cách nào khác phù hợp với hoàn cảnh tuyệt vời hơn thế. Dao găm là một vũ khí mà ai cũng dùng được, dù khỏe hay yếu, và nó cũng không gây tiếng động.

Mặc dù có thể là sai, nhưng tôi tưởng tượng ra rằng mỗi người thay phiên nhau đi vào trong khoang tối mù của Ratchett qua cánh cửa thông qua khoang bà Hubbard... và đâm! Bản thân họ

cũng không biết nhát dao nào đã giết chết ông ta.

“Lá thư cuối cùng mà có lẽ Ratchett đã tìm thấy trên gối của ông ta đã được cẩn thận tiêu hủy. Không có manh mối nào dẫn đến vụ án Armstrong thì

tuyệt đối không có lý do nào để nghi ngờ bất cứ hành khách nào trên tàu. Án mạng rồi sẽ được khép lại như một tác phẩm từ bên ngoài, và người đàn ông ‘nhỏ thó, da sẫm, giọng mai mái’ kia sẽ trở thành kẻ được thấy bởi một

hay vài hành khách rời tàu ở ga Brod.

“Tôi không biết chính xác điều gì xảy ra khi những người đồng mưu phát hiện ra rằng phần này của kế hoạch trở nên không thể thực hiện do sự cố tàu dừng. Tôi hình dung đã có một cuộc hội ý nhanh, và họ đã quyết định tiến tới. Quả thật là lúc này sẽ

có một hay nhiều hành khách bị nghi ngờ, nhưng khả năng đó cũng đã được trù liệu từ trước. Chỉ thêm một việc bổ sung nữa phải thực hiện, đó là làm cho vấn đề trở nên rối rắm hơn nữa.

“Hai món được gọi là ‘manh mối’ đã được bỏ lại khoang của người chết. Một món buộc tội Đại tá Arbuthnot, người có bằng chứng vắng mặt mạnh nhất và có mối quan hệ khó chứng minh nhất với gia đình Armstrong. Món kia, tức chiếc khăn tay, thì buộc tội Công chúa Dragomiroff, người mà do phẩm giá và địa vị

xã hội của mình cũng như do tình trạng thể lực đặc biệt suy yếu, cộng thêm với bằng chứng ngoại phạm do người hầu và phụ

trách toa cung cấp, đang ở một vị thế không thể nào với tới được.

Để tiếp tục làm rối loạn vấn đề, một ‘con mồi đỏ’ được tung thêm vào: người phụ nữ bí ẩn mặc chiếc kimono màu đỏ. Một lần nữa, tôi trở thành người làm chứng cho sự tồn tại của người phụ nữ

này. Có một tiếng va đập mạnh vào cửa của tôi. Tôi nhóm dậy, ngó ra ngoài và nhìn thấy một chiếc kimono màu đỏ tươi đang biến mất ở phía xa. Một tập hợp những người làm chứng, gồm ông phụ trách toa, cô Debenham và ông MacQueen, cũng trông thấy người này. Tôi nghĩ ai đó có óc khôi hài đã

đặt chiếc kimono đỏ này lên nóc chiếc va-li của tôi trong lúc tôi đang bận
phỏng vấn trong toa ăn uống. Bộ đồ này thoát tiên đến từ đâu,

tôi không biết. Tôi ngờ rằng nó là tài sản của Bá tước Phu nhân Andrenyi,
vì hành lý của bà ấy chỉ chứa một chiếc áo bằng tơ

xuềnh xoàng được may giống như một chiếc váy dài hơn là áo khoác ngủ.

“Khi ông MacQueen trở thành người đầu tiên biết được rằng lá thư được
thieu hủy hết sức cẩn thận kia vẫn còn một phần chưa thủ tiêu hết, và
Armstrong chính xác là từ còn sót lại, ông ta hẳn đã lập tức truyền tin cho
mọi người. Chính từ lúc đó, vị thế của Bá tước Phu nhân trở nên chông
chênh và chồng của bà ấy phải lập tức sửa chữa tấm hộ chiếu. Đó chính là
điều rủi thứ hai của họ!

“Họ đồng tâm nhất trí với nhau sẽ chối đến cùng mọi mối liên hệ với gia
đình Armstrong. Họ biết tôi không có những phương tiện trực tiếp để tìm ra
sự thật, và họ không tin rằng sẽ nắm được vấn đề trừ phi nghi vấn của tôi
tập trung vào một cá nhân nào đó.

“Giờ thì chúng ta hãy xem xét thêm một tình tiết nữa. Mặc định rằng lý
thuyết về tội ác của tôi là đúng, và bản thân tôi cũng tin rằng nó *nhất định*
là đúng, thì rõ ràng là cả ông phụ

trách toa cũng tham gia vào âm mưu này. Nhưng nếu vậy thì ta có đến
mười ba người chứ không phải mười hai. Thay vì công thức thông thường
‘trong rất nhiều người chỉ có một người có tội’, tôi đã phải đối mặt với vấn
đề có đến mười ba người và chỉ

một người duy nhất vô tội. Người đó là ai?

“Tôi đi đến một kết luận rất lạ lùng. Tôi kết luận rằng người không tham
gia vào án mạng phải là người được xem là có

nhieu động cơ gây án nhất. Tôi nghĩ đến Bá tước Phu nhân Andrenyi. Tôi rất ấn tượng bởi sự thống thiết của chồng bà ấy khi ông ta lấy danh dự cá nhân long trọng thề với tôi rằng vợ của ông không hề rời khỏi khoang đêm qua. Tôi quyết định rằng Bá tước Andrenyi đã thế chỗ vợ của ông.

“Nếu vậy thì ông Pierre Michel chắc chắn là một trong số

mười hai người. Nhưng làm sao giải thích sự đồng lõa của ông ta? Ông ta là một người đàn ông hoàng, đã làm việc lâu năm cho Công ty chứ không phải loại người có thể dứt lốt để tham gia vào tội ác. Dù vậy, Pierre Michel chắc chắn có can hệ trong vụ

Armstrong. Điều này có vẻ rất khó tin. Nhưng rồi tôi nhớ lại rằng cô vú em bị chết là người Pháp. Giả sử rằng cô gái tội nghiệp đó là con của ông Pierre Michel. Điều này giải thích được tất cả. Nó cũng giải thích địa điểm được chọn để dàn dựng vụ án mạng.

Còn ai khác mà sự tham gia vào màn kịch này là chưa rõ ràng?

Đại tá Arbuthnot tôi đoán là bạn của ông Armstrong. Có lẽ họ đã cùng nhau kinh qua cuộc chiến. Bà Hildegard Schmidt thì tôi có thể đoán ra vai trò của bà trong gia đình Armstrong. Có lẽ tôi là người háu ăn nên tôi có cái bản năng để đánh hơi ra được một người đầu bếp giỏi. Tôi đặt trước bà ta một cái bẫy... và bà ta đã rơi vào đó. Tôi nói tôi biết bà ta là một đầu bếp giỏi. Bà ta trả lời:

‘Vâng, đúng vậy, tất cả các bà chủ của tôi đều nói thế.’ Nhưng nếu ai đó được thuê làm người hầu thì những người chủ rất hiếm khi nào có cơ hội để biết rằng người hầu của mình có phải là một đầu bếp tốt hay không.

“Rồi đến ông Hardman. Có vẻ như ông ta khó mà thuộc về gia

đình Armstrong. Tôi chỉ có thể hình dung ra rằng ông ta đã yêu cô gái người Pháp. Tôi đã nói chuyện với ông ta về sự kiêu diễm của phụ nữ nước

ngoài. Và, một lần nữa, tôi nhận được phản ứng mà tôi mong đợi. Mắt ông bất ngờ ngấn lệ và ông đã viện dẫn lý do bị hạt tuyết bay vào.

“Còn lại là bà Hubbard. Tôi có thể nói là bà Hubbard đã đóng một vai trò quan trọng nhất trong màn kịch này. Do lấy khoảng thông với khoảng ông Ratchett, bà công khai đối mặt với nghi vấn hơn bất cứ ai khác. Theo cách dàn xếp các sự việc thì bà không thể có một bằng chứng vắng mặt nào. Để tham gia vở

diễn, bà đã chọn vai một bà mẹ Mỹ đôn hậu, cực kỳ hồn nhiên và có phần hơi lỗ bịch, một vai diễn đòi hỏi tài năng của một diễn viên. Nhưng trong gia đình Armstrong có một diễn viên tài giỏi. Đó là mẹ của bà Armstrong, diễn viên Linda Arden.”

Ông dừng lại.

Và rồi, bằng một giọng mềm mỏng, lâng lâng và giàu cảm xúc, hoàn toàn khác xa giọng nói vẫn dùng trong suốt cuộc hành trình, bà Hubbard cất tiếng:

“Tôi luôn nghĩ mình diễn tốt trong các tiết mục hài.”

Bà nói tiếp vẫn bằng giọng lâng lâng:

“Sự sơ suất về chiếc túi thật là ngu ngốc. Nó cho thấy phải luôn luôn coi trọng việc diễn tập. Chúng tôi đã diễn tập không đúng. Hẳn là khi đó tôi đã ở trong một khoang số lẻ. Tôi không bao giờ ngờ rằng then cửa có thể nằm ở các vị trí khác nhau.”

Bà hơi đổi tư thế một chút rồi nhìn thẳng vào Poirot.

“Ông Poirot, ông biết tất cả những chuyện đó. Ông là một

người rất tuyệt vời. Nhưng ông không thể nào hình dung nổi là nó như thế nào đâu... cái ngày khủng khiếp đó ở New York. Tôi đau khổ muốn phát điên lên... Cả các gia nhân cũng thế... Và cả

Đại tá Arbuthnot cũng có mặt ở đó. Ông ấy là người bạn thân nhất của John Armstrong.”

“Anh ấy đã cứu mạng tôi trong chiến tranh,” Arbuthnot cho biết.

“Khi ấy chúng tôi đã quyết định rằng... có lẽ chúng tôi đã điên hết rồi, tôi cũng chẳng biết nữa... nhưng chúng tôi quyết định án tử hình mà Cassetti đã thoát khỏi cần phải được tiến hành.

Chúng tôi có mười hai người... đúng ra là mười một... vì, dĩ

nhiên, cha của Susanne đang ở tận bên Pháp. Thoạt đầu, chúng tôi định bốc thăm để chọn ra ai sẽ là người làm việc đó, nhưng cuối cùng chúng tôi quyết định làm như thế này. Anh lái xe Antonio là người đề xuất ý này. Mary sau đó đã nghĩ ra toàn bộ

các chi tiết với sự trợ giúp của Hector MacQueen. Anh ấy luôn mến mộ con gái Sonia của tôi, và chính anh ấy đã giải thích cho chúng tôi cách mà lão Cassetti đã dùng tiền để chạy tội.

“Chúng tôi mất rất nhiều thời gian để hoàn thiện kế hoạch.

Đầu tiên, chúng tôi phải lần ra Ratchett. Hardman cuối cùng đã làm được điều đó. Rồi chúng tôi tìm cách gài Masterman và Hector MacQueen vào làm việc cho lão, ít ra là một trong hai người. Cũng xong, chúng tôi đã làm được. Sau đó chúng tôi bàn bạc với cha của Susanne. Đại tá Arbuthnot rất tử tế khi tiếp đón mười hai người chúng tôi. Có vẻ như anh ấy cho rằng cần phải tiến hành một cách trật tự hơn. Anh ấy không thích lăm ý tưởng

dùng dao, nhưng rồi cũng đồng ý rằng cách đó giải quyết được hầu hết các khó khăn của chúng tôi. Cha của Susanne rất quyết tâm. Susanne là con gái duy nhất của ông ấy. Qua Hector, chúng tôi biết Ratchett sớm muộn gì cũng sẽ trở về từ phương Đông bằng chuyến tàu Tốc hành Phương Đông. Với việc ông Pierre Michel thực tế đang làm việc trên tàu này, cơ hội trở nên quá tốt không thể bỏ lỡ. Ngoài ra, đó cũng là cách tốt để không có người ngoài nào bị mắc tội oan.

“Chồng của con gái tôi cần được biết, dĩ nhiên rồi, và nó cũng đòi lên tàu cùng con gái tôi. Hector đã xoay xở để Ratchett chọn ngày đi đúng vào ngày trực của Pierre Michel. Chúng tôi đã chú ý đến việc chiếm tất cả các khoang trên toa Stamboul-Calais, nhưng không may là có một khoang chúng tôi không lấy được.

Nó được đặt trước từ rất lâu bởi ông giám đốc công ty. Dĩ nhiên, ông Harris chỉ là một huyền thoại. Nhưng sẽ là rất tồi tệ nếu như để một người lạ lọt vào khoang của Hector. Và rồi, vào phút cuối, ông xuất hiện...”

Bà dừng lại.

“Thế đấy,” bà nói. “Bây giờ ông đã biết cả rồi, ông Poirot ạ. Ông định như thế nào đây? Nếu vụ này cần lôi ra ánh sáng, liệu ông có thể chỉ kết tội một mình tôi được không? Tôi sẵn sàng đâm lão ấy mười hai lần hoàn toàn tự nguyện. Không phải chỉ vì lão ấy chịu trách nhiệm cái chết của con gái tôi, cháu ngoại tôi và đứa cháu trong bụng mà lẽ ra giờ đây vẫn còn sống và hạnh phúc. Còn hơn thế rất nhiều. Đã có những đứa bé trước Daisy và có thể còn những đứa bé khác trong tương lai. Xã hội đã kết án

hắn, chúng tôi chỉ là những người thực thi bản án. Nhưng đâu cần thiết phải liên lụy đến những người khác - những con người trung tín... anh Michel tội nghiệp... Mary và Đại tá Arbuthnot, họ

đang yêu nhau...”

Giọng nói của bà vang lên tuyệt hay trong không gian chật hẹp, một giọng sâu lắng, giàu xúc cảm đã từng làm rung động biết bao khán giả New York.

Poirot nhìn bạn mình.

“Ông Bouc, ông là giám đốc công ty, ông nói sao đây?”

Bouc hắng giọng.

“Theo thiên ý của tôi, thưa ông Poirot,” ông thốt lên, “lý thuyết ban đầu của ông là lý thuyết đúng. Chắc chắn là như vậy. Tôi đề

nghị lấy đó làm lời giải để trình ra với cảnh sát Nam Tư khi họ

đến. Ông đồng ý chứ, ông bác sĩ?”

“Dĩ nhiên là đồng ý,” bác sĩ Constantine tán thành. “Về phần những chứng cứ y học, tôi nghĩ là... hừm... tôi đã đưa ra vài nhận xét hoang đường.”

“Thế thì...” Poirot kết luận, “... sau khi đã trình trước quý vị lời giải của tôi, tôi xin phép được rút ra khỏi vụ việc này...”

HẾT

Table of Contents

1. [PHẦN 1 CÁC SỰ KIỆN](#)

1. [1 Hành khách quan trọng trên tàu tốc hành Taurus](#)

2. [2 Khách sạn Tokatlian](#)

3. [3 Poirot từ chối một vụ việc](#)

4. [4 Tiếng hét trong đêm](#)

5. [5 Tội ác](#)
6. [6 Một phụ nữ?](#)
7. [7 Thi thể](#)
8. [8 Vụ bắt cóc Armstrong](#)

2. [PHẦN 2 LỜI CHỨNG](#)

1. [1 Lời chứng của ông phụ trách toa](#)
2. [2 Lời chứng của chàng thư ký](#)
3. [3 Lời chứng của ông người hầu](#)
4. [4 Lời chứng của bà người Mỹ](#)
5. [5 Lời chứng của bà Thụy Điển](#)
6. [6 Lời chứng của bà Công chúa Nga](#)
7. [7 Lời chứng của Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi](#)
8. [8 Lời chứng của Đại tá Arbuthnot](#)
9. [9 Lời chứng của ông Hardman](#)
10. [10 Lời chứng của anh chàng người Ý](#)
11. [11 Lời chứng của cô Debenham](#)
12. [12 Lời chứng của bà người hầu Đức](#)
13. [13 Tổng kết lời chứng của các hành khách](#)
14. [14 Hung khí](#)

15. [15 Cuộc khám xét](#)

3. [PHẦN 3 HERCULE POIROT NGỒI LẠI SUY NGHĨ](#)

1. [1 Ai trong số họ?](#)

2. [2 Mười câu hỏi](#)

3. [3 Vài tình tiết khả nghi](#)

4. [4 Vết mờ trên tấm hộ chiếu Hungary.](#)

5. [5 Tên thánh của Công chúa Dragomiroff](#)

6. [6 Cuộc phỏng vấn lần thứ hai với Đại tá Arbuthnot](#)

7. [7 Danh tính thực của Mary Debenham](#)

8. [8 Những phát hiện bất ngờ kế tiếp](#)

9. [9 Poirot đưa ra hai giải đáp](#)

Document Outline

- [PHẦN 1 CÁC SỰ KIỆN](#)
 - [1 Hành khách quan trọng trên tàu tốc hành Taurus](#)
 - [2 Khách sạn Tokatlian](#)
 - [3 Poirot từ chối một vụ việc](#)
 - [4 Tiếng thét trong đêm](#)
 - [5 Tội ác](#)
 - [6 Một phụ nữ?](#)
 - [7 Thi thể](#)
 - [8 Vụ bắt cóc Armstrong](#)
- [PHẦN 2 LỜI CHỨNG](#)
 - [1 Lời chứng của ông phụ trách toa](#)
 - [2 Lời chứng của chàng thư ký](#)
 - [3 Lời chứng của ông người hầu](#)
 - [4 Lời chứng của bà người Mỹ](#)
 - [5 Lời chứng của bà Thụy Điển](#)
 - [6 Lời chứng của bà Công chúa Nga](#)
 - [7 Lời chứng của Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi](#)
 - [8 Lời chứng của Đại tá Arbuthnot](#)
 - [9 Lời chứng của ông Hardman](#)
 - [10 Lời chứng của anh chàng người Ý](#)
 - [11 Lời chứng của cô Debenham](#)
 - [12 Lời chứng của bà người hầu Đức](#)
 - [13 Tổng kết lời chứng của các hành khách](#)
 - [14 Hung khí](#)
 - [15 Cuộc khám xét](#)
- [PHẦN 3 HERCULE POIROT NGỒI LẠI SUY NGHĨ](#)
 - [1 Ai trong số họ?](#)
 - [2 Mười câu hỏi](#)

- [3 Vài tình tiết khả nghi](#)
- [4 Vết mờ trên tấm hộ chiếu Hungary.](#)
- [5 Tên thánh của Công chúa Dragomiroff](#)
- [6 Cuộc phỏng vấn lần thứ hai với Đại tá Arbuthnot](#)
- [7 Danh tính thực của Mary Debenham](#)
- [8 Những phát hiện bất ngờ kế tiếp](#)
- [9 Poirot đưa ra hai giải đáp](#)

Table of Contents

PHẦN 1 CÁC SỰ KIỆN

- 1 Hành khách quan trọng trên tàu tốc hành Taurus
- 2 Khách sạn Tokatlían
- 3 Poirot từ chối một vụ việc
- 4 Tiếng thét trong đêm
- 5 Tội ác
- 6 Một phụ nữ?
- 7 Thi thể
- 8 Vụ bắt cóc Armstrong

PHẦN 2 LỜI CHỨNG

- 1 Lời chứng của ông.phụ trách toa
- 2 Lời chứng của chàng thư ký
- 3 Lời chứng của ông người hầu
- 4 Lời chứng của bà người Mỹ
- 5 Lời chứng của bà Thụy Điển
- 6 Lời chứng của bà Công chúa Nga
- 7 Lời chứng của Bá tước và Bá tước Phu nhân Andrenyi
- 8 Lời chứng của Đại tá Arbuthnot
- 9 Lời chứng của ông Hardman
- 10 Lời chứng của anh chàng người Ý
- 11 Lời chứng của cô Debenham
- 12 Lời chứng của bà người hầu Đức
- 13 Tổng kết lời chứng của các hành khách
- 14 Hung khí
- 15 Cuộc khám xét

PHẦN 3 HERCULE POIROT NGỒI LẠI SUY NGHĨ

- 1 Ai trong số họ?
- 2 Mười câu hỏi

- 3 Vài tình tiết khả nghi
- 4 Vết mờ trên tấm hộ chiếu Hungary.
- 5 Tên thánh của Công chúa Dragomiroff
- 6 Cuộc phỏng vấn lần thứ hai với Đại tá Arbuthnot
- 7 Danh tính thực của Mary Debenham
- 8 Những phát hiện bất ngờ kế tiếp
- 9 Poirot đưa ra hai giải đáp